**Dạng đề : VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN SO SÁNH HAI ĐOẠN TRUYỆN**

|  |
| --- |
| **Các bình diện so sánh hai truyện:****A1.So sánh hai Nhân vật****A2.So sánh Nghệ thuật kể chuyện : tình huống truyện, điểm nhìn, ngôi kể, giọng điệu,….****A3.So sánh hai Chi tiết****A4. So sánh nội dung và nghệ thuật của hai đoạn truyện** |

**I. MỞ BÀI :**

VD1: “***Cái quan trọng trong tài năng văn học và tôi nghĩ rằng cũng có thể trong bất kì tài năng nào, là cái mà tôi muốn gọi là tiếng nói của riêng mình***” (I van-Tuốc- ghê- nhép). Có phải thế chăng mà giữa đại lộ văn chương rộng lớn, bên cạnh muôn vàn những nút giao, những điểm gặp gỡ, mỗi nhà văn vẫn luôn tìm cho mình một con đường riêng để kể câu chuyện về đời sống và con người? Đến với truyện A và B, chúng ta sẽ vỡ lẽ về cả những điểm gặp gỡ diệu kì và cả nét riêng của hai nhà văn C và D qua hai đoạn trích “ ....” và “....”

VD2: ***“Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự tự giãi bày và gửi gắm tâm tư”*** (Lê Ngọc Trà) nhưng mỗi tác phẩm văn học cũng phải là một phát minh mới về hình thức và một khám phá về nội dung. Điều ấy đòi hỏi nhà văn phải nói được tiếng nói, nỗi lòng chung của nhân loại nhưng lại phải thể hiện được dấu ấn riêng, độc đáo không thể trộn lẫn của mình. Đến với hai truyện A và B, chúng ta sẽ vỡ lẽ về cả những điểm gặp gỡ diệu kì và cả nét riêng của hai nhà văn C và D qua hai đoạn trích “ ....” và “....”

**\* THÂN BÀI**

**1. Khái quát chung về tác giả, tác phẩm** (thông tin ở trong đề thi)

**2. Phân tích**

**a. Phân tích điểm tương đồng:**

**Giống nhau về nội dung:**

**+ Về đề tài**

Cả 2 tác phẩm đều tập trung khám phá đề tài… (thiên nhiên/số phận người nông dân/người phụ nữ/chiến tranh cách mạng/người chiến sỹ/công cuộc xây dựng XHCN/những xung đột trong xã hội/tình yêu/gia đình…). A khai thác câu chuyện xoay quanh…thì cũng tương tự như vậy, B tập trung khám phá…Đây là một đề tài quen thuộc, gần gũi/mới mẻ, hiếm gặp trong văn học Việt Nam. Điều này cho thấy cả C và D đều có mối quan tâm chung về… Đó là cái nhìn và tấm lòng của những nhà văn lớn.

 **+ Về đặc điểm nhân vật: ngoại hình, số phận, tính cách, phẩm chất**

 Cả hai đoạn văn đều tập trung khắc họa hình tượng nhân vật : người mẹ/ người lính/ ng thầy/ ng phụ nữ/ số phận ng nông dân/ ng trí thức/ ....

 Phân tích lần lượt điểm giống của hai nhân vật: ngoại hình, số phận, phẩm chất, tính cách.

 **+ Chủ đề / ý nghĩa của truyện .**

***“Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng thét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra những câu hỏi hoặc trả lời những câu hỏi đó*”** **(Bi-ê-lin-xki).** Điều ấy nói rằng đằng sau việc phản ánh hiện thực luôn là cảm xúc, tư tưởng của người nghệ sỹ gửi gắm. Thông qua việc phản ánh…, cả 2 tác giả đều bộc lộ thái độ…. (xót thương, đồng cảm/phát hiện, trân trọng, ngợi ca/phê phán, lên án/niềm tin vào khả năng, giá trị con người….)

**Giống nhau về nghệ thuật:**

**+ Điểm nhìn:**

**+Ngôi kể:**

**+Về nghệ thuật miêu tả nhân vật: ngôn ngữ, giọng điệu**

- Cả hai đoạn trích đều ***sử dụng ngôi kể thứ ba*** giúp câu chuyện hiện lên khách quan ***và sử dụng điểm nhìn của người kể chuyện ngôi thứ ba toàn tri*** giúp các sự kiện hiện lên qua cái nhìn của nhân vật một cách chân thật, đầy cảm xúc. Điểm nhìn này thể hiện rõ tính cách, nội tâm của nhân vật và duy trì sự khách quan tương đối của lời kể.

 - ***Cả hai nhân vật đều được xây dựng bằng nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc***. Ngòi bút của nhà văn đi sâu vào những ngõ ngách sâu kín của nội tâm nhân vật, miêu tả tinh tế những diễn biến tâm lí phức tạp và chân thật làm cho nhân vật hiện lên sống động.

**b. Phân tích điểm khác biệt**:

**Khác về nội dung**: Nhân vật , chủ đề

**Khác về nghệ thuật**: Ngôi kể, điểm nhìn, nghệ thuật xây dựng nhân vật

**NẾU NHƯ A miêu tả**...thì B miêu tả ....

 **c. Nêu ý nghĩa của sự tương đồng và khác biệt**

Điểm tương đồng giữa đoạn văn góp phần tạo nên diện mạo chung của văn học trong việc phản ánh bức tranh đời sống và số phận con người. Nét khác biệt góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú của văn chương trong việc khắc họa chân dung và tính cách con người, thể hiện nét độc đáo riêng của mỗi tác phẩm.

 **d. Bình luận, lí giải về nguyên nhân dẫn đến sự tương đồng, khác biệt, căn cứ vào**:

 - Sự khác biệt giữa 2 tác phẩm bắt nguồn từ nhiều yếu tố: Bối cảnh xã hội, thời đại tác phẩm ra đời, nét riêng trong phong cách sáng tác của nhà văn, sự khác biệt từ đề tài, đặc trưng thi pháp của thời kì văn học.

**III. KẾT BÀI**

Những điểm tương đồng khắc sâu thêm giá trị bản chất, cốt lõi của văn chương còn những điểm khác biệt lại in dấu tài năng, cá tính sáng tạo riêng biệt của người nghệ sỹ. Tất cả những điều đó đều tạo nên giá trị của tác phẩm. Mai sau, trên bờ cát thời gian sẽ còn lại những trang viết đẹp đẽ nhất. Người nghệ sỹ dẫu mất đi nhưng những tác phẩm anh để lại cho đời sẽ tiếp tục sứ mệnh nuôi dưỡng cái đẹp đến nhiều thế hệ.

**Đề số 01: Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn trích truyện dưới đây:**

**Đoạn trích thứ nhất:**

*Thằng Lụm “còi” nhún vai, co mình lại tuồng như ngọn gió vừa bay qua lạnh lắm vậy.*

*- Hồi đó, hồi tao còn nhỏ ơi là nhỏ, má tao bỏ tao lại đây nè.*

*- Là sao? - tôi chưng hửng.*

*- Tao cũng đâu có biết. Chắc má tao gặp chuyện gì đó buồn lắm, nuôi không nổi tao nên bỏ tao lại đấy. Bởi vậy tao tên Lụm đó.*

*- Sạo hoài.*

*Thằng Lụm lắc đầu ra chiều chán nản:*

*- Thiệt đó, biết sao tao đen thui vậy hôn? - Nó chìa ra cái mặt như chàm cháy - tao bị bỏ ngoài nắng đó. Hồi đó ở ngã tư nầy vắng hoe hà, tao nằm khóc cả buổi mà đâu có ai hay. Tới chừng đói quá tao mới khóc, tao khóc rổn rổn luôn, tao mạnh miệng từ hồi nhỏ mà. Rồi cái có bà dì bán bánh mì chạy lại, bồng lên, đâu có sữa, bà dì mới móc ruột bánh mì cho tao trấp trấp đỡ, dè đâu tao ăn hết ổ bánh mì luôn. Bà dì thấy tao dễ nuôi, nuôi luôn, sau này, tao kêu bả bằng ngoại. Tao lớn mà hổng tốn một miếng sữa nào hết, hay chưa?*

(Trích ***Lụm còi*,** In trong tập *Xa Xóm Mũi*, [Nguyễn Ngọc Tư](https://www.khaitam.com/van-hoc/van-hoc-viet-nam?tacgia=Nguy%e1%bb%85n+Ng%e1%bb%8dc+T%c6%b0), [NXB Kim Đồng](https://www.khaitam.com/van-hoc/van-hoc-viet-nam?mf9=/47/), 2016)

**Đoạn trích thứ hai:**

*Không có ăn thì nhịn! Ninh nhịn từ bữa chiều hôm qua. Đật khóc, Ninh đi moi được một củ dong về nướng. Đật một nửa. Ninh một nửa. Ninh bảo Đật ăn cho đỡ đói thôi, còn cố nhịn, đợi thầy về, ăn nữa. Nhưng Đật không nhịn được. Đật chạy sang nhà bác Vụ. Bác ấy phải lấy trộm nắm cơm tối của thằng cu Chúc nhà bác ấy, đưa cho Đật, Đật mới ăn được một miếng thì Chúc biết. Chúc chạy vào nhà tìm nắm cơm của nó. Thấy mất, nó biết là nắm cơm của nó đương ở trong tay Đật. Nó chạy theo, giằng lại. Đật mất ăn, mếu xệch mồm đi, chạy về. Ninh đứng ở hè bên này, trông rõ cả. Ninh tức lắm. Chẳng biết tức Chúc hay tức Đật. Chỉ biết Ninh nghẹn ngào cả cổ. Vừa thấy Đật, Ninh nhảy xổ lại, tát đen đét vào má Đật. Đật òa lên khóc. Ninh òa khóc theo.*

*Một lát sau, Ninh nghĩ thương em quá, Ninh lại đi tìm dong, nhưng hết. Ninh moi luôn một củ ráy. Ráy nước, ăn ngứa lắm. Nhưng đói còn biết gì là ngứa? Ninh đem về nướng. Ninh gọi Đật về, lau nước mắt cho nó, rồi chị em ăn ráy nước. Đật ăn tợn lắm, chẳng thấy kêu ca gì cả. Ninh rơi nước mắt. Ninh dặn em: “Từ giờ đừng ăn cơm nhà thằng Chúc nữa”. Đật gật đầu. Thế mà hôm nay nó lại lần sang nhà bác Vụ. Có bực mình hay không?*

(Trích ***Từ ngày mẹ chết***, In trong *Tuyển tập Nam Cao*, NXB Văn học, 2002)​

**Chú thích:**

***Lụm còi*** của Nguyễn Ngọc Tư kể về cuộc gặp gỡ tình cờ của hai nhân vật *tôi* và Lụm. Nhân vật tôi bỏ nhà đi bụi vì bị ba đánh tội lấy tiền của mẹ đi chơi điện tử mà không xin phép. Đêm tối, tại ngã tư chỗ rẽ về nhà ngoại, nhân vật *tôi* đã gặp Lụm còi - cậu bé bị bỏ rơi, đen nhẻm, còi cọc, ngày bán bánh mì, đêm tới ngã tư mong chờ mẹ đến đón. Tại đây hai đứa trẻ đã trò chuyện cùng nhau. Cuộc sống tội nghiệp, khổ sở của Lụm khiến tôi nhận ra nhiều điều. Đoạn trích chính là những lời tâm sự của Lụm.

***Từ ngày mẹ chết***của Nam Cao là một trong những truyện ngắn cảm động về tình cảm mẹ con. Câu chuyện kể về cuộc sống của Ninh sau khi mẹ mất đi. Biết bao khốn khổ phủ đầy lên cuộc đời những đứa trẻ mồ côi. Đoạn trích khắc họa rõ nét nhất những tủi hờn, côi cút của hai chị em Ninh khi mẹ mới vừa mất, bố đã sinh bài bạc, nợ nần, bê tha.

**DÀN Ý THAM KHẢO**

**A. Mở bài:** Giới thiệu hai đoạn trích trong truyện ngắn *Lụm còi* của Nguyễn Ngọc Tư và *Từ ngày mẹ chết* của Nam Cao.

Rất dễ để nhìn thấy những đau thương mất mát đánh ngã gục những người trưởng thành. Thế còn những đứa trẻ thì sao? Ai có thể thấu hiểu những xót xa trong lòng chúng khi chúng phải chịu tổn thương? Những nhà văn có lẽ sẽ trả lời được những câu hỏi này. Với tấm lòng yêu thương mênh mông họ dễ dàng hòa chung cảm xúc với bọn trẻ. Nguyễn Ngọc Tư và Nam Cao qua đoạn trích *Lụm còi* và *Từ ngày mẹ chết* đã tỏa nhân văn lên những thân phận trẻ thơ thiệt thòi, tội nghiệp, đáng thương. Mỗi nhà văn với cách tiếp cận khác nhau, đã theo những cách khác nhau làm thổn thức tâm tư bạn đọc.

**B. Thân bài:**

**1. Luận điểm 1.** Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,...

**a. *Từ ngày mẹ chết***của Nam Cao là một trong những truyện ngắn cảm động về tình cảm mẹ con. Câu chuyện kể về cuộc sống của Ninh sau khi mẹ mất đi. Biết bao khốn khổ phủ đầy lên cuộc đời những đứa trẻ mồ côi. Đoạn trích khắc họa rõ nét nhất những tủi hờn, côi cút của hai chị em Ninh khi mẹ mới vừa mất, bố đã sinh bài bạc, nợ nần, bê tha.

**b. *Lụm còi*** của Nguyễn Ngọc Tư kể về cuộc gặp gỡ tình cờ của hai nhân vật “Tôi” và Lụm. Nhân vật tôi bỏ nhà đi bụi vì bị ba đánh tội lấy tiền của mẹ đi chơi điện tử mà không xin phép. Đêm tối, tại ngã tư chỗ rẽ về nhà ngoại, nhân vật tôi đã gặp Lụm còi - cậu bé bị bỏ rơi, đen nhẻm, còi cọc, ngày bán bánh mì, đêm tới ngã tư mong chờ mẹ đến đón. Tại đây hai đứa trẻ đã trò chuyện cùng nhau. Cuộc sống tội nghiệp, khổ sở của Lụm khiến tôi nhận ra nhiều điều. Đoạn trích chính là những lời tâm sự của Lụm.

**2. Luận điểm 2.** Những điểm tương đồng, khác biệt giữa hai đoạn trích truyện và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy

**a. Những điểm tương đồng** **giữa hai đoạn trích:**

**- Đề tài, nhân vật**: Cả hai đoạn trích đều hướng tới đề tài gia đình, mà nhân vật trung tâm trong đó là những đứa trẻ khốn khổ khi chúng phải chịu cảnh thiệt thòi vì không có mẹ ở bên.

- **Quan điểm thẩm mĩ và cách tiếp cận hiện thực**: Cả hai nhà văn đều hướng ngòi bút vào hiện thực chua chát nơi cuộc đời những đứa trẻ. Và rồi từ đó làm sáng lên những tấm lòng nhân đạo cao cả. Trong trái tim rộng mở của các nhà văn, tình mến thương dành cho những đứa trẻ bao giờ cũng sâu đậm. Họ viết về chúng bằng ngòi bút thấu hiểu, sẻ chia, họ nâng niu từng xúc cảm trong những tâm hồn ngây thơ, trong sáng, trong những trái tim mỏng mảnh, yếu ớt và rất dễ tổn thương,…

**b. Những điểm khác biệt** **và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy:**

**- Cách kể chuyện:**

***+ Lụm còi*:** Tác giả chọn ngôi kể là ngôi thứ nhất; điểm nhìn chủ yếu đặt vào nhận vật tôi để khắc họa hành trình nhận thức của tôi. Do đó qua lời kể của nhân vật tôi, Lụm hiện ra càng khốn khổ thì càng đánh thức ý nghĩa của gia đình đối với nhân vật tôi.

***+ Từ ngày mẹ chết***: Nam Cao vẫn giữ nguyên cách kể thường thấy: ông chọn ngôi kể thứ ba, cố tạo dáng vẻ của người ngoài cuộc khách quan, vô tư để lẩn tránh cảm xúc. Tuy vậy ông không giấu nổi những xót thương vô hạn. Đôi khi, điểm nhìn ông không để toàn tri mà thu gọn lại hạn tri qua điểm nhìn của Ninh, điều đó thể hiện rõ sự thấu hiểu, đồng cảm, sẻ chia, trân trọng.

**- Cách xây dựng nhân vật:**

***+ Lụm còi:***

++ **Hoàn cảnh, số phận**: Mẹ bỏ rơi, sống nghèo khổ, đói khát, rách rưới.

++ **Vẻ đẹp tâm hồn:**

+++ Dù cuộc sống đầy cực khổ nhưng không bao giờ phàn nàn, kêu ca, vẫn luôn hồn nhiên, vô tư không một lời oán trách.

+++ Luôn nghĩ về mẹ với những điều tốt đẹp.

+++ Không bao giờ mất niềm tin vào tình mẹ.

++ **Nghệ thuật xây dựng nhân vật**:

+++ Nhân vật hiện lên chủ yếu qua đối thoại. Người đọc có thể hình dung ra ngoại hình hoặc hiểu rõ nét cuộc đời số phận nhân vật Lụm đều là qua chính những lời Lụm kể cho nhân vật tôi nghe.

+++ Mặc dù đoạn trích là đoạn đối thoại rất ngắn gọn nhưng tính chất cô đặc lại rất cao, bởi vậy chúng ta đủ hiểu cả cuộc đời của Lụm: từ lúc sinh ra (bị bỏ rơi), tới quá trình nuôi lớn (bằng bánh mì), và cả hoàn cảnh cụ thể hiện tại (là con nuôi),…

***+ Từ ngày mẹ chết:***

**++ Hoàn cảnh, số phận**: Mẹ chết, bố bỏ mặc hai con cho hàng xóm, hàng xóm cũng nghèo nàn, túng quẫn không nuôi nổi, hai chị em lâm vào cảnh đói khát, khốn cùng, không còn chỗ bấu víu, Ninh phải đào dong hai chị em ăn, rồi ăn cả ráy nước. Khi dong không còn, ráy cũng hết, Đật chạy đi kiếm ăn bên nhà hàng xóm, nhưng bị con hàng xóm dành lại đồ ăn, lại còn bị đánh đau.

++ **Vẻ đẹp tâm hồn những đứa trẻ**:

+++ Ninh hiểu chuyện nên không đu bám nhà hàng xóm nghèo nàn.

+++ Ninh không phó mặc cho đói khát hành hạ mà tự mình tìm cách sinh tồn cho hai chị em

+++ Đặc biệt ở nhân vật Ninh, lòng tự trọng rất cao (đây là đặc điểm quen thuộc ở những nhân vật của Nam Cao): Cái bực ở Ninh chính là sự bất lực của lòng tự trọng mà có lẽ vì còn nhỏ mà Ninh không thể đọc được tâm lí của chính mình.

++ **Nghệ thuật xây dựng nhân vật:**

+++ Với điểm nhìn từ bên trong, tác giả đã đi sâu khắc họa tâm lí nhân vật Ninh.

+++ Lời tác giả và lời nhân vật đan xen, hòa trộn cho ta thấy sự thấu hiểu tận cùng của Nam Cao đối với nhân vật của mình.

+++ Nhân vật Ninh hiện lên có hành động, có lời nói, có cử chỉ nhưng người đọc hoàn toàn không để ý tới điều đó bởi tất cả đều tập trung làm sáng lên những suy nghĩ, những tâm tư, những uẩn ức của nhân vật Ninh.

**3. Luận điểm 3. Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.**

- Một ngòi bút nữ giản dị, trong trẻo, nhẹ êm và dịu dàng, Nguyễn Ngọc Tư hoàn toàn khác với một Nam Cao thâm trầm, sâu sắc, với vẻ ngoài lạnh lùng mà trong ấm áp, yêu thương.

- Tác phẩm của Nam Cao được viết trước 1945, khi cái đói ngấp nghé, khi cuộc sống của nhân dân vô cùng cơ khổ trong xã hội thực dân nửa phong kiến. Trong khi đó, tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư ra đời trong thời đại hôm nay, bà đi vào phản ánh đúng thực trạng bi đát của một bộ phận con người trong xã hội.

- Dù ra đời trong những bối cảnh, thời đại khác nhau, cách tiếp cận khác nhau, nhưng cả hai nhà văn đều đánh thức được sự đồng cảm trong lòng độc giả. Chúng ta xót thương những đứa trẻ, trân trọng tấm lòng những nhà văn, đồng thời biết nâng niu hơn nữa những hạnh phúc giản dị đời thường nơi những gia đình nhỏ, đặc biệt ta càng thêm xúc động trước tình mẹ, trước khao khát về tình mẹ của con người,…

**C. Kết bài:** Nêu ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm truyện khi đặt chúng trong tương quan so sánh.

Thời nào rồi cũng có những hoàn cảnh bi thương xảy đến với những đứa trẻ. Nhưng rồi ta nhận ra, bên trong những hình hài nhỏ bé, non nớt là những trái tim đầy yêu thương, là những nghị lực sống kiên cường, mãnh liệt. Nam Cao và Nguyễn Ngọc Tư mỗi người theo cách khác nhau đã thực sự khiến chúng ta gần thêm với những đứa trẻ.

**Đề 2: Đọc 2 đoạn trích:**

**Đoạn 1**

[…]

*Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà nhà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay răn reo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác:* *mười một đứa, mà đứa nhớn mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hãy còn bế trên tay.*

*Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, cái nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. Chừng ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gẫy nát. Mùa rét thì giải ổ rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với những người nghèo như bác, một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn? Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chừng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng lúa đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ dưới gió bấc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ, vì không ai mướn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hy mà con chị nó bế, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rơm, để mong lấy cái ấm của mình ấp ủ cho nó.*

(Trích *Nhà mẹ Lê, Tuyển tập Thạch Lam*,NXB Văn học, 2015, trang 28-29)

**Đoạn 2**

 (**Lược phần đầu**: Dì Diệu và chú Đức lấy nhau đã nhiều năm nhưng không có con vì năm cưới chú, việc cắt khối u buống trứng đã khiến dì không thể tự sinh con. Bởi niềm khao khát về đứa con chưa lúc nào nguôi nên dì bàn với chú Đức tìm người mang thai hộ. Chị Lành gánh nước thuê vì hoàn cảnh gia đình ngặt nghèo nên nhận lời giúp chú dì. Em bé trong bụng chị Lành ngày một lớn đem đến niềm vui vô bờ cho chú dì, và cũng dấy lên tình mẫu tử ở chị Lành.)

*Và khi tháng Ba đi qua, đứa bé bắt đầu báo hiệu sự sống. Chị Lành khoe:*

*- Nó đạp rồi, chị Diệu, nó đạp đây nè.*

*Dì Diệu hớn hở vén bụng chị Lành lên, dưới làn da căng mẫn, đứa bé con chòi đạp rối rít. Chị Lành cười giòn:*

*- Nó mạnh quá chị ha....*

*Dì Diệu cười, rồi làm như một cơn gió từ đâu xộc tới, tim dì riết lại một nỗi đau. Dì thèm biết bao nhiêu cái cảm giác che chở cho một sinh linh sống trong mình, để được thèm tới cùng, tới chảy nước dãi món ngọt, món chua, để có thể cảm nhận từ trái tim chứ không phải bằng bàn tay đôi bàn chân bé bỏng quẩy đạp bụng mình thon thót. Đó là những thứ cảm giác thiêng liêng không vay mượn, thuê mướn được: cảm giác làm mẹ. Dì bắt đầu lo lắng, mình đã làm một việc đúng không.*

*Chỉ còn một tháng hai mươi ngày nữa, đứa bé sẽ ra đời. Dì Diệu tính từng ngày, từng bữa. Chị Lành tính từng ngày từng bữa. Người trông cho mau, người trông đừng bao giờ đến. Dì Diệu cố quên cái vẻ mặt buồn bã, van nài của chị Lành. Chị biết, khi đứa bé khóc ngoe ngoe cất tiếng khóc chào đời, là chị với nó sẽ phải chia lìa. Hợp đồng đã ghi rõ ràng như vậy. Chị thấy thương mình, thương con và thương dì Diệu. Chị rối rít ăn, rối rít ngủ vì biết rằng mai nầy rồi chẳng còn nhau...*

(Nguyễn Ngọc Tư, *Làm mẹ*, *Tập truyện ngắn* Nguyễn Ngọc Tư, NXB Trẻ, 5/2024)

**Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn trích trên.**

**Chú thích:**

**\*** Thạch Lam (1910-1942), sinh ra tại Hà Nội, trong gia đình công chức gốc quan lại. Thuở nhỏ sống ở quê ngoại: phố huyện Cẩm Giàng (Hải Dương).

Là người đôn hậu và rất đỗi tinh tế. Ông có quan niệm văn chương lành mạnh, tiến bộ và có biệt tài về truyện ngắn. Mỗi truyện của Thạch Lam như bài thơ trữ tình, giọng điệu điềm đạm nhưng chứa đựng biết bao tình cảm yêu mến chân thành và sự nhạy cảm trước biến thái của cảnh vật và lòng người. Văn Thạch Lam trong sáng, giản dị mà thâm trầm, sâu sắc.

\* Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976 tại Đầm Dơi, Cà Mau. Là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Với niềm đam mê viết lách, chị miệt mài viết như một cách giải tỏa và thể nghiệm, chị biết rằng chị muốn viết về những điều gần gũi nhất xung quanh cuộc sống của mình. Giọng văn chị đậm chất Nam bộ, là giọng kể mềm mại mà sâu cay về những cuộc đời éo le, những số phận chìm nổi. Cái chất miền quê sông nước ngấm vào các tác phẩm, thấm đẫm cái tình của làng, của đất, của những con người chân chất hồn hậu nhưng ít nhiều gặp những bất hạnh.

**DÀN Ý**

1. **Mở bài:** giới thiệu tác giả, tác phẩm, nêu cơ sở của sự so sánh, đánh giá 2 đoạn truyện
2. **Thân bài**:
	1. **Khái quát hai tác giả, tác phẩm, đoạn trích**

**2.2. Chỉ ra điểm tương đồng giữa 2 đoạn trích**

- **Thể loại**: truyện ngắn thấm đượm chất trữ tình, chất thơ, giàu xúc cảm

- **Đối tượng thẩm mĩ:** là người phụ nữ với số phận, cảnh ngộ khác nhau, nhưng đều mang những vẻ đẹp tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam.

- **Chủ đề:** đều trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của người phụ nữ Việt, tình mẫu tử thiêng liêng.

**2.3. Phân tích những điểm khác biệt giữa 2 đoạn trích**

**a. Đặc điểm nhân vật:**

- Mỗi nhân vật một cảnh ngộ, số phận khác nhau:

+ mẹ Lê trong thiên truyện của Thạch Lam bị cái nghèo đói đeo đẳng đến khổ sở, thảm hại

+ hai người phụ nữ trong “Làm mẹ”:

 ++ Người đau khổ vì thân phận “đẻ thuê”, phải dứt ruột lìa xa đứa con chín tháng mười ngày mang nặng đẻ đau, dầu không chung dòng máu.

 ++ Kẻ tủi phận, đắng cay vì mang thân phụ nữ mà không có được may mắn tận hưởng thiên chức làm mẹ, chỉ biết âm thầm thèm ước, khát khao

* Mỗi nhân vật mang một vẻ đẹp riêng:

+ Nếu người mẹ của mười một đứa con khiến ta hết mực yêu thương ở sự tần tảo, chịu thương chịu khó, dãi nắng dầm sương, không quản nhọc nhằn, đói khát để mang cho con hạt gạo, miếng cơm;

+ thì người phụ nữ chưa một lần được gọi hai tiếng “mẹ ơi” của Nguyễn Ngọc Tư vẫn dư đầy sự nhân hậu, bao dung, vị tha và cao thượng; không chỉ khát con, yêu con, chị còn biết thấu cảm, sẻ chia với nỗi khổ đau của người khác; không vì lòng ích kỉ, vụ lợi mà cạn tình cạn nghĩa.

 **b. Nghệ thuật**

- **Ngôn ngữ:**

+ Thạch Lam ưa dùng thứ ngôn ngữ đậm chất nông dân thuần hậu, chất phác

+ Nguyễn Ngọc Tư lại khéo léo thổi vào ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật cái hơi thở tươi trẻ và hiện đại hơn

- **Xây dựng hình tượng trung tâm:**

+ mẹ Lê – một người mẹ thôn quê già nua và nghèo khó

+ nữ nhà văn Nam Bộ lại khắc họa cùng một lúc hai hình ảnh phụ nữ hiện đại trẻ trung, sống tốt đời đẹp đạo mà thân phận thật lắm éo le. => lối kể chuyện đối sánh, kết hợp với nghệ thuật miêu tả nội tâm sâu sắc, tinh tế

- **Nghệ thuật dựng truyện:**

+ “Nhà mẹ Lê” tựa như thước phim toàn cảnh về một quãng đời gian khó của người phụ nữ nông dân; thiên về kể và tả cảnh đời, cảnh thiên nhiên

+ câu chuyện của dì Diệu, chị Lành trong “Làm mẹ” chỉ đơn thuần là sự bắt lấy một khoảnh khắc chuyện trò tâm tình của hai người đàn bà xoay quanh đứa “con chung” của họ. Một bên; đi sâu và thế giới tâm tư tình cảm đầy những góc khuất, những niềm đau chôn giấu của nhân vật.

**3. Kết bài: Đánh giá ý nghĩa của sự so sánh, khẳng định giá trị, sự độc đáo của hai đoạn trích và tài năng, tấm lòng của hai tác giả.**

**BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC THAM KHẢO**

**1. Mở bài:**

“Văn học đối với tôi là một hiện tượng đẹp đẽ nhất trên thế giới" (Pautopxky). Văn học sinh ra để cho đời thêm hoa thơm trái ngọt, cho sự sống vút cao trên mỗi trang văn. Bước vào địa hạt văn học Việt Nam, ta không thể không nhắc tới hai nhà văn Thạch Lam và Nguyễn Ngọc Tư. Bởi đó là hai tác giả, người trước, kẻ sau đã đóng những dấu triện riêng của mình vào nền văn học bằng những thiên truyện hấp dẫn của mình. Đặt 2 đoạn trích trong truyện “Nhà mẹ Lê” của Thạch Lam cạnh “Làm mẹ” của Nguyễn Ngọc Tư ta có thể thấy rõ hơn giá trị đặc sắc của mỗi tác phẩm cũng như sự tương đồng và khác biệt trong lối viết giữa hai tác giả.

**2. Thân bài**

**2.1. Khái quát hai tác giả, tác phẩm, đoạn trích**

Thạch Lam (1910-1942), sinh ra tại Hà Nội, trong gia đình công chức gốc quan lại. Thuở nhỏ sống ở quê ngoại: phố huyện Cẩm Giàng (Hải Dương). Ông là người đôn hậu và rất đỗi tinh tế. Ông có quan niệm văn chương lành mạnh, tiến bộ và có biệt tài về truyện ngắn. Mỗi truyện của Thạch Lam như bài thơ trữ tình, giọng điệu điềm đạm nhưng chứa đựng biết bao tình cảm yêu mến chân thành và sự nhạy cảm trước biến thái của cảnh vật và lòng người. Văn Thạch Lam trong sáng, giản dị mà thâm trầm, sâu sắc. Truyện ngắn “Nhà mẹ Lê” kể về cuộc đời nhiều đau khổ, nghèo đói của những người dân ngụ cư. Nổi bật trong đó chính là gia đình nhà mẹ Lê - một người mẹ nghèo, góa chồng và có mười một người con. Cuộc sống tăm tối, nghèo đói, làm bao nhiêu cũng không đủ nuôi con. Cái nghèo cứ đeo bám, vì thương con mẹ Lê đi vay nhà ông Bá ít gạo. Nhưng số phận trớ trêu, đã không được cho vay mẹ Lê còn bị ông Bá cho chó ra cắn. Từ vết thương ấy, mẹ Lê đã ra đi mãi mãi để lại những đứa con thơ dại.

Nguyễn Ngọc Tư là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Với niềm đam mê viết lách, chị miệt mài viết như một cách giải tỏa và thể nghiệm và biết rằng mình muốn viết về những điều gần gũi nhất xung quanh cuộc sống của mình. Truyện ngắn *Làm mẹ* được in trong “Tập truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư”, do NXB Trẻ phát hành vào tháng 5 năm 2024. Truyện xoay quanh một quãng đời của nhân vật chính là dì Diệu nhưng khái quát lên được vẻ đẹp của lòng người nhân ái giữa muôn vàn khó khăn của cuộc sống. Dì Diệu lấy chú Đức chưa được bao lâu phải làm phẫu thuật vì khối u buồng trứng khiến dì không thể tự mình sinh con. Trải qua bao đau khổ, buồn bã, dì tìm được tia hi vọng khi chị Lành gánh nước thuê gần nhà vì hoàn cảnh gia đình mà đồng ý mang thai đứa bé hộ dì. Niềm vui đến với dì song hành với niềm hạnh phúc nảy nở trong chị Lành khi cái thai bắt đầu xuất hiện, lớn lên. Một ngày chị Lành bỏ đi mất, dì Diệu đau đớn kiếm tìm trong vô vọng và tự trách mình. Rồi khi chị Lành xuất hiện trở lại, dì Diệu vui mừng khôn xiết, quyết định đốt đi bản hợp đồng ngăn cách tình yêu của hai người mẹ dành cho đứa trẻ.

**2.2. Chỉ ra điểm tương đồng giữa 2 đoạn trích**

Quả thật, khi đặt hai đoạn truyện trong tác phẩm cạnh nhau, người đọc dễ dàng nhận thấy giữa chúng có không ít điểm tương đồng, gặp gỡ thú vị.

Trước hết hai đoạn trích trong hai tác phẩm có sự gần gũi về thể loại và đề tài. Cùng là truyện ngắn, thấm đượm chất trữ tình, chất thơ, giàu xúc cảm, ở mỗi trang viết, người đọc như cảm nhận được sự nâng niu, trân trọng của mỗi nhà văn với những niềm vui nhỏ bé, bình dị của con người. Hơn nữa, cả hai tác phẩm đều chọn đối tượng thẩm mĩ là người phụ nữ với số phận, cảnh ngộ khác nhau, nhưng đều mang những vẻ đẹp tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam.

Sự tương đồng trong lựa chọn thể loại và đề tài đã đưa đến sự gặp gỡ quan trọng và thú vị hơn: cả hai đoạn trích đều trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của người phụ nữ Việt, tình mẫu tử thiêng liêng. Hình ảnh mẹ Lê hiện lên qua lời kể của Thạch Lam là phụ nữ đói nghèo, khổ sở nhưng có khổ đến mấy cũng không bỏ con, thà chịu đói, chịu rét, chịu hết tất cả sự khổ đau thì cũng nuôi con cho bằng được. Sự vĩ đại ấy, cứ âm thầm lặng lẽ, chịu đựng. Ngòi bút truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư trong “Làm mẹ” tái hiện trước mắt bạn đọc một nhân vật dì Diệu đời thường với hoàn cảnh riêng éo le, vì bệnh tật dì Diệu không thể làm mẹ, sinh con, ngày này qua tháng khác dì Diệu đau đáu, không yên. “Làm mẹ” đã để lại cho người đọc một tình mẫu tử thiêng liêng, tình người cao đẹp mà hai người phụ nữ (dì Diệu và chị Lành), hai người mẹ đã dành cho nhau, dành cho đứa con chung của mình. Hai câu chuyện về những cảnh ngộ khác nhau nhưng đều giống như ngọn gió mát lành xoa dịu tâm hồn người đọc, để rồi chúng ta thêm yêu thương những người phụ nữ của mình, để chúng ta biết trân trọng đấng sinh thành và tin tưởng vào vẻ đẹp tâm hồn của những người lương thiện.

**2.3. Phân tích những điểm khác biệt giữa 2 đoạn trích**

Bàn về đặc trưng của văn chương nghệ thuật, nhà văn Nguyễn Tuân tâm niệm: “Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo, vì vậy, nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nổi bật, tức là có nét gì đó rất riêng, mới lạ thể hiện trong các tác phẩm của mình”. Đúng vậy, “văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có”. Là hai thiên truyện nghệ thuật đặc sắc của hai cây bút văn xuôi độc đáo, bên cạnh những điểm gặp gỡ, “Nhà mẹ Lê” và “Làm mẹ” mang chứa những dấu ấn riêng về cả nội dung, tư tưởng lẫn hình thức nghệ thuật; góp phần đóng dấu triện phong cách nghệ thuật riêng của Thạch Lam và Nguyễn Ngọc Tư.

Cùng viết về nỗi khổ đau, bất hạnh của thân phận người phụ nữ, người mang thiên chức làm mẹ nhưng nếu như mẹ Lê trong thiên truyện của Thạch Lam bị cái nghèo đói đeo đẳng đến khổ sở, thảm hại - một mình bác lăn lộn, bươn chải, làm thuê kiếm mướn nhưng chưa khi nào đủ nuôi đàn con đông: mười một đứa con và một người mẹ già yếu chen chúc trong một ngôi nhà lụp xụp và chật hẹp - *một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gẫy nát. Mùa rét thì giải ổ rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc;* thịt da ai nấy dưới cái rét căm căm cứ tím bầm lại như thịt trâu chết; thì hai người phụ nữ trong “Làm mẹ” của Nguyễn Ngọc Tư lại khổ vì lẽ khác. Người đau khổ vì thân phận “đẻ thuê”, phải dứt ruột lìa xa đứa con chín tháng mười ngày mang nặng đẻ đau, dầu không chung dòng máu. Kẻ tủi phận, đắng cay vì mang thân phụ nữ mà không có được may mắn tận hưởng thiên chức làm mẹ, chỉ biết âm thầm thèm ước, khát khao “cái cảm giác che chở cho một sinh linh sống trong mình, để được thèm tới cùng, tới chảy nước dãi món ngọt, món chua, để có thể cảm nhận từ trái tim chứ không phải bằng bàn tay đôi bàn chân bé bỏng quẩy đạp bụng mình thon thót. Đó là những thứ cảm giác thiêng liêng không vay mượn, thuê mướn được: cảm giác làm mẹ”. Thạch Lam khai thác nỗi khổ truyền kiếp của người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ, còn Nguyễn Ngọc Tư khơi lật nỗi đau của những người phụ nữ trong cuộc sống hiện đại, những nỗi khổ cá nhân, éo le và đầy bi kịch.

Thế mới thấy, dù đều hướng ngòi bút về phía những mảnh đời phụ nữ bất hạnh, kém may mắn trong những thời đại sống, hoàn cảnh sống khác nhau nhưng mỗi nhà văn lại có những mối bận tâm riêng, có những rung cảm khác nhau với nỗi buồn khổ của con người. Và ánh mắt nhân đạo của họ cũng nhìn thấu biết bao vẻ đẹp đáng quý nơi tâm hồn những người mẹ khổ hạnh, để rồi, lại dùng ngòi bút nghệ thuật ấy vẽ lên những hình tượng gây xúc động, cảm phục lòng người. Nếu người mẹ của mười một đứa con khiến ta hết mực yêu thương ở sự tần tảo, chịu thương chịu khó, dãi nắng dầm sương, không quản nhọc nhằn, đói khát để mang cho con hạt gạo, miếng cơm; thì người phụ nữ chưa một lần được gọi hai tiếng “mẹ ơi” của Nguyễn Ngọc Tư vẫn dư đầy sự nhân hậu, bao dung, vị tha và cao thượng; không chỉ khát con, yêu con, chị còn biết thấu cảm, sẻ chia với nỗi khổ đau của người khác; không vì lòng ích kỉ, vụ lợi mà cạn tình cạn nghĩa.

 Những mảnh đời khổ hạnh mà đẹp đẽ tâm hồn ấy in sâu trong trái tim những người yêu văn chương qua hai ngòi bút nghệ thuật độc đáo. Cùng là ngôn ngữ đời thường, mộc mạc nhưng nếu Thạch Lam ưa dùng thứ ngôn ngữ đậm chất nông dân thuần hậu, chất phác; thì Nguyễn Ngọc Tư lại khéo léo thổi vào ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật cái hơi thở tươi trẻ và hiện đại hơn. Nếu như sự dụng công nghệ thuật của nhà văn Thạch Lam dồn cả vào hình tượng trung tâm là mẹ Lê – một người mẹ thôn quê già nua và nghèo khó thì nữ nhà văn Nam Bộ lại khắc họa cùng một lúc hai hình ảnh phụ nữ hiện đại trẻ trung, sống tốt đời đẹp đạo mà thân phận thật lắm éo le. Chính vì lẽ đó mà Nguyễn Ngọc Tư sử dụng triệt để lối kể chuyện đối sánh, kết hợp với nghệ thuật miêu tả nội tâm sâu sắc, tinh tế giúp người đọc cùng một lúc thấu hiểu tâm tư, nỗi lòng sâu kín và vẻ đẹp khuất lấp đáng trân trọng của hai người mẹ, hai người đồng cảnh ngộ. Nếu đoạn truyện “Nhà mẹ Lê” tựa như thước phim toàn cảnh về một quãng đời gian khó của người phụ nữ nông dân thì câu chuyện của dì Diệu, chị Lành trong “Làm mẹ” chỉ đơn thuần là sự bắt lấy một khoảnh khắc chuyện trò tâm tình của hai người đàn bà xoay quanh đứa “con chung” của họ. Một bên thiên về kể và tả cảnh đời, cảnh thiên nhiên; bên kia lại đi sâu và thế giới tâm tư tình cảm đầy những góc khuất, những niềm đau chôn giấu của nhân vật.

**3. Kết bài: Đánh giá ý nghĩa của sự so sánh, khẳng định giá trị, sự độc đáo của hai đoạn trích và tài năng, tấm lòng của hai tác giả.**

 Có thể nói, chính những điểm gặp gỡ và khác biệt của hai đoạn trích về cả nội dung lẫn nghệ thuật thể hiện đã góp phần làm phong phú thêm những trang viết về đề tài tình mẫu tử, người phụ nữ trong văn học Việt Nam; đồng thời, khẳng định sự độc đáo, ấn tượng trong lối kể chuyện, phong cách văn chương của hai cây bút truyện ngắn xuất sắc của hai thời đại. Dù khác nhau trong “đôi mắt” nghệ thuật và “đôi tay” sáng tạo nhưng cả hai đều xứng đáng với vị trí những nhà văn hiện đại đầy tài năng, có tấm lòng nhân đạo bao la, với những trang viết thổn thức trái tim bạn đọc muôn đời.

**Đề 3**

**DÌ HẢO**

 *(Lược tóm tắt: Dì Hảo là con nuôi của bà tôi. Bố đẻ của dì Hảo chết đã lâu. Mẹ đẻ dì là bà xã Vận, người phụ nữ góa chồng, một người đàn bà bán bánh đúc xay, ngon có tiếng khắp làng Vũ Đại. Mặc dù công việc buôn bán thuận lợi nhưng vì phải nuôi thêm hai đứa con nheo nhóc cùng với đống nợ chồng chất khiến cuộc sống của bà ngày càng thêm chật vật. Bà quyết định để dì Hảo đi ở nuôi nhà người quen. Mới đầu về nhà mẹ nuôi dì Hảo khóc ghê lắm nhưng dần dần dì cũng quen dần với cuộc sống ở đây, và trở thành một người con gái rất ngoan đạo giống như chính mẹ nuôi của mình. Đến thì con gái dì đi lấy chồng, dành cho chồng bằng tất cả tình yêu thương của mình. Nhưng trớ trêu thay chồng của dì lại là một kẻ cờ bạc, rượu chè, vũ phu, không yêu dì, và có phần xa lánh, khinh bỏ dì. Rồi dì sinh được một đứa con, nhưng không may đứa con chết, rồi dì lại lâm bệnh, đau yếu, không đi làm được, người chồng lại càng khinh bỉ, ghét bỏ dì, đay nghiến dì Hảo.)*

*Dì Hảo chẳng nói năng gì. Dì nghiến chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mà dì cứ khóc. Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt. Nhưng đã vội phí nước mắt làm gì nhiều đến thế. Vì dì còn phải khóc hơn thế nhiều, khi hắn chán chửi, bỏ nhà mà đi, bỏ dì bơ vơ, đau ốm, để tìm cơm rượu. Trách làm gì hắn, cái con người bắt buộc phải tàn nhẫn ấy? Hắn phải ăn, phải uống, phải vui thú, đó là đời của hắn. Dì Hảo què liệt không còn những cái ấy để mà cho. Không, dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy. Cũng như dì đã không trách bà tôi đã làm ngơ không cấp đỡ cho dì. Bà tôi có còn giàu như trước nữa đâu? Người đã già, đã ốm yếu, và khổ cực thay! Đã nghèo như lúc còn hăm hai. Cái cơ nghiệp người gây dựng thầy tôi buôn bán thua lỗ, chúng tôi học hành tổn phí nhiều, đã tan tác đi theo gió bốn phương. Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.*

**(**Trích *Dì Hảo – Tuyển tập truyện ngắn Đôi mắt,* Nam Cao, NXB Văn học, 2017)

**MỢ DU**

*Mợ Du! Mợ Du! Một người đàn bà mà hiện giờ tôi còn nhớ từng nét mặt, tiếng nói. Mợ có một gương mặt trắng mát, gò má hơi cao, mắt có quầng thâm và lúc nào cũng ướt át, lờ đờ. Tiếng nói của mợ nhẹ và ấm. Mợ đã là người bạn buôn bán thân nhất của mẹ tôi. Nhưng từ ngày mợ bỏ cậu Du, tôi ít thấy mẹ tôi chuyện trò với mợ, cho đến ngày nghe đâu mợ vào Vinh cùng với một người thợ may tây rồi đẻ con với người ấy.*

*Mợ Du bỏ chồng! Mợ Du phải bỏ chồng vì bị mẹ chồng và em chồng bắt được quả tang tình tự với anh thợ may trai trẻ, có duyên, làm cho nhà mợ! Tôi đã không hiểu tại sao mợ Du đã có con lớn lại bậy bạ như thế. Và, như những người lớn, tôi đã ghét và khinh mợ mỗi khi nghe nhắc đến mợ với cái tội không thể tha thứ ấy.*

*Nhưng sau một đêm kia, đối với mợ Du tôi bỗng đổi ra thành lòng thương và mến. Rồi từ đêm ấy trở đi, tôi căm tức vô cùng trước những kẻ bêu riếu mợ hay ra vẻ ghê tởm thằng Dũng con mợ.*

*…*

*Tấm ảnh chụp hai mẹ con kia rõ ràng là mợ Du và thằng Dũng. Người mẹ ấy đôi mắt vẫn sáng, và cái sống mũi dọc dừa, cái cằm thon trong gương mặt vẫn đầy tươi trẻ, tinh anh6. Còn thằng nhỏ thì bế nâng lên trước mặt người mẹ, một tay y bịt lấy rốn nó, mặt hơi cúi xuống với nó nhưng mắt vẫn ngước lên như trỏ cái sự vật đằng trước cặp mắt bỡ ngỡ của nó cho nó cười thêm. Dưới tấm ảnh mà tôi không thể nào lầm lẫn được ấy lại còn có thêm dòng chữ này:*

*- Kỷ niệm ngày con Dũng của mợ lên hai nhưng mới được tám tháng.*

*Và ở một góc có hai dòng chữ nhỏ như kim:*

*- Dũng ơi! Con của mẹ ơi! Biết đến bao giờ mẹ mới được gặp con?!*

*Mợ Du đã chết rồi?! Người mẹ khốn nạn kia bị người chồng sau tình phụ, hay vì y chết, mợ sa sút và cho mình đã phạm một trọng tội, mợ đành sống lén lút, để khỏi dây dính đến Dũng? Hay mợ đã tìm đến Dũng nhưng không được nhìn nhận? Hay Dũng chết rồi? Hay những giấy má, hình ảnh kia chỉ là của người đàn bà chết bắt được?!*

*Tôi đã nhiều lúc tự hỏi nhưng chỉ thấy thêm rằng chắc chắn mợ Du đã chết và những cảm tưởng về mợ chỉ càng thấm thía, tê tái trong tâm hồn tôi, thằng bé An xưa kia không còn những dòng nước mắt tràn trề để khóc nữa.*

(Nguyên Hồng, *Mợ Du*)

**Chú thích**

\* Nam Cao (1915-1951) tên thật là Trần Hữu Tri, là nhà văn lớn, một cây bút xuất sắc của nền văn học hiện đại, là nhà văn hiện thực nhân đạo xuất sắc của thế kỉ XX. Nam Cao đã đưa chủ nghĩa hiện thực lên một bước đột phá: chủ nghĩa hiện thực tâm lí. Ông nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật năm 1996. Phong cách nghệ thuật của ông: Đề cao tư tưởng con người : Quan tâm tới đời sống tinh thần của con người, luôn hứng thú khám phá "con người trong con người". Đi sâu khám phá nội tâm nhân vật. Thường viết về những cái nhỏ nhặt nhưng lại mang ý nghĩa triết lý sâu sắc. Ông có phong cách triết lý trữ tình sắc lạnh. Ông để lại khối lượng tác phẩm lớn với nhiều thể loại truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch, truyện ký như các tác phẩm: “Sống mòn”, “Lão Hạc”, “Chí Phèo”, “ Giăng sáng”, “Lão Hạc”, “Chí Phèo”, “Đôi mắt”, ...

\* Nguyên Hồng: Trong văn đàn Việt Nam, nhà văn Nguyên Hồng được đồng nghiệp và bạn đọc ưu ái gọi bằng một "danh hiệu": Nhà văn của phụ nữ và trẻ em. Nhà văn Nguyên Hồng sinh năm 1918 mất năm 1982. Tên khai sinh của ông là Nguyễn Nguyên Hồng, quê ở thành phố Nam Định. Nguyên Hồng sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng. Nguyên Hồng từng có một tuổi thơ bất hạnh. Hồi kí Những ngày thơ ấu được coi là những dòng hồi ức sinh động, chân thực đầy cay đắng về tuổi thơ không êm đềm của nhà văn. Ông viết nhiều thể loại truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, thơ. Các tác phẩm chính của Nguyên Hồng: Bỉ vỏ (tiểu thuyết, 1938); Những ngày thơ ấu (hồi kí, 1938); Trời xanh (tập thơ, 1960); Cửa biển (bộ tiểu thuyết 4 tập: 1961, 1967, 1973, 1976); Núi rừng Yên Thế (bộ tiểu thuyết lịch sử nhiều tập chưa viết xong); Bước đường viết văn (hồi kí, 1970). Trong những tác phẩm của Nguyên Hồng, hình ảnh người phụ nữ và trẻ em trong xã hội cũ được nhà văn dành nhiều niềm yêu thương, đồng cảm. Với những đóng góp của Nguyên Hồng dành cho nền văn học dân tộc, ông được nhà nước truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996

 ----------------------**Hết**--------------------

|  |
| --- |
| **\* Giới thiệu chung:**- Dẫn dắt và giới thiệu tên các tác phẩm, tác giả- Nêu vấn đề nghị luận: Giá trị nội dung và nghệ thuật của hai đoạn trích trong “Mợ Du” của Nguyên Hồng và “Dì Hảo” của Nam Cao |
| **Thân bài****\* Giới thiệu chung:** **+ Tác giả:**++ Giới thiệu về tác giả Nam Cao và tác giả Nguyên Hồng **+ Tác phẩm:**. Cả hai truyện ngắn “ Dì Hảo” và “Mợ Du” là những tác phẩm tiêu biểu viết về đề tài phụ nữ của hai nhà văn.. Đặc biệt là hai đoạn trích trên đã thể hiện những nét đăc sắc về cả nội dung và nghệ thuật**\* Phân tích** **- Luận điểm 1: Cảm nhận, phân tích các đối tượng****+ Đoạn trích 1: “Dì Hảo”- Nam Cao** **- Cách kể chuyện:** *Dì Hảo* được kể bằng ngôi thứ nhất nhưng nhân vật tôi lại chỉ là đứa cháu nuôi, chính mối quan hệ đó làm cho câu chuyện vừa có màu sắc chủ quan cũng vừa hết sức khách quan. Trong khi đó *Nhà mẹ Lê* được kể bằng ngôi thứ ba, người kể như đứng ngoài câu chuyện để quan sát, kể chuyện nhưng vẫn đầy sự xót xa, thương cảm.**- Xây dựng cốt truyện:** + *Dì Hảo* là một truyện ngắn gần như không có cốt truyện mà chỉ tập trung xoay quanh những bất hạnh và tủi nhục của người phụ nữ khốn khổ, thấp cổ bé họng trong xã hội lúc bấy giờ.+ *Nhà mẹ Lê* cũng không hướng tới một cốt truyện li kì nhưng lại xây dựng được những tình tiết bất ngờ và hấp dẫn: Tình tiết mẹ Lê đi vay gạo, tình tiết mẹ Lê bị chó cắn, tình tiết mẹ Lê từ giã cõi đời để lại đàn con bơ vơ, nheo nhóc.**- Cách xây dựng nhân vật:** + Truyện ngắn *Dì Hảo*: ++ Tác giả xây dựng chuỗi chi tiết để khắc họa cả cuộc đời khốn khổ của nhân vật từ khi còn là đứa trẻ. Nhưng ẩn phía sau vẫn là những nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam: cam chịu, nhẫn nhục, không bao giờ ngừng yêu thương.+++ Ngay từ tấm bé dì Hảo đã trở thành vật đem trao bán đi để làm con ở người hầu cho nhà giàu+++ Bi kịch lớn nhất gắn liền với cuộc đời dì Hảo là phải cưới và chung sống với một người chồng tàn nhẫn, mê sắc và cơm rượu, Hắn là một kẻ tục tằn, thô bỉ và không yêu thương hay tôn trọng dì Hảo chút nào, hắn khinh cô là đứa con nuôi rơi rớt rồi bỏ mặc có những lúc đớn đau.+++ Ấy vậy dì Hảo vẫn cho rằng dì phải làm mà nuôi nó, cứ tưởng không có được tình yêu thì chí ít còn sức khỏe nhưng sau lần sinh đứa con bất thành dì Hảo trở nên kiệt quệ.++ Tác giả đi sâu khắc họa những hành động chứa chở chiều sâu tâm tư, nỗi niềm nhân vật, chứ không chủ công tạo sự bất ngờ hoặc đột phá trong hành động ấy. Nhờ vậy, người đọc hình dung bi kịch này nối tiếp bi kịch khác khiến người đàn bà vốn đã yếu đuối này càng đáng thương và thảm hại hơn. Nhưng rồi dì Hảo cũng trầy trật gắng vượt qua quãng thời gian bế tắc ấy mà tìm cách sống tiếp trên mảnh đất cằn cỗi này, người phụ nữ nghèo khổ ấy lại muốn người chồng đã bỏ đi kia quay lại để nuôi. Chấp nhận hắn cơm rượu, nhưng hắn đã trở về với những thứ còn tồi tệ hơn cả ngày trước rồi lại bỏ đi. Chai sạn với tổn thương và sự bế tắc khi đối diện thực tại đã đẩy dì Hảo vào trạng thái cam chịu, bỏ qua tất cả mọi thứ.+ Truyện ngắn *Nhà mẹ Lê*: Tác giả chớp lấy một chặng đời cùng khổ nhất để từ đó khiến người đọc hình dung cả cuộc đời ngập chìm trong nghèo khổ, đói rách của nhân vật. Thế nhưng nhân vật vẫn tỏa sáng những phẩm cách cao quý:++ Mẹ Lê làm mẹ của tận mười một người con nheo nhóc. Cái đói, sự túng quẫn đặc trưng của cái xã hội thời bấy giờ được hiện lên. Đã nghèo, đã đói khát nhưng mẹ Lê lại đẻ nhiều con khiến cho sự túng quẫn, khổ sở hơn gấp nhiều lần.++ Đói rét, nghèo khổ, túng quẫn khi tận mười mấy con người nheo nhóc trong cái nhà được miêu tả như cái “ổ chó” cùng với sự châm biếm miêu tả mẹ con nhà mẹ Lê như những “chó mẹ và chó con” toát lên được sự chua xót, khổ cực đến nỗi so sánh người với động vật như vậy.++ Thế nhưng, người mẹ này luôn âm thầm chịu đựng sự vất vả một mình lam lũ, không than thở hay hờn trách một câu. Hình ảnh mẹ Lê là hiện diện của cả triệu bà mẹ thời bấy giờ, có khổ đến mấy cũng không bỏ con, thà chịu đói, chịu rét, chịu hết tất cả sự khổ đau thì cũng nuôi con cho bằng được. ++ Sự cao cả ấy được hiện diện rõ nhất là lấy sự vất vả vì có việc làm niềm vui, vì lúc ấy có người thuê làm việc, có vài bát gạo, vài đồng bạc để nuôi con. Lúc đó, con bà có bát cơm để no bụng. Nhưng rồi mẹ lại chìm trong sự lo âu, đến mùa đông hết việc chỉ còn rạ khô ngoài đồng, không ai thuê mẹ nữa, con mẹ lại chịu đói từng bữa. Những đứa con nheo nhóc oằn mình chịu đói chịu rét đến ngày mùa năm sau. Cái khổ của nhà mẹ Lê là nhà quá đông con khiến mẹ phải oằn mình lo toan mọi thứ, thậm chí là oằn mình chịu rét che chở cho con, cố lấy thân xác của mình che chở cho đứa con nhỏ rét run lên vì lạnh…++ Nhân vật được xây dựng qua hình dáng, hành động và cả những nét tính cách bên trong.+++ Bên ngoài: một người đàn bà với làn da nhăn nheo như quả trám khô, thân hình thấp bé khắc khổ. mẹ của mười một đứa con, đứa lớn nhất mới mười bảy, đứa bé nhất vẫn còn bế trên tay, một người mẹ lam lũ, tảo tần không ngại bất kì một công việc cơ khổ nào.+++ Bên trong lại là một người mẹ thương con, sẵn sàng hi sinh tất cả vì con.**- Cách sử dụng từ ngữ và các biện pháp tu từ:**+ *Nhà mẹ Lê:* Nghệ thuật so sánh, miêu tả với sắc thái châm biếm: cái nhà được miêu tả như cái “ổ chó”, “chó mẹ và chó con” toát lên sự chua xót, cùng cực.+ *Dì Hảo*: Điểm nổi bật đặc biệt của tác phẩm là cách sử dụng từ ngữ mang sắc màu biểu cảm để lột tả cái khốn khổ, đau đớn. Tác giả dùng bút pháp tả thực để tái hiện chân thật đến xót xa hình ảnh người phụ nữ đơn thân, vật lộn với cuộc sống mưu sinh khốn khổ và đầy cay đắng. **+ Đoạn trích 2: “Mợ Du” – Nguyên Hồng** ++ Truyện ngắn *Mợ Du* không nằm ngoài trường cảm xúc ấy của Nguyên Hồng. Câu chuyện hằn lên như một nỗi đau, niềm ân hận và cả những giọt nước mắt nghẹn ngào. Giản dị mà không bình thường, sâu kín mà không tĩnh lặng… truyện *Mợ Du* hấp dẫn người đọc bởi chính tìm thương yêu cháy bỏng đớn đau. Đi chênh vênh giữa hai bờ quá khứ và hiện tại, mất mát và xa xót là nhân vật “tôi” – tác giả, chú bé của những hoài niệm về tuổi thơ đã qua; gắn với những lần gặp gỡ vội vã, giấu giếm đầy bi kịch của hai mẹ con mợ Du – nhân vật trung tâm của truyện. ++ Không ai biết người đàn bà ấy đã “phạm tội” gì cụ thể, vì sao mà phải bỏ nhà đi, phải xa con. Nhưng chắc rằng lí do nằm ngay trong những giọt nước mắt vụng trộm của mợ Du. Người phụ nữ trong xã hội phong kiến đã “xuất giá” là phải “tòng phu”, là thuộc về gia đình chồng, bị trói buộc trong giáo điều hà khắc, luẩn quẩn. Thế nhưng mợ Du đã trót đa mang. Tâm hồn người phụ nữ ấy không chịu nằm yên gò bó giữa “tam tòng, tứ đức”. Mợ ra đi bởi điều gì? Có lẽ mợ theo tiếng gọi của tình yêu, hay là buộc phải đi vì thói thường đâu có chấp nhận một người đàn bà “lệch chuẩn”, đa đoan. Mợ Du ơi, giá mợ cứ đanh đá, lăng loàn đi, chắc mợ sẽ đỡ khổ. Hay là mợ phơi phới, vui tươi trong tình duyên mới, nỗi đau sẽ dịu đi nhiều. Đằng này, mợ tháo dây trói cuộc đời làm dâu, làm vợ, mà không tháo nổi sợi dây vô hình của tình mẹ con. Mợ cũng chỉ là một người đàn bà. Thượng đế ác thay, khi tạo ra đàn bà đã đặt vào họ một dây thần kinh nhạy cảm đặc biệt – đó là tình yêu thương. Họ luôn khao khát được chăm sóc, chở che, được yêu thương, vỗ về. Họ yếu đuối, đa cảm. Nếu như với đàn ông, công danh, sự nghiệp là điều quan trọng hơn cả, thì phụ nữ lại thèm khát, nâng niu những tình cảm thật mỏng manh. Với một người phụ nữ, còn gì hơn là được làm vợ, làm mẹ. Phần mẫu tính không bao giờ mất ấy có khi lại là nguyên nhân của những nỗi đau, những bi kịch không lời. Đã có biết bao người đàn bà âm thầm nén chịu bất công, đau khổ. Những mối quan hệ “mẹ chồng nàng dâu”, của dân làng, của xã hội, của tất cả đều chống lại người phụ nữ. Quyền làm vợ, làm mẹ theo đúng nghĩa của nó dường như không còn nữa. Những người đàn bà cứ chết dần, chết mòn đi trong chính gia đình của mình. Cuộc đời trở thành cái vòng luẩn quẩn tù túng đầy những đe dọa. Mợ Du sinh ra cũng là để chịu một số phận như thế. Mợ vùng vẫy thoát ra. Nhưng mợ có thoát được không? Miệng tiếng thế gian, sự chửi rủa của gia đình chồng... Tất cả như những mũi dao luôn chĩa thẳng vào mợ, xua đuổi mợ ra khỏi xã hội mà mợ đang sống. Mợ bỏ chạy, mợ đi thật xa. Thế mà mợ có đi được đâu, tiếng khóc, tiếng gọi của đứa con cứ kéo mợ trở về đau đớn và dai dẳng, tình mẫu tử bắt mợ phải thành kẻ lén lút như có tội++ Truyện ngắn *Mợ Du* khép lại trong một âm hưởng thật buồn, nỗi buồn tràn ngập cả không gian, tràn cả vào lòng người đọc. Số phận mợ Du như một dấu hỏi xoáy sâu vào tâm can mỗi người. Có phải cuộc đời ấy khổ đau là do “số”, do trời định? Có phải nếu chịu ép mình trong gia đình nhà chồng, mợ Du sẽ không phải khổ? Không, nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự bỏ trốn của mợ chính là do xã hội với những quan niệm nghiệt ngã, phi nhân tính đã cướp đi của người phụ nữ hạnh phúc và quyền lợi. Họ không sống thực, mà chỉ tồn tại như một công cụ của nhà chồng. Nguyễn Du đã phải đau đớn thốt lên:*Đau đớn thay phận đàn bà**Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.*Mợ Du không chịu nổi, không chịu được vòng trói buộc hà khắc ấy. Mợ đã phải ra đi tìm một cuộc sống mới. Nhưng mợ Du lại là một người mang một tình yêu con tha thiết. Mợ không thể giống như những Loan, những Tuyết, những Nhung… trong các tác phẩm của Tự lực văn đoàn quyết dứt áo ra đi vì Cái Mới, vì tự do. Trong mợ có sự giằng xé, mâu thuẫn giữa hai con người, một bên là người đàn bà muốn tìm kiếm hạnh phúc, một bên là người mẹ đâu có thể xa rời đứa con mình. Mợ Du chịu nỗi đau thể xác chưa đủ, còn phải gánh thêm gánh nặng tinh thần trĩu xuống đôi vai. Nỗi đau của mợ Du là ở chỗ mợ không thể giải quyết được những mâu thuẫn của mình, mợ chới với giữa hai bờ đau khổ. Cuộc đời mới, cuối cùng còn lại gì? Một thân xác ốm đau bẩn thỉu phải nhờ vào sự hảo tâm chôn cất. Một gánh hàng cũng nhếch mác, đáng đổ đi không ai nhặt. Mợ chết đi không có ai khóc thương (ngoại trừ cậu bé sau này mới nhận ra mợ thì đã quá muộn), không ai thân thích. Mợ lặng lẽ đi tìm một chỗ nào đó, ở trên kia, cao lắm, để từ đó nhìn xuống thế gian đầy rẫy bi kịch này. Mợ đã chấm dứt được quãng đời đau khổ của mình một cách khổ đau. ++ Nguyên Hồng có lối viết văn rất bình dị, giản đơn như chính cuộc đời đi vào tác phẩm. Tác phẩm của ông không hấp dẫn người đọc bởi những câu chữ cầu kì mới lạ, những biện pháp nghệ thuật độc đáo. Người ta yêu văn Nguyên Hồng do cái tình rất mạnh chi phối toàn bộ mạch truyện. ++Văn chương là chuyện của muôn đời, muôn người. Sức hấp dẫn của nó không gì cưỡng lại nổi. Đọc truyện ngắn *Mợ Du,* ta như một lần nữa được nhìn thấy một chân trời cảm xúc vừa quen thuộc vừa mới mẻ, truyện ngắn giúp ta hiểu hơn về những xúc cảm sâu xa trong tâm hồn con người. Bền bỉ, lặng lẽ và dào dạt, mạch ngầm của yêu thương vẫn mãi chảy suốt cùng tháng năm, cùng loài người. Đến một lúc nào đó, ta nhận ra rằng: Con người được làm nên chính bởi tình yêu thương.**- Luận điểm 2: So sánh đánh giá hai đọan trích****+điểm giống nhau giữa hai tác phẩm**“ Giá trị của tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó”. Hai đoạn trích trong hai truyện ngắn của Nam Cao và Nguyên Hồng gặp nhau trước tiên ở giá trị tư tưởng++ Cả hai đều viết về đề tài người phụ nữ với số phận cuộc đời đầy bất hạnh từ đó thể hiện sự cảm thông xót xa, thương yêu cùng niềm trân trọng, ngợi ca bênh vực những người phụ nữ thấp cổ bé họng.++ Hình tượng nhân vật trung tâm ở hai đoạn trích là Dì Hảo và Mợ Du. Đều là nhwungx người phụ nữ bất hạnh, số phận khổ cực, lấy chồng họ đều gặp những người chồng không ra gì, đều phải lao động quần quật chịu ghẻ lạnh, hành hạ++ Điểm giống nhau về nghệ thuật: cả hai đoạn trích đều tiêu biểu cho đặc trưng của thể loại truyện ngắn, đều sử dụng ngôi kể, có kết hợp các điểm nhìn như điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn bên ngoài, điểm nhìn bên trong, bút pháp tả thực, đi sâu vào phân tích tâm lí nhân vật…**+ sự khác nhau**++ Đoạn trích “Mợ Du” Khác họa số phận khổ đau bất hạnh của nhân vật mợ Du: một người phụ nữ bỏ chồng để rồi phải chịu số phận bị nhà chồng khinh thường, ghét bỏ, không được lại gần gặp con. Còn đoạn trích “Dì Hảo” khắc họa số phận của người phụ nữ bất hạnh, mồ côi cha, phải sớm đi làm con ở, phảo chung sống với một người chồng cờ bạc, vũ phu, không được yêu thương mà còn bị khinh ghét, đánh đạp. Đó còn là người phu nữ chịu nỗi đau mất con, nỗi đau bị bệnh tật giày vò.++ Điểm khác nhau về nghệ thuật: Đoạn trích “ Mợ Du” Ngôi kể thứ nhất, có sự kết hợp giữ điểm nhìn bên trong với điểm nhìn bê ngoài, giọng điêuk của người kể chuyện, của nhân vật, có lối viết văn rất bình dị, giản đơn. Còn đoạn trích “Dì Hảo” là ngôi kể thứ ba, là sự kết hợp giữ điểm nhìn bên trong và điểm nhìn của người kể chuyện cùng với ngôn ngữ nửa trực tiếp…**- Luận điểm 3: Lí giải sự giống nhau và khác nhau**+ Cả hai tác phẩm đều lấy bối cảnh xã hội thực dân nửa phong kiến+ Cả Nam Cao và Nguyên Hồng đều là những nhà văn có tấm long nhân đạo cao cả, đều có chung quan điểm nghệ thuật “nghệ thuật vị nhân sinh”+ Tuy nhiên, mỗi nhà văn lớn đều có phong cách độc đáo sáng tạo. Vì thế, cùng chung đề tà về người phụ nữ những hai tác phẩm đều có những nét riêng mang phong cách của mỗi nhà văn và cái nhìn hiện thức khác nhau. |
| **\* Đánh giá chung**- Hai đoạn trích tuy là nhwungx lát cát nhỏ trong thiên truyện ngắn của Nam Cao và Nguyên Hồng nhưng đã phản ảnh chân thực số phận, cuộc đời của những người lao đông nghèo khổ dưới ách thực dân phong kiến. đầy nhwungx bất công, từ đó cất lên tiếng nói tố cáo những quan niệm những định kiến về thân phận người phụ nữ trong xã hội, cùng sự thấu hiểu, cảm thông trân trọng yêu thương những người phụ nữ nhỏ bé, bất hạnh- Với giọng văn giản dị mà thầm trầm sâu sắc cả hai đoạn trích đã thể hiện phong cách độc đáo của hai nhà văn**Kêt bài****- Khẳng định sức sống của hai tác phẩm** |

**BÀI VĂN**

Nguyễn Văn Siêu từng khẳng định: “Văn học có loại đáng tôn thờ, có loại không đáng tôn thờ. Loại không đáng tôn thờ chỉ chuyên chú vào văn chương; loại đáng tôn thờ chuyên chú ở con người.” Có thể nói, tác phẩm văn học luôn phản ánh chân thực hiện thực cuộc sống, luôn lấy con người làm tâm điểm phản ánh. Thông qua hình tượng con người gửi gắm những tư tưởng tình cảm của nhà văn đồng thời hướng người đọc đến những vẻ đẹp Chân –Thiện- Mĩ. Hai tác phẩm “Mợ du” của Nguyên Hồng và “Dì Hảo” của Nam Cao là những tác phẩm như vây. Cùng lấy đề tài về người phụ nữ cho đứa con tinh thần của mình, Cả Nam Cao và Nguyên Hồng đã làm nên những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật.

Nam Cao (1915-1951) tên thật là Trần Hữu Tri, là nhà văn lớn, một cây bút xuất sắc của nền văn học hiện đại, là nhà văn hiện thực nhân đạo xuất sắc của thế kỉ XX. Nam Cao đã đưa chủ nghĩa hiện thực lên một bước đột phá: chủ nghĩa hiện thực tâm lí. Ông nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật năm 1996. Phong cách nghệ thuật của ông: Đề cao tư tưởng con người : Quan tâm tới đời sống tinh thần của con người, luôn hứng thú khám phá "con người trong con người". Đi sâu khám phá nội tâm nhân vật. Thường viết về những cái nhỏ nhặt nhưng lại mang ý nghĩa triết lý sâu sắc. Ông có phong cách triết lý trữ tình sắc lạnh. Ông để lại khối lượng tác phẩm lớn với nhiều thể loại truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch, truyện ký như các tác phẩm: “Sống mòn”, “Lão Hạc”, “Chí Phèo”, “ Giăng sáng”, “Lão Hạc”, “Chí Phèo”, “Đôi mắt”, ...

 Nguyên Hồng: Trong văn đàn Việt Nam, nhà văn Nguyên Hồng được đồng nghiệp và bạn đọc ưu ái gọi bằng một "danh hiệu": Nhà văn của phụ nữ và trẻ em. Nhà văn Nguyên Hồng sinh năm 1918 mất năm 1982. Tên khai sinh của ông là Nguyễn Nguyên Hồng, quê ở thành phố Nam Định. Nguyên Hồng sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng. Nguyên Hồng từng có một tuổi thơ bất hạnh. Hồi kí Những ngày thơ ấu được coi là những dòng hồi ức sinh động, chân thực đầy cay đắng về tuổi thơ không êm đềm của nhà văn. Ông viết nhiều thể loại truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, thơ. Các tác phẩm chính của Nguyên Hồng: Bỉ vỏ (tiểu thuyết, 1938); Những ngày thơ ấu (hồi kí, 1938); Trời xanh (tập thơ, 1960); Cửa biển (bộ tiểu thuyết 4 tập: 1961, 1967, 1973, 1976); Núi rừng Yên Thế (bộ tiểu thuyết lịch sử nhiều tập chưa viết xong); Bước đường viết văn (hồi kí, 1970). Trong những tác phẩm của Nguyên Hồng, hình ảnh người phụ nữ và trẻ em trong xã hội cũ được nhà văn dành nhiều niềm yêu thương, đồng cảm. Với những đóng góp của Nguyên Hồng dành cho nền văn học dân tộc, ông được nhà nước truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996.

 Cả hai truyện ngắn “ Dì Hảo” và “Mợ Du” là những tác phẩm tiêu biểu viết về đề tài phụ nữ của hai nhà văn. Đặc biệt là hai đoạn trích trên đã thể hiện những nét đăc sắc về cả nội dung và nghệ thuật.

 Nguyễn Minh Châu từng khẳng định: “Văn học và cuộc sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người.” Có thể nói, khi đọc tác phẩm “Dì Hảo” người đọc luôn ấn tượng sâu sắc với hình tượng Dì Hảo. Dì Hảo và số phận hẩm hiu, lênh đênh tệ bạc Ở cái thời đại mà nghèo túng quá rồi, người ta sẽ tìm cách càng bớt miệng ăn đi càng tốt và những đứa trẻ mới ngót nghét vài tuổi bỗng trở thành vật đem trao bán đi để làm con ở, người hầu cho nhà giàu. Dì Hảo là con gái bà xã Vận, một người làm bánh đúc ngon có tiếng của làng Vũ Đại, bánh đúc là một thứ quà quê xuất hiện nhiều trong các truyện ngắn của Nam Cao thường được bày bán trên các mẹt ven chợ và xúm xít bởi các bà các mẹ mặc váy bạc phếch. Khi dì phải đẻ con, đứa bé đã chết và dì thì tê liệt. Hắn chửi dì nhiều lần, nhưng dì vẫn nghiến răng để không khóc, nhưng cuối cùng, nước mắt vẫn tuôn rơi. Dì đã trải qua bao nhiêu gian khổ và đau khổ, nhưng bệnh tật của dì đã qua đi và cô lại đi làm để kiếm sống. Người chồng trở về sau đó với một người vợ mới, nhưng dì Hảo không nói một lời nào, chỉ khóc ngấm ngầm khi họ cười vui. Cuối cùng, người chồng rời đi và dì lại phải đối mặt với sự cô đơn và đau khổ:  “Dì Hảo chẳng nói năng gì. Dì nghiến chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mà dì cứ khóc. Trong cuộc đời đầy đau thương của dì Hảo, có một người phụ nữ vẫn giữ được tình người và lòng nhân ái, đó là bà ngoại của nhân vật chính. Bà xuất hiện từ những trang sách đầu tiên với tư cách là một người chủ nợ, nhưng thay vì làm tổn thương con nợ, bà lại chấp nhận nuôi dì Hảo và trả công cho cô nàng hơn một chút để trừ vào số nợ của bà Vận. Bà ngoại là một người đáng kính và đáng trân trọng, người đã giúp đỡ dì Hảo qua những thời khắc khó khăn nhất của cuộc đời. Và hình ảnh dì Hảo cố gắng cắn chặt răng để không khóc, và đặt ra câu hỏi liệu có chồng trở về hay không cũng chẳng có ý nghĩa gì, khiến cho người đọc phải suy tư về một thời đại bế tắc và để lại dư vị đắng cay trong lòng. Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt”. Dù có những lúc ngạc nhiên và tức giận, dì Hảo vẫn luôn nhẫn nại và kiên cường đối mặt với cuộc sống khó khăn. Vì đúng là, trong cuộc đời này, đôi khi việc nhẫn nại cũng tốt hơn, đặc biệt là trong những hoàn cảnh khó khăn và đau buồn như vậy. Dì Hảo đã rơi vào tình trạng chịu đựng và không chấp nhận thực tế, đầy những rắc rối và tổn thương. Điều này thường xuyên xảy ra với các phụ nữ trong thời kỳ Cách mạng, khi họ bị đè nén và không thể đối mặt với thực tế. Thay vì đấu tranh để phục hồi tôn nghiêm của mình, họ đành chấp nhận những đau khổ và khó khăn trong sự im lặng và kiên nhẫn. Mỗi trang văn in bóng một cuộc đời, mỗi tác phẩm hằng in tâm tình người nghệ sĩ. Chắc hẳn nhân vật dì Hảo trong tác phẩm cùng sẽ đ cùng năm tháng.

 Nếu trong tác phẩm “Dì Hảo” nhân vật chính là Dì Hảo với số phận hẩm hiu chịu nhiều đau khổ thì trong tác phẩm của Nguyên Hồng, Hình tượng Mợ Du cũng đã ám ảnh người đọc bởi số phận bất hạnh không khác gì so với Dì Hảo. Truyện ngắn *Mợ Du* không nằm ngoài trường cảm xúc ấy của Nguyên Hồng. Câu chuyện hằn lên như một nỗi đau, niềm ân hận và cả những giọt nước mắt nghẹn ngào. Giản dị mà không bình thường, sâu kín mà không tĩnh lặng… truyện *Mợ Du* hấp dẫn người đọc bởi chính tìm thương yêu cháy bỏng đớn đau. Đi chênh vênh giữa hai bờ quá khứ và hiện tại, mất mát và xa xót là nhân vật “tôi” – tác giả, chú bé của những hoài niệm về tuổi thơ đã qua; gắn với những lần gặp gỡ vội vã, giấu giếm đầy bi kịch của hai mẹ con mợ Du – nhân vật trung tâm của truyện.

 Không ai biết người đàn bà ấy đã “phạm tội” gì cụ thể, vì sao mà phải bỏ nhà đi, phải xa con. Nhưng chắc rằng lí do nằm ngay trong những giọt nước mắt vụng trộm của mợ Du. Người phụ nữ trong xã hội phong kiến đã “xuất giá” là phải “tòng phu”, là thuộc về gia đình chồng, bị trói buộc trong giáo điều hà khắc, luẩn quẩn. Thế nhưng mợ Du đã trót đa mang. Tâm hồn người phụ nữ ấy không chịu nằm yên gò bó giữa “tam tòng, tứ đức”. Mợ ra đi bởi điều gì? Có lẽ mợ theo tiếng gọi của tình yêu, hay là buộc phải đi vì thói thường đâu có chấp nhận một người đàn bà “lệch chuẩn”, đa đoan. Mợ Du ơi, giá mợ cứ đanh đá, lăng loàn đi, chắc mợ sẽ đỡ khổ. Hay là mợ phơi phới, vui tươi trong tình duyên mới, nỗi đau sẽ dịu đi nhiều. Đằng này, mợ tháo dây trói cuộc đời làm dâu, làm vợ, mà không tháo nổi sợi dây vô hình của tình mẹ con. Mợ cũng chỉ là một người đàn bà. Thượng đế ác thay, khi tạo ra đàn bà đã đặt vào họ một dây thần kinh nhạy cảm đặc biệt – đó là tình yêu thương. Họ luôn khao khát được chăm sóc, chở che, được yêu thương, vỗ về. Họ yếu đuối, đa cảm. Nếu như với đàn ông, công danh, sự nghiệp là điều quan trọng hơn cả, thì phụ nữ lại thèm khát, nâng niu những tình cảm thật mỏng manh. Với một người phụ nữ, còn gì hơn là được làm vợ, làm mẹ. Phần mẫu tính không bao giờ mất ấy có khi lại là nguyên nhân của những nỗi đau, những bi kịch không lời. Đã có biết bao người đàn bà âm thầm nén chịu bất công, đau khổ. Những mối quan hệ “mẹ chồng nàng dâu”, của dân làng, của xã hội, của tất cả đều chống lại người phụ nữ. Quyền làm vợ, làm mẹ theo đúng nghĩa của nó dường như không còn nữa. Những người đàn bà cứ chết dần, chết mòn đi trong chính gia đình của mình. Cuộc đời trở thành cái vòng luẩn quẩn tù túng đầy những đe dọa. Mợ Du sinh ra cũng là để chịu một số phận như thế. Mợ vùng vẫy thoát ra. Nhưng mợ có thoát được không? Miệng tiếng thế gian, sự chửi rủa của gia đình chồng... Tất cả như những mũi dao luôn chĩa thẳng vào mợ, xua đuổi mợ ra khỏi xã hội mà mợ đang sống. Mợ bỏ chạy, mợ đi thật xa. Thế mà mợ có đi được đâu, tiếng khóc, tiếng gọi của đứa con cứ kéo mợ trở về đau đớn và dai dẳng, tình mẫu tử bắt mợ phải thành kẻ lén lút như có tội

Truyện ngắn *Mợ Du* khép lại trong một âm hưởng thật buồn, nỗi buồn tràn ngập cả không gian, tràn cả vào lòng người đọc. Số phận mợ Du như một dấu hỏi xoáy sâu vào tâm can mỗi người. Có phải cuộc đời ấy khổ đau là do “số”, do trời định? Có phải nếu chịu ép mình trong gia đình nhà chồng, mợ Du sẽ không phải khổ? Không, nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự bỏ trốn của mợ chính là do xã hội với những quan niệm nghiệt ngã, phi nhân tính đã cướp đi của người phụ nữ hạnh phúc và quyền lợi. Họ không sống thực, mà chỉ tồn tại như một công cụ của nhà chồng. Nguyễn Du đã phải đau đớn thốt lên:

*Đau đớn thay phận đàn bà*

*Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.*

Mợ Du không chịu nổi, không chịu được vòng trói buộc hà khắc ấy. Mợ đã phải ra đi tìm một cuộc sống mới. Nhưng mợ Du lại là một người mang một tình yêu con tha thiết. Mợ không thể giống như những Loan, những Tuyết, những Nhung… trong các tác phẩm của Tự lực văn đoàn quyết dứt áo ra đi vì Cái Mới, vì tự do. Trong mợ có sự giằng xé, mâu thuẫn giữa hai con người, một bên là người đàn bà muốn tìm kiếm hạnh phúc, một bên là người mẹ đâu có thể xa rời đứa con mình. Mợ Du chịu nỗi đau thể xác chưa đủ, còn phải gánh thêm gánh nặng tinh thần trĩu xuống đôi vai. Nỗi đau của mợ Du là ở chỗ mợ không thể giải quyết được những mâu thuẫn của mình, mợ chới với giữa hai bờ đau khổ. Cuộc đời mới, cuối cùng còn lại gì? Một thân xác ốm đau bẩn thỉu phải nhờ vào sự hảo tâm chôn cất. Một gánh hàng cũng nhếch mác, đáng đổ đi không ai nhặt. Mợ chết đi không có ai khóc thương (ngoại trừ cậu bé sau này mới nhận ra mợ thì đã quá muộn), không ai thân thích. Mợ lặng lẽ đi tìm một chỗ nào đó, ở trên kia, cao lắm, để từ đó nhìn xuống thế gian đầy rẫy bi kịch này. Mợ đã chấm dứt được quãng đời đau khổ của mình một cách khổ đau.

 Nguyên Hồng có lối viết văn rất bình dị, giản đơn như chính cuộc đời đi vào tác phẩm. Tác phẩm của ông không hấp dẫn người đọc bởi những câu chữ cầu kì mới lạ, những biện pháp nghệ thuật độc đáo. Người ta yêu văn Nguyên Hồng do cái tình rất mạnh chi phối toàn bộ mạch truyện.

 Văn chương là chuyện của muôn đời, muôn người. Sức hấp dẫn của nó không gì cưỡng lại nổi. Đọc truyện ngắn *Mợ Du,* ta như một lần nữa được nhìn thấy một chân trời cảm xúc vừa quen thuộc vừa mới mẻ, truyện ngắn giúp ta hiểu hơn về những xúc cảm sâu xa trong tâm hồn con người. Bền bỉ, lặng lẽ và dào dạt, mạch ngầm của yêu thương vẫn mãi chảy suốt cùng tháng năm, cùng loài người. Đến một lúc nào đó, ta nhận ra rằng: Con người được làm nên chính bởi tình yêu thươn

“ Giá trị của tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó”. Hai đoạn trích trong hai truyện ngắn của Nam Cao và Nguyên Hồng gặp nhau trước tiên ở giá trị tư tưởng. Cả hai đều viết về đề tài người phụ nữ với số phận cuộc đời đầy bất hạnh từ đó thể hiện sự cảm thông xót xa, thương yêu cùng niềm trân trọng, ngợi ca bênh vực những người phụ nữ thấp cổ bé họng. Hình tượng nhân vật trung tâm ở hai đoạn trích là Dì Hảo và Mợ Du. Đều là nhwungx người phụ nữ bất hạnh, số phận khổ cực, lấy chồng họ đều gặp những người chồng không ra gì, đều phải lao động quần quật chịu ghẻ lạnh, hành hạ. Điểm giống nhau về nghệ thuật: cả hai đoạn trích đều tiêu biểu cho đặc trưng của thể loại truyện ngắn, đều sử dụng ngôi kể, có kết hợp các điểm nhìn như điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn bên ngoài, điểm nhìn bên trong, bút pháp tả thực, đi sâu vào phân tích tâm lí nhân vật…Tuy nhiên hai đoạn trích cũng có những đặc điểm riêng về nôi dung và nghệ thuật: Đoạn trích “Mợ Du” Khác họa số phận khổ đau bất hạnh của nhân vật mợ Du: một người phụ nữ bỏ chồng để rồi phải chịu số phận bị nhà chồng khinh thường, ghét bỏ, không được lại gần gặp con. Còn đoạn trích “Dì Hảo” khắc họa số phận của người phụ nữ bất hạnh, mồ côi cha, phải sớm đi làm con ở, phảo chung sống với một người chồng cờ bạc, vũ phu, không được yêu thương mà còn bị khinh ghét, đánh đạp. Đó còn là người phu nữ chịu nỗi đau mất con, nỗi đau bị bệnh tật giày vò. Điểm khác nhau về nghệ thuật, đoạn trích “ Mợ Du” Ngôi kể thứ nhất, có sự kết hợp giữ điểm nhìn bên trong với điểm nhìn bê ngoài, giọng điêuk của người kể chuyện, của nhân vật, có lối viết văn rất bình dị, giản đơn. Còn đoạn trích “Dì Hảo” là ngôi kể thứ ba, là sự kết hợp giữ điểm nhìn bên trong và điểm nhìn của người kể chuyện cùng với ngôn ngữ nửa trực tiếp… Lý giải về sự khác nhau ấy: Cả hai tác phẩm đều lấy bối cảnh xã hội thực dân nửa phong kiến. Cả Nam Cao và Nguyên Hồng đều là những nhà văn có tấm long nhân đạo cao cả, đều có chung quan điểm nghệ thuật “nghệ thuật vị nhân sinh”. Tuy nhiên, mỗi nhà văn lớn đều có phong cách độc đáo sáng tạo. Vì thế, cùng chung đề tà về người phụ nữ những hai tác phẩm đều có những nét riêng mang phong cách của mỗi nhà văn và cái nhìn hiện thức khác nhau.

Có thể nói, hai đoạn trích tuy là nhwungx lát cát nhỏ trong thiên truyện ngắn của Nam Cao và Nguyên Hồng nhưng đã phản ảnh chân thực số phận, cuộc đời của những người lao đông nghèo khổ dưới ách thực dân phong kiến. đầy nhwungx bất công, từ đó cất lên tiếng nói tố cáo những quan niệm những định kiến về thân phận người phụ nữ trong xã hội, cùng sự thấu hiểu, cảm thông trân trọng yêu thương những người phụ nữ nhỏ bé, bất hạnh. Với giọng văn giản dị mà thầm trầm sâu sắc cả hai đoạn trích đã thể hiện phong cách độc đáo của hai nhà văn

Văn chương muôn đời là mảnh đất bí ẩn cần được khai thác. Người nghệ sĩ bằng tài năng của mình chắt chiu từng những hạt bụt vàng giữa cuộc đời để đúc nên “bông hồng vàng” luôn tỏa sáng. Để hiện thực trần trụi bước vào trang văn một cách đẹp đẽ hơn, nhà văn cần tinh tế trong quá trình sản sinh ra đứa con tinh thần của mình. Tác phẩm văn học dù cho viết về cái xấu hay cái tốt, lương thiện hay tàn ác nhưng một khi đã bắt rễ vào hiện thực và chất chứa những giá trị nhân văn to lớn thì mãi mãi văn học sẽ sống và bầu bạn với con người dẫu “mọi lý thuyết là màu xám, chỉ cây đời mãi mãi xanh tươi”. Quả thật như vây! Hai tác phẩm “Mợ Du” và “Dì Hảo” cùng với tên tuổi của Nam Cao và Nguyên Hồng sẽ mãi mãi băt tử với thời gian với những bài học triết lí nhân sinh sâu sắc,

**ĐỀ 4**

**Đọc 2 văn bản (đoạn văn bản) sau:**

 **Văn bản 1:** (Lược đoạn mở đầu*: Mẹ mất khi Đăng mới hai tuổi, bố đi lấy vợ khác. Đăng ở với ông bà ngoại*)

…Đến bảy tuổi, Đăng chỉ quanh quẩn trong nhà. Nó ở với toàn người lớn. Người lớn không hiểu nó. Nó luôn cảm thấy tủi thân. Tóm lại là không thể bằng mẹ. Mẹ thì khác, dĩ nhiên rồi. Mẹ là hình ảnh tuyệt diệu, nó không hình dung là sẽ thế nào, nhưng rõ ràng nó cảm nhận được. Trong số bạn bè ít ỏi của Đăng có Thu. Thu bảy tuổi, có bố mẹ, có cả em nữa. ở trong hoàn cảnh như thế nên ý nghĩ và tình cảm của Thu khác nó.

Thu hồn nhiên và khá tự do. Nó có thể đi chơi mà chẳng cần phải định giờ về. Nó khác Đăng. Đăng bị một loạt qui định kìm giữ. Ông bà ngoại Đăng luôn luôn căng thẳng trong trách nhiệm với đứa cháu mình. Từ việc chơi với Thu, điều này thật vô hại mà ông bà cũng đe nẹt, cấm đoán nó. Thu có đôi tai hồng và đôi mắt đen nháy. Không hiểu sao Đăng rất thích được ve vuất đôi tai hồng ấy và nhìn sâu vào đôi mắt đen nháy ấy. Mày nhìn như nuốt tao ấy. Mày tìm cái gì ở đấy

Đăng bối rối. ừ, nếu là mẹ thì chắc cũng có đôi mắt như vậy. Không thể khác được.

- Không, tao không tìm gì cả. - Nó đánh trống lảng. - Này, mày có hay khóc không?

- Thỉnh thoảng. Phải có cái gì mới khóc chứ. Ai lại tự nhiên đi khóc bao giờ?

Thế mà thỉnh thoảng tao lại tự nhiên khóc đấy - Đăng nói. Nó cố ngẫm nghĩ xem có lần nào nó tự nhiên khóc không?

- Đấy là hồn của mẹ mày. - Thu nghiêm trang nói. Nó đã nghe đến chuyện người ta gọi hồn. - Hồn mẹ mày về bảo: "Này Đăng, con khóc đi, khóc đi cho vơi nỗi buồn... " - Nỗi buồn là gì? - Đăng hỏi. - Không biết, nhưng nó cũng giống như đánh mất cái gì. Hôm qua tao đánh mất cái cặp tóc, thế là tao buồn….

Vào lớp một, Đăng và Thu ngồi cùng một bàn. Với sự tiếp nhận thế giới xung quanh, Đăng luôn luôn cảm thấy thua kém Thu nhiều mặt. Thu dễ hòa hợp với bè bạn hơn. Nhận thức bài học cũng vậy Thu nhận thức nhanh hơn. Vô hình chung, Đăng cảm thấy có sự lệ thuộc nào đấy vào bạn. Một cách không tự giác, Thu như chỗ dựa cho Đăng về mặt tinh thần. Thu đứng ra bảo vệ cho Đăng trước các địch thủ trong lớp, nó nhắc nhở Đăng trong việc chuẩn bị bài vở. Cho đến lúc nào đó, Thu còn như lạm dụng vai trò của nó với Đăng. Bạn bè trong lớp đã chế giễu chúng:

- Cái Thu là mẹ, Thằng Đăng là con! Cái gì thằng Đăng cũng đều hỏi mẹ! Những lời như thế đầu tiên làm Đăng phẫn nộ.

Sau đó quen đi, một phần cũng do bản tính thụ động. Dần dà trong ý thức, Đăng có sự nể vì đặc biệt đối với Thu, sự nể vì đáng lẽ dùng cho người lớn. Thu rất tự hào về vai trò của nó đối với bạn. Nó nói với Đăng:

- Tao là mẹ mày! Thật đấy! Chúng nó nói không sai đâu!

Đăng cười bối rối, nó không tin Thu có thể trở thành mẹ. - Tuy thế, nó không bác lại. Thật ra, nó cần có mẹ.

(…)

Ông bà ngoại Đăng thương chiều nó. Nó là của quý. Những thói hư tật xấu của nó thường bị ông bà nó đổ lỗi cho Thu. Tính lông bông ương bướng, thói giễu cợt, sự lười nhác, thậm chí cả việc chậm hiểu của đầu óc nó cũng do bạn nó. Đăng biết ông bà ngoại nó nhầm. Càng lớn lên nó càng bướng bỉnh, càng cô đơn và càng nhạy cảm hơn về thân phận côi cút của mình.

Một bữa, Đăng đánh vỡ tan ông Phúc trong bộ Tam Đa bằng sứ. Bà ngoại tiếc của mắng nó: - Đồ hậu đậu. Tất cả là từ cái con mẹ Thu nhãi ranh của mày. Đăng trào nước mắt, nó uất ức, tủi cực. Nó trốn xuống bếp ngồi trong bóng tối và tức tưởi khóc. Trên nhà bà ngoại của Đăng vẫn đang điên cuồng gào thét. Có tiếng tầu điện sầm sập chạy nhanh ngoài phố. Bỗng ý nghĩ về cái chết bật ra rất nhanh trong Đăng. Đúng rồi! Ngã xuống dưới đường ray! Cái khối sắt đồ sộ lướt qua và thế là hết. Chẳng phải làm gì, chẳng phải nghĩ ngợi. Mười phút nữa sẽ có chuyến tầu đi qua. Điều cần nhất là báo cho Thu. Nó là bạn tốt. Nó cắt nghĩa được cái chết. Ông Phúc trong bộ Tam Đa bằng sứ có nghĩa lý gì? Phúc-Lộc -Thọ có nghĩa lý gì? Đăng len lén mở cửa rồi chạy ra đường. Cái tầu điện cách ba trăm mét. Thu đứng ở vệ đường.

- Mày sao thế? - Thu ngơ ngác.

Đăng chấp chói. Mặt nó tái đi không còn thần sắc. Cái tầu điện lướt qua. - Tròi ơi - Thu đẩy Đăng ra rồi ngã vật xuống.

Nó ngất đi….

Đăng không chết, vì do Thu đẩy ngã. Còn Thu lại bị tàu điện cán gẫy nát chân. Người ta đưa cả hai đứa đi viện. Đăng sốt cao, suốt đêm cứ vật vã nói mê liên hồi:

- Mẹ... mẹ... mẹ... mẹ...

Tiếng "mẹ" của nó như tiếng gió thổi ở ngoài đầu hồi. (…)

(Trích truyện ngắn *Tâm hồn mẹ*, Nguyễn Huy Thiệp, *https://isach.info/story.php?*)

**Văn bản 2** *(Lược một đoạn: Mẹ mất , vì muốn giữ lại chút kỉ vật của mẹ nên Tân đã đem theo chiếc rương mẹ hay giữ bên mình trở về biệt thự. Tân sai người làm mở khóa rương, thì chỉ nhìn thấy thư từ và giấy má đã úa vàng, quyển an bom, những bức ảnh kỉ niệm của gia đình. Nhưng Tân đặc biệt chú ý đến những bức thư mẹ viết cho Nghĩa- người con trai út của gia đình tham gia bộ đội bao năm vẫn bặt vô âm tín. Những bức thư mẹ gửi cho Nghĩa đều bị trả về…)*

“ Sang Tiệp tròn một năm, Tân được thư của mẹ báo tin Nghĩa vào bộ đội. Nhận giấy gọi vào Bách khoa trước giấy gọi nhập ngũ vậy mà Nghĩa nhất định không nghe theo lời bàn của cha mẹ. Cái thằng ấy tính nó như thế từ bé. Tân không nhớ cụ thể chỉ nhớ là từ bé Nghĩa đã sinh nhiều rắc rối cho gia đình. Khác với các anh chị, Nghĩa thường xuyên trái ý cha. Ông rất hiền, rất trầm tính, nên có lúc nào ông bực dọc, ông nổi cáu có thể biết ngay là vì thằng Nghĩa. Như trong lá thư của mẹ gửi Tân, thì việc Nghĩa khăng khăng khước từ giấy gọi đại học đã khiến hai cha con xung khắc đến mãi tận hôm Nghĩa lên đường. Mẹ thì tất nhiên là thương xót hết mực thằng con út không có được đường đời dễ dàng êm thấm như các anh chị của nó. Bà cho Tân số hòm thư của Nghĩa và hối thúc anh viết ngay gửi sớm để em nó mừng. Bà kể là đã lên thăm Nghĩa ở trại luyện tân binh trên Bãi Nai-Hòa Bình, thấy nó vất vả, gian khổ, thương lắm. Hồi đó, đọc biết thế, nhưng bây giờ mở xem lá thư mẹ viết cho Nghĩa mới thấy thấu cái tình thương xót của mẹ đối với nó.

“Người ta bảo là ở rừng thì dù nhọc mệt thế nào cũng chớ có ngủ trưa, vì bị ngã nước đấy con ạ. Hại sức lắm, mà mẹ thì ở xa chẳng lo được cho con… Mẹ lại thường hay nghĩ đến cái tính liều của con. Con ơi, có báo động dù chưa tiếng tàu bay vẫn phải tăng xê xuống ngay. Tránh voi chẳng xấu mặt nào. Thương mẹ thương cha con phải tự thương xót lấy mình con nhé…” “Chỗ quà này mẹ gói ra hai màu để con phân biệt. Gói bọc giấy xanh là kẹo, bánh, thuốc lá thì con mời anh em bè bạn với cấp chỉ huy. Riêng thuốc lá mẹ mong con hút ít. Nghe nói nơi các con đóng binh người dân tộc nấu rượu sắn nhiều lắm, mẹ lo. Uống rượu, hút thuốc hỏng đời con ạ. Còn trong gói đỏ là kim chỉ, đá lửa, pin, cặp ba lá, con phải cất kỹ. Các thức ấy không vặt vãnh đâu, ở Hà Nội đã khó kiếm, trong Khu Bốn với bên Lào lại càng quí báu. Nặng thêm một chút nhưng con gắng mang. Phòng khi ốm đau cảm cúng, nhất là chẳng may mà sốt rét thì đem đổi lấy thịt thà rau quả mà bồi dưỡng cho chóng lại. Mấy bà trong khối phố có con đi bộ đội trước con họ bày kinh nghiệm cho mẹ như thế…”

Tân không hiểu gói quà ấy có đến tay Nghĩa không, bởi rõ ràng tất cả những phong thư anh đang thấy đây mẹ anh đều đã gửi lên Lương Sơn khi mà đơn vị của Nghĩa đã rời đi. Tất cả đều bị gửi ngược về hoàn trả, nhưng mẹ vẫn nhẫn nại viết và nhẫn nại gửi cầu may tới cái hòm thư đã hoang phế đó. Mấy bức đầu mẹ anh viết ngắn như là viết vội để gửi đi gấp. Không viết gì nhiều, những thư ấy chỉ hối Nghĩa mau biên thư về cho cha mẹ hay số hòm thư mới với lại hiện đang ở đâu, sức khỏe thế nào. Nhưng theo dần năm tháng chiến tranh, thư của mẹ ngày một nhiều trang hơn và ngày một buồn bã hơn. Gửi đi bao nhiêu nhận lại bấy nhiêu, những lá thư của mẹ càng về sau càng như nhật ký, như là để gửi tới chính mình. Chữ mẹ nắn nót, dễ đọc dẫu màu mực đã phai, dòng nối dòng đều đều, miên man che giấu niềm vô vọng. Mẹ kể rằng đêm qua mẹ nhìn thấy Nghĩa nhưng chưa kịp gọi thì đã tỉnh, tỉnh dậy thì đã chẳng còn lại gì, chẳng níu giữ được gì nữa cả, trong phòng tối đen, ngoài trời còi báo động hú vang.

 *(Lược một đoạn: Cha Tân không nói thương Nghĩa nhưng qua từng hành động đối với những người lính bất chợt gặp, qua những ngày cha ốm, qua tiếng gọi Nghĩa ơi trước lúc cha mất, Tân nhận ra cha mình rất thương Nghĩa… Trong những lá thư mẹ gửi ra nước ngoài Tân không thấy mẹ nhắc đến những nhớ thương, đau đớn, lo lắng của cha mẹ trước hiện thực chiến tranh nhưng sau này khi đọc lại những lá thư mẹ gửi cho Nghĩa, Tân thấy điều đó)*

Nghĩa ơi. Tiếng gọi ấy là lời cuối của lá thư cuối cùng mẹ của Tân viết gửi người con trai út. Không còn lá thư nào viết vào những ngày tháng sau đó nữa. Có lẽ vì sau đó là năm 73, hòa bình. Anh chị em Tân lần lượt đỗ đạt trở về.

Có những người con sáng giá như anh chị em Tân, mẹ là một bà mẹ hạnh phúc hơn bao bà mẹ khác. Nào ngờ mẹ không hề biết thế là hạnh phúc. Gương mặt mẹ suốt bao năm trời đến tận khi nhắm mắt xuôi tay luôn lẳng lặng một vẻ chờ đợi âm thầm, rụt rè và vô vọng. May thay, cũng giống như những bức thư mãi mãi ở yên dưới đáy rương bên đầu giường mẹ, nỗi đau lòng của mẹ không bao giờ thốt nên lời, người ta không biết tới. Nông nỗi thương tâm bất động của một người già có cái đáng quí là không làm ai phải để ý, bởi để ý tới thì không khỏi đau thắt trong lòng và không sao mà có thể bình tâm để yên ổn sống một cách dễ chịu cho nổi.”

<https://isach.info/story.php?story=nhung_truyen_ngan__bao_ninh&chapter=0001>

**Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) so sánh về nội dung và nghệ thuật của 2 văn bản trên.**

**Chú thích:**

**- Tác giả *Nguyễn Huy Thiệp (1950- 2021)*:**Nhà văn đương đại Việt Nam nổi tiếng với các thể loại truyện ngắn, kịch, tiểu thuyết, phê bình văn học. Với ngòi bút đầy bản lĩnh và tài năng sáng tạo, giọng văn lạnh lùng, không sắc thái biểu cảm, nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đã làm một cuộc cách mạng trong tư duy nghệ thuật so với truyền thống. Những tác phẩm của ông mang lại cho bạn đọc một cảm giác vừa thân quen, vừa lạ lẫm, vừa truyền thống, vừa hiện đại. Nét cá tính và phóng khoáng, không bị gò bó bởi khuôn mẫu đã khiến cho văn chương của ông có sức hút một cách kỳ lạ, khó có thể diễn tả. Điều đó cho thấy ông không chỉ bao quát cuộc sống, không chỉ xoáy vào nhiều đề tài mà còn mở ra một phong cách mới của văn học Việt Nam hiện đại. Nguyễn Huy Thiệp xuất hiện khá muộn trên văn đàn ([1986](https://vi.wikipedia.org/wiki/1986)) nhưng được coi là người đạt đỉnh cao nghệ thuật của truyện ngắn[[3]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_Huy_Thi%E1%BB%87p#cite_note-3) với một loạt tác phẩm như: *Tướng về hưu, Không có vua, Tuổi 20 yêu dấu, Những ngọn gió Hua Tát, Những người thợ xẻ, Chảy đi sông ơi, Con gái thủy thần, Kiếm sắc, Vàng lửa, Phẩm tiết...*

- **Tác giả Bảo Ninh tên thật:** Hoàng Ấu Phương. Quê: xã Bảo Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Nhà văn quân đội, từng trực tiếp tham gia chiến đấu trên chiến trường miền Nam trước năm 1975 - chuyên viết về đề tài về chiến tranh. Bảo Ninh quan niệm đã viết văn là phải có vốn văn hóa, hiểu biết sâu, phải có khả năng tìm tòi khám phá để nhận ra viên ngọc quý lấp lánh bên trong. Một số tác phẩm chính:*Trại bảy chú lùn (Xuất bản năm 1987), Khắc dấu mạn thuyền, “Bội phản” trong tập “Văn Mới”, Bí ẩn của làn nước*

 ...............Hết .....................

 **ĐÁP ÁN**

**1.Mở bài:**

- Dẫn dắt lí luận văn học để đề cao vai trò của văn học trong cuộc sống con người: M. Gorki - “Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình, nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng hướng tới chân lí”.

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm và yêu cầu của đề bài: Tác giả Nguyễn Quang Thiều và Bảo Ninh đã khẳng định mối quan hệ giữa hiện thực và văn chương qua hai truyện ngắn *Tâm hồn mẹ* (Nguyễn Quang Thiều) và *Gọi con* (Bảo Ninh). Hai tác phẩm đã hấp dẫn người đọc bởi những điểm tương đồng và khác biệt trong nội dung và nghệ thuật.

**2.Thân bài:**

**a.Luận điểm 1:** Giới thiệu chung về 2 tác giả, tác phẩm

**- *Nguyễn Huy Thiệp (1950- 2021)*** là nhà văn đương đại Việt Nam nổi tiếng với các thể loại truyện ngắn, kịch, tiểu thuyết, phê bình văn học. Với ngòi bút đầy bản lĩnh và tài năng sáng tạo, giọng văn lạnh lùng, không sắc thái biểu cảm, nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đã làm một cuộc cách mạng trong tư duy nghệ thuật so với truyền thống. Những tác phẩm của ông mang lại cho bạn đọc một cảm giác vừa thân quen, vừa lạ lẫm, vừa truyền thống, vừa hiện đại, bộc lộ cá tính và phóng khoáng trong tâm hồn người cầm bút. Điều đó đã khiến cho văn chương của ông có sức hút một cách kỳ lạ, khó có thể diễn tả. Nguyễn Huy Thiệp để lại cho văn học Việt Nam một số tác phẩm tiêu biểu: *Tướng về hưu, Không có vua, Tuổi 20 yêu dấu, Những ngọn gió Hua Tát, Những người thợ xẻ, Chảy đi sông ơi, Con gái thủy thần, Kiếm sắc, Vàng lửa, Phẩm tiết, Tâm hồn mẹ…*

- **Bảo Ninh** là nhà văn quân đội, từng trực tiếp tham gia chiến đấu trên chiến trường miền Nam trước năm 1975 - chuyên viết về đề tài về chiến tranh. Bảo Ninh quan niệm đã viết văn là phải có vốn văn hóa, hiểu biết sâu, phải có khả năng tìm tòi khám phá để nhận ra viên ngọc quý lấp lánh bên trong. Có thể kể tới những tác phẩm tiêu biểu của ông như:*Trại bảy chú lùn (Xuất bản năm 1987), Khắc dấu mạn thuyền, “Bội phản” trong tập “Văn Mới”, Bí ẩn của làn nước, Gọi con…*

**b.Luận điểm 2: Phân tích điểm tương đồng về nội dung và nghệ thuật**

- Điểm tương đồng về nội dung: Hai tác phẩm đều viết về tình mẫu tử. Dù được nhìn ở những điểm nhìn khác nhau nhưng vẫn gợi lên những rung động sâu sắc trong lòng người đọc

- Điểm tương đồng về nghệ thuật:

+ Chủ đề của hai tác phẩm được thể hiện bằng hình thức truyện ngắn, ngắn gọn, súc tích. Hệ thống ngôn ngữ giản dị, hiện đại có khả năng tái hiện thế giới nội tâm nhân vật.

+ Hệ thống điểm nhìn đa dạng gắn với người kể chuyện ở ngôi thứ 3 đã tạo nên thành công riêng cho hai tác phẩm. Điểm nhìn độc đáo, kết hợp cùng kiểu lời nửa trực tiếp đã tạo nên thành công cho hai tác phẩm.

**c.Luận điểm 3: Phân tích điểm khác biệt của hai tác phẩm**

- Tác phẩm “Tâm hồn mẹ”

+ Câu chuyện thể hiện tình mẫu tử thông qua nhân vật một cậu bé mất mẹ tên Đăng. Nhà văn xây dựng nhân vật bằng lời trần thuật ở hiện tại và những dòng hồi ức, những tâm tưởng, suy tư của nhân vật.

+ Tác phẩm sử dụng lời kể độc đáo, lời đối thoại thể hiện tâm lí, tính cách của nhân vật Đăng, nhân vật Thu. Lời nửa trực tiếp bộc lộ chân thực, khách quan những suy tư ẩn sâu trong tâm hồn cậu bé bị tổn thương với những mất mát khó có thể chia sẻ cùng người khác.

+ Trong tác phẩm nhà văn thể hiện những góc khuất trong tâm hồn của những đứa trẻ mất mẹ, những khác biệt trong cách giáo dục của những thế hệ khác nhau. Từ đó, đề cao tình yêu thương, sự cảm thông thấu hiểu trong hành trình giáo dục.

- Tác phẩm “Gọi con”

+ Tình mẫu tử được thể hiện qua cách kiến tạo truyện kể với tình huống truyện độc đáo: khi Tân nhận được những kỉ vật của mẹ mình, trong những kỉ vật đó có những bức thư người mẹ gửi cho Nghĩa – em trai Tân.

+ Chủ đề không xuất hiện nhiều qua lời của người kể mà dường như người kể hòa vào Tân để tái hiện hình ảnh người mẹ qua những bức thư. Đó là người mẹ với những yêu thương, lo lắng, thấu hiều. Người mẹ luôn mang trong mình sự trăn trở, nỗi đau khi một đứa con không thể trở về sau chiến tranh.

+ Trong tác phẩm, Bảo Ninh thể hiện sự đồng cảm với những con người liên quan tới chiến tranh, tái hiện những hậu quả của chiến tranh ở một góc nhìn độc đáo, đồng thời cũng đề cao sự hi sinh của con người trong chiến tranh.

**d. Nhận xét, lí giải sự khác biệt**

- Nhận xét chung về hai tác phẩm: thể hiện chủ đề theo những cách riêng và truyền tải tới người đọc những suy tư sâu sắc về hiện thực cuộc đời.

- Lí giải sự khác biệt: Sự khác biệt trong hai tác phẩm được tạo nên bởi phong cách nghệ thuật riêng, độc đáo của hai nhà văn. Đó là thứ “vân chữ không trộn lẫn” tạo nên sự đa dạng về cách viết trong văn học Việt Nam.

**3.Kết bài:**

- Lí luận văn học: M.Gorki đã đề cao vai trò của người nghệ sĩ với quan điểm: “Nghệ sĩ là con người biết khai thác những ấn tượng riêng – chủ quan – của mình, tìm thấy trong những ấn tượng đó cái có giá trị khái quát và biết làm cho những ấn tượng ấy có được hình thức riêng”.

-Khái quát những nét giống nhau và khác nhau tiêu biểu. hai tác phẩm đã phản ánh thế giới quan của nhà văn Nguyễn Quang Thiều và Bảo Ninh, đó là hiện thực đời sống ở một góc nhìn riêng biệt và đem đến ấn tượng, xúc động thẩm mĩ mới mẻ cho người đọc

- Rút ra bài học cho bản thân: Cảm nhận bằng những tri thức cá nhân với những rung cảm chân thành để tác phẩm sống mãi trong lòng bạn đọc.

**Bài văn mẫu**

M. Gorki từng khẳng định - “Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình, nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng hướng tới chân lí”. Nhận định trên đã đề cao vai trò của văn học trong đời sống con người. Đến với văn học, người đọc không chỉ khám phá hiện thực cuộc đời mà còn khám phá những thông điệp, những chân lí dưới góc nhìn của nhà văn trong mỗi tác phẩm rồi từ đó nhìn nhận lại chính mình. Tác giả Nguyễn Quang Thiều và Bảo Ninh đã khẳng định mối quan hệ giữa hiện thực và văn chương qua hai truyện ngắn *Tâm hồn mẹ* (Nguyễn Quang Thiều) và *Gọi con* (Bảo Ninh). Hai tác phẩm đã thể hiện những nét tương đồng và khác biệt về nội dung và nghệ thuật của hai tác giả trong hành trình khai phá hiện thực.

Hiện thực vĩnh viễn là thiên đường của những cây bút vĩ đại, là chất “vàng mười" của văn chương. Đến với hiện thực cuộc đời, mỗi nhà văn chọn cho mình một hướng đi riêng để làm nên tên tuổi của mình. Tác giả Nguyễn Quag Thiều góp mặt trong nền văn học Việt Nam vớingòi bút đầy bản lĩnh và tài năng sáng tạo, giọng văn lạnh lùng, không sắc thái biểu cảm, nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đã làm một cuộc cách mạng trong tư duy nghệ thuật so với truyền thống. Những tác phẩm của ông mang lại cho bạn đọc một cảm giác vừa thân quen, vừa lạ lẫm, vừa truyền thống, vừa hiện đại, bộc lộ cá tính và phóng khoáng trong tâm hồn người cầm bút. Điều đó đã khiến cho văn chương của ông có sức hút một cách kỳ lạ, khó có thể diễn tả. Nguyễn Huy Thiệp để lại cho văn học Việt Nam một số tác phẩm tiêu biểu: *Tướng về hưu, Không có vua, Tuổi 20 yêu dấu, Những ngọn gió Hua Tát, Những người thợ xẻ, Chảy đi sông ơi, Con gái thủy thần, Kiếm sắc, Vàng lửa, Phẩm tiết, Tâm hồn mẹ…* Bên cạnh đó, tác giả Bảo Ninhxuất hiện với tư cách nhà văn quân đội - từng trực tiếp tham gia chiến đấu trên chiến trường miền Nam trước năm 1975 - chuyên viết về đề tài về chiến tranh. Bảo Ninh quan niệm đã viết văn là phải có vốn văn hóa, hiểu biết sâu, phải có khả năng tìm tòi khám phá để nhận ra viên ngọc quý lấp lánh bên trong. Có thể kể tới những tác phẩm tiêu biểu của ông như:*Trại bảy chú lùn (Xuất bản năm 1987), Khắc dấu mạn thuyền, “Bội phản” trong tập “Văn Mới”, Bí ẩn của làn nước, Gọi con…*Tác phẩm *Tâm hồn mẹ* và *Gọi con* là hai tác phẩm là minh chứng cho tài năng và phong cách sáng tác độc đáo của A và B

Hai tác phẩm hiện lên trước hết với những điểm tương đồng có thể nhận thấy rõ. Với mong muốn phản ánh hiện thực và đề cao giá trị của con người, Nguyễn Quang Thiều và Bảo Ninh đã lựa chọn chủ đề độc đáo cho tác phẩm của mình. Cùng viết về tình mẫu tử, hai tác giả đã mượn hình thức của truyện ngắn, cô đọng, xúc tích với lượng nhân vật ít để thể hiện và truyền tải những thông điệp sâu sắc tới người đọc. Chủ đề tình mẫu tử hiện lên qua cách hai nhà văn xây dựng nhân vật trung tâm của tác phẩm, với sự xuất hiện của những nhân vật như Đăng, Tân, người mẹ, Thu nhà văn đã triển khai cau chuyện với những sự kiện, chi tiết làm nên sự hấp dẫn riêng trong lòng người đọc. Sự hiện diện của chủ đề trong hai tác phẩm đã thể hiện quan niệm nghệ thuật gắn với hiện thực cuộc sống của hai nhà văn, đồng thời chủ đề cũng mở ra cho người đọc một góc nhìn mới về hiện thực để từ đó khám phá thông điệp nhân văn sâu sắc.

Điểm tương đồng trong hai tác phẩm *Tâm hồn mẹ* và *Gọi con* còn hiện hữu trong yếu tố nghệ thuật. Trước hết hai tác phẩm đều xuất hiện người kể chuyện ở ngôi thứ 3. Với bất kỳ một truyện kể nào, người kể chuyện đồng thời đảm nhiệm hai vai trò: vai trò giới thiệu và dẫn dắt câu chuyện và vai trò điều khiển. Không một truyện kể nào có thể tồn tại nếu thiếu người kể chuyện. Ngôi kể thứ batrong hai văn bản giúp nhà văn tạo nên cái nhìn khách quan, trung thực về hiện thực cuộc sống, giúp người đọc khám phá câu chuyện ở nhiều góc nhìn và tạo nên sự hấp dẫn cho truyện kể. Làm nên sự thành công của hai tác phẩm còn phải kể tới hệ thống điểm nhìn đa dạng. Hai tác phẩm đều quan sát và tái hiện hiện thực từ nhiều góc nhìn, trong đó nhà văn đã xây dựng góc nhìn chính là góc nhìn của nhân vật trung Tâm. Với góc nhìn của Đăng, của Tân kết hợp cùng nhiều góc nhìn khác nhau trong tác phẩm như điểm nhìn bên trong, điểm nhìn bên ngoài, điểm nhìn gắn với tâm lí, tình cảm của nhân vật đã giúp câu chuyện hiện lên khách quan trung thực. Người kể chuyện đứng ngoài quan sát để thấy được tình mẫu tử ở mỗi nhân vật trong mỗi tác phẩm hiện lên một cách đầy đủ, thấy sự chuyển biến trong tâm tư, tình cảm của nhân vật Đăng (Tâm hồn mẹ), nhân vật người mẹ, nhân vật Tân (Gọi con). Với cái nhìn khách quan, giọng kể biến tấu linh hoạt, người kể có khi quan sát, có khi đặt mình vào chính nhân vật để giúp câu chuyện hiện lên cụ thể, và từ đó kéo người đọc đi vào cuộc đối thoại trong văn bản truyện đó. Với sự dịch chuyển điểm nhìn trong văn bản , người trần thuật một mặt cố gắng tách mình ra khỏi diễn biến câu chuyện, mặt khác khi cần thiết thì lại hòa mình vào những nhân vật để khai thác triệt để, phô bày toàn bộ thế giới nội tâm con người.

Bên cạnh điểm chung, tác phẩm 1 và 2 còn chứa đựng những nét riêng, đó là minh chứng cho **“***vân chữ không trộn lẫn***”** của mỗi nhà văn trong nền văn học Việt Nam.Nói về hành trình sáng tác văn học và ý nghĩa của một tác phẩm nghệ thuật**, L. Tôn – xôi cho rằng: “*Một tác phẩm nghệ thuật phải là kết quả của tình yêu. Tình yêu con người, ước mơ cháy bỏng vì một xã hội công bằng, bình đẳng bái ái luôn luôn thôi thúc các nhà văn sống và viết, vắt cạn kiệt những dòng suy nghĩ, hiến dâng bầu máu nóng của mình cho nhân loại.*”** . Vì thế mỗi tác phẩm văn học ra đời là minh chứng cho nét riêng, độc đáo khi nhà văn khai phá hiện thực và biểu đạt hiện thực bằng một hình thức phù hợp.

Đến với thế giới nghệ thuật nhà văn Nguyễn Quang Thiều xây dựng trong những trang viết ở *Tâm hồn mẹ* người đọc thấy được sự khéo léo của tác giả khi thể hiện tình mẫu tử qua nhân vật chính là câu bé Đăng – một cậu bé mồ côi mẹ từ sớm, bố đi lấy vợ khác, cậu được ông bà ngoại nuôi dưỡng. Trước hết, nhà văn thể hiện chủ đề qua cách khéo léo xây dựng nhan đề *Tâm hồn mẹ* gây ấn tượng với bạn đọc. Nhan đề gợi sự liên tưởng, tưởng tượng và sáng tạo ở người đọc, đồng thời hé mở nội dung chính của văn bản để người đọc tò mò, khám phá. Để làm sáng tỏ nội dung của tác phẩm, nhà văn đã xây dựng mạch truyện hấp dẫn. Mở đầu tác phẩm là hình ảnh cậu bé Đăng đã bảy tuổi, với thế giới nội tâm cô đơn, khao khát được hưởng tình yêu thương từ người mẹ. Mạch truyện tiếp diễn đến sự gặp gỡ của Đăng với người bạn tên Thu, cậu bé dựa dẫm vào Thu, cảm nhận được sự quan tâm, chia sẻ mà mình vẫn mong muốn. Sau đó đến những khúc mắc giữa ông bà và Đăng, khiến cậu bé muốn dừng cuộc đời lại dưới bánh của đoàn tàu. Thu đã cứu Đăng và chịu gãy nát hai châu. Câu chuyện khép lại bằng hình ảnh Đăng chìm trong cơn sốt cao và những tiếng “mẹ” vẫn liên tục được cậu gọi trong lúc mê man. Từ mạch truyện, nhà văn Nguyễn Quang Thiều đã cung cấp những thông tin cho người đọc khám phá con người của nhân vật, suy tưởng tới tình mẫu tử thiêng liêng, những khao khát nhỏ bé nhưng không bao giờ thành hiện thực trong trái tim những đứa trẻ chịu mất mà và qua mạch truyện người đọc khám phá được những giá trị sâu lắng nhà văn muốn gửi gắm.

Tác phẩm *Tâm hồn mẹ* còn hấp dẫn người đọc bằng ngôn ngữ trần thuật độc đáo. Ngôn ngữ trần thuật mang đậm chất tự sự đời thường, tự nhiên nhưng hiện đại. Lời của người kể trong tác phẩm có vai trò trần thuật, miêu tả tâm trạng của các nhân vật và thể hiện ý nghĩa qua các sự kiện gắn với Đăng. Lời của người kể chuyện mang theo giọng điệu và ý thức, tình cảm riêng, đó là sự đồng cảm với những cô đơn, trống vắng trong lòng Đăng; đó là sự xót xa khi Đăng không tìm được sự thấu hiểu ở ông bà. Người đọc như thấy nhà văn đang hòa vào nhân vật, cảm nhận thế giới bằng đôi mắt và trái tim của một đứa trẻ chịu nhiều mất mát. Sự xuất hiện lời của người kể chuyện trong tác phẩm giúp nhà văn miêu tả, trần thuật nội dung tác phẩm, giúp đưa ra những phán đoán, đánh giá gợi mở cho người đọc trong quá trình theo dõi mạch truyện. Lời của nhân vật trong tác phẩm là những lời đối thể hiện thế giới nội tâm, tính cách của nhân vật, từ đó giúp người đọc khám phá được ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật trong mối quan hệ cùng giá trị của tác phẩm. Người đọc có thể thấy nhân vật Đăng với những khao khát cháy bỏng, với nỗi cô đờn, tủi hớn với những giây phút tuyệt vọng, hoặc thấy cô bé Thu với trái tim giàu tình yêu thương và lòng dũng cảm. Đó là điều đặc sắc Nguyễn Quang Thiều đã làm được thông qua hệ thống ngôn ngữ trong tác phẩm.

Cùng viết về tình mẫu tử, Bảo Ninh đã gắn tình mẫu tử vào một hoàn cảnh đặt biệt, đó là chiến tranh với những đau thương, mất mát của dân tộc. Tác phẩm *Gọi con* được kể lại với ngôi kể thứ 3, qua điểm nhìn chính của nhân vật Tân – một người con. Để tô đậm hiện thực và tạo ấn tượng trong lòng người đọc, Bảo Ninh đã lựa chọn tên gọi ấn tượng để đặt nhan đề cho tác phẩm. *Gọi con* là gợi dẫn ban đầu khiến người đọc tò mò, khám phá hiện thực trong văn bản, người đọc hình dung tưởng tưởng ở đó là trái tim của một người mẹ đang khao khát đợi chờ, lòng mong mỏi muốn được một lần gặp con của người mẹ. Nhan đề chính là minh chứng cho hành trình lao động nghệ thuật trách nhiệm, sáng tạo của Bảo Ninh. Dấu ấn riêng của nhà văn Bảo Ninh còn hiện hữu qua cách xây dựng mạch truyện hấp dẫn, câu chuyện mở ra khi Tân nhận được những di vật của người mẹ, trong những kỉ vật đó có những bức thư người mẹ gửi cho Nghĩa – người em trai đã tham gia chiến tranh nhưng chưa rõ tin tức từ sau hòa bình. Toàn bộ câu chuyện được tái hiện qua những cảm xúc, suy tư của Tân khi đọc bức thư của mẹ. Kết thúc câu chuyện là chiêm nghiệm của nhà văn về những người mẹ nén nỗi đau vào lòng để sống cùng thực tại. Qua mạch truyện, nhà văn Bảo Ninh đã cung cấp những thông tin cho người đọc khám phá con người của nhân vật, nhìn góc nhìn của tình mẫu tử qua một cuộc chiến và suy tưởng tới những giá trị sâu lắng nhà văn muốn gửi gắm. Cách kiến tạo truyện kể đã thể hiện khả năng sáng tạo và phong cách viết riêng của Bảo Ninh.

Ngôn ngữ trần thuật trong *Gọi con*  là một trong những phương thức thể hiện giọng điệu của người viết. Tô Hoàiquan niệm rằng: *“Mỗi chữ phải là một hạt ngọc buông xuống những trang bản thảo, hạt ngọc mới nhất của mình tìm được, do phong cách văn chương của mình mà có*”. Ngôn ngữ trần thuật trong *Gọi con* của nhà văn Bảo Ninh chủ yếu là những dòng tâm tư, suy nghĩ của nhân vật Tân, hoặc đó là những dòng thư người mẹ viết cho Nghĩa. Nhà văn đứng từ góc nhìn của nhân vật Tân để hòa vào từng khoảnh khắc, từng dòng hồi tưởng của người mẹ, từ đó thấu hiểu và cảm thông một cách sâu sắc. Ngôn ngữ góp phần tạo nên giọng điệu thiết tha, sâu lắng và từ đó giúp câu chuyện hiện lên chân thực

Phương Lựu đã khẳng định: “**Nghệ thuật là lĩnh vực của sự độc đáo vì vậy nó đòi hỏi người viết sự sáng tạo phong cách mới lạ, thu hút người đọc**”. Mỗi sáng tác văn học đều cần thiết phải có một điểm rất riêng, rất khác mang đậm phong cách cá nhân của chủ thể sáng tạo để có thể khẳng định giá trị, dấu ấn cá nhân trên nền văn đàn bề thế, to lớn và vĩ đại. Qua cách lựa chọn ngôi kể, điểm nhìn ấn tượng ở hai tác phẩm nhà văn Nguyễn Quang Thiều và Bảo Ninh đã tạo nên lối viết văn riêng với cách khám phá và thể hiện hiện thực khác nhau về tình mẫu tử. Cách lựa chọn và triển khai đề tài là minh chứng cho phong cách nghệ thuật độc đáo và những đóng góp của hai tác giả cho nền văn học Việt Nam hiện đại

Tác giả M.Gorki từng khẳng định điều quan trọng làm nên sự khác biệt của các nhà văn như sau: “*các anh hãy học tập tất cả những nhà văn có phong cách điêu luyện, nhưng các anh hãy tìm lấy nốt nhạc lời ca cho riêng mình*”. Như vậy người nghệ sĩ phải có một con mắt tinh sắc, một tâm hồn nhạy cảm và một tài năng đã đến độ chín để gửi vào trong tác phẩm giọng nói riêng của mình. Nhà văn không cần một đề tài mới nhưng cần một đôi mắt mới, một trái tim biết rung cảm và một ngòi bút có trách nhiệm với cuộc đời. Bằng cảm quan của người nghệ sĩ, đôi mắt của người nghệ sĩ, tài năng của người nghệ sĩ thế giới được tạo lập không phải một lần. Văn chương chân chính không có những lối mòn và người nghệ sĩ chân chính không bao giờ đi theo con đường của người khác. Qua các tác phẩm, bức tranh hiện thực xã hội không chỉ được tái tạo mà còn được phản ánh sinh động, thể hiện tư tưởng, tình cảm, tài năng của người nghệ sĩ. Đồng thời, người đọc nhận ra những vấn đề lớn lao của thời đại mình, nhận ra những quan điểm nhân sinh sâu sắc về cuộc sống và con người.

M.Gorki đã đề cao vai trò của người nghệ sĩ với quan điểm: *“Nghệ sĩ là con người biết khai thác những ấn tượng riêng – chủ quan – của mình, tìm thấy trong những ấn tượng đó cái có giá trị khái quát và biết làm cho những ấn tượng ấy có được hình thức riêng”.* Tác phẩm *Tâm hồn mẹ*  và tác phẩm *Gọi con* đã phản ánh thế giới quan của nhà văn Nguyễn Quang Thiều và Bảo Ninh, đó là hiện thực đời sống ở một góc nhìn riêng biệt và đem đến ấn tượng, xúc động thẩm mĩ mới mẻ cho người đọc. Qua hai tác phẩm, chúng ta nhận thấy cần phải đề cao trách nhiệm cá nhân với cuộc đời, cần nhận thức đúng vai trò của văn học trong mối quan hệ với hiện thực xã hội, để mỗi tác phẩm văn học có giá trị sẽ không dừng lại ở trang viết cuối.

ĐỀ 5

Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai văn bản truyện dưới đây:

 *(1)Chúng tôi đóng quân trong làng, cấu trúc trận địa phòng ngự xong thì giặc tràn tới. Chúng từ các làng mạn trên thị xã tiến xuống. Tiếng súng cối nổ từ sáng sớm. Trên mé đường cái, xe cộ, súng ống, lính Tây, lính ngụy bắt đầu dàn đội hình chuẩn bị tiến vào làng. Trong bữa cơm liên hoan, quân dân ở sân đình, các cụ phụ lão cùng ban chỉ huy bộ đội đã chỉ tay về hướng địch mà thề sống chết có nhau. Đơn vị chúng tôi hôm đó phòng ngự cố thủ. Gần hai trăm đồng bào không chịu tản cư, cương quyết ở lại cùng bộ đội đánh giặc. Đội du kích xã bám sát bên từng hố chiến đấu của chúng tôi. Gần chiều, các làng xung quanh trông thấy lửa bốc lên từ lũy tre làng Đằng. Địch đã chiếm được nửa làng. Tôi bị thương nặng. Địch xung phong vào lối ngõ nhà Thận, nhà tôi ở. Lúc trông thấy những bóng áo trắng của lính Tây lấp ló sau cái ngõ trống, tôi bảo Thận: “Cô quay lại phía sau xem đồng bào còn ai thì dắt xuống hầm, mau!”. Thận không nghe. Cô chỉ có một thanh mã tấu, liền vứt thanh mã tấu xuống, nhặt lấy cây tiểu liên của tôi bắn chết một tên địch rồi cõng tôi lui về phía sau. Đêm ấy, đơn vị chúng tôi phá vòng vây thoát ra ngoài. Trừ một số du kích ở lại bám sát địch, nhân dân lại gồng gánh ra đi theo bộ đội. Một hàng cáng thương binh từ sân đình theo con ngòi sau làng lặng lẽ tiến ra bờ sông Thong. Tôi nằm trên chiếc võng bà mẹ Thận thường hay nằm. Người cáng tôi đêm ấy chẳng phải ai khác lại chính là Thận. Năm năm rồi, lúc nào tôi cũng như trông thấy một mép khăn mỏ quạ bay lất phất trên cái cổ cao rám nắng, và thanh mã tấu in hằn xuống một bên vai áo nâu cứ đánh lách cách bên thanh đòn khiêng.*

(Trích *Nhành mai*, Nguyễn Minh Châu, Tuyển tập truyện ngắn, NXB Văn học, 2006, tr.14).

*(2)Mùa hè năm ấy nhà tôi chuyển về thành phố. Thế là tôi xa bến Cốc, xa chị Thắm. Khi tôi ra đi, chị Thắm gọi tôi xuống đò cho ăn cháo cá. Tôi cũng không ngờ đó là bát cháo cá mòi cuối cùng tôi ăn trong thời trai trẻ. Một cuộc sống mới mở oà trước mặt tôi. Thành phố cũng bán cá mòi nhưng là thứ cá đã được ướp khô, rút ruột….*

 *Năm ngoái, bỗng nhiên tôi có dịp trở về bến Cốc. Bây giờ tôi đã trưởng thành. Tôi làm công chức ở sở, lấy vợ, đẻ một đàn con đông đúc. Cuộc sống trưởng giả no đủ bao bọc lấy tôi. Có lẽ tôi cũng chẳng có gì phàn nàn cuộc sống. Ước mơ tuổi trẻ nhường chỗ cho bao nhu cầu thiết thực. Bến Cốc vẫn hệt như xưa. Cá mòi phơi trắng trên bờ. Bến đò rất ít những người qua lại. Cây gạo vẫn đứng cô đơn chốn cũ, màu hoa rực đỏ xao xuyến bồn chồn. Tôi bước xuống đò mà lòng bồi hồi khôn tả. Trên đò, một bà cụ già đang ngồi tư lự. Tôi bước lại gần khẽ hỏi: – Cụ ơi, chị Thắm lái đò còn ở đây không?*

*– Thắm ư?- Bà cụ thoáng nỗi ngạc nhiên. Tôi đứng lặng người khi nhận ra con đò cũ. Kỷ niệm ấu thơ bồng vụt hiện về. – ông quen nhà Thắm ư ông?- Bà cụ hỏi tôi, giọng nói nghẹn ngào- Bao nhiêu năm nay chẳng hề có ai hỏi thăm nhà Thắm….Nhà Thắm chết đuối hai chục năm rồi!*

*Tôi oà lên khóc nức nở. Xung quanh sông nước nhoà đi. Bà cụ lái đò vẫn đang rầu rầu kể lể: – Khốn nạn! nhà Thắm cứu được không biết bao người ở khúc sông này…Thế mà cuối cùng nó lại chết đuối mà không ai cứu…*

(Trích *Con gái thủy thần*, Nguyễn Huy Thiệp,

Nguyễn Huy Thiệp truyện ngắn*,* NXB Hội nhà văn, 2005, tr115)

Chú thích:

-Tác giả: Nguyễn Minh Châu (1930 - 1989), tên thật là Nguyễn Thí, là một nhà văn có ảnh hưởng quan trọng đối với văn học Việt Nam trong giai đoạn chiến tranh Việt Nam và thời kỳ đầu của Đổi mới. Ông là một trong những cây bút văn xuôi tiêu biểu của nền văn học Việt Nam 1954 - 1975. Trước những năm tám mươi, ông sáng tác theo khuynh hướng sử thi thiên về trữ tình, lãng mạn. Sau đó, ông chuyển sang cảm hứng thế sự với những vấn đề đạo đức, triết lý nhân sinh. Một số tác phẩm chính của Nguyễn Minh Châu*: Sau một buổi tập (1960); Cửa sông (1966), Dấu chân người lính (1972), Miền cháy (1977), Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành (1983), Bến quê (1985), Phiên chợ Giáp (1989),...*

- Nguyễn Huy Thiệp là hiện tượng độc đáo của văn học Việt Nam thời kỳ [đổi mới](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%95i_M%E1%BB%9Bi), để lại sức ảnh hưởng và dấu ấn lâu dài trên văn đàn. Ông viết nhiều thể loại: truyện ngắn, thơ, tiểu thuyết, tiểu luận văn chương, kịch... nhưng đặc sắc nhất là [truyện ngắn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Truy%E1%BB%87n_ng%E1%BA%AFn). Truyện ngắn của ông có cấu trúc, nhân vật, ngôn ngữ, cách triển khai riêng biệt, ảnh hưởng đến nhiều cây bút trẻ.

**\* Thân bài:**

**Đánh giá hai đoạn trích truyện**

*Nhành mai:*

*- Nội dung:* Nhân vật *tôi* được xây dựng để ngợi ca hình ảnh những người lính trực tiếp cầm súng trong cuộc kháng chiến chống Mĩ. Chính bởi thế, *tôi* xuất hiện là một anh lính pháo binh trẻ tuổi tên Lượng. Quan đôi mắt của Lượng, Nguyễn Minh Châu đã phản ánh lòng dũng cảm, đã ngợi ca tinh thần quyết tử của con người Việt trong kháng chiến

- Nghệ thuật:

+Điểm nhìn, ngôi kể, lời kể: Tác phẩm được xây dựng với điểm nhìn chủ yếu của nhân vật *tôi*, với cách kể chuyện ở ngôi thứ nhất Nguyễn Minh Châu đã tạo nên tính chân thực, giàu cảm xúc, hấp dẫn cho lời kể. Từ đó, dẫn dắt người đọc vào thế giới truyện độc đáo được nhà văn xây dựng.

+ Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện: nhẹ nhàng, hấp dẫn, dẫn dắt người đọc đi từ câu chuyện này tiếp đến câu chuyện khác, mọi diễn biến xoay quanh góc nhìn và cảm xúc của nhân vật tôi nhưng không vì thế mà nhân vật Thận hay những chi tiết, sự việc khác bị lãng quên. Tất cả tạo nên sự thống nhất.

+ Ngôn ngữ: giản dị, tự nhiên giúp bối cảnh của câu chuyện hiện lên chân thực, nhân vật hiện lên sinh động với những đặc điểm riêng, từ đó góp phần tạo nên nét riêng cho chủ đề của tác phẩm.

 *=>*Nguyễn Minh Châu đã tạo nên mạch truyện giản dị, nhẹ nhàng nhưng phản ánh chân thực sự khốc liệt của chiến tranh, tình người và vẻ đẹp của trong cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc Việt.

*Con gái thủy thần*:

*- Nội dung:*  Tâm hồn nhân hậu, quý trọng, yêu thương chị Thắm của nhân vật tôi dù trải qua thời gian năm tháng. Đau đớn trước cái chết của chị Thắm: Chị Thắm hiền lành, nhân hậu, cả đời đi cứu những người chết đuối nhưng cuối cùng bị chết đuối mà không ai cứu. Đó là tình cảm tiếc thương và vỡ mộng trước hình ảnh người chị trong kí ức.

- Nghệ thuật: Có sự đan xen yếu tố kì ảo và hiện thực, người kể chuyện ở ngôi thứ nhất nhưng có sự dịch chuyển điểm nhìn trần thuật tạo nên sự linh hoạt, nhiều điểm nhìn, nhân vật được khắc họa ở cả nội tâm và ngoại hiện, …

=> Qua nhân vật *tôi*, tác giả gửi gắm cái nhìn hiện thực sâu sắc: cuộc đời trần trụi, hiện thực nghiệt ngã không giống với những gì ta mơ ước, khao khát. Không phải cứ ở hiền sẽ gặp lành, làm điều tốt sẽ được báo đáp. Đôi khi, sống chân thực, tử tế nhưng lại gặp phải số phận bất hạnh, sự ghẻ lạnh của những người xung quanh.

**So sánh, đánh giá hai đoạn trích**

**- Những điểm tương đồng** **giữa hai đoạn trích:** Mang đặc trưng thể loại truyện ngắn, thể hiện được tư tưởng, tình cảm, quan niệm nghệ thuật của nhà văn; Đều chọn ngôi thứ nhất; điểm nhìn linh hoạt, lúc bên trong, lúc bên ngoài giúp tạo ra sự hứng thú và hấp dẫn cho người đọc.

**- Những điểm khác biệt** **và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy:**

*+ Nhành mai:*

 Số lượng nhân vật: đoạn trích có một nhân vật xưng tôi kể lại mọi tình tiết của câu chuyện đã diễn ra. Điều này tạo nên sự xung đột và mâu thuẫn cho câu chuyện.

 Cách khắc họa đặc điểm nhân vật: Được khắc họa qua suy nghĩ bên trong và chủ yếu là qua độc thoại => Đặc điểm nhân vật được bộc lộ rõ nét.

 Vẻ đẹp nhân vật: Những suy nghĩ của nhân vật tôi vẫn làm sáng lên vẻ đẹp của con người. Họ dù phải chịu sự tàn bạo, mất mát của chiến tranh thì vẫn luôn có một động lực giúp họ vượt qua, đó là tình yêu gia đình, vợ chồng, con cái, niềm hi vọng vào tương lai phía trước.

 Ngôn ngữ giàu tính biểu cảm, đánh thức xúc động trong lòng độc giả.

*+ Con gái thủy thần*:

 Nhân vật: *tôi*, bà cụ lái đò.

Cách khắc họa đặc điểm nhân vật:Được khắc họa qua lời kể, hành động và cảm xúc là chủ yếu, đối thoại có nhưng rất ít.

 Vẻ đẹp nhân vật: Dù trong tận cùng khốn khổ họ vẫn yêu thương nhau không chân thành không toan tính vụ lợi.

 Ngôn ngữ đối thoại gần với lời ăn tiếng nói đời thường, ngôn ngữ độc thoại chân chất mộc mạc đúng với bản chất của người bình dân

- **Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai đoạn trích truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm** **và tác giả:**

+ Hai tác phẩm được viết ở những giai đoạn văn học khác nhau: Trước và sau năm 1975.

+ Cả hai nhà văn đều đề cao vẻ đẹp của con người Việt Nam và thể hiện những đổi mới trong quan niệm nghệ thuật: Nguyễn Minh Châu *đi tìm hạt ngọc ẩn giấu sâu trong tâm hồn con người*, đặc biệt người lính trong chiến tranh. Nguyễn Huy Thiệp quan tâm tới con người đời tư, số phận cá nhân, con người được đánh giá theo quan niệm đạo đức mới.

**\* Kết bài:** Nêu ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm truyện khi đặt chúng trong tương quan so sánh.

*d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:*

- Đảm bảo cấu trúc: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.

- Triển khai ít nhất được hai luận điểm để làm rõ vấn đề nghị luận.

- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.

- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.

*đ. Chính tả, ngữ pháp*

Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.

*e. Sáng tạo*

Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.

Bài văn minh họa:

Các Mác từng tâm niệm rằng : “Lấy con người làm đối tượng miêu tả,con người có một điểm tựa để nhìn ra thế giới”.Tự bao đời,mối bận tâm của văn học sẽ là gì nếu không phải là sự toàn tâm toàn ý viết về con người.Con người được lựa chọn là trung tâm để lí giải,soi chiếu và khám phá cuộc đời.Nhà văn không thể hớt cái váng bọt nổi trên bề mặt của vạn vật,dẫu viết về điều gì,ngòi bút ấy của anh vẫn sẽ hướng tới những con người chân chính trong tác phẩm của mình.Nếu như Nguyễn Minh Châu đi tìm kiếm vẻ đẹp của con người Việt Nam trong thời chiến trong “Nhành mai” qua đoạn trích “Chúng tôi đóng quân trong làng, cấu trúc trận địa phòng ngự xong thì giặc tràn tới... thanh đòn khiêng.” thì Nguyễn Huy Thiệp lại quan tâm tới số phận con người đời tư thế sự trong “Con gái thủy thần” qua đoạn trích “Mùa hè năm ấy nhà tôi chuyển về thành phố...Thế

Bằng những trải nghiệm của người nghệ sĩ chân chính, Nguyễn Minh Châu đã ca ngợi lòng dũng cảm của những người lính, lòng yêu quê hương đất nước của nhân dân qua tác phẩm “Nhành mai”. Nhân vật tôi được xây dựng để ngợi ca hình ảnh những người lính trực tiếp cầm súng trong cuộc kháng chiến chống Mĩ. Chính bởi thế, tôi xuất hiện là một anh lính pháo binh trẻ tuổi tên Lượng.Bức tranh hiện thực thời chiến được dựng lên vô cùng khốc liệt.Đó là “Chúng từ các làng mạn trên thị xã tiến xuống. Tiếng súng cối nổ từ sáng sớm. Trên mé đường cái, xe cộ, súng ống, lính Tây, lính ngụy bắt đầu dàn đội hình chuẩn bị tiến vào làng”.Giặc đã tràn vào khu dân cư,tiếng bom,tiếng súng dội xuống làng quê yên bình,xét nát đi cái gọi là hoà bình của dân tộc.Nhưng trái ngược với sự nguy hiểm ấy,nhân dân lại bất khuất kiên cường hiên ngang : “Gần hai trăm đồng bào không chịu tản cư, cương quyết ở lại cùng bộ đội đánh giặc”.Đó là bản lĩnh,là lòng yêu nước của con người Việt Nam như Nguyễn Khoa Điềm từng viết:

“Người con trai ra trận

Người con gái ở nhà nuôi cái cùng con”

Là người tiên phong trong thế giới văn xuôi hiện đại,nhà văn Nguyễn Minh Châu đã có những chấm phá nghệ thuật độc đáo trong đoạn trích. Tác phẩm được xây dựng với điểm nhìn chủ yếu của nhân vật *tôi*, với cách kể chuyện ở ngôi thứ nhất Nguyễn Minh Châu đã tạo nên tính chân thực, giàu cảm xúc, hấp dẫn cho lời kể. Từ đó, dẫn dắt người đọc vào thế giới truyện độc đáo được nhà văn xây dựng. Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện nhẹ nhàng, hấp dẫn, dẫn dắt người đọc đi từ câu chuyện này tiếp đến câu chuyện khác, mọi diễn biến xoay quanh góc nhìn và cảm xúc của nhân vật tôi nhưng không vì thế mà nhân vật Thận hay những chi tiết, sự việc khác bị lãng quên. Tất cả tạo nên sự thống nhất,kết hợp hài hòa hợp lí sâu sắc.Đặc biệt ngôn ngữ giản dị, tự nhiên giúp bối cảnh của câu chuyện hiện lên chân thực, nhân vật hiện lên sinh động với những đặc điểm riêng, từ đó góp phần tạo nên nét riêng cho chủ đề của tác phẩm.

 Trong thế hệ nghệ sĩ của thời đại mới,Nguyễn Huy Thiệp là một dòng chảy lạ,ông được coi là người “tạo ra một cảm quan mới,cái nhìn mới về đời sống, dẫn đến một hướng viết mới, một ngôn ngữ mới, một cách biểu đạt mới trong văn xuôi Việt Nam hiện đại”(Văn Gía).Bởi thế,đoạn trích trên hướng tới khắc họa hình tượng nhân vật tôi hiểu chuyện,yêu thương và trân trọng quá khứ,giữ trong mình niềm tin với cuộc đời.Sau bao nhiêu năm xa quê cậu trở về quê nhà.Và ở nhân vật “tôi”,điều đáng để tâm nhất ấy là cậu bé hiểu chuyện,biết trân trọng tình nghĩa lại phải hứng chịu những bi kịch trong nhận thức,suy nghĩ về cuộc đời và con người.Bi kịch mà “tôi” đối mặt là:đau đớn vỡ mộng về cái chết của chị Thắm và hiểu về sự thực tai quái của cuộc đời với con người-ở hiền không chắc hẳn sẽ gặp lành.Bi kịch ấy xảy đến khi “tôi” đã trưởng thành,trong một lần về thăm quê nhà bến Cốc.Chính từ bi kịch ấy,ta mới thấy được hình ảnh một cậu bé biết trân trọng quá khứ,biết ơn người đã cưu mang và thấu hiểu được lẽ nhân sinh ở đời.Trở về quê hương là một công chức sở,cậu vẫn nhớ như in hình ảnh bến Cốc ngày xưa “hệt như xưa”.Nghĩa tình của cậu được tô đậm hơn nữa khi tác giả để cậu nhớ về chị Thắm trước kia đã cưu mang mình khỏi guồng quay sinh tử. “Tôi” gặp gỡ bà cụ và hỏi chuyện về chị Thắm.Nhưng rồi bi kịch thực sự xuất phát từ đây. “Tôi òa lên nức nở”,lại cảm giác “tê tái” khi nghe vẳng bên tai tiếng hát:

“Chảy đi sông ơi

Băn khoăn làm chi

Rồi sông đãi hết

Anh hùng còn chi?”

Những cảm xúc của một người biết ơn,đau xót trước sự ra đi của một ân nhân đã cứu giúp mình nhưng lại bị cuộc đời đầy vào bi thương và nghịch lí “nhà Thắm cứu được không biết bao nhiêu người ở khúc sông này…Thế mà cuối cùng nó lại chết đuối mà không ai cứu”.Cậu bé xót xa,đớn đau cho phận người phụ nữ,cảm thấy “cuộc sống hiện giờ của tôi vô nghĩa biết bao”.Có chăng,người phụ nữ trong thời đại cũng luôn phải gánh chịu những bất công như thế.Số phận chị Thắm gợi nhắc đến nhân vật Nhàn trong “Tro tàn rực rỡ”-Nguyễn Ngọc Tư,một người vợ luôn hết lòng vì chồng,làm mọi việc chỉ để nhìn thấy mặt chồng nhưng trong ánh mặt của Nhàn chỉ toàn là lửa,là tro.Số phận bất hạnh ấy khiến bất cứ ai cũng phải xót thương,giống như cậu bé đau đớn trước nghịch lí của chị Thắm bên bến Cốc thân thương.Hình ảnh con trâu đen được nhắc lại,nhưng nó đã biến mất hoàn toàn ý nghĩa biểu tượng của sự đẹp đẽ,của niềm tin về ai gặp được trâu phải là người tốt.Dường như, “tôi” đã hiểu ra cái lẽ đời mà bây lâu nay cậu vẫn lầm tưởng:con trâu đen chỉ là một huyền thoại khác xa với cuộc sống hài kịch,luôn bất ngờ,truân truyên và nghịch lí với con người.

 “Hứng thú của một nhà văn cũng như các nhà phê bình văn học đôi khi không phải là câu chuyện được kể mà là cách kể”(Nguyễn Thanh Tú).Bằng “cách kể” đặc sắc,độc đáo,mới mẻ Nguyễn Huy Thiệp đã xây dựng thành công nhân vật “tôi” trong thiên truyện.Trước tiên là cách ông xây dựng không gian,thời gian có sự tiếp nối giữa quá khứ và hiện tại,tạo nên một hành trình dài để nhân vật bộc lộ tính cách.Nghệ thuật trần thuật cũng được vận dụng linh hoạt từ cách lựa chọn ngôi kể thứ nhất để dễ dàng thuật lại cảm xúc cho tới sự dịch chuyển linh hoạt các góc nhìn của truyện.Cùng với đó,nhà văn rất thành công khi xây dựng đan xen yếu tố hiện thực và kì ảo,huyền thoại (con trâu đen) để gây ấn tượng mạnh mẽ với bạn đọc,bộc phát tâm trạng nhân vật.Ngôn từ được sử dụng giản dị,thanh thoát với các cuộc hội thoại,độc thoại nội tâm thể hiện được phẩm chất của hình tượng nhân vật tôi trong suốt thiên truyện.

 Đoạn trích là một trong những trích đoạn hay nhất của truyện ngắn,góp phần tô đậm tư tưởng và phong cách Nguyễn Huy Thiệp. Với nhân vật “tôi”,ông đã bộc phá được chân lí cao cả về cuộc đời rằng:Cuộc đời không phải là những gì đẹp đẽ,kì diệu như trong tâm tưởng,niềm tin của chúng ta,đôi khi nó trần trụi,khắc nghiệt và đặt ra những nghịch lí,gian truân với con người.Và với mỗi con người,sống tốt không đồng nghĩa với việc được đối xử tốt,ở hiền không chắc hẳn sẽ gặp lành.Đó là lẽ thường tình mà không phải ai cũng có thể thấu hiểu sâu sắc.

 Xuất phát là những nhà văn tiên phong cho thể loại truyện ngắn trong văn xuôi hiện đại Việt Nam,hai đoạn trích trên của Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Huy Thiệp có những điểm gặp gỡ khi cùng phạm vi trong một thể loại.Cả hai trích đoạn đều đặt con người vào trung tâm để nhà văn lí giải,so sánh và bộc lộ ý niệm nghệ thuật của mình.Cùng với đó,hai đoạn văn còn đều được kể ở ngôi kể thứ nhất.Điểm nhìn của nhân vật có sự linh hoạt,đan xen luân phiên nhau.Điều này tạo sự hấp dẫn cho câu chuyện,lôi cuốn và thu hút bạn đọc đến với thiên truyện.

 Dẫu vậy, “nhà văn không có phép thần thông để vượt ra khỏi thế giới này nhưng thế giới trong mắt nhà văn phải có hình sắc riêng”(Hoài Thanh).Hai đoạn trích của hai văn nhân đều có hình sắc riêng biệt,độc đáo trên một số những phương diện nội bật:nhân vật,nghệ thuật xây dựng nhân vật,ngôn ngữ truyện,...

 Với “Nhành mai”,đoạn trích chỉ có một nhân vật duy nhất là Lượng-nhân vật chính của câu chuyện cũng như đoạn trích.Lượng đứng ra thuật lại câu chuyện tạo nên rất nhiều những mâu thuẫn xung đội nhưng khá chân thực về cuộc sống thời kháng chiến.Hơn hết,nhân vật xưng tôi chủ yếu bộc lộ tâm tình qua những lời độc thoại nhẹ nhàng,xuất phát từ con tim chân thành và từng trải. Những suy nghĩ của nhân vật tôi vẫn làm sáng lên vẻ đẹp của con người. Họ dù phải chịu sự tàn bạo, mất mát của chiến tranh thì vẫn luôn có một động lực giúp họ vượt qua, đó là tình yêu gia đình, vợ chồng, con cái, niềm hi vọng vào tương lai phía trước.Đó là vẻ đẹp của con người Việt Nam mà Mai Văn Phấn gọi đó là “căn tính”,dân tộc tính cao đẹp.

 Còn qua “Người con gái thủy thần”,Nguyễn Huy Thiệp đặt câu chuyện trong tương quan qua lại giữa bà cụ và cậu bé.Câu chuyện hầu hết được thuật lại qua hành động,lời nói của các nhân vật.Nhà văn vẫn có sử dụng đôi chút lời độc thoại nội tâm góp phần cho câu chuyện thêm chân thực,chân thành và tạo nên chân lí muôn thời.Cùng với đó,vẻ đẹp của nhân vật cũng tô đậm thêm lòng yêu thương,biết trân trọng quá khứ,đặt niềm tin yêu vào cuộc sống này.Dù trong tận cùng khốn khổ họ vẫn thương yêu nhau. Ngôn ngữ đối thoại gần với lời ăn tiếng nói đời thường, ngôn ngữ độc thoại chân chất mộc mạc đúng với bản chất của người bình dân mà Nguyễn Huy Thiệp đã miêu tả.

 Như vậy,có thể thấy rằng hai đoạn trích đến thực sự tiêu biểu cho cái tạng riêng của mỗi nhà văn qua từng thời kì khác nhau.Nếu như Nguyễn Minh Châu viết “Nhành mai” trước năm 1975 thì Nguyễn Huy Thiệp cho ra đời “Con gái thủy thần” sau đó.Đó chính là lí do tạo nên sự độc đáo khác biệt cho mỗi nhà văn,mỗi tác phẩm.Nguyễn Minh Châu ca ngợi sự dũng cảm,bất khuất của con người trong thời chiến thì Nguyễn Huy Thiệp quay trở về đời tư thế sự,quan sát và miêu tả những nét tính cách quen thuộc trong cuộc sống đời thời của con người chúng ta.

 Đúng như nhà phê bình Chu Văn Sơn từng chia sẻ “Văn chương cho ta sống về phía khác của cuộc đời”.Hai nhà văn,hai đoạn trích đã cho ta trải nghiệm tầng sâu của cuộc sống,vỡ lẽ ra những điều sâu sa về cuộc đời và con người.Nhành mai của Nguyễn Minh Châu cho ta sống một thời oanh liệt chiến tranh oai hùng.Để từ đó,trong thời bình người ta mới xót thương và biết ơn những người đã làm nên đất nước.Cũng từ những con chữ biết nói,nó lay động ta lòng yêu nước,cống hiến hết mình để phát triển Tổ quốc thân yêu.Còn nhân vật “tôi” nói riêng của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp như một gáo nước lạnh dội vào giấc mộng đẹp đẽ chấp chới của mỗi chúng ta về cuộc đời và con người,thức tỉnh con người ta về lẽ sống cao cả.Chúng ta không thể cầu toàn về một cuộc sống đẹp như cổ tích cũng như không thể làm cho dòng sông ngừng chảy.Tiếng lòng của nhà văn đã cho ta hiểu về mối quan hệ giữa thực tế và tâm tưởng.Từ đó,ta sẽ có cái nhìn khác về đời sống,sống sao cho khỏi sống hoài sống phí,tận dụng được cơ hội để thể hiện giá trị của bản thân.

 Như thế,Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Huy Thiệp đã xây dựng thành công các nhân vật trong truyện ngắn của mình với những phẩm chất,tính cách đáng nể phục,trân trọng.Nhân vật ấy chính là hình tượng để nhà văn kí thác tư tưởng và bộc lộ tài năng nghệ thuật của mình.Đó cũng là hiện thân của con người trong văn chương,để bạn đọc có thể “nhìn ra thế giới” và rồi hiểu về chính mình,về cuộc đời,về con người.

Đề 6

Viết bài văn (khoảng 600 chữ) cảm nhận đặc sắc nội dung, nghệ thuật trong hai văn bản "Giàn bầu trước ngõ" của Nguyễn Ngọc Tư và “Mùi rơm rạ quê mình” của Ngọc Bích.

**Giàn bầu trước ngõ của Nguyễn Ngọc Tư**

 *(Lược một đoạn: Nội ra thành phố thăm nhà “tôi”, trồng một giàn bầu. Mới đầu cả nhà đều thích thú với với món canh bầu dân giã, nhưng sau đó, trừ “tôi” cả nhà đều thấy chán nản và phiền phức vị sự xuất hiện của giàn bầu. Sau này, bố đón hẳn nội ra thành phố. Để khỏa lấp nỗi nhớ quê cùng nỗi buồn khi sống trong căn nhà quá rộng đến mức người thân hiếm khi được chạm mặt nhau, nội tìm niềm vui trong căn bếp với đủ các loại bánh quê, và nội trồng bầu ngày một nhiều lên…)*

Mùa này nhiều trái bầu khô, nội hái vào móc ruột ra, lấy cái vỏ mằn mì gọt. Lâu lâu nội đưa lên nhìn, nheo nheo mắt. Tôi hỏi, nội gọt gì. Nội cười, đưa cho tôi mảnh vỏ dầy hình trái tim nhỏ xíu.

 - Mặt dây chuyền cho tụi nhỏ đeo.

 Tôi không nén được xuỳ một tiếng.

 - Thời này ai đeo mấy thứ này, nội làm chỉ mất công.

 Trong đôi mắt đùng đục của bà, tôi thấy có một nỗi buồn sâu kín. Con chị bếp dưới quê lên, bà gói dúi vào tay nó mấy mảnh bầu. Con nhỏ hớn hở, vui thiệt là vui. Cũng niềm vui ấy, con bé bán vé số lỏn lẻn cười "Bà đẽo đẹp ghê ha". Hôm sau tôi thấy nó xúng xính xỏ cọng chỉ vào, đeo tòn ten trước cổ lạ lắm. Hình như tôi ngắm vàng ròng, cẩm thạch quen rồi. Tôi xin, bà móm mém cười "Bà để dành cho bay cái đẹp nhất nè".

 Tôi gói trái tim xíu xíu kia bỏ vào ngăn tủ, chị Lan trông thấy giành "cho chị đi". Tôi lắc đầu. Chị giận bảo "chị cóc cần, ở chợ bán hàng khối". Nhưng rồi chị quay về nài nỉ tôi . Lần đầu tiền, tôi thấy món quà của nội dễ thường đến thế.

 Giàn bầu vẫn trước ngõ. Cha tôi đã thôi khó chịu, hay bực dọc riết rồi chai đi, chẳng biết bực là gì nữa. Nhưng khách đến nhà, ai cũng khen "anh ba có giàn bầu đẹp thiệt". Họ săm soi, từng mảng lá cuống hoa. Khách nước ngoài còn kề má bên trái bầu xanh lún phún lông tơ mà chụp hình kỷ niệm. Mấy anh chị sinh viên đạp xe ngang dừng lại nhìn đau đáu qua rào rồi kháo nhau "Nhớ nhà quá, tụi mày ơi". Chiều chiều, tôi ra giàn bầu xanh rượi, mơ màng nghe con ong vò vẽ trên từng phiến lá, chớp mắt nhìn chim sâu lích rích chuyển cành, chuồn chuồn rồi bướm rồi hoa thi nhau nở chấp chới**.** Bà nội tôi yếu hơn trước, mùa mưa bắt đầu lướt sướt đi qua. Ông chủ tịch đến chơi nhà, ôm chầm lấy nội, lắc lắc "lúc này má khoẻ không?" Nội cười xoà mà nghe nghẹn nghẹn "khoẻ, má khỏe". Cha tôi sai chị bếp mang rượu thịt ra ông chủ tịch khóa tay:

 - Thôi, chú bảo chị ấy nấu canh bầu ăn.

 Cha hẩng mặt. Chị bếp lúi húi gọt bầu, mùi nước canh xông vào mũi thơm lừng. Ông chủ tịch day qua bà nội khoe "lâu quá không ăn canh bầu rồi, má!" nội cười: "má nhớ bay thích nhất là ăn bầu nấu tép bạc". Cha tôi dợm mình "để con đi mua tôm". Ông chủ tịch ấn vai, bảo "thôi, chú cứ ngồì xuống, anh thèm lắm rồi, không chờ chú được đâu". Hôm ấy cả nhà tôi ăn lại bát canh ngày xưa, nghe ngọt lìm lịm lưỡi. Chị bếp ngó nội, khoái chí cười đầy hàm ý. Hình như nội tôi vui.

 Giàn bầu thưa hẳn đi. Cái giống lạ thật. Nắng bao lâu vẫn xanh tốt, mới mưa dầm lại héo dây. Tôi đập vỡ trái bầu khô, lấy hạt ra ươm. Mùa mưa dữ dội, nội tôi bệnh, bà bị chứng tai biến não. Nội lơ ngơ, đã cười đã khóc thì không sao dừng được, tay run rẩy cầm ca nước, bát cơm cũng khó. Trời đổ mưa, sấm giật ầm ầm, nội thều thào nhắc:

 - Sắp nhỏ đừng hứng nước mưa đầu mùa, hổng tốt. Chà, mưa vầy ngập đồng rồi, ngâm giống gieo mạ đi thôi.

 Bà nội lẩn thơ lẩn thẩn rồi, mà hình như bà chỉ nhớ về quá khứ. Nội hay ra ngoài hiên, chăm chăm nhìn giàn bầu đang run rẩy trong gió. Bà ngồi đấy lặng lẽ, thẫn thờ, như chờ một tiếng vạc sành, một tiếng ếch kêu. Tay bà lạnh ngắt, tôi chạy vào phòng lấy lọ dầu thoa, vẫn thấy mảnh bầu trái tim màu vàng trong ngăn kéo, cái màu vàng như của rạ, của lúa, như của mái nhà lá nhỏ lơ phơ dưới nắng chiều. Giàn bầu vẫn trước ngõ, có kẻ đi qua kêu lên, "tôi nhớ nhà". Cha tôi bảo: "có thể bứt người ta ra khỏi quê hương nhưng không thể tách quê hương ra khỏi trái tim con người." Và cha tôi lại nói đúng.

**(……………………)**

**Chú thích:**

Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976 tại Đầm Dơi, Cà Mau. Là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Với niềm đam mê viết lách, chị miệt mài viết như một cách giải tỏa và thể nghiệm, chị biết rằng chị muốn viết về những điều gần gũi nhất xung quanh cuộc sống của mình. Giọng văn chị đậm chất Nam bộ, là giọng kể mềm mại mà sâu cay về những cuộc đời éo le, những số phận chìm nổi. Cái chất miền quê sông nước ngấm vào các tác phẩm, thấm đẫm cái tình của làng, của đất, của những con người chân chất hồn hậu nhưng ít nhiều gặp những bất hạnh.

**MÙI RƠM RẠ QUÊ MÌNH…**

**Ngọc Bích**

 *(1) Tôi sinh ra từ một vùng sâu vùng xa ở bưng biền Đồng Tháp, lớn lên giữa hương đồng cỏ nội. Nơi tôi sống ruộng lúa không hẳn là thẳng cánh cò bay mà đủ ngan ngát [[1]](#footnote-1)mùi rơm rạ sau mỗi mùa gặt.*

 *(2) Đối với những người sinh ra và lớn lên ở thôn quê thì dường như cánh đồng đã trở thành một phần ký ức chẳng thể nào quên, bởi nó gắn liền với tuổi thơ - phần thời gian trong trẻo nhất của một đời người.*

 *(3) Trong ký ức của tôi, bức tranh đồng quê sống động một cách kỳ lạ. Đó là những sân phơi trải đầy lúa vàng, tụi con nít vẫn hay đi tới đi lui trên những thảm lúa ngoài sân để lúa mau khô, những bước chân nhỏ xinh in ngang dọc trên đệm lúa vàng. Chúng bước nhanh thật nhanh để tránh cái nắng trên đầu và cái nóng hừng hực dưới chân. Ngày mùa trong tôi còn là những ụ rơm, nhánh rạ trơ ra sau vụ gặt. Đâu đâu cũng thấy rơm rạ ngút ngàn, vàng những lối đi.*

 *(4) Tôi thương cái mùi rơm rạ quê mình. Nó cứ thoang thoảng rồi loang dần, quấn chặt vào sống mũi. Mùi rơm rạ là mùi của đồng ruộng, mùi của mồ hôi ba ngày vác cuốc ra đồng, mùi của niềm vui mùa lúa trúng, mùi nỗi buồn nơi khoé mắt mẹ sau mỗi vụ thất thu.*

 *(5) Nồi cơm mới thơm lừng, không những thơm bởi hạt gạo mà còn vì được đun bằng bếp rơm, lửa cháy bùng, cơm sôi ùng ục. Đó là cái mùi cứ phảng phất theo tôi, để rồi những tháng năm sau đó tôi đi khắp mọi miền, đi qua những đồng lúa xanh tít mắt bất chợt nhớ đến mùi thơm ấy, mùi hương của rơm rạ và mùi của chén gạo thơm hương lúa mới. Cái mùi ấy ngan ngát trong lồng ngực không dễ quên của biết bao con người lớn lên từ ruộng đồng như tôi.*

 *(6) […] Tôi lớn lên giữa mùi rơm rạ quê hương, mấy đứa bạn tôi giờ mỗi đứa một nơi. Có đứa qua xứ Tây Đô lập nghiệp, có đứa đi làm dâu tận vùng miệt thứ Cà Mau. Còn tôi… sống và làm việc ở phố thị xa hoa, đêm đêm nhớ nhà, nhớ mùi rơm rạ mà bật khóc. Chao ôi, cái mùi rạ nồng nồng khó tả.*

(Nhiều tác giả, *Nghĩa tình miền Tây,* NXB Hồng Đức, 2022, tr. 41-44)

**HƯỚNG DẪN LÀM BÀI**

**2.Thân bài:**

**a.Luận điểm 1: Cảm nhận, phân tích các đối tượng**

a1. Cảm nhận, phân tích các đối tượng so sánh thứ 1

\* Khái quát về nhà văn Nguyễn Ngọc Tư, tác phẩm :

\* Khái quát về câu chuyện Giàn bầu trước ngõ:

\* Phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của câu chuyện

- Nội dung:

+ Người đọc cảm nhận được sự khắc nghiệt của cuộc sống qua việc tác giả miêu tả giàn bầu trước ngõ.

+ Người đọc cũng cảm nhận được sự đoàn kết và tình yêu thương trong cộng đồng qua những câu chuyện nhỏ xung quanh giàn bầu.

- Nghệ thuật:

+ Nghệ thuật kể chuyện: sử dụng ngôi kể ngôi thứ nhất.

+ Sử dụng ngôn ngữ mộc mạc, gần gũi nhưng rất sâu lắng và tinh tế.

+ Cách diễn đạt chân thực, gần gũi

+ Sử dụng các kỹ thuật miêu tả, tả cảnh rất tinh tế

a2. Cảm nhận, phân tích các đối tượng so sánh thứ 2

\* Khái quát về tác giả, tác phẩm :

\* Khái quát về câu chuyện Mùi rơm ra

\* Phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của câu chuyện

- Nội dung:

- Nghệ thuật:

+ Nghệ thuật kể chuyện: sử dụng ngôi kể ngôi thứ nhất.

+ Sử dụng ngôn ngữ mộc mạc, gần gũi,và tinh tế, nhẹ nhàng

+ Cách diễn đạt chân thực, gần gũi

+ Đan xen giữa yếu tố tự sự, trữ tình.

**b.Luận điểm 2: So sánh các đối tượng**

b1.Nét tương đồng (Giống nhau)

Nghệ thuật: Cùng sử sụng ngôi kể thứ nhất, ngôn ngữ mộc mạc giản dị, gần gũi, yếu tố tự sự đan xen trữ tình nhẹ nhàng, tinh tế.

Nội dung đều xoay quan những câu chuyện đời thường xung quanh cuộc sống làng quê bình dị, thân thuộc. Thể hiện tình yêu quê hương con người, đất nước.

b2.Nét khác biệt (Khác nhau)

Giàn bầu trước ngõ của Nguyễn Ngọc Tư đã cho thấy được sự khắc nghiệt của cuộc sống, những câu chuyện về sự khó khăn trong quá khứ của con người miền Nam Bộ. Thì Mùi rơm rạ quê mình lại là những kí ức đẹp gắn bó với làng quê Miền Tây của tác giả.

**c.Luận điểm 3: Lí giải sự tương đồng, khác biệt giữa hai đối tượng.**

 Hai tác giả cùng có lối viết nhẹ nhàng mà sâu sắc, cách khai thác chủ đề, phong cách sáng tác tuy nhiên mỗi nhà văn lại mang một nét riêng cho mình. Giọng văn Nguyễn Ngọc Tư đậm chất Nam bộ, là giọng kể mềm mại mà sâu cay về những cuộc đời éo le, những số phận chìm nổi. Cái chất miền quê sông nước ngấm vào các tác phẩm, thấm đẫm cái tình của làng, của đất, của những con người chân chất hồn hậu nhưng ít nhiều gặp những bất hạnh. Tác giả Ngọc Bích lai xoay quanh những câu chuyện con người Miền Tây sông nước với những nét đặc trưng riêng.

(Lưu ý: dựa vào bối cảnh xã hội, văn hóa mà từng đối tượng xuất hiện; phong cách nhà văn; đặc trưng thi pháp thể loại của từng thời kì văn học ...)

3.Kết bài:

-Khái quát những nét giống nhau và khác nhau tiêu biểu.

-Có thể rút ra ý kiến cá nhân về vấn đề.

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

 Từ bao giờ văn chương lại đi vào cuộc sống con người? Cũng như bao loại hình nghệ thuật khác, văn chương như một món ăn tinh thần không thể thiếu của đời sống.Cuộc sống của chúng ta là tất cả những gì nhỏ bé tồn tại xung quanh tạo nên. Chính vì chúng quá nhỏ bé, không đáng kể nên hầu hết những người khao khát điều lớn lao kia dù vô tình hay cố ý, họ vẫn sẽ không quan tâm đến những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống. Để bày tỏ cảm nhận của mình về vấn đề ấy, không ít nhà văn đã viết nên những tác phẩm đề cao giá trị của cuộc sống đời thường. Một trong số đó là đoạn trích “Giàn bầu trước ngõ” của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư, và Mùi rơm rạ quê mình của tác giả Ngọc Bích là những câu chuyện xoay quanh cuộc sống của con người miền sông nước gần gũi, thân thương.

 Nguyễn Ngọc Tư sinh ra trong một gia đình nông dân ở Cà Mau. Là một cây bút vô cùng đặc biệt của nền văn học đương đại. Nguyễn Ngọc Tư là một nhà văn của mộc mạc và bình dị thôn quê. Độc giả yêu mến hay gọi cô bằng những cái tên thân thương như cô Tư. Các tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư mang tính hiện thực sâu sắc khi khắc họa chân dung chân thực cùng những tâm tư, nguyện vọng, tình cảm của tầng lớp lao động nghèo đồng bằng với một phong cách nghệ thuật chuẩn mực, tiêu biểu cho lối viết cô đọng và cô đọng của các nhà văn Nam Bộ. Tác phẩm Giàn bầu trước ngõ xoay quanh câu chuyện về một gia đình nghèo ở miền quê Việt Nam, với những khó khăn, gian khổ hàng ngày. Tuy nhiên, qua câu chuyện về cuộc sống của gia đình này, tác giả đã khắc họa rất chân thực và sâu sắc về tình yêu thương, lòng nhân ái và sự kiên trì trong cuộc sống. Tác phẩm đã gợi lên trong lòng độc giả những cảm xúc sâu lắng và những suy tư về ý nghĩa của cuộc sống. Giàn bầu trước ngõ đã để lại ấn tượng cho người đọc bởi giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Ngoài ra, nghệ thuật kể chuyện trong tác phẩm còn được thể hiện qua việc sử dụng ngôi kể ngôi thứ nhất. Tác giả đã chọn lựa ngôi kể này để tạo ra sự gần gũi, chân thực và chân thành trong cách truyền đạt câu chuyện. Nguyễn Ngọc Tư đã sử dụng ngôn ngữ mộc mạc, gần gũi nhưng rất sâu lắng và tinh tế. Cách diễn đạt của tác giả rất chân thực, gần gũi, khiến cho độc giả cảm thấy như đang sống trong câu chuyện, cảm nhận được từng cung bậc cảm xúc của nhân vật. Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư đã khéo léo xây dựng hình ảnh người bà như một biểu tượng của tình yêu thương và sự hy sinh. càmg thêm yêu người bà thân yêu của mình hơn.       Tác phẩm được viết bằng ngôi kể thứ nhất, dưới góc nhìn của nhân vật “Tôi”- một người con trong gia đình, người đọc có thể hình dung được cuộc sống thường nhật của gia đình trong câu chuyện. Hình ảnh giàn bầu xanh ngắt, vươn mình phủ kín sân nhà được miêu tả rất chi tiết bằng những quan sát tỉ mỉ. Diễn biến tâm lí của các nhân vật cũng được thể hiện rõ qua những cảm nhận và quan sát của nhân vật “Tôi”.

 Mùi rơm rạ quê mình của tác giả Ngọc Bích là một trong những đoạn trích tiêu biểu đạt giải trong cuộc thi viết Nghĩa tình miền Tây do nhiều tác giả đồng sáng tác, cuốn nhật ký đẫm màu hoài niệm, đầy cung bậc cảm xúc của các tác giả trên mọi miền đất nước và cả người Việt đang học tập, sinh sống ở nước ngoài, về tình đất và người miền Tây”. Quê hương là nơi ta sinh ra và lớn lên. Đó là nơi gắn nhiều với kỉ niệm không thể nào quên. Với tác giả Ngọc Bích, kí ức của tác giả đối với quê hương gắn liền với mùi rơm rạ thuở nhỏ. Qua “Mùi rơm rạ quê mình”, người đọc có thể thấy được sự hiện hữu của quê hương trong trái tim tác giả thông qua nỗi nhớ về mùi rơm rạ ngày bé.Từ việc tái hiện những kí ức thân thương với cánh đồng, mùi rơm rạ quê hương; tác giả bộc lộ tình yêu thương, nỗi nhớ mong kỉ niệm xưa, đồng thời gián tiếp bộc lộ tình yêu quê hương, đất nước. Việc chọn lựa một mùi hương thân thuộc mà bình dị của đồng quê như mùa rơm rạ làm trung tâm của bài viết thay vì những gì cao cả, lớn lao là một cách độc đáo để thể hiện tình yêu quê hương. Qua những sự vật gần gũi, nhỏ bé, ta càng thấy được người viết gắn bó với quê hương sâu sắc, yêu quê hương từ những gì bình dị nhất. Mùi rơm rạ đã gợi lại cho tác giả nhớ đến những kí ức tuổi thơ, những kỉ niệm thân thương gắn với mùi rơm rạ, mùi hương rơm rạ bao hàm tất cả những mùi hương khác của quê hương, gia đình. Qua đó ta thấy được tình yêu của tác giả đối với quê hương mình. Đó là những kí ức không thể nào phai mờ được gửi gắm qua mùi rơm rạ. Kí ức đó mãi mãi đọng lại trong tâm thức của tác giả. Việc sử dụng ngôi kể ngôi thứ nhất. Tác giả đã chọn lựa ngôi kể này để tạo ra sự gần gũi, chân thực và chân thành trong cách truyền đạt câu chuyện, ngôn ngữ mộc mạc, gần gũi nhưng rất sâu lắng và tinh tế. Kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố tự sự, trữ tình sâu lắng. Việc kết hợp này góp phần làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho diễn đạt; Vừa giúp tái hiện những kí ức tuổi thơ gắn với cánh đồng quê, vừa bộc lộ trực tiếp tâm tư, tình cảm của tác giả.

Hai tác phẩm trên đều có những nét tương đồng, khác biệt. Cùng sử sụng ngôi kể thứ nhất, ngôn ngữ mộc mạc giản dị, gần gũi, yếu tố tự sự đan xen trữ tình nhẹ nhàng, tinh tế. Nội dung đều xoay quan những câu chuyện đời thường xung quanh cuộc sống làng quê bình dị, thân thuộc. Tuy nhiên nếu Giàn bầu trước ngõ của Nguyễn Ngọc Tư đã cho thấy được sự khắc nghiệt của cuộc sống, những câu chuyện về sự khó khăn trong quá khứ cơ cực của người dân miền Nam Bộ. Thì Mùi rơm rạ quê mình lại là những kí ức đẹp gắn bó với làng quê trên mảnh đất Miền Tây tác giả. Hai tác giả cùng có lối viết nhẹ nhàng mà sâu sắc, cách khai thác chủ đề, phong cách sáng tác tuy nhiên mỗi nhà văn lại mang một nét riêng cho mình. Giọng văn Nguyễn Ngọc Tư đậm chất Nam bộ, là giọng kể mềm mại mà sâu cay về những cuộc đời éo le, những số phận chìm nổi. Cái chất miền quê sông nước ngấm vào các tác phẩm, thấm đẫm cái tình của làng, của đất, của những con người chân chất hồn hậu nhưng ít nhiều gặp những bất hạnh. Tác giả Ngọc Bích lai xoay quanh những câu chuyện con người Miền Tây sông nước với những nét đặc trưng riêng.

Một người nghệ sĩ thật sự là người truyền sự sống, đốt lửa cho tâm hồn độc giả giữa cuộc đời khô cằn. Một tác phẩm văn học chỉ thực sự có giá trị khi nó hướng con người tới cái đẹp, cái thiện, tới những giá trị nhân văn cao cả, khi nó in đậm dấu ấn riêng của người cầm bút trên từng con chữ để tạo thành một chỉnh thể mang tính thẩm mĩ cao. Khi đạt được những yêu cầu ấy, văn chương nghệ thuật thực sự khẳng định được vai trò thiết yếu của mình đối với con người ở mọi nơi, mọi thời. Và hai tác phẩm Giàn bầu trước ngõ, Mùi rơm rạ quê mình đều là những tác phẩm mang lại những giá trị tinh thần sâu sắc, bồi đắp tình yêu quê hương tình yêu đất nước để rồi sống trong lòng bạn đọc.

ĐỀ 7

Đọc 2 đoạn trích sau:

 *1. Vợ chồng ông An có cô con gái tên là Xuân đang học Đại học ở tận dưới xuôi, mùa hè thường ghé về nhà. Khi cô về, không khí ở chỗ chúng tôi như thay đổi hẳn. Khi cô đi,* *tất cả trở nên thẫn thờ, sự hiu quạnh buồn tẻ trước đây không ai nhận thấy bây giờ bỗng nhiên biểu hiện ra rõ ràng quá, cay đắng quá!*

*- Cái ghế này con bé Xuân nhà tôi hôm trước vẫn ngồi - Bà Hinh nói với chúng tôi - Xin các cậu đừng để dây nhọ nồi vào đấy! Cậu Thiềm, cậu có thấy mỗi lần con bé về nó lại xinh hơn ra không?*

*Doanh bảo:*

*- Nó càng ngày càng có vẻ khiêu dâm hơn thì có! Đấy là kết quả của việc tiếp thu văn minh đô thị. Bà mẹ tội nghiệp ạ, bà đang mất dần con gái bà đấy! Học vấn và tiện nghi sẽ làm móng vuốt của nó sắc nhọn ra, nước bọt của nó biến thành thuốc độc, tâm hồn của nó giăng như lưới nhện... Tôi thích cái bàn tay hái chè của nó ngày xưa, móng tay trụi thùi lụi, các ngón tay mòn đi chỉ bằng một phần ba ngón tay người thường, dưới lớp da "trần bì" khá dày của nó có rất nhiều lương tâm với lòng chẳng nỡ, còn bây giờ không cẩn thận là toàn vi trùng...*

*Bà Hinh tức điên lên:*

*- Đồ đểu! Tại sao miệng lưỡi mày độc ác thế hả Doanh?*

*Doanh bảo:*

*- Thôi thôi! Tôi không nói nữa. Chân lý bao giờ cũng trắng trợn nên khó nghe... Ừ thì con bà xinh, ừ thì con bà đẹp...*

*Bà Hinh bảo:*

*- Chứ không à? Cứ trông dáng đi của nó xem có kiêu sa không nào... Nó học ở thành phố là tốn kém lắm, tôi cho nó bao nhiêu tiền tôi cũng chẳng tiếc...*

*Bà Hinh nhớ con đến ngơ ngẩn người, như mất cả hồn, không để ý nên bữa ấy nấu cơm sống. Ông An bỏ cơm xách súng vào rừng đi săn.*

*Bà Hinh hỏi tôi:*

*- Cậu Thiềm! Cậu có thấy con bé nhà tôi thông minh không?*

*Doanh bảo:*

*- Đàn bà mà thông minh sẽ khó lấy chồng mà lấy chồng thì khó hạnh phúc.*

*Bà Hinh bảo:*

*- Chỉ mong nó được yên ổn.*

*Doanh bảo:*

*- Đấy đấy! Cái đấy mới cần! Yên ổn thì chẳng cần thông minh làm gì... Thế lần này nó đi, ông bà cho nó được bao nhiêu tiền?*

*Bà Hinh bảo:*

*- Có bao nhiêu tiền đưa cho nó hết nhưng chị chàng có vẻ không được bằng lòng... Bố mẹ nghèo thì con cái cũng bị thiệt thòi có phải không nào?*

*Doanh bảo riêng tôi:*

*- Tội nghiệp bà mẹ thực thà! Cậu có để ý đôi mắt trắng dã của con bé ấy không! Cô công chúa Lọ Lem này là người quyết liệt lắm đây! Cứ chờ đấy rồi nó báo hiếu!*

(Trích *Những người muôn năm cũ*, Tập truyện *Tướng về hưu*, Nguyễn Huy Thiệp (1), NXB Văn hóa thông tin, 2011, tr.252)

2. …Thằng nhỏ tiu nghỉu nuốt nước miếng thở dài, bữa nay mất hứng gì đâu. Sáng mới chải đầu xong thì má nó càm ràm, riết rồi muốn gặp mặt con phải thức thiệt khuya, dậy thiệt sớm, nuôi con lớn bằng này, con đi nhận thiên hạ bằng má... Má thằng nhỏ đang giận, hôm qua bà nhìn thấy con trai rứt ruột, con trai thương yêu của bà hì hụi rửa chén giùm con bồ nó, trong căn nhà cách đây chừng trăm bước. Bà cảm giác mất con rồi, mất từng ngày, khi nó chở bồ đi chợ, nó vô bếp nhà người ta phụ nấu nướng, nó nằm dài nhà người ta coi phim trong khi phim ở nhà cũng giống hệt. Có bữa gánh trái cây ế về ngang, thấy thằng con múc nước cho con nhỏ gội đầu, bà muốn quăng gánh bên đường cho rồi.

 Thằng nhỏ đâu biết, nó tưởng má nó lớn tuổi nên đổi tánh khó khăn, nên bà vừa định há miệng rầy rà là nó bỏ đi. Bữa nay không chạy khỏi vì chiếc xe đạp bị tuột sên, chắc nhỏ em phá “để anh Ba khỏi đi chở gái”. Nuốt giận ra tới quán cà phê, vừa mới vui, vị đắng mơn man trên môi, trôi chưa khỏi cổ họng thì gặp ông-già-không-biết này, đúng là rủi quá. Thằng nhỏ than thầm.

 Nhưng bây giờ mà nín thinh luôn thì mất mặt với mấy người quen đang ngồi quán sáng nay đang thích thú theo dõi cuộc tranh cãi, nhất là có anh rể của con bồ đang tủm tỉm cười ngồi cạnh nó đây. Giữa cuộc giằng co vậy mà con em còn chạy lại kêu “chút nữa anh Ba về sửa cái máng cho má hứng nước mưa uống, khỏi tốn tiền đổi”. Thằng nhỏ gạt ngang “từ từ tao về”. Vài phút sau đó con bồ nó trên đường đi làm móng tay ghé lại dặn “chút nữa anh lại đóng giùm em mấy cây đinh máng khăn, hén”.

 Nhỏ cố cười tươi gật gật đầu, nói để đó cho anh, nhưng bụng tính cách phản pháo ông già, mót chút vinh quang khi rời quán. Bằng bất cứ gì trong tầm mắt nó, từ gói thuốc lá, chai nước ngọt đến đôi dép mòn lẹm gót, cái nón nỉ bạc màu của ông già. Ông vẫn khăng khăng nói không biết, nhìn thấy hay nếm được hay cầm trong tay, ôm vào lòng, chưa chắc biết. Chữ của ông già là “thấy quen”, “nó gọi là”. Vờn nhau chán chê ông với tay hái trên trời xuống một câu choáng váng:

- Chú em vẫn không chịu sợ chữ “biết” hả? Vậy má chú đó, chú biết không? Biết bà nghĩ gì không? Vui hay buồn, thảnh thơi hay rối bời? Bà có đang thương nhớ ông nào?

 Mất sạch kiên nhẫn, thằng nhỏ rít lên:

- Chớ ông không biết con mình?

- Không - ông già rút một ngàn đồng dằn dưới đáy ly trà đá cạn queo - tôi quen tụi nó.

 Ngón tay trỏ quèo nón sụp che lại ánh mắt nhìn xuống tối rười rượi, ông già nắm chặt xấp vé số trong bàn tay xương xẩu, đứng dậy đi. Ai đó hình như từng hỏi han ông già, ngậm ngùi nhìn theo, ông đó nói phải à mầy, nuôi con biết đâu được cái ngày nó hắt mình ra đường chan dầm mưa nắng.

 Ừa ai biết được... Bảy mươi ba buổi sáng sau, nơi quán cũ, thằng nhỏ tiu nghỉu ngó con bồ nó ăn mặc mong manh ôm sát thằng con trai khác lượn chiếc SH ngang qua, ai đó cà rỡn “biết nhỏ đó không mậy?”.

 Thằng nhỏ gầm gừ trong cổ họng: “Không biết, thấy cái rốn quen quen...”.

(Trích *“Biết”* Nguyễn Ngọc Tư nguồn: [*https://isach.info/*](https://isach.info/))

**Chú thích:**

 1. Nguyễn Huy Thiệp (1950-2021) sinh ở Thái Nguyên, là nhà văn có nhiều đóng góp trong việc đổi mới nội dung và hình thức nghệ thuật của văn xuôi Việt Nam đương đại. Truyện ngắn của ông đề cập đến nhiều vấn đề nóng hổi của đời sống đương đại và khá đa dạng trong cách viết.

 \* Truyện *Những người muôn năm cũ* trích trong tập truyện ngắn *Tướng về hưu* (1987).

2. Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976, tại Đầm Dơi, Cà Mau. Là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Cô sáng tác thành công ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tản văn, tiểu thuyết. Văn của Nguyễn Ngọc Tư trong sáng, mộc mạc, thể hiện một tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, giàu yêu thương.

\* “Biết” là truyện ngắn được viết năm 2015

 Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) so sánh hai đoạn trích trên để làm nổi bật nét đặc sắc trong giá trị hiện thực của mỗi đoạn trích

|  |  |
| --- | --- |
| *\** Giới thiệu khái quát về 2 tác giả, 2 đoạn trích | 0,5 |
| **1. Cảm nhận, phân tích các đoạn trích***\****Cảm nhận về đoạn trích *Những người muôn năm cũ-* Nguyễn Huy Thiệp*:***- Nội dung: Đoạn trích kể về sự thay đổi của Xuân – cô gái trẻ, sống ở miền núi – sau khi từ thành phố về. Trong con mắt của Doanh, Xuân trở nên xinh đẹp hơn nhưng tính cách đã đổi thay không còn được như xưa. Cô Xuân hiền lành, thuần hậu, biết quan tâm mọi người dường như đã biến mất. Thay vào đó là một cô gái thờ ơ , vô tâm, ít về thăm gia đình, chỉ đợi bố mẹ chăm sóc, cung phụng. Doanh còn dự đoán cô là đứa con bất hiếu khi biết được tất cả tiền có được bà Hinh đều đưa cho con gái nhưng đổi lại là sự không bằng lòng của Xuân. Còn với bà Hinh, người mẹ luôn mong nhớ và khao khát mọi điều tốt đẹp cho con mình thì Xuân lại rất xinh đẹp, khéo léo, kiêu sa. - Giá trị hiện thực: +Từ câu chuyện cô con gái trẻ miền núi xuống thành phố không còn giữ được dáng vẻ và tính cách mộc mạc, hiền lành như trước đây, đoạn trích đặt ra vấn đề tha hoá của con người trước những cám dỗ của đời sống. Cuộc sống tiện nghi hào nhoáng nơi đô thị làm người ta dần quên mất gốc gác, xuất thân của mình, quên cả tình cảm gia đình ruột thịt thiêng liêng. Thay vào đó là lối sống thực dụng, chỉ biết hưởng thụ và vô ơn.+ Đoạn trích cũng nêu ra sự khắc nghiệt, trần trụi của cuộc sống hiện đại: đàn bà thông minh khó lấy chồng, khó hạnh phúc; niềm hi vọng con gái yên ổn của người mẹ chưa chắc đã thành hiện thực; tình yêu thương và chăm lo vô bờ của người mẹ lại bị đứa con xem thường, thờ ơ…+ Đoạn trích gợi lên những trăn trở, suy tư trong lòng người đọc về thế thái nhân tình; về sự hào nhoáng, xô bồ của cuộc sống hiện đại. Có nỗi niềm âu lo về sự tha hoá của con người và cả những khát khao về niềm hạnh phúc đong đầy trọn vẹn với một lối sống thuỷ chung, tình nghĩa. - Nghệ thuật: + Ngôi thứ nhất - người kể chuyện hạn tri+ Sự thay đổi điểm nhìn tạo cái nhìn đa chiều về Xuân+ Nghệ thuật tạo tình huống truyện: Xuân , cô gái trẻ trở về miền núi từ thành phố.+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Tính cách nhân vật Doanh, bà Hinh được bộc lô qua lời nhận xét, đánh giá về Xuân.+ Nghệ thuật tạo dựng đối thoại chân thực, lôi cuốn+ Ngôn ngữ mang đậm hơi thở đời thường, dung dị mà sinh động***\** Cảm nhận về đoạn trích *Biết –* Nguyễn Ngọc Tư*:*****- Nội dung:** Đoạn trích kể về câu chuyện giữa thằng nhỏ và ông - già – không - biết, ba vợ hụt của nó. Thằng nhỏ si mê con bé thườnghì hụi rửa chén, phụ nấu nướng, giùm con bồ nó, múc nước cho con nhỏ gội đầu . Má nó vừa thương xót con trai, vừa ghen tị vì con giành tình cảm cho người khác nên thường rầy la nó. Con em nhỏ cũng hùa theo phá nó. Sau tất cả, thằng nhỏ vẫn kiên định với tình yêu của mình. Nói chuyện với ông già, ông luôn khăng khăng nói không biết, chưa chắc biết, phải sợ chữ biết. Thằng nhỏ không chịu, cự cãi. Song bảy mươi ba buổi sáng sau, nơi quán cũ, thằng nhỏ đành phải tiu nghỉu nhìn cảnh người yêu nó ôm người khác và chấp nhận là người không quen.**- Giá trị hiện thực:** + Câu chuyện tình yêu thời hiện đại của giới trẻ gợi lên bao suy ngẫm. Gạt bỏ tình cảm gia đình, mải mê theo đuổi tình yêu nhưng nắm bắt được là điều không dễ, lòng người đổi thay khó đoán, nay gần mai xa, ranh giới giữa quen thân và xa lạ thật mong manh. Hậu trường của tình yêu đôi lứa đầy trớ trêu, bi hài.+ Đoạn trích còn chứa đựng triết lí sâu sắc về cuộc đời: khó có thể dự đoán được tương lai, biết hay không biết đều mơ hồ, hư ảo. Nhiều khi con người ta phải biết bằng lòng với thực tại, phải chung sống cùng nỗi đau, trao đi yêu thương chưa chắc đã được nhận lại, chỉ biết dựa vào chính mình . **- Nghệ thuật:** + Ngôi kể thứ ba.+ Cốt truyện giản đơn mà giàu kịch tính + Kết thúc mở gợi bao suy ngẫm+ Chi tiết nghệ thuật chọn lọc, sinh động, giàu ý nghĩa.+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc làm nổi bật tính cách trẻ con, bồng bột của thằng nhỏ.+ Nghệ thuật tạo dựng đối thoại chân thực, lôi cuốn+ Ngôn ngữ đời thường sinh động, giàu sắc thái Nam bộ **2.So sánh các đoạn trích**a.Nét tương đồng- Nội dung: + Đều phản ánh những vấn đề của con người trong cuộc sống hiện đại với những sự thật éo le, khắc nghiệt, trần trụi. Ngay đến mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái dường như cũng trở nên khác lạ, một chiều.+ Đều bộc lộ những chiêm nghiệm, suy ngẫm lẫn trăn trở âu lo của người nghệ sỹ về tình đời và phận người. - Nghệ thuật: Nghệ thuật tự sự độc đáo, kết hợp nhiều điểm nhìn, xây dựng nhân vật có tính cách riêng biệt, tạo dựng đối thoại sinh động, mang màu sắc triết lí về cuộc đời và con người…b. Nét khác biệt:- Nội dung: + Ở đoạn trích *Những người muôn năm cũ (*Nguyễn Huy Thiệp), mối quan hệ gia đình đã nhuốm màu thực dụng bởi sự tha hoá của cô con gái, còn ở đoạn trích *Biết (*Nguyễn Ngọc Tư), tình cha con bạc bão mới ở trong dự cảm của người cha già.+ Dư vị xót xa cay đắng xen lẫn mỉa mai đọng lại trong kết thúc của đoạn trích *Những người muôn năm cũ (*Nguyễn Huy Thiệp), còn ở cuối đoạn trích *Biết (*Nguyễn Ngọc Tư) còn có cả kịch tính đầy bi hài.- Nghệ thuật:Ngôn ngữ trong đoạn trích *Những người muôn năm cũ-* Nguyễn Huy Thiệp nghiêng về đối thoại còn ở đoạn trích *Biết –* Nguyễn Ngọc Tư ngôn ngữ trần thuật mang đậm màu sắc Nam bộ.**3. Lí giải sự tương đồng, khác biệt giữa hai đối tượng.**- Do bối cảnh xã hội, văn hóa vùng miền .- Do phong cách riêng của mỗi nhà văn. | 1.25 0,50.5 0.25 |

 Nhà văn Nguyên Ngọc từng khẳng định: "Nghệ thuật là phương thức tồn tại của con người, giữ cho con người mãi mãi là con người, không sa xuống thành con vật và cũng không thành những ông thánh vô bổ vô duyên. Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính con người cho con người. Cái cốt lỗi của nghệ thuật là tính nhân bản". Qủa thật, qua những dòng chữ ấm nóng khởi phát từ trái tim và khối óc của những nghệ sĩ tài năng, những tác phẩm văn chương luôn hướng con người ta đến với những "vùng trời đẹp hơn, nhân tính hơn". Và đến với những đoạn trích trong *Những người muôn năm cũ (* Nguyễn Huy Thiệp) và *Biết (*Nguyễn Ngọc Tư), ta thấy rõ nét giá trị hiện thực đặc sắc ấy.

 Mỗi tác phẩm văn chương như nhũng đoá hoa có hương vị, màu sắc riêng. Và đoạn trích *Những người muôn năm cũ (* Nguyễn Huy Thiệp) là bông hoa có vẻ đẹp độc đáo. Đoạn trích kể về sự thay đổi của Xuân – cô gái trẻ, sống ở miền núi – sau khi từ thành phố về. Trong con mắt của Doanh, Xuân trở nên xinh đẹp hơn nhưng tính cách đã đổi thay không còn được như xưa. Cô Xuân hiền lành, thuần hậu, biết quan tâm mọi người dường như đã biến mất. Thay vào đó là một cô gái thờ ơ , vô tâm, ít về thăm gia đình, chỉ đợi bố mẹ chăm sóc, cung phụng. Doanh còn dự đoán cô là đứa con bất hiếu khi biết được tất cả tiền có được bà Hinh đều đưa cho con gái nhưng đổi lại là sự không bằng lòng của Xuân. Còn với bà Hinh, người mẹ luôn mong nhớ và khao khát mọi điều tốt đẹp cho con mình thì Xuân lại rất xinh đẹp, khéo léo, kiêu sa.

 Cốt truyện *Những người muôn năm cũ (* Nguyễn Huy Thiệp) đơn giản nhưng chứa đựng giá trị hiện thực sâu sắc. Từ câu chuyện cô con gái trẻ miền núi xuống thành phố không còn giữ được dáng vẻ và tính cách mộc mạc, hiền lành như trước đây, đoạn trích đặt ra vấn đề tha hoá của con người trước những cám dỗ của đời sống. Cuộc sống tiện nghi hào nhoáng nơi đô thị làm người ta dần quên mất gốc gác, xuất thân của mình, quên cả tình cảm gia đình ruột thịt thiêng liêng. Thay vào đó là lối sống thực dụng, chỉ biết hưởng thụ và vô ơn. Đoạn trích cũng nêu ra sự khắc nghiệt, trần trụi của cuộc sống hiện đại: đàn bà thông minh khó lấy chồng, khó hạnh phúc; niềm hi vọng con gái yên ổn của người mẹ chưa chắc đã thành hiện thực; tình yêu thương và chăm lo vô bờ của người mẹ lại bị đứa con xem thường, thờ ơ… Không chỉ vậy, đoạn trích gợi lên những trăn trở, suy tư trong lòng người đọc về thế thái nhân tình; về sự hào nhoáng, xô bồ của cuộc sống hiện đại. Có nỗi niềm âu lo về sự tha hoá của con người và cả những khát khao về niềm hạnh phúc đong đầy trọn vẹn với một lối sống thuỷ chung, tình nghĩa.

 *“Cuộc sống trong ngôn ngữ dài hơn chính bản thân đời người”* ( Ego Ixaep). Đoạn trích *Những người muôn năm cũ (* Nguyễn Huy Thiệp) được kể theo ngôi thứ nhất - người kể chuyện hạn tri với sự thay đổi điểm nhìn tạo cái nhìn đa chiều về Xuân. Nghệ thuật tạo tình huống truyện độc đáo bắt đầu từ sự kiện Xuân , cô gái trẻ trở về miền núi từ thành phố. Bên cạnh đó, nhà văn xây dựng nhân vật khách quan, tự nhiên với tính cách nhân vật Doanh, bà Hinh được bộc lộ qua lời nhận xét, đánh giá về Xuân. Nghệ thuật tạo dựng đối thoại chân thực, lôi cuốn và ngôn ngữ mang đậm hơi thở đời thường, dung dị mà sinh động.

 *Đến với* đoạn trích *Biết (*Nguyễn Ngọc Tư), người đọc được thâm nhập vào mảng hiện thực cô đọng mà sinh động, lôi cuốn*.* Đoạn trích kể về câu chuyện giữa thằng nhỏ và ông - già – không - biết, ba vợ hụt của nó. Thằng nhỏ si mê con bé thườnghì hụi rửa chén, phụ nấu nướng, giùm con bồ nó, múc nước cho con nhỏ gội đầu . Má nó vừa thương xót con trai, vừa ghen tị vì con giành tình cảm cho người khác nên thường rầy la nó. Con em nhỏ cũng hùa theo phá nó. Sau tất cả, thằng nhỏ vẫn kiên định với tình yêu của mình. Nói chuyện với ông già, ông luôn khăng khăng nói không biết, chưa chắc biết, phải sợ chữ biết. Thằng nhỏ không chịu, cự cãi. Song bảy mươi ba buổi sáng sau, nơi quán cũ, thằng nhỏ đành phải tiu nghỉu nhìn cảnh người yêu nó ôm người khác và chấp nhận là người không quen.

 Câu chuyện tình yêu thời hiện đại của giới trẻ gợi lên bao suy ngẫm. Gạt bỏ tình cảm gia đình, mải mê theo đuổi tình yêu nhưng nắm bắt được là điều không dễ, lòng người đổi thay khó đoán, nay gần mai xa, ranh giới giữa quen thân và xa lạ thật mong manh. Hậu trường của tình yêu đôi lứa đầy trớ trêu, bi hài. Đoạn trích còn chứa đựng triết lí sâu sắc về cuộc đời: khó có thể dự đoán được tương lai, biết hay không biết đều mơ hồ, hư ảo. Nhiều khi con người ta phải biết bằng lòng với thực tại, phải chung sống cùng nỗi đau, trao đi yêu thương chưa chắc đã được nhận lại, chỉ biết dựa vào chính mình .

 Với ngôi kể thứ ba, cốt truyện giản đơn mà giàu kịch tính , kết thúc mở gợi bao suy ngẫm. Chi tiết nghệ thuật chọn lọc, sinh động, giàu ý nghĩa. Nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc làm nổi bật tính cách trẻ con, bồng bột của thằng nhỏ.

Những đối thoại chân thực, lôi cuốn với ngôn ngữ đời thường sinh động, giàu sắc thái Nam bộ

“Nhà văn phải là người thư kí trung thành của thời đại”. ***(Banlzac)***. Nguyễn Huy Thiệp Và nguyễn Ngọc Tư đã làm được điều đó trong tác phẩm của mình. Cả hai đoạn trích đều có điểm gặp gỡ về những mảng màu hiện thực **, đ**ều phản ánh những vấn đề của con người trong cuộc sống hiện đại với những sự thật éo le, khắc nghiệt, trần trụi. Ngay đến mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái dường như cũng trở nên khác lạ, một chiều.Không những thế, hai đoạn trích đều bộc lộ những chiêm nghiệm, suy ngẫm lẫn trăn trở âu lo của người nghệ sỹ về tình đời và phận người.  Nghệ thuật tự sự độc đáo, kết hợp nhiều điểm nhìn, xây dựng nhân vật có tính cách riêng biệt, tạo dựng đối thoại sinh động, mang màu sắc triết lí về cuộc đời và con người… cũng là nét tương đồng trong ngòi bút của hai nghệ sĩ

 Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo vì vậy Nó đòi hỏi phải có phong cách tức là phải có nét gì đó rất mới rất riêng thể hiện trong tác phẩm của mình”. Nguyễn Huy Thiệp và Nguyễn Ngọc Tư đã làm được điều đó. Cả hai nghệ sĩ đã in dấu ấn của mình lên từng con chữ. Nếu ở đoạn trích *Những người muôn năm cũ (*Nguyễn Huy Thiệp), mối quan hệ gia đình đã nhuốm màu thực dụng bởi sự tha hoá của cô con gái, thì ở đoạn trích *Biết (*Nguyễn Ngọc Tư), tình cha con bạc bẽo mới ở trong dự cảm xa xôi của người cha già. Dư vị xót xa cay đắng xen lẫn mỉa mai đọng lại trong kết thúc của đoạn trích *Những người muôn năm cũ (*Nguyễn Huy Thiệp), còn ở cuối đoạn trích *Biết (*Nguyễn Ngọc Tư) còn có cả kịch tính đầy bi hài. Ngôn ngữ trong đoạn trích *Những người muôn năm cũ-* Nguyễn Huy Thiệp nghiêng về đối thoại còn ở đoạn trích *Biết –* Nguyễn Ngọc Tư ngôn ngữ trần thuật mang đậm màu sắc Nam bộ.

Sự tương đồng, khác biệt đó phải chăng được tạo nên từ bối cảnh xã hội, văn hóa vùng miền và cả những nét riêng trong phong cách nghệ thuật của mỗi nhà văn?

 Văn chương là vậy. Vẫn luôn xanh rờn trước sự tàn phá khắc nghiệt của thời gian và cả sự đổi thay của lòng người. Thách thức tất cả, bất biến giữa dòng đời vạn biến là sức mạnh được tạo nên từ trái tim và khối óc của người nghệ sĩ chân chính. Cảm ơn những người nghệ sĩ tâm huyết với nghề đã mang đến những mảng màu hiện thực sống động để những độc giả hôm nay được cùng sống, cùng nghĩ, cùng âu lo trở trăn trước phận người , phận đời để cùng khát khao về một cuộc sống tốt đẹp hơn.

**ĐỀ 8**

**CÁNH ĐỒNG BẤT TẬN (Nguyễn Ngọc Tư)**

*Con kinh nhỏ nằm vắt qua một cánh đồng rộng. Và khi chúng tôi quyết định dừng lại, mùa hạn hung hãn dường như cũng gom hết nắng đổ xuống nơi này. Những cây lúa chết non trên đồng, thân đã khô cong như tàn nhang chưa rụng, nắm vào bàn tay là nát vụn. Cha tôi tháo cái khung tre chắn dưới sàn ghe, bầy vịt lúc nhúc chen ra, cuống quýt, nháo nhào quẫy ngụp xuống mặt nước váng phèn. Một lớp phèn mới, vàng sẫm quánh lại trên bộ lông của những con vịt đói, nhớp nháp bám trên vai Điền khi nó trầm mình bơi đi cặm cọc, giăng lưới rào bầy vịt lại. Tôi bưng cái cà ràng lên bờ, nhóm củi.*

*Rồi ngọn lửa hoi hót thở dưới nồi cơm đã lên tim, người đàn bà vẫn còn nằm trên ghe. Ngay cả ý định ngồi dậy cũng xao xác tan mau dưới những tiếng rên dài. Môi chị sưng vểu ra, xanh dờn. Và tay, và chân, và dưới cái áo mà tôi đã đắp cho là một cái áo khác đã bị xé tả tơi phơi những mảng thịt người ta cấu nhéo tím ngắt.*

*Và những chân tóc trên đầu chị cũng đang tụ máu. Người ta đã lòn tay, ngoay chúng để kéo chị lê lết hết một quãng đường xóm, trước khi dừng chân một chút ở nhà máy chà gạo. Họ giằng ném, họ quăng quật chị trên cái nền vương vãi trấu. Vai nữ chính, một người đàn bà xốc xếch đã lạc giọng, đôi lúc lả đi vì ghen tuông và kiệt sức. Nhưng đám đông rạo rực chung quanh đã vực tinh thần chị ta dậy, họ dùng chân đá với vào cái thân xác tả tơi kia bằng vẻ hằn học, hả hê, quên phứt vụ lúa thất bát cháy khô trên đồng, quên nỗi lo đói no giữa mùa giáp hạt. Cuộc vui hẳn sẽ dài, nếu như không có một ý tưởng mới nảy ra trong cơn phấn khích. Họ dùng dao phay chạt mái tóc dày kia, dục dặc, hì hục như phạt một nắm cỏ cứng và khô. Khi đuôi tóc dứt lìa, được tự do, chị vùng dậy, lao nhanh xuống ghe chúng tôi như một tiếng thét, lăn qua chân tôi, đến chỗ cha, làm đổ những bao trấu cha vừa mới xếp.*

*Đám người ngơ ngác mấy giây để chấp nhận việc con mồi bỏ chạy. Tôi mất mấy giây để háo hức thấy mình nghĩa hiệp như Lục Vân Tiên, tôi lồm cồm xô ghe dạt khỏi bờ, sợ hãi và sung sướng, tôi cầm sào chống thục mạng ra giữa sông, mắt không rời đám người đang tràn ra mé bờ chực lao xuống, nhảy nhót điên cuồng. Rồi tiếng chửi rủa chói lói chìm đi, tiếng bầy vịt tao tác kêu dưới sạp chìm đi, trong tôi chỉ có âm thanh của chiếc máy Koler4 nổ khan, rung bần bật dưới tay Điền, khạc ra những đám khói khét lẹt, đen ngòm. Khói trôi về phía sau chúng tôi, mờ nhoè những bóng người đang tuyệt vọng ngó theo, bàn tay nào đó cầm nắm tóc của chị vẫy lên phơ phất phơ phất …*

*Cha tôi không đóng vai trò gì trong cuộc tháo chạy ấy, ông im lặng, khi đã đi khá xa, cha ra đằng mũi cầm sào. Tôi bò vào trong ghe, lấy áo đắp lên người chị, sao cho che được đôi vú rách bươm và khoảng đùi rướm máu. Chị cười mếu máo, nói cảm ơn bằng mắt và thiếp đi.*

*Suốt một quãng đường, chị không hề thay đổi thế nằm, im lìm, lạnh ngắt như người chết. Trong ghe chỉ trôi mênh mang những tiếng rên khi dài, khi ngắn, khi thiu thỉu buồn xo, lúc nghe như tiếng nấc nghẹn ngào…*

*Nhờ vậy mà chúng tôi biết chị còn sống, để đi với chúng tôi gần hết con sông Bìm Bịp, đến cánh đồng hoang vắng này. Điền hơi lo lắng khi nghe chị vẫn còn rên rỉ, nghĩ là chị đã đói, nó hối tôi nấu cơm mau. Nó thấy tiếc vì trên ghe chỉ còn mấy con khô sặt mặn chát, “tui nuốt còn không vô, nói* *chi…”*

(Nguyễn Ngọc Tư, ***Cánh đồng bất tận***, trang 1, NXB Trẻ, 2014)

**TÔI THẤY HOA VÀNG TRÊN CỎ XANH (Nguyễn Nhật Ánh)**

*Những vạt đất quanh giếng đá lúc nào cũng ẩm ướt nên cỏ dại quanh năm tốt tươi. Cỏ lá gừng, cỏ xuyến chi mọc lẫn với rau dền, rau sam, thỉnh thoảng chen vào một cây hoa mào gà đỏ tía. Cỏ mọc dày, lan cả lên thêm giếng. Phía xa xa là vạt rau muống, lá sum xuê và xanh ngăn ngắt. Cỏ gà mọc lên chỗ tiếp giáp giữa cỏ và rau. Tôi không biết từ khi nào thắng Tường phát hiện ra chỗ đó. Mọi lần tôi vẫn hái cỏ gà ở chân rào.*

*Trong khi tôi loay hoay lựa những cọng cỏ gà thật dai thật khỏe, chốc lát đã hái được cả nắm, thằng Tường dường như chưa hái được cọng nào.*

*Tôi thấy nó ngồi lom khom một chỗ, săm soi cái gì đó trong tay.*

*- Mày ngồi làm gì đo, sao không hái cỏ gà đi, Tường?*

*- Anh xem này! - Tường xoay người về phía tôi, chìa tay ra, vẫn ngồi chồm hồm trên hai chân. Tôi nhìn gương mặt rạng ngời của nó, liềm môi hỏi:*

*- Dế lửa hả mày? - Không.*

*Tôi lại gần, cúi xuống nhìn, thấy con sâu cuốn chiếu đang nằm co trong lòng bàn tay Tường.*

 *- Ghê quá! - Tôi nhăn mặt*

 *- Mày chơi sâu à?*

*- Sâu cuốn chiếu mà, anh Hai. Nó hiền khô à. Tôi phun nước bọt phèo phèo.*

*- Cuốn chiếu cũng là sâu. Mày chơi dơ quá, tao không chơi với mày nữa.*

*Nó xong, tôi cầm mớ cỏ gà quay vào nhà, mặc Tường mải mê lấy ngón tay khều khều con cuốn chiếu để thích thú ngắm nó sợ hãi cuộn tròn người lại.*

*Trẻ con thôn quê là bạn của các con vật. Con trâu, con bò, con chó, con mèo, các loại chim chóc và các loại côn trùng. Tôi cũng thế. Tôi có những hộp diễm và những hộp các-tông dùng đẽ nhốt dế, cánh quýt, ve sầu và bọ rãy. Nhưng tôi khác thăng Tường.*

*Tường hồn nhiên chơi với cá kiến, chuồn chuồn, châu chấu và sâu róm, hiện nay lại đang nuôi một con cóc dưới gậm giường. Cái cách thằng Tường thân thiện với mọi con vật khiến đôi lúc tôi có cảm giác nó hơi khùng khùng. Chỉ với một cái que trên tay, nó có thế say sưa đùa giờn hàng giờ với một con sâu róm ngo ngoe trên thân gỗ mục. Nó bênh vực, mỗi khi tôi bĩu môi vào đám bạn của nó: Anh không biết đó thôi. Nhền nhện giăng tơ để mình có thứ câm máu khi bị đứt tay. Còn chuồn chuồn cản rốn giúp mình biết bơi.*

*Về tơ nhện thì Tường nói đúng. Trước nay mỗi lẫn đứt tay chảy máu, tôi thường ngậm ngón tay trong miệng rõi ba chân bốn cảng chạy vô nhà kho hoặc chái bếp để tim mạng nhện. Tơ nhện quấn quanh vết đứt, máu ngưng cháy liên, chăng rõ vì sao. Một thời gian dài, đó là thuốc tiên của tuổi thơ lẩm trãy xước của bọn tôi.*

*Tôi nheo mắt nhìn Tường:*

*- Mày ngốc quá. Chuồn chuồn căn rõn mà biết bơi á?*

*- Dạ.*

*- Ai bảo mày vậy?- Chú Đàn bảo.*

*- Chú Đàn bảo à. - Tôi hạ giọng, ngập ngừng - Mày nói thật không đấy? Đế tao chạy đi tìm chú Đàn tao hỏi.*

*- Thật mà.*

*Tường nói, và nó chạy vụt ra sau vườn.*

*Lát sau, nó chạy vô với con chuồn chuồn ớt trên tay.*

*- Anh vén áo lên đi! - Tường nhìn lom lom vô bụng tôi, hào hứng giục.*

*- Thối. - Tối bước lui một bước - Mày phanh rõn cho nó cần trước đi!*

*Tường vạch áo, đặt con chuồn chuỗn vào giữa rốn.*

*Tôi chống tay lên hai đâu gỗi, ngoẹo đầu nhìn. Tôi thãy con chuôn chuỗn đột ngột vếnh đôi cánh mỏng, đuôi cong vòng, chưa kịp nhìn kỹ đã nghe thăng Tường hét lên bài hãi, tay hãp tấp kéo con chuồn chuồn ra xa*

*- Sao thế? - Tôi giật bãn - Đau lầm à?*

*Tường cười lòn lên:*

*- Đau sơ sơ. Như kiến cần thôi.*

*- Đau sơ sơ mà mày la muốn bê nhà như thế?*

*Tôi nhìn Tường nghi ngờ, thậm chí tôi thấy có vẻ nó đang ứa nước mắt vi đau.*

*Cho nên khi Tường chìa con chuồn chuồn cho tôi, nói Tới lượt anh nè, tôi đưa tay gạt phất:*

*- Tao không chơi trò ngu ngốc này đâu!*

*Tôi đứng trên bờ theo dỏi, còn thắng Tường dọ dâm khúc suối cạn, tim chỗ nước ngập ngang ngực để tập bơi.*

*anh em:*

*Kết quá buối thực tập được đúc kết trong mẫu đối thoại buồn râu sau đó giữa hai*

*- Bơi được không?*

*- Được.*

*- Chìm không?*

*- Chim.*

 (Nguyễn Nhật Ánh, Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh, NXB Trẻ, 2010)

Chú thích:

**1.Tác giả** **Nguyễn Ngọc Tư** sinh năm 1976 tại Đầm Dơi, Cà Mau. Là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Với niềm đam mê viết lách, chị miệt mài viết như một cách giải tỏa và thể nghiệm, chị biết rằng chị muốn viết về những điều gần gũi nhất xung quanh cuộc sống của mình. Giọng văn chị đậm chất Nam bộ, là giọng kể mềm mại mà sâu cay về những cuộc đời éo le, những số phận chìm nổi. Cái chất miền quê sông nước ngấm vào các tác phẩm, thấm đẫm cái tình của làng, của đất, của những con người chân chất hồn hậu nhưng ít nhiều gặp những bất hạnh.

**2.** Tập truyện ngắn “***Cánh đồng bất tận***” được xuất bản năm 2005. Trong đó, truyện vừa “*Cánh đồng bất tận”*được đứng đầu trong một cuộc bình chọn truyện ngắn đặc sắc trên báo Văn nghệ. Vào năm 2006, tập truyện đoạt Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Namdành cho tác phẩm xuất sắc. Năm 2007, tác phẩm được dịch ra tiếng Hàn và được nhà xuất bản Asia tại Seoul phát hành.

**3. Tác giả** **Nguyễn Nhật Ánh** (sinh ngày 7 tháng 5 năm 1955) là một nam [nhà văn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_v%C4%83n) người [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam). Được xem là một trong những nhà văn hiện đại xuất sắc nhất Việt Nam hiện nay, ông được biết đến qua nhiều tác phẩm văn học về đề tài tuổi trẻ. Nhiều tác phẩm của ông được độc giả và giới chuyên môn đánh giá cao, đa số đều đã được chuyển thể thành phim.

4. ***Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*** là một [tiểu thuyết](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%83u_thuy%E1%BA%BFt) dành cho thanh thiếu niên của nhà văn [Nguyễn Nhật Ánh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_Nh%E1%BA%ADt_%C3%81nh), xuất bản lần đầu tại [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) vào ngày 9 tháng 12 năm 2010 bởi [Nhà xuất bản Trẻ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_xu%E1%BA%A5t_b%E1%BA%A3n_Tr%E1%BA%BB) với phần tranh minh họa do Đỗ Hoàng Tường thực hiện. Đây là một trong các truyện dài của Nguyễn Nhật Ánh. [Tác phẩm](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A1c_ph%E1%BA%A9m_v%C4%83n_h%E1%BB%8Dc) như một tập [nhật ký](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%E1%BA%ADt_k%C3%BD) xoay quanh cuộc sống của những đứa trẻ ở một vùng quê Việt Nam nghèo khó, nổi bật lên là thông điệp về tình anh em, tình làng nghĩa xóm và những tâm tư của [tuổi mới lớn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tu%E1%BB%95i_m%E1%BB%9Bi_l%E1%BB%9Bn). Theo Nguyễn Nhật Ánh, đây là lần đầu tiên ông đưa vào truyện của mình những nhân vật phản diện, đặt ra vấn đề đạo đức như sự vô tâm hay [cái ác](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C3%81c). Là một trong những quyển sách Việt Nam bán chạy nhất năm 2010.

Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) phân tích và làm rõ sự phong phú của đời sống con người qua hai tác phẩm **"Cánh đồng bất tận"** của Nguyễn Ngọc Tư và **"Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh"** của Nguyễn Nhật Ánh.

**1. Mở bài:**

**Văn học chính là tấm gương phản chiếu những giá trị nhân văn sâu sắc và sự phong phú của đời sống con người. Mỗi tác phẩm đều chứa đựng những thông điệp về tình yêu, nỗi đau và khát vọng của con người.** Đúng vậy, văn học không chỉ là nghệ thuật của ngôn từ mà còn là một tấm gương trong suốt, phản chiếu trọn vẹn bản chất của cuộc sống con người, từ những điều giản dị đến những khát vọng lớn lao. Với chức năng này, nhiều tác phẩm văn học đã trở thành những chiếc cầu nối, đưa người đọc về với những giá trị cốt lõi của cuộc sống. Trong đó, *“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”* của Nguyễn Nhật Ánh và *“Cánh đồng bất tận”* của Nguyễn Ngọc Tư là hai tác phẩm tiêu biểu, phản ánh sự phong phú của đời sống con người qua những lát cắt khác nhau của xã hội.

**2. Thân bài:**

**\* Khái quát về nét chung của hai tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học…)**

+ **Khái quát chung**

*-* Văn học không chỉ là nghệ thuật ngôn từ mà còn là một tấm gương phản chiếu những giá trị nhân văn sâu sắc, những khía cạnh phong phú của đời sống con người. Mỗi tác phẩm văn học không chỉ đơn thuần là một bức tranh hiện thực mà còn là sự đúc kết những giá trị nhân văn, những khía cạnh phong phú của đời sống, đồng thời mang tính chất phê phán, nâng cao nhận thức và ý thức xã hội của con người.*“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”* của Nguyễn Nhật Ánh: Một câu chuyện nhẹ nhàng, sâu lắng về tuổi thơ, gia đình, và sự trưởng thành. *“Cánh đồng bất tận”* của Nguyễn Ngọc Tư là một tác phẩm hiện thực đầy ám ảnh, khắc họa những nỗi đau, sự cô đơn và khát vọng sống trong bối cảnh miền Tây Nam Bộ.

- **Nguyễn Nhật Ánh và tác phẩm *“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”***: Nguyễn Nhật Ánh là một nhà văn nổi tiếng với những tác phẩm về tuổi thơ, được yêu thích bởi lối viết giản dị, trong sáng. *“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”* là một trong những tác phẩm nổi bật của ông, khắc họa tình yêu thương gia đình và những kỷ niệm tuổi thơ đầy hồn nhiên nhưng cũng sâu sắc.

-**Nguyễn Ngọc Tư và tác phẩm *“Cánh đồng bất tận”***: Nguyễn Ngọc Tư là một tác giả trẻ với lối viết hiện thực phê phán, thường xuyên đi sâu vào những góc khuất của cuộc sống con người. *“Cánh đồng bất tận”* là một tác phẩm xuất sắc, thể hiện rõ những bi kịch và nỗi đau trong đời sống con người, đặc biệt là trong bối cảnh khắc nghiệt của miền Tây Nam Bộ.

**\* Những điểm tương đồng giữa hai tác phẩm truyện và nguyên nhân dẫn đến sự tương đồng ấy**

Cả hai tác phẩm, dù được viết với những phong cách và góc nhìn khác nhau, đều cùng chung một mục đích: phản ánh những giá trị nhân văn và sự phong phú của đời sống con người. *“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”* và *“Cánh đồng bất tận”* đều khắc họa những tình yêu thương, những nỗi đau và khát vọng của con người, nhưng ở mỗi tác phẩm, những giá trị này lại được thể hiện qua những lăng kính khác nhau. Nếu như *“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”* nhấn mạnh vào sự trong sáng và những bước trưởng thành của tuổi thơ trong một xã hội bình yên, thì *“Cánh đồng bất tận”* lại mang đến một cái nhìn thực tế, khắc nghiệt hơn, nơi các nhân vật phải đối diện với những nỗi đau và bi kịch trong cuộc sống.

- Cả hai đều sử dụng bối cảnh quê hương làm nền tảng để kể những câu chuyện về cuộc sống, qua đó làm nổi bật giá trị con người. Ngoài hai tác phẩm trên, ta có thể thấy rằng những tác phẩm như *“Chiếc lược ngà”* của Nguyễn Quang Sáng hay *“Bến quê”* của Nguyễn Minh Châu cũng mang trong mình những giá trị nhân văn sâu sắc. *“Chiếc lược ngà”* khắc họa tình cha con thiêng liêng trong bối cảnh chiến tranh, nơi nỗi đau và tình yêu đan xen. *“Bến quê”* lại là một bài học sâu sắc về những giá trị giản dị mà con người đôi khi quên lãng trong cuộc sống bận rộn. Cả hai tác phẩm đều nhấn mạnh sự phong phú của đời sống con người và giá trị của những tình cảm chân thành, giản dị.

*-****Nguyên nhân dẫn tới sự tương đồng:***

Văn học, với chức năng phản ánh đời sống, đã và đang làm tròn vai trò của mình khi giúp người đọc hiểu sâu hơn về những giá trị nhân văn, về tình yêu, nỗi đau và khát vọng của con người. Qua những tác phẩm như *“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”* và *“Cánh đồng bất tận”*, ta có thể thấy rõ sự phong phú và đa dạng của đời sống con người, từ những niềm vui giản dị đến những nỗi đau sâu sắc, từ những khát vọng lớn lao đến những ước mơ nhỏ bé nhưng đầy ý nghĩa.Văn học không chỉ giúp con người thấu hiểu và đồng cảm với nhau hơn, mà còn là nguồn động lực để vượt qua những thử thách trong cuộc sống. Từ đó, văn học trở thành nguồn cảm hứng và ánh sáng dẫn đường cho tâm hồn con người, giúp chúng ta sống đẹp hơn, yêu thương nhiều hơn và kiên cường hơn trước những khó khăn của cuộc đời.

*\** **Những điểm khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy.**

*-“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh” mang đến một cái nhìn nhẹ nhàng, tinh tế về cuộc sống với sự nhấn mạnh vào những kỷ niệm đẹp và sự trưởng thành của tuổi thơ.*

*+Tình yêu:* Tình yêu gia đình là tình cảm giữa anh em Thiều và Tường, tình yêu thương bảo bọc mà các nhân vật dành cho nhau trong gia đình.Tình bạn là những khoảnh khắc hồn nhiên, vui tươi của tình bạn trong những năm tháng tuổi thơ, tình bạn chân thành, không vụ lợi. Tình yêu quê hương là sự gắn bó với làng quê bình dị, nơi chứa đựng những kỷ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ.

*+ Nỗi đau:* Nỗi đau từ sự trưởng thành từ những xung đột, mâu thuẫn tâm lý khi lớn lên, những lần nhận ra sự khác biệt giữa ước mơ và thực tế.Nỗi đau từ mất mát: Sự kiện Tường bị thương là một cú sốc lớn, phản ánh sự mong manh của cuộc sống và những vết thương lòng không dễ lành.

+ *Khát vọng:* Khát vọng về một tuổi thơ vô tư, tràn đầy niềm vui và sự bình yên.Khát vọng của Thiều trong việc bảo vệ em trai và duy trì tình cảm gia đình trong bối cảnh thay đổi của cuộc sống.

*+ Sự phong phú của đời sống con người:* Bức tranh làng quê Việt Nam với những chi tiết mộc mạc nhưng giàu sức sống, phản ánh đời sống thường nhật đầy tình cảm và giá trị nhân văn.Tác phẩm *“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”* là một bức tranh tuổi thơ đầy sắc màu, nơi Nguyễn Nhật Ánh đã khéo léo thổi hồn vào những câu chuyện giản dị nhưng sâu lắng. Tình yêu gia đình, tình bạn bè và tình quê hương được ông khắc họa bằng một nét vẽ trong trẻo, nhẹ nhàng nhưng lại thấm đượm những giá trị nhân văn sâu sắc. Theo lý luận về “sự phức tạp của tính cách” trong văn học hiện thực phê phán, các nhân vật trong tác phẩm không phải là những con người phi thường, mà là những con người bình thường với những niềm vui, nỗi buồn và ước mơ giản dị. Tình yêu giữa anh em Thiều và Tường, hay tình bạn của các nhân vật, đều được phản ánh qua những khoảnh khắc hồn nhiên, chân thành và không vụ lợi. Dưới ngòi bút của Nguyễn Nhật Ánh, mỗi chi tiết, mỗi cảm xúc đều được trau chuốt để khắc họa một cách tinh tế những giá trị cốt lõi trong đời sống. Đó là tình yêu thương và sự quan tâm giữa các thành viên trong gia đình, là sự kết nối chặt chẽ giữa con người với con người, và trên hết, là một khát vọng về cuộc sống bình yên, hạnh phúc.Tuy nhiên, cuộc sống không phải lúc nào cũng là những mảng màu tươi sáng.

*-****“Cánh đồng bất tận”* lại là một bức tranh hiện thực khắc nghiệt, nơi các nhân vật phải đối diện với những nỗi đau và bi kịch trong cuộc sống, qua đó bộc lộ những giá trị nhân văn sâu sắc trong những hoàn cảnh khắc nghiệt.**

*+ Tình yêu:* Tình yêu gia đình phức tạp là mối quan hệ giữa cha và con, giữa chị em, vừa đầy yêu thương nhưng cũng đầy mâu thuẫn, thể hiện sự phức tạp trong tình cảm gia đình.Tình yêu thương của con người với nhau: Những nhân vật như Nương, Sương đều mang trong mình lòng nhân ái, dù họ trải qua nhiều tổn thương.

*+ Nỗi đau:* Nỗi đau từ sự cô đơn và lạc lõng: Những con người sống trên cánh đồng bất tận, mang theo nỗi cô đơn không lối thoát, nỗi đau từ những mất mát và bị phản bội.Nỗi đau từ sự nghèo khó và những bất công trong xã hội: Cuộc sống khó khăn, sự bất lực trước số phận, nỗi đau do môi trường sống khắc nghiệt mang lại.

*+ Khát vọng:* Khát vọng tự do là khát vọng thoát khỏi sự ràng buộc của quá khứ đau buồn, mong muốn tìm thấy một nơi an bình. Khát vọng tìm lại ý nghĩa cuộc sống: Những nỗ lực của Nương trong việc duy trì lòng nhân ái và tìm lại sự yên bình trong tâm hồn.

*+ Sự phong phú của đời sống con người:* Khắc họa một bức tranh đời sống đầy phức tạp và đa diện của con người vùng sông nước miền Tây Nam Bộ, với những bi kịch ẩn chứa trong từng chi tiết nhỏ của đời sống thường ngày. Nếu như *“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”* là bức tranh tuổi thơ tươi sáng, thì *“Cánh đồng bất tận”* của Nguyễn Ngọc Tư lại là một bức tranh hiện thực đầy ám ảnh, nơi những nỗi đau, sự cô đơn và khát vọng sống hiện lên rõ nét giữa bối cảnh khắc nghiệt của miền Tây Nam Bộ. Lý luận văn học hiện thực phê phán cho rằng, văn học không chỉ mô tả hiện thực mà còn phải phê phán, phản ánh những mâu thuẫn trong đời sống xã hội. Nguyễn Ngọc Tư đã sử dụng ngòi bút sắc sảo để khắc họa những bi kịch của con người trong xã hội hiện đại, đặc biệt là trong một môi trường tự nhiên khắc nghiệt và một xã hội đầy bất công. Những nỗi đau không chỉ đến từ sự cô đơn và lạc lõng, mà còn từ những mất mát, những tổn thương không dễ hàn gắn trong tâm hồn.

**\* Đánh giá chung về sự tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm**

**-**Văn học thực sự là một tấm gương phản chiếu những giá trị nhân văn và sự phong phú của đời sống con người. Cả *“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”* và *“Cánh đồng bất tận”* đều là những tác phẩm xuất sắc, không chỉ bởi nội dung mà còn bởi cách mà chúng phản ánh những giá trị cốt lõi của đời sống con người. Đóng góp của hai tác phẩm trong việc nâng cao nhận thức về nhân văn, đồng thời thể hiện sự đa dạng và phong phú của đời sống qua những lăng kính khác nhau. Đó là khát vọng về tự do, về một cuộc sống tốt đẹp hơn, vượt qua những ràng buộc của quá khứ đau buồn và tìm lại ý nghĩa thực sự của cuộc sống. Nguyễn Ngọc Tư đã khéo léo lồng ghép những giá trị nhân văn vào từng chi tiết nhỏ trong tác phẩm, làm nổi bật lên sự phong phú và phức tạp của đời sống con người.

**3. Kết bài:**

Văn học thực sự là tấm gương phản chiếu những giá trị nhân văn và sự phong phú của đời sống con người, giúp người đọc hiểu sâu hơn về những khía cạnh tâm lý và xã hội trong cuộc sống. Việc thấu hiểu những thông điệp nhân văn trong văn học không chỉ giúp con người sống đẹp hơn, mà còn là nguồn động lực để vượt qua những thử thách trong cuộc sống. Văn học từ đó trở thành nguồn cảm hứng và ánh sáng dẫn đường cho tâm hồn con người.

**Bài viết tham khảo**

Văn học chính là tấm gương phản chiếu những giá trị nhân văn sâu sắc và sự phong phú của đời sống con người. Mỗi tác phẩm đều chứa đựng những thông điệp về tình yêu, nỗi đau và khát vọng của con người. Đúng vậy, văn học không chỉ là nghệ thuật của ngôn từ mà còn là một tấm gương trong suốt, phản chiếu trọn vẹn bản chất của cuộc sống con người, từ những điều giản dị đến những khát vọng lớn lao. Với chức năng này, nhiều tác phẩm văn học đã trở thành những chiếc cầu nối, đưa người đọc về với những giá trị cốt lõi của cuộc sống. Trong đó, *“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”* của Nguyễn Nhật Ánh và *“Cánh đồng bất tận”* của Nguyễn Ngọc Tư là hai tác phẩm tiêu biểu, phản ánh sự phong phú của đời sống con người qua những lát cắt khác nhau của xã hội.

Văn học không chỉ là nghệ thuật ngôn từ mà còn là một tấm gương phản chiếu những giá trị nhân văn sâu sắc, những khía cạnh phong phú của đời sống con người. Theo lý luận văn học hiện thực phê phán, tác phẩm văn học phải phản ánh chân thực đời sống và con người trong một bối cảnh lịch sử nhất định. Văn học phản ánh các khía cạnh của con người bao gồm cả những điều tốt đẹp và những mâu thuẫn, bi kịch trong cuộc sống. mỗi tác phẩm văn học không chỉ đơn thuần là một bức tranh hiện thực mà còn là sự đúc kết những giá trị nhân văn, những khía cạnh phong phú của đời sống, đồng thời mang tính chất phê phán, nâng cao nhận thức và ý thức xã hội của con người.*“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”* của Nguyễn Nhật Ánh: Một câu chuyện nhẹ nhàng, sâu lắng về tuổi thơ, gia đình, và sự trưởng thành. *“Cánh đồng bất tận”* của Nguyễn Ngọc Tư: Một tác phẩm hiện thực đầy ám ảnh, khắc họa những nỗi đau, sự cô đơn và khát vọng sống trong bối cảnh miền Tây Nam Bộ.

Nguyễn Nhật Ánh và tác phẩm *“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”*: Nguyễn Nhật Ánh là một nhà văn nổi tiếng với những tác phẩm về tuổi thơ, được yêu thích bởi lối viết giản dị, trong sáng. *“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”* là một trong những tác phẩm nổi bật của ông, khắc họa tình yêu thương gia đình và những kỷ niệm tuổi thơ đầy hồn nhiên nhưng cũng sâu sắc. Nguyễn Ngọc Tư và tác phẩm *“Cánh đồng bất tận”*: Nguyễn Ngọc Tư là một tác giả trẻ với lối viết hiện thực phê phán, thường xuyên đi sâu vào những góc khuất của cuộc sống con người. *“Cánh đồng bất tận”* là một tác phẩm xuất sắc, thể hiện rõ những bi kịch và nỗi đau trong đời sống con người, đặc biệt là trong bối cảnh khắc nghiệt của miền Tây Nam Bộ.

Cả hai tác phẩm, dù được viết với những phong cách và góc nhìn khác nhau, đều cùng chung một mục đích: phản ánh những giá trị nhân văn và sự phong phú của đời sống con người. *“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”* và *“Cánh đồng bất tận”* đều khắc họa những tình yêu thương, những nỗi đau và khát vọng của con người, nhưng ở mỗi tác phẩm, những giá trị này lại được thể hiện qua những lăng kính khác nhau. Nếu như *“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”* nhấn mạnh vào sự trong sáng và những bước trưởng thành của tuổi thơ trong một xã hội bình yên, thì *“Cánh đồng bất tận”* lại mang đến một cái nhìn thực tế, khắc nghiệt hơn, nơi các nhân vật phải đối diện với những nỗi đau và bi kịch trong cuộc sống. Cả hai đều sử dụng bối cảnh quê hương làm nền tảng để kể những câu chuyện về cuộc sống, qua đó làm nổi bật giá trị con người. Ngoài hai tác phẩm trên, ta có thể thấy rằng những tác phẩm như *“Chiếc lược ngà”* của Nguyễn Quang Sáng hay *“Bến quê”* của Nguyễn Minh Châu cũng mang trong mình những giá trị nhân văn sâu sắc. *“Chiếc lược ngà”* khắc họa tình cha con thiêng liêng trong bối cảnh chiến tranh, nơi nỗi đau và tình yêu đan xen. *“Bến quê”* lại là một bài học sâu sắc về những giá trị giản dị mà con người đôi khi quên lãng trong cuộc sống bận rộn. Cả hai tác phẩm đều nhấn mạnh sự phong phú của đời sống con người và giá trị của những tình cảm chân thành, giản dị.

Văn học, với chức năng phản ánh đời sống, đã và đang làm tròn vai trò của mình khi giúp người đọc hiểu sâu hơn về những giá trị nhân văn, về tình yêu, nỗi đau và khát vọng của con người. Qua những tác phẩm như *“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”* và *“Cánh đồng bất tận”*, ta có thể thấy rõ sự phong phú và đa dạng của đời sống con người, từ những niềm vui giản dị đến những nỗi đau sâu sắc, từ những khát vọng lớn lao đến những ước mơ nhỏ bé nhưng đầy ý nghĩa.Văn học không chỉ giúp con người thấu hiểu và đồng cảm với nhau hơn, mà còn là nguồn động lực để vượt qua những thử thách trong cuộc sống. Từ đó, văn học trở thành nguồn cảm hứng và ánh sáng dẫn đường cho tâm hồn con người, giúp chúng ta sống đẹp hơn, yêu thương nhiều hơn và kiên cường hơn trước những khó khăn của cuộc đời. Tóm lại, việc thấu hiểu và cảm nhận những giá trị nhân văn trong văn học là một yếu tố quan trọng giúp chúng ta sống tốt hơn, biết trân trọng hơn những gì mình đang có và từ đó biết vươn lên để vượt qua những thử thách. Vì vậy mà văn học đã trở thành một tấm gương phản chiếu, giúp chúng ta nhìn lại chính mình và tìm thấy những giá trị đích thực trong cuộc sống.

*“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh” mang đến một cái nhìn nhẹ nhàng, tinh tế về cuộc sống với sự nhấn mạnh vào những kỷ niệm đẹp và sự trưởng thành của tuổi thơ.* Tình yêu gia đình là tình cảm giữa anh em Thiều và Tường, tình yêu thương bảo bọc mà các nhân vật dành cho nhau trong gia đình.Tình bạn là những khoảnh khắc hồn nhiên, vui tươi của tình bạn trong những năm tháng tuổi thơ, tình bạn chân thành, không vụ lợi. Tình yêu quê hương là sự gắn bó với làng quê bình dị, nơi chứa đựng những kỷ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ. Nỗi đau từ sự trưởng thành từ những xung đột, mâu thuẫn tâm lý khi lớn lên, những lần nhận ra sự khác biệt giữa ước mơ và thực tế.Nỗi đau từ mất mát: Sự kiện Tường bị thương là một cú sốc lớn, phản ánh sự mong manh của cuộc sống và những vết thương lòng không dễ lành. “*Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*” là một câu chuyện đầy xúc cảm về quê hương, về gia đình, về thời niên thiếu của mỗi người. Cậu bé Tường ngây thơ, đầy tình thương trong khi Thiều là người anh trai ích kỷ, hẹp hòi đến tàn nhẫn. Bên cạnh tình cảm anh em với những yêu thương, ghen ghét, đố kỵ, hối tiếc, ăn năn… còn là tình cảm bạn bè, kỷ niệm thời thơ ấu của lũ trẻ nhà quê nghèo ở miền Trung cuối những năm 1980. Ở đó có những cuộc cãi vã, đánh nhau; những trò chơi trẻ con thú vị; những giấc mơ cổ tích công chúa, hoàng tử; những hờn giận vu vơ, rung động đầu đời… Những làng quê nghèo thiệt nhưng đơn sơ, yên bình và nên thơ. Con đường làng rợp bóng tre dưới màn mưa khiến ai cũng phải trầm trồ, xuýt xoa. Cái mùng vải trắng, cái cà-mèn cũ kỹ đựng đồ ăn, đôi quang gánh, chiếc xe bò… đều đẹp vẻ đẹp dung dị. Những khuôn hình bê nguyên xi đời thực nhưng lại trau chuốt, đẹp đến mê hồn, ngơ ngẩn. Cũng có những khuôn hình được chắt lọc đến từng chi tiết, rất tinh tế, mang hơi thở cuộc sống như cảnh cả gia đình co giò ngồi ăn cháo trắng với muối hầm, cánh hoa bươm bướm vàng rời khỏi tay cô bé trong rạp xiếc... Âm nhạc du dương, dễ thương.

Khát vọng về một tuổi thơ vô tư, tràn đầy niềm vui và sự bình yên.Khát vọng của Thiều trong việc bảo vệ em trai và duy trì tình cảm gia đình trong bối cảnh thay đổi của cuộc sống.Sự phong phú của đời sống con người là bức tranh làng quê Việt Nam với những chi tiết mộc mạc nhưng giàu sức sống, phản ánh đời sống thường nhật đầy tình cảm và giá trị nhân văn.Tác phẩm *“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”* là một bức tranh tuổi thơ đầy sắc màu, nơi Nguyễn Nhật Ánh đã khéo léo thổi hồn vào những câu chuyện giản dị nhưng sâu lắng. Tình yêu gia đình, tình bạn bè và tình quê hương được ông khắc họa bằng một nét vẽ trong trẻo, nhẹ nhàng nhưng lại thấm đượm những giá trị nhân văn sâu sắc. Theo lý luận về “sự phức tạp của tính cách” trong văn học hiện thực phê phán, các nhân vật trong tác phẩm không phải là những con người phi thường, mà là những con người bình thường với những niềm vui, nỗi buồn và ước mơ giản dị. Tình yêu giữa anh em Thiều và Tường, hay tình bạn của các nhân vật, đều được phản ánh qua những khoảnh khắc hồn nhiên, chân thành và không vụ lợi. Chúng ta hẳn ai cũng đã từng có những rung động đầu đời. Đó không chỉ duy là tình yêu mà đến với *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh* ta còn nhìn thấy được cảm giác rung động của một đứa trẻ lần đầu tiên biết đến “hoa tay”.  Lần đầu tiên biết đến hoa tay thì thằng Thiều - một đứa trẻ hay tò mò và ham vui đã đi khắp làng để đếm và coi hoa tay. Ngoài ra, chúng ta còn được trở về thời xa xưa, thời điểm mà những người yêu nhau thường ngày ngóng, đêm mong nhận được những bức thư tay.  Lần đầu tiên viết thư tình Thiều đã lấy cắp hai câu thơ của chú Đàn và chị Vinh, bức thư tình trở nên dí dỏm và đáng yêu hơn bao giờ hết khi bị thầy giáo bắt được:

*“Nắng mưa là bệnh của trời*

*Tương tư là chuyện của tôi yêu nàng”*

Những cảm xúc dần hình thành trong lòng Thiều, là sự đồng cảm với hoàn cảnh của Mận, xót xa khi biết sự đau khổ mà Mận trải qua và hối hận những khi mình bảo Tường ngu ngốc, lúc Tường vì mình mà chịu đòn hay lúc trêu đùa người khác. Quan trọng nhất chính là lần đầu biết cảm giác thích là như thế nào, lần đầu thấy lúng túng và ngại ngùng khi đối diện với Mận. Hay là khi nghe kể chuyện ma thì hai anh em rùng mình sợ đến nổi bị nhát là chạy toán loạn, đến khi về nhà lại bị đánh vì tội là con trai mà sợ ma. Hơn thế, khi nghe bạn kể về xóm Miễu - nơi có ma cọp thì hai anh em lại tò mò và muốn đi khám phá, dù sợ ma nhưng cứ ra vẻ. Còn về Tường, một trải nghiệm đầu đời có thể nói là không thể quên của Tường chính là trở thành “chim xanh” của chú Đàn và chị Vinh nhưng không may lại bị cha của chị Vinh phát hiện.

Dưới ngòi bút của Nguyễn Nhật Ánh, mỗi chi tiết, mỗi cảm xúc đều được trau chuốt để khắc họa một cách tinh tế những giá trị cốt lõi trong đời sống. Đó là tình yêu thương và sự quan tâm giữa các thành viên trong gia đình, là sự kết nối chặt chẽ giữa con người với con người, và trên hết, là một khát vọng về cuộc sống bình yên, hạnh phúc.Tuy nhiên, cuộc sống không phải lúc nào cũng là những mảng màu tươi sáng. Nguyễn Nhật Ánh cũng đã không ngần ngại đưa vào tác phẩm của mình những nỗi đau, những mảng tối của sự trưởng thành. Nỗi đau của Thiều khi nhận ra sự khác biệt giữa giấc mơ và hiện thực, sự hối hận khi gây ra tai nạn cho em trai, hay những khoảnh khắc băn khoăn trước những lựa chọn trong cuộc sống, đều là những biểu hiện của nỗi đau và sự tổn thương trong quá trình trưởng thành. Nhưng chính từ những nỗi đau đó, các nhân vật đã học được cách vượt qua và tìm lại sự cân bằng trong cuộc sống. Đó cũng chính là khát vọng, là mong muốn về một tương lai tươi sáng, nơi các giá trị nhân văn được tôn vinh và gìn giữ. Nguyễn Nhật Ánh không chỉ cho ta trở về thời thơ ấu với bao nhiêu cảm xúc ngổn ngang mà còn gieo rắc vào tâm hồn ta thứ tình cảm nhân văn và cao quý hơn hết đó chính là tình thân. Người cha chấp nhận chịu cảnh tù túng, thậm chí là trốn chui trong cái căn gác xập xệ cùng với căn bệnh quái lạ mà người ta hay gọi là bệnh phong. Đứa con gái ngây ngô và giàu tình cảm như Mận cũng không tiếc bỏ cả những lúc học bài để chăm sóc cho cha.Và rồi một trận hỏa hoạn ập xuống. Rồi một cơn lũ lớn tạt qua. Cuộc sống làng quê thanh bình cũng có lúc bị dọa đến chết khiếp, những cánh đồng bát ngát, những lũy tre xanh, cây đa đầu làng,…tất cả sẽ bị thiêu rụi trong biển lửa hay nhấn chìm trong biển nước. Lướt qua từng chương của quyển sách, chúng ta sẽ bật cười trong vô thức khi nhìn thấy chính mình. Ngôn từ không quá chau chuốt, cảm xúc nhẹ nhàng như rót vào giấc ngủ và một giấc mơ thần tiên hiện ra trong phút chốc. Tất cả là vì có được cơ hội để trở lại thành một đứa trẻ, có được khoảng thời gian vô tư không lo lắng, có khoảng thời gian mà cứ vui thì cười, cứ buồn thì khóc.

***“****Cánh đồng bất tận” lại là một bức tranh hiện thực khắc nghiệt, nơi các nhân vật phải đối diện với những nỗi đau và bi kịch trong cuộc sống, qua đó bộc lộ những giá trị nhân văn sâu sắc trong những hoàn cảnh khắc nghiệt.* Tình yêu gia đình phức tạp là mối quan hệ giữa cha và con, giữa chị em, vừa đầy yêu thương nhưng cũng đầy mâu thuẫn, thể hiện sự phức tạp trong tình cảm gia đình.Tình yêu thương của con người với nhau: Những nhân vật như Nương, Sương đều mang trong mình lòng nhân ái, dù họ trải qua nhiều tổn thương.Nỗi đau từ sự cô đơn và lạc lõng: Những con người sống trên cánh đồng bất tận, mang theo nỗi cô đơn không lối thoát, nỗi đau từ những mất mát và bị phản bội.Nỗi đau từ sự nghèo khó và những bất công trong xã hội: Cuộc sống khó khăn, sự bất lực trước số phận, nỗi đau do môi trường sống khắc nghiệt mang lại.Khát vọng tự do là khát vọng thoát khỏi sự ràng buộc của quá khứ đau buồn, mong muốn tìm thấy một nơi an bình. Khát vọng tìm lại ý nghĩa cuộc sống: Những nỗ lực của Nương trong việc duy trì lòng nhân ái và tìm lại sự yên bình trong tâm hồn.

Sự phong phú của đời sống con người đãkhắc họa một bức tranh đời sống đầy phức tạp và đa diện của con người vùng sông nước miền Tây Nam Bộ, với những bi kịch ẩn chứa trong từng chi tiết nhỏ của đời sống thường ngày. Nếu như *“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”* là bức tranh tuổi thơ tươi sáng, thì *“Cánh đồng bất tận”* của Nguyễn Ngọc Tư lại là một bức tranh hiện thực đầy ám ảnh, nơi những nỗi đau, sự cô đơn và khát vọng sống hiện lên rõ nét giữa bối cảnh khắc nghiệt của miền Tây Nam Bộ. Lý luận văn học hiện thực phê phán cho rằng, văn học không chỉ mô tả hiện thực mà còn phải phê phán, phản ánh những mâu thuẫn trong đời sống xã hội. Nguyễn Ngọc Tư đã sử dụng ngòi bút sắc sảo để khắc họa những bi kịch của con người trong xã hội hiện đại, đặc biệt là trong một môi trường tự nhiên khắc nghiệt và một xã hội đầy bất công. Những nỗi đau không chỉ đến từ sự cô đơn và lạc lõng, mà còn từ những mất mát, những tổn thương không dễ hàn gắn trong tâm hồn.Tình yêu trong *“Cánh đồng bất tận”* không chỉ là tình yêu thương đơn thuần, mà còn là một thứ tình cảm phức tạp, đa chiều, đầy mâu thuẫn và dằn vặt. Mối quan hệ giữa các nhân vật, đặc biệt là giữa cha và con, giữa chị em, là một sự hòa trộn giữa yêu thương và thù hận, giữa mong muốn bảo vệ và sự bất lực trước hoàn cảnh. Tuy nhiên, dù có phải đối diện với bao nhiêu nỗi đau, khát vọng sống của các nhân vật trong *“Cánh đồng bất tận”* vẫn luôn mạnh mẽ và kiên cường. Đó là khát vọng về tự do, về một cuộc sống tốt đẹp hơn, vượt qua những ràng buộc của quá khứ đau buồn và tìm lại ý nghĩa thực sự của cuộc sống. Nguyễn Ngọc Tư đã khéo léo lồng ghép những giá trị nhân văn vào từng chi tiết nhỏ trong tác phẩm, làm nổi bật lên sự phong phú và phức tạp của đời sống con người.

Biểu tượng “cánh đồng” trong “Cánh đồng bất tận” chứa đựng những nỗi buồn chan chứa, tuy nhiên nỗi buồn ấy không làm ta bi quan mà cuồn cuộn khát khao được sống, được làm người. Bởi vì lớn hơn hết thảy “cánh đồng” còn là biểu tượng của tình thương, lòng nhân ái, niềm tin và những gì thuộc về giá trị nhân bản. Đó là tình thương của hai chị em với người đàn bà tên Sương, tình thương của người cha đã tạo ra những tội lỗi bởi lòng thù hận với người vợ phụ tình nhưng vẫn lờ mờ cảm thấy trách nhiệm đối với hai đứa con. Cái chi tiết ông mua cho đứa con gái cái nhẫn để dành cho đám cưới cũng như việc “cởi cái áo trên người để đắp lên cho đứa con gái. Ông ta bò quanh nó, tìm bất cứ cái gì để có thể che cơ thể nó dưới ánh mặt trời” cho thấy tình thương và sự hối hận của người làm cha đã sống dậy. Cánh đồng là biểu tượng của tình thương đặc biệt gắn liền với nhân vật Điền trong tác phẩm. Không phải ngẫu nhiên Nguyễn Ngọc Tư đặt cho nhân vật tên là Điền (nghĩa từ nguyên là ruộng, gần gũi với cánh đồng). Điền là một biểu tượng chứa đựng ẩn ý của tác giả trong quá trình khái quát hoá nghệ thuật. Tác giả đã để nhân vật tôi thổ lộ thế này “Tôi nhớ Điền, bao gồm nhớ một đồng loại (còn tôi là đồng loại còn lại), nhớ một cách trò chuyện (đọc thấu lòng nhau), nhớ người nghe được tiếng tim mình (điều này thì con vịt mù làm được, nhưng nó đã chết rồi), nhớ một người che chở (công việc này đáng nhẽ của ba, má tôi) ”. Đó chính là “đặc trưng” của Điền biết trân trọng, thấu hiểu, có tình yêu thương, ý thức che chở, giúp đỡ người khác nên là biểu tượng cho tình yêu thương, giá trị nhân bản. Cách xây dựng biểu tượng “cánh đồng” ở đây đã dựa trên sự song trùng đặc điểm, tính chất giữa tên truyện và tên nhân vật. Đây không chỉ là nét riêng của truyện ngắn này mà có thể coi là một đặc điểm thi pháp của Nguyễn Ngọc Tư. Như vậy, nội hàm của biểu tượng “cánh đồng” ở đây chính là lòng yêu thương, tình nhân ái, sự trân trọng giá trị con người.

“Cánh đồng” còn biểu trưng cho nỗi nhớ và dòng thời gian trôi chảy, nỗi nhớ về cánh đồng của niềm thương, nỗi đau, của tình yêu quặn thắt nơi người kể chuyện. Cái ý nghĩa biểu trưng này cho đến cuối cùng thiên truyện mới được hé lộ. Bởi Nguyễn Ngọc Tư đã viết cái đề tài mà chị khai thác theo một cách khác. Từ những làng quê yên ổn cầm chừng trong sự đói nghèo, đã có những cuộc ra đi, những con người ra đi đến nơi chốn thị thành rợn ngợp. Chính nó tạo nên một khoảng trống trong tâm hồn người ở lại, một cái gì đó cựa quậy, bất an. Nhưng chị không kể chuyện của người ra đi mà kể câu chuyện của người ở lại trong tiếng gọi khản giọng và cái nhìn khắc khoải. Sự chờ đợi trong khoảng không u buồn, tĩnh mịch vẫn rợn ngợp mênh mông và thấm vào da thịt. Nhưng rồi rốt cuộc, chính họ (những người chờ đợi) lại phải ra đi, không phải do không còn chịu đựng sự ngưng đọng của thời gian, không phải cảm giác bị bỏ rơi mà là cảm giác đã đánh mất hạnh phúc mong manh cần được chăm chút, nâng niu, đánh mất những khao khát bị sự yên ổn cầm chừng che giấu. Họ bước vào cuộc kiếm tìm đau đáu nhưng vô vọng trong khao khát giã từ lưu lạc. Cho nên nỗi nhớ ở đây vừa xót xa vừa thấm thía tình người.Văn học thực sự là một tấm gương phản chiếu những giá trị nhân văn và sự phong phú của đời sống con người. Cả *“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”* và *“Cánh đồng bất tận”* đều là những tác phẩm xuất sắc, không chỉ bởi nội dung mà còn bởi cách mà chúng phản ánh những giá trị cốt lõi của đời sống con người. Đóng góp của hai tác phẩm trong việc nâng cao nhận thức về nhân văn, đồng thời thể hiện sự đa dạng và phong phú của đời sống qua những lăng kính khác nhau. “*Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*” viết về tuổi thơ nghèo khó ở một làng quê, bên cạnh đề tài tình yêu quen thuộc, lần đầu tiên Nguyễn Nhật Ánh đưa vào tác phẩm của mình những nhân vật phản diện và đặt ra vấn đề đạo đức như sự vô tâm, cái ác. Có lẽ, nỗi vất vả của kiếp đời mưu sinh đã quá nhọc lòng trên đôi vai bé nhỏ nên những hình ảnh mộc mạc, thân thuộc thế này đã gợi không ít nỗi nhớ, niềm thương. Và bằng những dòng suy nghĩ chân thành, ngôn từ giản dị Nguyễn Nhật Ánh đã vẽ một chuyến đi đưa người đọc trở về thời thơ ấu. Không cần quá phô trương nhưng đủ sâu sắc, không cần quá thâm thúy nhưng đủ để chúng ta có thể nhìn thấy mình ở trong đó.

 Văn học thực sự là tấm gương phản chiếu những giá trị nhân văn và sự phong phú của đời sống con người, giúp người đọc hiểu sâu hơn về những khía cạnh tâm lý và xã hội trong cuộc sống. Việc thấu hiểu những thông điệp nhân văn trong văn học không chỉ giúp con người sống đẹp hơn, mà còn là nguồn động lực để vượt qua những thử thách trong cuộc sống. Văn học từ đó trở thành nguồn cảm hứng và ánh sáng dẫn đường cho tâm hồn con người. “Cánh đồng bất tận” mãi mãi cho chúng ta sự thấm thía về tình người, niềm đau và nỗi buồn, mãi mãi để lại trong lòng chúng ta một giọng điệu Nguyễn Ngọc Tư dung dị mà thấu đáo, thẩm thấu lắng sâu vào bên trong với dòng cảm xúc suy tư bất tận nhưng cũng không kém phần tinh tế và nhạy cảm trước những biến thái của cuộc đời.  Nguyễn Ngọc Tư muốn cảnh báo con người về ý nghĩa thực sự của cuộc sống. Không gào thét, không ồn ào nhưng nếu đọc tác phẩm mà bên trong bạn không quặn thắt những đợt sóng về nỗi niềm băn khoăn về kiếp sống làm người xin bạn hãy đọc lại tác phẩm với một cái đầu tỉnh táo và nhân văn.

**ĐỀ 9**

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai truyện ngắn sau:

**Ngày Về Quê Mẹ** *(Lam Khê)*

*(Tóm tắt: Thành sau khi bị mất việc, mất nhà, mất người yêu được Hưng giúp tá túc ở một ngôi chùa* *Tiếng chuông chùa gợi nhớ về một làng quê yêu thương nào đó, mà Thành đã bỏ quên từ lâu lắm. Thành hỏi Hưng và được biết bên chùa đang chuẩn bị tổ chức Lễ Vu Lan. Thành nhớ lại hồi còn nhỏ thường hay theo mẹ đến chùa rồi quậy phá. Chiều hôm đó Thành bị mẹ đánh cho một trận nên thân, bà buồn bã khuyên con không nên đển người ngoài nói Thành là đứa con không cha).*

Thành chẳng cần biết đến tội lỗi gì, chỉ căm ghét ai nói mình là con không cha. Lại càng tức giận chú tiểu đã làm cho mẹ buồn. Định bụng hôm nào chặn đường chú tiểu đi học về hỏi tội. Nhưng Thành đã không có cơ hội để thực hiện điều đó. Bởi vài ngày sau gia đình bên nội tìm tới thương lượng với mẹ xin đem Thành về nuôi nấng cho ăn học. Thành là cháu trai duy nhất của họ, nhưng lại là con ngoại hôn, nên đã không được thừa nhận từ thuở mới lọt lòng. Cuối cùng thì người mẹ vì nghĩ đến tương lai của con mà đành rứt ruột rời xa. ..

(Tóm tắt: *Thành hồi tưởng lại quãng đời tuổi trẻ của mình: Tốt nghiệp đại học loại ưu, đi nước ngoài tu nghiệp, trở về được đề bạt làm trưởng phòng, phó giám đốc rồi giám đốc nhờ vào uy thế, tiền bạc của Ba và ông Nội. Nhưng khi đang ngấp nghé cái chức danh tổng giám đốc thì ông Nội mất, Ba bị tai nạn chết. Thành mất đi chỗ hậu thuẫn chắc chắn, mất chức, bị đẩy ra khỏi công ty, mấy chị em gái cùng cha rắp tâm chia chác hết tài sản và lấy lại ngôi biệt thự  mà Thành đang ở, người vợ chưa cưới cũng nói lời chia tay… Chán chường vô định, Thành được Hưng-vốn là bạn học cũ cưu mang*. *Đang suy nghĩ mông lung thì Thành bắt gặp một vị tu sĩ trẻ và được biết đây chính là chú tiểu ngày trước đã bị Thành ném quả cho u đầu. Thành kể chuyện của mình cho thầy Khánh nghe về cuộc đời mình và được vị tu sĩ khuyên nên về quê với mẹ)*

- Dù thế nào cậu cũng phải trở về với mẹ thôi. Cuộc đời luôn luôn có những khắc nghiệt, nhưng tình mẹ lúc nào cũng sẳn lòng dang rộng đôi tay để đón nhận những đứa con quay lại. Mẹ cậu đã trông đợi con suốt bao nhiêu năm rồi còn gì. Lúc này cậu không về thì đợi đến bao giờ….Tôi đang theo học trường Cao Cấp Phật học. Vài năm nữa tốt nghiệp rồi cũng trở về quê phụ giúp với thầy tổ. Mảnh đất quê hương luôn là nơi bình yên thân thiết mà mình không thể rời bỏ. Nơi ấy luôn có bao người  kỳ vọng …và chờ đợi những đứa con xa xứ trở về.

Buổi  sáng sớm Thành cùng vị tu sĩ ra bến xe trở về quê….Lòng anh rộn rã hẳn lên khi nhìn thấy những hàng dừa xanh trải dài thẳng tắp trên các nẻo đường quê quen thuộc. …Một  chồi xanh mới vừa nhú lên đã hứa hẹn nhiều mầm sống tốt  đẹp. Thành thật sự xúc động khi thoáng thấy bóng mẹ già đứng khuất bên mái hiên chùa. Khoé mắt bà ánh lên niềm vui rạng rỡ khi ôm lấy bờ vai gầy của đứa con trai vừa trở về. Trong vòng tay mẹ, Thành thấy lòng mình vẫn  ấm áp như thuở còn thơ .

*(đăng trên* [*https://www.buddhismtoday.com/viet/truyen/ngayve.htm*](https://www.buddhismtoday.com/viet/truyen/ngayve.htm)*)*

**Cơm mùi khói bếp *(Hoàng Công Danh)***

(*Tóm tắt: Bốn năm từ ngày lấy vợ, tết này anh mới đưa được cả vợ và con từ Sài Gòn về quê. Anh về đến nhà người mẹ lưng đã còng rất vui mừng, muốn nấu cơm cho con ăn nhưng vợ anh từ chối. Sáng hôm sau bà thức dậy sớm nấu cơm cho con ăn, khói bếp bốc ngùn ngụt khiến đứa cháu nội 3 tuổi tưởng cháy nhà. Người con dâu ngao ngán trước bữa cơm trắng. Tranh thủ lúc mẹ đi ra giếng, anh lùa cả ba chén cơm trắng vào lại nồi).*

Sáng hôm sau bà lại dậy sớm. Lại nhóm bếp rơm nấu cơm. Xong bữa nồi cơm không vơi được là mấy, vẫn đầy như lòng mẹ. Anh gắng ăn được nửa chén. Chén lòng san đôi cho mẹ cho vợ. Anh dối mẹ chở vợ con đi xem chợ tết, đi thăm thú làng quê, thực chất là để ghé quán cho vợ con ăn bún ăn cháo.

Chưa hết tết, mới ngày mùng bốn anh lại phải đưa vợ con vào Sài Gòn. Bà mẹ dậy sớm làm gà, nấu cơm chuẩn bị cho các con mang đi ăn dọc đường nhưng vào tới Sài Gòn mà mèn cơm vẫn còn nửa, vợ anh định đổ đi còn anh đem phơi khô làm kỉ niệm.

Qua tháng ba nghe tin mẹ bệnh, anh tức tốc về nhà. Nằm trên giường, gặp con câu đầu tiên bà hỏi: “Con ăn chi chưa? Mẹ không bắc cơm được. Thôi ra đầu chợ ăn tạm. Bữa nào khỏe mẹ nấu cơm cho ăn. Tội nghiệp”.

Nhưng mẹ không khỏe nữa, yếu dần, được thêm hai bữa thì nhắm mắt.

Đưa mẹ ra đồng xong, về nhà nhìn chén cơm trắng đặt trên bàn thờ, anh thấy nhói lòng. Ân hận. Thế là hết cơ hội được ăn với mẹ một chén cơm sáng thật đầy, để nghe mẹ nói câu “không ai thương bằng cơm thương”.

Tiếc nuối. Thèm miếng cơm cháy mẹ nấu quá. Giòn và thơm, mùi hương đồng mùi nước quê, cả mùi khói bếp. Chỉ có mẹ mới nấu được miếng cơm cháy ngon như thế.

Hôm lên đường vào Sài Gòn, anh dậy sớm nấu chén cơm đặt lên bàn thờ mẹ. Anh tự mình vo gạo, tự mình nhóm bếp rơm. Loay hoay một hồi. Bếp nhà đầy khói. Và khói...

(In trong *Chuyến tàu vé ngắn*, tập truyện ngắn, NXB Trẻ, TP. HCM, 2015, Tr. 49-54)

Chú thích:

1.Lam Khê là cây bút xuất hiện khá đều trên các Website văn học với các truyện ngắn chủ yếu về đề tài Phật giáo. Truyện của Lam Khê xoay quanh những đề tài giản dị trong cuộc sống, cách viết thâm trầm giàu chất triết lí sâu sa và nhuốm tinh thần Phật giáo. Đạo và đời song hành trong các tác phẩm của nhà văn. Truyện “Ngày về quê mẹ” là truyện ngắn tiêu biểu của của Lam Khê đăng trên [*https://www.buddhismtoday.com/viet/truyen/ngayve.htm*](https://www.buddhismtoday.com/viet/truyen/ngayve.htm)

2.Hoàng Công Danh hiện công tác ở Tạp chí Cửa Việt, Quảng Trị, đã xuất bản ba tập truyện ngắn: Cõng nhau trong một cõi người (2013), Chuyến tàu vé ngắn (2016), Trong cơn say níu sợi dây đứt (2019) và một tập tùy bút: Khói sẽ làm mắt tôi cay (2014) đều ở NXB Trẻ. Đầy chiêm nghiệm, sâu sắc ở cả đời và đạo, truyện Hoàng Công Danh thấm đẫm tình người lại hóm hỉnh, rất có duyên; cũng như lương duyên với văn chương nghệ thuật dù rằng anh tốt nghiệp kỹ sư ngành vật lý Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Belarus. Truyện ngắn “Cơm mùi khói bếp” được in trong Chuyến tàu vé ngắn, xuất bản năm 2015.

*c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết*

Xác định được các ý chính của bài viết

Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận:

**c.1.Mở bài:**

**- Giới thiệu hai tác phẩm truyện được xác định là đối tượng của sự so sánh, đánh giá:**

+Truyện “Ngày về quê mẹ” là truyện ngắn tiêu biểu của của nhà văn Lam Khê đăng trên *https://www.buddhismtoday.com/ viet/ truyen/ ngayve.htm*

+Truyện *“Cơm mùi khói bếp” của* Hoàng Công Danh, in trong *Chuyến tàu vé ngắn*, tập truyện ngắn, NXB Trẻ, TP. HCM, 2015, Tr. 49-54)

-**Nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá này:** Hai truyện ngắn có những điểm tương đồng về đề tài, chủ đề, tư tưởng cùng những nét độc đáo về nghệ thuật như nhan đề, tình huống truyện, không gian, thời gian, hình tượng nhân vật, ngôi kể, điểm nhìn, ngôn ngữ. Nhưng bên cạnh những - điểm giống nhau, hai truyện ngắn vẫn mang những nét độc đáo riêng biệt trên cả hai mặt nội dung và hình thức nghệ thuật, thể hiện nét riêng trong phong cách sáng tác của hai cây bút.

**c.2.Thân bài:**

**\* Khái quát về nét chung của hai tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học…)**

**+Khái quát chung:** hai truyện ngắn “Cơm mùi khói bếp” của Hoàng Công Danh và “Ngày về quê mẹ” của Lam Khê là hai truyện ngắn của giai đoạn văn học Việt Nam hiện đại (từ sau 1986 đến nay), có giá trị nhân văn sâu sắc, gửi đến người đọc những bài học cuộc sống ý nghĩa, có giá trị thức tỉnh và giáo dục con người, rất tiêu biểu cho nghệ thuật truyện ngắn hiện đại của các cây bút trẻ của văn học Việt Nam thời kì đổi mới.

**+Thông tin khái quát “Ngày về quê mẹ”:** Truyện kể về nhân vật Thành – một thanh niên bị mất việc, mất nhà sau những biến cố của ông nội và bố. Anh được một người bạn học giúp tá túc ở một ngôi chùa. Tại đây anh gặp lại chú tiểu khi xưa đã từng bị anh trêu chọc hiện đang là một tu sĩ. Anh đã kể cho tu sĩ nghe câu chuyện thăng trầm của cuộc đời mình và được người tu sĩ khuyên anh về quê với mẹ.

**+Thông tin khái quát “Cơm mùi khói bếp”:** Truyện kể về nhân vật tôi – một người xuất thân từ nông thôn, đã lập nghiệp và xây dựng gia đình ở thành phố. Bốn năm từ ngày lấy vợ anh mới đưa gia đình về ăn Tết với mẹ. Về đến nhà, bà mẹ chăm sóc cho anh, người vợ và đứa con rất chu đáo nhưng cả gia đình anh đều thấy không hợp và khó chịu với những thức ăn ở quê, nhất là cơm mùi khói bếp mẹ anh nấu. Hết Tết, anh trở lại Sài Gòn, người mẹ chuẩn bị thức ăn cho gia đình anh ăn dọc đường nhưng gia đình anh không ai ăn. Qua 3 tháng, anh nghe tin mẹ bị bệnh nên tức tốc về nhà nhưng anh chỉ ở với mẹ được hai bữa thì mẹ mất. Anh vô cùng ân hận và thèm được ăn cơm mùi khói bếp.

**\*Những điểm tương đồng giữa hai tác phẩm truyện và nguyên nhân dẫn đến sự tương đồng ấy**

**+Trên phương diện nội dung:**

- Cả hai truyện ngắn đều viết đề tài gia đình. Hình ảnh người mẹ hiện lên trong tâm trí của đứa con đều là những người mẹ quê với tấm lòng bao la cao đẹp: luôn yêu thương con bằng một tình yêu chân chất, mộc mạc mà sâu sắc. Qua nỗi ân hận và sự thức tỉnh muộn mằn của những người con trai, cả hai tác phẩm đều gửi đến người đọc những tư tưởng sắc: Khẳng định tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt, đề cao vai trò của gia đình, quê hương luôn là điểm tựa nâng đỡ con người trên mọi hành trình sống; lời cảnh tỉnh con người hiện đại về lối sống xô bồ, vô cảm, bỏ quên những điều tưởng chừng như bình dị nhưng lại vô cùng quý giá.

**+Trên phương diện nghệ thuật:** Cả hai truyện ngắn đều xây dựng nhan đề, tình huống truyện giản dị, gần gũi mà độc đáo, gợi nhiều suy ngẫm. Hai truyện đều sử dụng ngôi kể thứ ba, có sự kết hợp giữa các điểm nhìn như điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong. Nhân vật trong truyện được hiện lên qua đối thoại, hành động, nội tâm với những chi tiết đắt giá. Yếu tố không gian, thời gian được chú trọng xây dựng. Ngôn ngữ truyện giản dị nhưng có chiều sâu triết lí. Các yếu tố thi pháp của truyện ngắn hiện đại thể hiện tiêu biểu, thể hiện sự đổi mới sáng tạo trong nghệ thuật viết văn của các cây bút trẻ.

**+Nguyên nhân dẫn đến sự tương đồng:**

- Có sự tương đồng về nội dung là do đề tài gia đình là đề tài gần gũi, quen thuộc, thu hút sự quan tâm của nhiều cây bút viết văn, những giá trị nhân sinh, những bài học cuộc sống gợi ra từ đề tài này luôn có ý nghĩa với người đọc và không bao giờ là cũ. Có sự giống nhau trên phương diện hình thức là do hai tác phẩm đều thuộc thể loại truyện ngắn hiện đại, hai cây bút luôn có ý thức đổi mới nghệ thuật viết văn với những sáng tạo mới mẻ, độc đáo.

***\** Những điểm khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy.**

**-Truyện “Ngày về quê mẹ”:**

+Nhan đề “Ngày về quê mẹ” giản dị nhưng gợi nhiều ý nghĩa sâu sa. Ngày về đó không chỉ ngày người con trở lại quê mẹ sau nhiều năm xa cách mà còn ngày trở lại tuổi thơ với những kỉ niệm êm đềm, ngày trở về với điểm tựa tinh thần quý giá mà bao năm người con đã vô tình quên lãng, ngày đến với hi vọng một cuộc đời mới bình yên sau những thăng trầm, bão giông.

+Tình huống truyện rất bất ngờ: Thành bất ngờ gặp một vị tu sĩ – chính là chú tiểu năm xưa anh đã trêu chọc, ném cho u đầu tại sân vườn của chùa. Vị tu sĩ trẻ đã lắng nghe tâm sự của anh và đưa ra cho anh những lời khuyên quý báu, giúp anh xác định được hướng đi của cuộc đời mình. Vi tu sĩ lấy chính cuộc đời mình như sự dẫn giải giúp Thành bừng ngộ ý nghĩa của cuộc đời.

+Không gian: Không gian chính là một ngôi chùa. Sự kiện chuẩn bị lễ Vu Lan giúp mở rộng không gian truyện, đưa Thành về những hồi ức xa xăm về quê hương, về mẹ rồi lại trở lại không gian ngôi chùa, cuối cùng là không gian đường về quê mẹ tràn đầy hi vọng về một cuộc sống bình yên mới.

+Thời gian: Có sự xắp đặt, đảo lộn trật tự: Từ thời gian hiện tại ngược trở lại quá khứ rồi trở lại hiện tại và mở ra hi vọng về tương lai.

+Nhân vật chính của truyện ngắn là nhân vật Thành, được nhà văn xây dựng chủ yếu trên dòng hồi tưởng và dòng suy nghĩ nội tâm. Xuất hiện trong tác phẩm khi Thành đã là người trưởng Thành, sự kiện lễ Vu Lan của ngôi chùa nổi tiếng đã dẫn nhập Thành về với hồi ức tuổi thơ là một đứa trẻ nghịch ngợm, bướng bỉnh, cá tính: đến quậy phá chùa, ném quả vào đầu chú tiểu, bị mẹ đánh. Đặc biệt Thành rất nhạy cảm căm ghét tất cả những rất khi ai đó nói mình là không cha. Dòng hồi tưởng của Thành đến với quãng đời tuổi trẻ khi được gia đình đằng nội đón lên thành phố để nối dõi tông đường, Thành trở thành một chàng trai thành đạt bởi được nuôi ăn học tử tế và có sự hậu thuẫn của bố và ông nội. Nhưng biến cố gia đình liên tiếp xảy ra khiến Thành trở thành kẻ thất bại. Chán chường vô định, Thành may mắn gặp được người bạn tốt cưu mang. Vô tình, ngôi chùa mà Thành tá túc lại là nơi chú tiểu năm xưa đang tu luyện. Cuộc gặp gỡ với chú tiểu đã khơi dòng kỉ niệm về tuổi thơ, về gia đình, về người mẹ trong Thành và tạo nên bước ngoặt trong cuộc đời khi Thành nghe lời vị tu sĩ quyết từ bỏ tất cả để trở lại quê hương, về với người mẹ năm xưa đã từng hết lòng yêu mến và vẫn ngày đêm trông ngóng Thành.

+Ngôi kể: Truyện sử dụng ngôi kể thứ ba nhưng chủ yếu dùng điểm nhìn bên trong của nhân vật. Điểm nhìn này giúp nhân vật mở rộng biên độ nội tâm: từ những hồi ức về quá khứ đến suy ngẫm về hiện tại, tương lai, suy ngẫm về mình, về người mẹ, về quê hương. Điểm nhìn bên trong của nhân vật chú tiểu năm xưa cũng giúp truyện thêm chiều sâu triết lí.

+Ngôn ngữ truyện giản dị nhưng thấm đấm cảm xúc với những hồi ức mênh mang của Thành về tuổi thơ, về mẹ, giàu chất thơ qua những cảm nhận và miêu tả của Thành về hình ảnh ngôi chùa, về đường về quê mẹ đẹp đẽ xanh tươi, giàu chất triết lí qua những suy ngẫm về quê hương, gia đình của các nhân vật.

*+*Truyện có nhiều hình ảnh giàu sức gợi như hình ảnh ngôi chùa (trong kí ức tuổi thơ, khi Thành tá túc, khi Thành trở lại thấy bóng mẹ già đứng khuất bên mái hiên chùa). Đó là hình ảnh ẩn dụ có ý nghĩa như điểm tựa tinh thần tâm linh nâng đỡ Thành, sự bừng ngộ của Thành về ý nghĩa của cuộc đời.

**-Truyện “Cơm mùi khói bếp”:**

+Nhan đề “cơm mùi khói bếp” giản dị, gợi lên những bữa cơm mà bát cơm còn vương mùi khói bếp, mùi bếp củi được cháy lên bởi rơm rạ, củi khô quen thuộc với mỗi người, đặc biệt là những người sinh ra và gắn bó ở nông thôn. Đây là hình ảnh trở đi trở lại trong tác phẩm biểu tượng cho cuộc đời vất vả lam lũ tảo tần và cả tình thương con bất diệt của người mẹ.

+Truyện xây dựng tình huống truyện độc đáo: Người con trai xa quê 4 năm trở về đón Tết cùng gia đình. Chỉ qua một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi nhưng vẻ đẹp tâm hồn, tình yêu thương chân chất của người mẹ quê đã được khắc họa rõ nét.

+Không gian: Truyện chủ yếu diễn ra tại ngôi nhà của người mẹ quê: từ khi gia đình người con trai trở về đến khi gia đình người con trai bước chân trở lại Sài Gòn. Không gian gần gũi từng là tuổi thơ của nhân vật người con trai nhưng chính anh lại thấy xa lạ để rồi khi mẹ mất đi, anh trở lại không gian ấy và biết bao hối hận tiếc nuối, day dứt khi những thứ quý giá đã tuột khỏi tay mình.

+Thời gian: Có độ nén khi diễn ra vẻn vẹn trong mấy ngày Tết người con trai trở lại quê. Chỉ trong thời gian ngắn ngủi nhưng truyện đã khắc họa rõ tình thương yêu, sự quan tâm chăm chút của người mẹ dành cho con cháu, sự lạc lõng của những con người thành thị với cuộc sống quê mùa. Thời gian truyện được mở rộng qua 3 tháng sau đó nhưng tất cả chỉ để lại sự hụt hẫng cho nhân vật.

+Nhân vật chính của truyện ngắn là nhân vật người mẹ, được khắc họa qua các chi tiết tiêu biểu về hành động. Đó là một bà mẹ quê đã ngoài sáu mươi*,* bà sống một mình bởi gia đình người con trai duy nhất đang sinh sống ở Sài Gòn. Bà là người mẹ quê đôn hậu, yêu thương con cái hết mực: Bà luôn quan tâm lo lắng cho những đứa con, nhất là cái ăn. Khi biết các con đã ăn trên thị xã, bà hơi chạnh lòng vì muốn được tự mình nấu cho các con ăn, muốn được cùng các con ăn một bữa cơm sum vầy, vì phải ăn cơm mới khỏe: “*Không ai thương bằng cơm thương*”. Bà dậy sớm nấu cơm bếp rơm cũng là muốn cho con trai được ăn lại miếng cơm cháy mà ngày còn nhỏ anh rất thích. Những hành động đó của bà đều xuất phát từ tấm lòng yêu thương con của một người mẹ. Buổi sáng khi gia đình người con chuẩn bị vào lại Sài Gòn, bà lại dậy sớm chuẩn bị mọi thứ cho các con mang theo ăn dọc đường*. “Bây đem lên xe mà ăn. Cơm dọc đường dọc sá không ngon đâu”*. Khi con cháu lên xe, bà còn dặn với: *“Vào trong nhớ ăn uống đàng hoàng nghe bây. Đừng bỏ bữa sáng. Không ai thương bằng cơm thương”.* Khi bà bị ốm, nằm không dậy được, gặp con, câu đầu tiên bà hỏi: *“Con ăn chi chưa? Mẹ không bắc cơm được. Thôi ra đầu chợ ăn tạm. Bữa nào khỏe mẹ nấu cơm cho ăn. Tội nghiệp”.* Vẫn là nỗi lo lắng về con, vẫn là niềm thương con, không hề nghĩ gì cho bản thân mình.

+Ngôi kể: Truyện sử dụng ngôi kể thứ ba, có sự kết hợp giữa điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong. Điểm nhìn bên ngoài giúp hình ảnh người mẹ hiện lên qua cái nhìn của người con là người mẹ chăm con quá chu đáo đến nỗi người con cảm thấy phiền phức. Điểm nhìn bên trong thể hiện những ân hận dằn vặt, niềm tiếc nuối nhớ thương về tình thương yêu của người mẹ mà anh không có cơ hội có được nữa khi mẹ đã qua đời. Sự kết hợp điểm nhìn bên ngoài và bên trong khiến truyện hiện lên với cốt truyện rõ ràng vừa thể hiện được chiều sâu tâm lí nhân vật, giúp bộc lộ chủ đề sâu sắc.

+Ngôn ngữ truyện giản dị như lời ăn tiếng nói hàng ngày nhưng lại thấm đẫm cảm xúc và giàu chất suy tư, triết lí, thể hiện chiều sâu trong lối sống, cách nhìn cuộc sống của người mẹ *“Vào trong nhớ ăn uống đàng hoàng nghe bây. Đừng bỏ bữa sáng. Không ai thương bằng cơm thương”*

*+*Truyện có nhiều chi tiết đắt giá như chi tiết *chén cơm thơm mùi khói bếp.* Đây là chi tiết vừa có ý nghĩa thực, vừa có ý nghĩa biểu tượng, có sức ám ảnh với người đọc.

**-Nguyên nhân làm nên sự khác biệt:**

+Có sự khác biệt vì mỗi cây bút có mối quan tâm khác nhau về đề tài gia đình khác nhau – một đề tài đã quá quen thuộc nên cần có những khám phá, phát hiện mới để tạo nên những món ăn tinh thần cho người đọc. Đây là hai cây bút khác nhau nên cá tính sáng tạo, phong cách nghệ thuật, tư tưởng đổi mới trong nghệ thuật cũng khác nhau. Sự khác nhau của các tác phẩm còn do yêu cầu của đời sống văn học cần những khám phá mới, những phong cách nghệ thuật mới nếu không người cầm bút và tác phẩm sẽ không thể có chỗ đứng trong đời sống văn học.

**\* Đánh giá chung về sự tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm**

**-Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt:** Có thể nói hai truyện ngắn “Ngày về quê mẹ” và “Cơm mùi khói bếp” có những điểm tương đồng và khác biệt trên cả hai mặt nội dung và hình thức nghệ thuật. Cả hai tác phẩm đều hướng về đề tài gia đình, gửi đến những người đọc những thông điệp nhân văn về tình mẫu tử, về ý nghĩa của gia trình và những giá trị bình dị của cuộc sống. Hai truyện ngắn rất có những điểm gặp gỡ trên phương diện sáng tạo nghệ thuật từ nhan đề, tình huống, không gian, thời gian, nhân vật, ngôn ngữ… Tuy vậy mỗi truyện ngắn lại có những nét riêng, sáng tạo, hướng đến những giá trị nhân văn khác nhau, có những đổi mới khác nhau trên tất cả các phương diện nghệ thuật của một truyện ngắn hiện đại.

-**Khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm:** Nếu truyện ngắn “Ngày về quê mẹ” ngợi ca điểm tựa tinh thần trong cuộc sống của mỗi người chính là tình mẫu tử, truyện giàu chất thơ, chất triết lí thì truyện “Cơm mùi khói bếp” ca ngợi tấm lòng người mẹ và có ý nghĩa thức tỉnh con người không được quên đi những giá trị bình dị, cốt lõi trong cuộc sống, truyện giản dị mà khơi gợi những liên tưởng sâu xa cho người đọc.

**c.3. Kết bài: Kết luận chung về giá trị của tác phẩm và gợi mở cách nhìn nhận phù hợp về văn học của một giai đoạn đã qua**

- Như vậy qua so sánh hai truyện ngắn “Ngày về quê mẹ” và “Cơm mùi khói bếp” ta thấy hai tác phẩm như những bài ca xúc động về gia đình, về tình mẫu tử, chiếu rọi những ánh sáng thức tỉnh cho con người biết tìm về những giá trị cốt lõi trong đời sống, biết gìn giữ những giá trị nhân văn bình dị mà vô cùng quan trọng trong cuộc sống.

- Qua so sánh hai truyện chúng ta thấy muốn đánh giá giá trị một tác phẩm cần nhìn nhận trên cả hai mặt nội dung và hình thức đồng thời cần đặt trong sự tương quan so sánh với tác phẩm văn học khác để thấy được cá tính sáng tạo, phong cách của từng nhà văn. Mỗi một giai đoạn cần giữ được những giá trị chung như là hệ quy chiếu đánh giá đóng góp của các cây bút đồng thời cần có những yêu cầu mới đặt để thấy được cá tính sáng tạo của người cầm bút. Văn học Việt Nam giai đoạn đổi mới (từ sau 1986 đến nay) đã làm được điều này.

BÀI VĂN

Bàn về giá trị và chức năng của văn học, nhà phê bình Hoàng Ngọc Hiến khảng định “*Ngoài việc phản ánh đầy đủ sự thật đời sống, văn học còn có nhiệm vụ buộc người đọc phải nhìn chăm chú hơn, nghiêm khắc hơn vào bản thân mình, từ đó hiểu được sâu sắc sự thật của bản thân mình”* (Hoàng Ngọc Hiến, Văn học và học văn, NXB Văn học, 1997). Mỗi tác phẩm văn học phải có được sứ mệnh chiếu rọi vào tâm hồn người đọc nâng đỡ và thức tỉnh để con người sống “người” hơn. Truyện ngắn “Ngày về quê mẹ” là truyện ngắn tiêu biểu của của nhà vă Lam Khê đăng trên /www.buddhismtoday.com/viet/truyen/ngayve.htm và “Cơm mùi khói bếp” của Hoàng Công Danh, in trong “Chuyến tàu vé ngắn”, tập truyện ngắn, NXB Trẻ, TP. HCM, 2015, Tr. 49-54) là những truyện ngắn như thế. Cùng viết về đề tài gia đình, về tình mẫu tử, gửi đến người đọc những bài học sâu sắc về gia đình và cuộc sống, cùng có những điểm gặp gỡ trên phương diện sáng tạo nghệ thuật truyện ngắn hiện đại nhưng mỗi truyện ngắn lại có những giá trị riêng độc đáo trên cả hai mặt nội dung và nghệ thuật thể hiện nét riêng trong phong cách sáng tác của 2 cây bút.

Hai truyện ngắn “Cơm mùi khói bếp” của Hoàng Công Danh và “Ngày về quê mẹ” của Lam Khê là hai truyện ngắn của giai đoạn văn học Việt Nam hiện đại (từ sau 1986 đến nay) đều có giá trị nhân văn sâu sắc, gửi đến người đọc những bài học cuộc sống ý nghĩa, có giá trị thức tỉnh và giáo dục con người, rất tiêu biểu cho nghệ thuật truyện ngắn hiện đại của các cây bút trẻ của văn học Việt Nam thời kì đổi mới.

Truyện “Ngày về quê mẹ”kể về nhân vật Thành – một thanh niên bị mất việc, mất nhà sau những biến cố của ông nội và bố. Anh được một người bạn học giúp tá túc ở một ngôi chùa. Tại đây anh gặp lại chú tiểu khi xưa đã từng bị anh trêu chọc hiện đang là một tu sĩ. Anh đã kể cho tu sĩ nghe câu chuyện thăng trầm của cuộc đời mình và được người tu sĩ khuyên anh về quê với mẹ.

Truyện “Cơm mùi khói bếp” kể về nhân vật tôi – một người xuất thân từ nông thôn, đã lập nghiệp và xây dựng gia đình ở thành phố. Bốn năm từ ngày lấy vợ anh mới đưa gia đình về ăn Tết với mẹ. Về đến nhà, bà mẹ chăm sóc cho anh, người vợ và đứa con rất chu đáo nhưng cả gia đình anh đều thấy không hợp và khó chịu với những thức ăn ở quê, nhất là cơm mùi khói bếp mẹ anh nấu. Hết Tết, anh trở lại Sài Gòn, người mẹ chuẩn bị thức ăn cho gia đình anh ăn dọc đường nhưng gia đình anh không ai ăn. Qua ba tháng, anh nghe tin mẹ bị bệnh nên tức tốc về nhà nhưng anh chỉ ở với mẹ được hai bữa thì mẹ mất. Anh vô cùng ân hận và thèm được ăn cơm mùi khói bếp.

Cả hai truyện ngắn đều viết đề tài gia đình. Hình ảnh người mẹ hiện lên trong tâm trí của đứa con đều là những người mẹ quê với tấm lòng bao la cao đẹp: luôn yêu thương con bằng một tình yêu chân chất, mộc mạc mà sâu sắc. Qua nỗi ân hận và sự thức tỉnh muộn mằn của những người con trai, hai tác phẩm đều gửi đến người đọc những tư tưởng sắc: Khảng định tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt, đề cao vai trò của gia đình, quê hương luôn là điểm tựa nâng đỡ con người trên mọi hành trình sống; lời cảnh tỉnh con người hiện đại về lối sống xô bồ, vô cảm, bỏ quên những điều tưởng chừng như bình dị nhưng lại vô cùng quý giá.

Cả hai truyện ngắn đều xây dựng nhan đề, tình huống truyện giản dị, gần gũi mà độc đáo, gợi nhiều suy ngẫm. Hai truyện đều sử dụng ngôi kể thứ ba, có sự kết hợp giữa các điểm nhìn như điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong. Nhân vật trong truyện được hiện lên qua đối thoại, hành động, nội tâm với những chi tiết đắt giá. Yếu tố không gian, thời gian được chú trọng xây dựng. Ngôn ngữ truyện giản dị nhưng có chiều sâu triết lí. Các yếu tố thi pháp của truyện ngắn hiện đại thể hiện tiêu biểu, thể hiện sự đổi mới sáng tạo trong nghệ thuật viết văn của các cây bút trẻ.

Có sự tương đồng về nội dung là do đề tài gia đình là đề tài gần gũi, quen thuộc, thu hút sự quan tâm của nhiều cây bút viết văn, những giá trị nhân sinh, những bài học cuộc sống gợi ra từ đề tài này luôn có ý nghĩa với người đọc và không bao giờ là cũ. Có sự giống nhau trên phương diện hình thức là do hai tác phẩm đều thuộc thể loại truyện ngắn hiện đại, hai cây bút luôn có ý thức đổi mới nghệ thuật viết văn với những sáng tạo mới mẻ, độc đáo.

“*Nghệ sĩ là người biết khai thác những ấn tượng riêng, chủ quan của mình, (…) và làm cho những ấn tượng ấy có hình thức riêng”.* (M. Gorki bàn về văn học, NXb Văn học, Hà Nội). Mỗi truyện lại có những điểm riêng độc đáo. Truyện “Ngày về quê mẹ” có nhan đề giản dị nhưng gợi nhiều ý nghĩa sâu sa. “Ngày về” đó không chỉ ngày người con trở lại quê mẹ sau nhiều năm xa cách mà còn ngày trở lại tuổi thơ với những kỉ niệm êm đềm, ngày trở về với điểm tựa tinh thần quý giá mà bao năm người con đã vô tình quên lãng, ngày đến với hi vọng một cuộc đời mới bình yên sau những thăng trầm, bão giông. Truyện xây dựng tình huống truyện rất bất ngờ: Thành bất ngờ gặp một vị tu sĩ – chính là chú tiểu năm xưa anh đã trêu chọc, ném cho u đầu tại sân vườn của chùa. Vị tu sĩ trẻ đã lắng nghe tâm sự của anh và đưa ra cho anh những lời khuyên quý báu, giúp anh xác định được hướng đi của cuộc đời mình. Vi tu sĩ lấy chính cuộc đời mình như sự dẫn giải giúp Thành bừng ngộ ý nghĩa của cuộc đời. Không gian chính là một ngôi chùa. Sự kiện chuẩn bị lễ Vu Lan giúp mở rộng không gian truyện, đưa Thành về những hồi ức xa xăm về quê hương, về mẹ rồi lại trở lại không gian ngôi chùa, cuối cùng là không gian đường về quê mẹ tràn đầy hi vọng về một cuộc sống bình yên mới. Thời gian có sự xắp đặt, đảo lộn trật tự: Từ thời gian hiện tại ngược trở lại quá khứ rồi trở lại hiện tại và mở ra hi vọng về tương lai. Nhân vật chính của truyện ngắn là nhân vật Thành, được nhà văn xây dựng chủ yếu trên dòng hồi tưởng và dòng suy nghĩ nội tâm. Xuất hiện trong tác phẩm khi Thành đã là người trưởng Thành, sự kiện lễ Vu Lan của ngôi chùa nổi tiếng đã dẫn nhập Thành về với hồi ức tuổi thơ là một đứa trẻ nghịch ngợm, bướng bỉnh, cá tính: đến quậy phá chùa, ném quả vào đầu chú tiểu, bị mẹ đánh. Đặc biệt Thành rất nhạy cảm căm ghét tất cả những rất khi ai đó nói mình là không cha. Dòng hồi tưởng của Thành đến với quãng đời tuổi trẻ khi được gia đình đằng nội đón lên thành phố để nối dõi tông đường, Thành trở thành một chàng trai thành đạt bởi được nuôi ăn học tử tế và có sự hậu thuẫn của bố và ông nội. Nhưng biến cố gia đình liên tiếp xảy ra khiến Thành trở thành kẻ thất bại. Chán chường vô định, Thành may mắn gặp được người bạn tốt cưu mang. Vô tình, ngôi chùa mà Thành tá túc lại là nơi chú tiểu năm xưa đang tu luyện. Cuộc gặp gỡ với chú tiểu đã khơi dòng kỉ niệm về tuổi thơ, về gia đình, về người mẹ trong Thành và tạo nên bước ngoặt trong cuộc đời khi Thành nghe lời vị tu sĩ quyết từ bỏ tất cả để trở lại quê hương, về với người mẹ năm xưa đã từng hết lòng yêu mến và vẫn ngày đêm trông ngóng Thành. Truyện sử dụng ngôi kể thứ ba, điểm nhìn bên trong của nhân vật giúp mở rộng biên độ nội tâm: từ những hồi ức về quá khứ đến suy ngẫm về hiện tại, tương lai, suy ngẫm về mình, về người mẹ, về quê hương. Ngôn ngữ truyện giản dị nhưng thấm đấm cảm xúc với những hồi ức mênh mang của Thành về tuổi thơ, về mẹ, giàu chất thơ qua những cảm nhận và miêu tả của Thành về hình ảnh ngôi chùa, về đường về quê mẹ đẹp đẽ xanh tươi, giàu chất triết lí qua những suy ngẫm về quê hương, gia đình của các nhân vật.Truyện có nhiều hình ảnh giàu sức gợi như hình ảnh ngôi chùa (trong kí ức tuổi thơ, khi Thành tá túc, khi Thành trở lại thấy bóng mẹ già đứng khuất bên mái hiên chùa). Đó là hình ảnh ẩn dụ có ý nghĩa như điểm tựa tinh thần tâm linh nâng đỡ Thành, sự bừng ngộ của Thành về ý nghĩa của cuộc đời.

Truyện “Cơm mùi khói bếp” cónhan đề giản dị, gợi lên những bữa cơm mà bát cơm còn vương mùi khói bếp, mùi bếp củi được cháy lên bởi rơm rạ, củi khô quen thuộc với mỗi người, đặc biệt là những người sinh ra và gắn bó ở nông thôn. Đây là hình ảnh trở đi trở lại trong tác phẩm biểu tượng cho cuộc đời vất vả lam lũ tảo tần và cả tình thương con bất diệt của người mẹ.Truyện xây dựng tình huống truyện độc đáo: Người con trai xa quê bốn năm trở về đón Tết cùng gia đình. Chỉ qua một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi nhưng vẻ đẹp tâm hồn, tình yêu thương chân chất của người mẹ quê đã được khắc họa rõ nét. Truyện chủ yếu diễn ra tại ngôi nhà của người mẹ quê: từ khi gia đình người con trai trở về đến khi gia đình người con trai bước chân trở lại Sài Gòn. Không gian gần gũi từng là tuổi thơ của nhân vật người con trai nhưng chính anh lại thấy xa lạ để rồi khi mẹ mất đi, anh trở lại không gian ấy và biết bao hối hận tiếc nuối, day dứt khi những thứ quý giá đã tuột khỏi tay mình. Thời gian truyện có độ nén khi diễn ra vẻn vẹn trong mấy ngày Tết người con trai trở lại quê. Chỉ trong thời gian ngắn ngủi nhưng truyện đã khắc họa rõ tình thương yêu, sự quan tâm chăm chút của người mẹ dành cho con cháu, sự lạc lõng của những con người thành thị với cuộc sống quê mùa. Thời gian truyện được mở rộng qua 3 tháng sau đó nhưng tất cả chỉ để lại sự hụt hẫng cho nhân vật.Nhân vật chính của truyện ngắn là nhân vật người mẹ, được khắc họa qua các chi tiết tiêu biểu về hành động. Đó là một bà mẹ quê đã ngoài sáu mươi, lưng *đã bắt đầu cong hình đòn gánh,* bà sống một mình bởi gia đình người con trai duy nhất đang sinh sống ở Sài Gòn. Bà là người mẹ quê đôn hậu, yêu thương con cái hết mực, luôn quan tâm lo lắng cho những đứa con, nhất là cái ăn. Khi vừa xếp đồ đạc xong, câu hỏi đầu tiên của bà là: *“Chắc bây đói bụng rồi, để mẹ đi nấu cơm cho ăn”.* Khi biết các con đã ăn trên thị xã, bà hơi chạnh lòng vì muốn được tự mình nấu cho các con ăn, muốn được cùng các con ăn một bữa cơm sum vầy, ấm cúng sau bao năm xa cách, phải ăn cơm mới khỏe: “*Không ai thương bằng cơm thương*”. Buổi sáng khi gia đình người con chuẩn bị vào lại Sài Gòn, bà lại dậy sớm chuẩn bị mọi thứ cho các con mang theo ăn dọc đường *“Bây đem lên xe mà ăn. Cơm dọc đường dọc sá không ngon đâu”.* Sự quan tâm ấy, đối với con người hiện đại bấy giờ có thể là nhiêu khê, nhưng ẩn chứa trong đó là một sự quan tâm ân cần, chu đáo, sự lo lắng khôn nguôi của người mẹ dành cho những đứa con mình. Khi con cháu lên xe, bà còn dặn với: *“Vào trong nhớ ăn uống đàng hoàng nghe bây. Đừng bỏ bữa sáng. Không ai thương bằng cơm thương”*. Khi bà bị ốm, nằm không dậy được, gặp con, câu đầu tiên bà hỏi: *“Con ăn chi chưa? Mẹ không bắc cơm được. Thôi ra đầu chợ ăn tạm. Bữa nào khỏe mẹ nấu cơm cho ăn. Tội nghiệp”.* Truyện sử dụng ngôi kể thứ ba, có sự kết hợp giữa điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong. Điểm nhìn bên ngoài giúp hình ảnh người mẹ hiện lên qua cái nhìn của người con là người mẹ chăm con quá chu đáo đến nỗi người con cảm thấy phiền phức. Điểm nhìn bên trong thể hiện những ân hận dằn vặt, niềm tiếc nuối nhớ thương về tình thương yêu của người mẹ mà anh không có cơ hội có được nữa khi mẹ đã qua đời. Sự kết hợp điểm nhìn bên ngoài và bên trong khiến truyện hiện lên với chiều sâu triết lí sâu sắc. Ngôn ngữ truyện giản dị như lời ăn tiếng nói hàng ngày nhưng lại thấm đẫm cảm xúc và giàu chất suy tư, triết lí, thể hiện chiều sâu trong lối sống, cách nhìn cuộc sống của người mẹ. Truyện có nhiều chi tiết đắt giá như chi tiết *chén cơm thơm mùi khói bếp.* Đây là chi tiết vừa có ý nghĩa thực, vừa có ý nghĩa biểu tượng, có sức ám ảnh với người đọc. Có sự khác biệt vì mỗi cây bút có mối quan tâm khác nhau về đề tài gia đình khác nhau – một đề tài đã quá quen thuộc nên cần có những khám phá, phát hiện mới để tạo nên những món ăn tinh thần cho người đọc. Đây là hai cây bút khác nhau nên cá tính sáng tạo, phong cách nghệ thuật, tư tưởng đổi mới trong nghệ thuật cũng khác nhau. Sự khác nhau của các tác phẩm còn do yêu cầu của đời sống văn học cần những khám phá mới, những phong cách nghệ thuật mới nếu không người cầm bút và tác phẩm sẽ không thể có chỗ đứng trong đời sống văn học.

Có thể nói hai truyện ngắn “Ngày về quê mẹ” và “Cơm mùi khói bếp” có những điểm tương đồng và khác biệt trên cả hai mặt nội dung và hình thức nghệ thuật. Cả hai tác phẩm đều hướng về đề tài gia đình, gửi đến những người đọc những thông điệp nhân văn về tình mẫu tử, về ý nghĩa của gia trình và những giá trị bình dị của cuộc sống. Hai truyện ngắn rất có những điểm gặp gỡ trên phương diện sáng tạo nghệ thuật từ nhan đề, tình huống, không gian, thời gian, nhân vật, ngôn ngữ… Tuy vậy mỗi truyện ngắn lại có những nét riêng, sáng tạo trên cả hai mặt nội dung và nghệ thuật: Nếu truyện ngắn “Ngày về quê mẹ” ngợi ca điểm tựa tinh thần trong cuộc sống của mỗi người chính là tình mẫu tử, truyện giàu chất thơ, chất triết lí thì truyện “Cơm mùi khói bếp” ca ngợi tấm lòng người mẹ và có ý nghĩa thức tỉnh con người không được quên đi những giá trị bình dị, cốt lõi trong cuộc sống, truyện giản dị mà khơi gợi những liên tưởng sâu xa cho người đọc.

Như vậy qua so sánh hai truyện ngắn “Ngày về quê mẹ” và “Cơm mùi khói bếp” ta thấy hai tác phẩm như những bài ca xúc động về gia đình, về tình mẫu tử, chiếu rọi những ánh sáng thức tỉnh cho con người biết tìm về những giá trị cốt lõi trong đời sống, biết gìn giữ những giá trị nhân văn bình dị mà vô cùng quan trọng. Có thể nói muốn đánh giá giá trị một tác phẩm cần nhìn nhận trên cả hai mặt nội dung và hình thức đồng thời cần đặt trong sự tương quan so sánh với tác phẩm văn học khác để thấy được cá tính sáng tạo, phong cách của từng nhà văn. Mỗi một giai đoạn cần giữ được những giá trị chung như là hệ quy chiếu đánh giá đóng góp của các cây bút đồng thời cần có những yêu cầu mới đặt để thấy được cá tính sáng tạo của người cầm bút. Văn học Việt Nam giai đoạn đổi mới (từ sau 1986 đến nay) đã làm được điều này.

**ĐỀ 10**

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn trích sau:

**Đoạn trích (1)**

**Lược một đoạn:**Thành là một nhà văn đầy hoài bão, anh đến nhà xuất bản để lấy nhuận bút và đưa bản thảo để xuất bản thêm sách mới. Tuy nhiên khi tới nơi, anh được nhà xuất bản thông báo là sách của anh không được độc giả đón nhận và vì thế không hề bán được, và tất nhiên, họ cũng từ chối xuất bản sách mới cho anh. Thành đành ra về với nỗi thất vọng và sự chua xót ngập lòng.

*[…] Đến ngoài đường, lúc bấy giờ Thành mới nhận thấy nỗi thất vọng của mình, và để nó tràn lên cả tâm hồn, không chống cự. Chàng có cái cảm giác bị hụt chân chết ngập trong mối buồn và thấy một nỗi thương thấm thía vô hạn cho chính mình.*

*Trong những đêm không ngủ ở nhà quê, chàng vẫn mơ tưởng một sự thành công rực rỡ xứng đáng với tài năng. Những lúc đó, Thành sung sướng như nhấp chén rượu mạnh mà hơi men làm say sưa dần dần. Chàng tưởng sách của chàng đã được thiên hạ hoan nghênh nhiệt liệt, các báo đua nhau tán thưởng, và bán chạy hết ngay trong tháng xuất bản. Ông Xuân sẽ để một tập bạc trên bàn, tiếp chàng niềm nở và nói nịnh:*

*- Sách của ông bán chạy quá. Thật, tôi chưa từng thấy nhà văn nào được hoan nghênh như ông.*

*Thành sẽ cười nhã nhặn và kín đáo, nhận lời khen ấy như một người không quan tâm đến sự nhỏ mọn về danh vọng ấy. Chàng sẽ đưa trình cuốn "Mơ xưa", sẽ được ông Xuân trân trọng đỡ lấy và vui vẻ nhận xuất bản ngay.*

*Nhưng sự thực... Môi Thành sẽ nhếch hơi chua chát, và chàng tự hỏi không biết có nên chế giễu mình không. Chàng không nghĩ đến đi chơi trong Hà Nội nữa, thuê ngay xe ra ga lấy vé. Thành muốn rời bỏ ngay cái tỉnh lãnh đạm này, mong lại thấy căn phòng nhỏ ấm áp của chàng, cái bàn viết có bóng cây trong vườn lung lay trên mặt, mỗi khi ánh nắng chiếu ngang. […]*

(Trích truyện ngắn *Cuốn sách bỏ quên*, Thạch Lam,

*Thạch Lam những tác phẩm tiêu biểu*, NXB Giáo dục, 2003, trang 59-60)

**\*/ Thông tin tác giả, tác phẩm**

- Tác giả: Thạch Lam: 1910-1942. Tên khai sinh Nguyễn Tường Vinh, sau đổi là Nguyễn Tường Lân. Bút danh Việt Sinh. Là người đôn hậu và tinh tế, rất thành công ở truyện ngắn. Ông chủ yếu khai thác thế giới nội tâm của nhân vật với những cảm xúc mong manh, mơ hồ. Mỗi truyện ngắn như một bài thơ trữ tình.

- Tác phẩm: được viết năm 1938, trong bối cảnh Việt Nam đang trải qua nhiều biến động về kinh tế, xã hội khi hững chịu sự chi phối của thực dân Pháp. Truyện được in trong tập “Nắng trong vườn” (1938).

**Đoạn trích (2)**

**Lược một đoạn:** Hộ là một văn sĩ cẩn trọng và chỉn chu trong nghề cầm bút. Anh không bao giờ cho phép bản thân vì tiền mà viết lách cẩu thả, qua loa. Chính vì vậy, anh chấp nhận nghèo và sống một cách eo hẹp, có thể nói là cực khổ. Tuy nhiên, từ khi có vợ con, anh đã bắt đầu đổi khác.

*[…] Thế rồi, khi đã ghép đời Từ vào cuộc đời của hắn, hắn có cả một gia đình phải chăm lo. Hắn hiểu thế nào là giá trị của đồng tiền; hắn hiểu những nỗi đau khổ của một kẻ đàn ông khi thấy vợ con mình đói rách. Những bận rộn tẹp nhẹp, vô nghĩa lý, nhưng không thể không nghĩ tới, ngốn một phần lớn thì giờ của hắn. Hắn phải cho in nhiều cuốn văn viết vội vàng. Hắn phải viết những bài báo để người ta đọc rồi quên ngay sau lúc đọc. Rồi mỗi lần đọc lại một cuốn sách hay một đoạn văn ký tên mình, hắn lại đỏ mặt lên, cau mày, nghiến răng vò nát sách và mắng mình như một thằng khốn nạn... Khốn nạn! Khốn nạn! Khốn nạn thay cho hắn! Bởi vì chính hắn là một thằng khốn nạn! Hắn chính là một kẻ bất lương!* *Sự cẩu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cẩu thả trong văn chương thì thật là đê tiện. Chao ôi! Hắn đã viết những gì? Toàn những cái vô vị, nhạt nhẽo, gợi những tình cảm rất nhẹ, rất nông, diễn một vài ý rất thông thường quấy loãng trong một thứ văn bằng phẳng và quá ư dễ dãi. Hắn chẳng đem một chút mới lạ gì đến văn chương. Thế nghĩa là hắn là một kẻ vô ích, một người thừa. Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có... Hắn nghĩ thế và buồn lắm, buồn lắm! Còn gì buồn hơn chính mình lại chán mình? Còn gì đau đớn hơn cho một kẻ vẫn khát khao làm một cái gì nâng cao giá trị đời sống của mình, mà kết cục chẳng làm được cái gì, chỉ những lo cơm áo mà đủ mệt? Hắn để mặc vợ con khổ sở ư? Hắn bỏ liều, hắn ruồng rẫy chúng, hắn hy sinh như người ta vẫn nói ư?* *Ðã một vài lần hắn thấy ý nghĩ trên đây thoáng qua đầu. Và hắn nghĩ đến câu nói hùng hồn của một nhà triết học kia: "Phải biết ác, biết tàn nhẫn để sống cho mạnh mẽ". Nhưng hắn lại nghĩ thêm rằng: Từ rất đáng yêu, rất đáng thương, hắn có thể hy sinh tình yêu, thứ tình yêu vị kỷ đi; nhưng hắn không thể bỏ lòng thương; có lẽ hắn nhu nhược, hèn nhát, tầm thường, nhưng hắn vẫn còn được là người: hắn là người chứ không phải là một thứ quái vật bị sai khiến bởi lòng tự ái. Kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm lên vai kẻ khác để thỏa mãn lòng ích kỷ. Kẻ mạnh chính là kẻ giúp đỡ kẻ khác trên đôi vai mình. Và lại hèn biết bao là một thằng con trai không nuôi nổi vợ, con thì còn mong làm nên trò gì nữa?... Hắn tự bảo: "Ta đành phí đi một vài năm để kiếm tiền”.*

(Trích truyện ngắn *Đời thừa,* Nam Cao,

*Tuyển tập Nam Cao*, tập 2, NXB Văn học, 2003, trang 7-8)

**\*/ Thông tin tác giả, tác phẩm**

- Nam Cao (1917-1951) tên thật là Trần Hữu Tri, quê ở Lý Nhân, Hà Nam. Sáng tác của ông trước Cách mạng thường xoay quanh đời sống cơ cực của người nông dân và các bi kịch của người trí thức nghèo ở thành thị. Nam Cao khẳng định vị trí trong lịch sử văn học bằng thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết. Ông chú trọng diễn tả, phân tích tâm lí nhân vật, xây dựng các tính cách phức tạp, thực hiện nhiều đột phá trong nghệ thuật tự sự với lối trần thuật phối hợp nhiều điểm nhìn, giọng điệu, kết cấu linh hoạt, cách sử dụng ngôn ngữ sinh động, vừa gần gũi với ngôn ngữ giao tiếp đời thường, vừa giàu suy tưởng.

- Tác phẩm: Tác phẩm “Đời thừa” đăng trên “Tiểu thuyết thứ 7” số 490, số ra ngày 4/12/1943

--------------------------HẾT-------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| *c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết*- Xác định được các ý chính của bài viết- Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận:**1. Mở bài:** + Giới thiệu tác phẩm “Cuốn sách bị bỏ quên” của Thạch Lam và “Đời thừa” của Nam Cao+ Nêu mục đích: so sánh để thấy điểm giống và khác giữa hai tác phẩm + cơ sở của việc so sánh, đánh giá: căn cứ vào nội dung và nghệ thuật**2. Thân bài:** ***\* Khái quát về nét chung của hai tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học…)***- Khái quát chung: + Thông tin khái quát văn bản “Cuốn sách bị bỏ quên” của Thạch Lam:++ Truyện được viết năm 1938, trong bối cảnh Việt Nam đang trải qua nhiều biến động về kinh tế, xã hội khi hững chịu sự chi phối của thực dân Pháp. Truyện được in trong tập “Nắng trong vườn” (1938).++ Đề tài: Người trí thức trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.++ Chủ đề: Qua nhân vật Thành, tác giả đề cao khát vọng sáng tác nên những tác phẩm có giá trị của nhà văn chân chính.++ Cốt truyện: Sau khi bị từ chối bản thảo, Thành xót xa, thất vọng. Sau đó chàng tưởng đến những lúc thành công, tác phẩm của chàng được đón nhận và hạnh phúc dâng trào. Nhưng quay lại sự thât vẫn là buồn đau và chàng có ý định rời đi khỏi cái tỉnh này.++ Nhân vật chính là Thành, một văn sĩ đầy nỗ lực và khát khao thành công nhưng những tác phẩm đầy tâm huyết của anh lại bị từ chối.++ Vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học: vị trí quan trọng.+ Thông tin khái quát văn bản “Đời thừa” của Nam Cao++ Tác phẩm “Đời thừa” đăng trên “Tiểu thuyết thứ 7” số 490, số ra ngày 4/12/1943++ Đề tài: người trí thức trước Cách mạng tháng tám năm 1945++ Chủ đề: Qua nhân vật Hộ, tác giả xoáy sâu vào bi kịch tinh thần của người trí thức trước cách mạng. Qua đó, tác giả thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc đồng thời gián tiếp truyền đạt quan điểm về nghệ thuật và vai trò của người nghệ sĩ.++ Cốt truyện: Để kiếm tiền trang trải cho gia đình mà Hộ phải viết nhanh viết vội ra những tác phẩm đáng xấu hổ. Đọc lại những tác phẩm ấy, Hộ đỏ mặt, tự trách bản thân mình.++ Nhân vật chính là nhà văn Hộ, một văn sĩ có hoài bão lớn và rất cẩn trọng, chỉn chu trong nghề nhưng bị gánh nặng cơm áo gạo tiền đè nặng mà trở nên cẩu thả, bất lương khi cầm bút.++ Vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học: vị trí quan trọng.***\* Những điểm tương đồng giữa hai tác phẩm truyện và nguyên nhân dẫn đến sự tương đồng ấy***-Tương đồng về nội dung: Đều viết về đề tài người trí thức trước cách mạng tháng Tám. Đều cho thấy những khó khăn trong việc thực hiện lí tưởng văn chương của họ. Đặc biệt cùng xoáy sâu vào bi kịch tinh thần của họ khi ước mơ cao, khát vọng sâu nhưng thực tế lại thất bại nặng nề. Để rồi họ rơi vào sự thất vọng, đau đớn, tự dày vò bản thân. Từ đó các tác phẩm lột tả được hiện thực về cuộc sống của người trí thức trước Cách mạng tháng tám. Đồng thời ta thấy được tinh thần nhân đạo sâu sắc cùng những quan niệm nghệ thuật đúng đắn của các nhà văn-Tương đồng về nghệ thuật:  +Đều dùng thể loại truyện ngắn,  +Đều chọn ngôi kể thứ ba của người kể chuyện toàn tri, khiến cho câu chuyện trở nên khách quan. +Điểm nhìn chủ yếu là nhân vật chính. Với điểm nhìn từ bên trong, cả hai tác giả rất thành công với nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật. Chẳng hạn, từ điểm nhìn của Thành mà ta thấy được nỗi thất vọng Thành *để nó tràn lên cả tâm hồn, không chống cự. Chàng có cái cảm giác bị hụt chân chết ngập trong mối buồn và thấy một nỗi thương thấm thía vô hạn cho chính mình.* Còn Hộ thì cảm thấy mình *khốn nạn, bất lương;* có khi hắn tự nhủ *phải biết ác, biết tàn nhẫn để sống cho mạnh mẽ,* nhưng rồi lại tự kiểm điểm mình *hèn biết bao là một thằng con trai không nuôi nổi vợ, con thì còn mong làm nên trò gì nữa…*-Nguyên nhân dẫn đến sự tương đồng: do Thạch Lam và Nam Cao đều là những nhà văn chân chính, có sự thấu cảm sâu sắc với giới trí thức đương thời. Thế mạnh của cả ngòi bút đều là biệt tài khai thác tâm lí con người*\** **Những điểm khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy.****-Khác biệt về nội dung:** +Truyện “ Cuốn sách bị bỏ quên” của Thạch Lam khai thác người trí thức ở góc độ nghề nghiệp. Thành tâm huyết với tác phẩm nhưng bị nhà xuất bản từ chối nên sinh ra đau khổ. Từ đó nhà vă muốn phát biểu hiện thực cuộc sống vốn không màu hồng như khi ta mơ ước. Nhà văn phải biết đối diện với thực tế nhưng vẫn không được từ bỏ đi những ước mơ tốt đẹp. +Truyện “ Đời thừa”của Thạch Lam khai thác phạm vi rộng hơn về nguyên nhân bi kịch của người trí thức. Lí tưởng văn chương bị bóp chết là bởi sự trì níu của gánh nặng cơm áo gạo tiền. Trong bi kịch văn chương của Hộ có cả sự cộng hưởng của bị kịch về lẽ sống tình thương. Qua sự giằng xé gay gắt trong nội tâm của Hộ, Nam Cao gián tiếp phát biểu quan niệm về văn chương chân chính và trách nhiệm của nhà văn. Nhà văn phải có lương tâm nghề nghiệp trong đó đề cao sự sáng tạo và phải lấy lẽ sống tình thương làm đầu.**-Khác biệt về nghệ thuật**+ “Cuốn sách bị bỏ quên” của Thạch Lam có giọng điệu nhẹ nhàng khi miêu tả sự thất vọng của Thành, trong khi Nam Cao lại sử dụng một giọng văn sắc lạnh như cưa, như chém tự trong lương tâm nhà văn Hộ;+Lời kể chuyện của Thạch Lam phân biệt rõ ràng giữa lời người kể và lời nhân vật. Còn trong “ Đời thừa”, lời người kể và lời nhân vật có khi giao hòa, khó phân định rạch ròi. Ví dụ: *Khốn nạn! Khốn nạn! Khốn nạn thay cho hắn! Bởi vì chính hắn là một thằng khốn nạn!* Chính đặc điểm này của ngôn ngữ tạo nên tính đa thanh cho tác phẩm.-Nguyên nhân của sự khác biệt: do mỗi nhà văn có một phong cách nghệ thuật khác nhau. **\* Đánh giá chung về sự tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm:**Đó là những sự tương đồng và khác biệt thú vị giữa hai tác phẩm. Cùng trên một đề tài nhưng hiện thực cuộc sống, thông điệp, quan điểm và phong cách nhà văn lại mỗi người một vẻ.**3. Kết bài:** - **Nêu ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm truyện khi đặt chúng trong tương quan so sánh.**Đặt 2 tp trong tương quan so sánh giúp chúng ta nhìn nhận sâu hơn giá trị của từng tác phẩm, để từ đó ta thấy được sự phong phú của đề tài người trí thức trong VHVN trước năm 1945, giúp c ta thấy rõ hơn tài năng riêng của từng tác giả. | 1,0 |

Bài viết tham khảo

 Nguyễn Minh Châu đã từng viết: *"Nhà văn chân chính là người suốt đời đi tìm kiếm hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn con người, để rồi bằng tài năng và trái tim của mình, mang những hạt ngọc ấy ra ánh sáng, soi rọi và làm đẹp cho đời*." Và ta thấy được sự chân chính ấy qua Thạch Lam với tác phẩm “ Cuốn sách bị bỏ quên” và Nam Cao với tác phẩm “ Đời thừa”. Căn cứ vào nội dung và hình thức nghệ thuật, ta thấy được những sự tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm này

 Trước hết, “Cuốn sách bị bỏ quên” của Thạch Lam được viết năm 1938, trong bối cảnh Việt Nam đang trải qua nhiều biến động về kinh tế, xã hội khi hững chịu sự chi phối của thực dân Pháp. Truyện được in trong tập “Nắng trong vườn” (1938). Đề tài của truyện là người trí thức trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Chủ đề là tác giả đề cao khát vọng sáng tác nên những tác phẩm có giá trị của nhà văn chân chính. Về cốt truyện: Sau khi bị từ chối bản thảo, Thành xót xa, thất vọng. Sau đó chàng tưởng đến những lúc thành công, tác phẩm của chàng được đón nhận và hạnh phúc dâng trào. Nhưng quay lại sự thât vẫn là buồn đau và chàng có ý định rời đi khỏi cái tỉnh này. Có thể thấy nhân vật chính là Thành, một văn sĩ đầy nỗ lực và khát khao thành công nhưng những tác phẩm đầy tâm huyết của anh lại bị từ chối. Tác phẩm có vị trí quan trọng trong đời sống văn học. Còn tác phẩm “Đời thừa” đăng trên “Tiểu thuyết thứ 7” số 490, số ra ngày 4/12/194. Đề tài: người trí thức trước Cách mạng tháng tám năm 1945. Chủ đề là qua nhân vật Hộ, tác giả xoáy sâu vào bi kịch tinh thần của người trí thức trước cách mạng. Qua đó, tác giả thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc đồng thời gián tiếp truyền đạt quan điểm về nghệ thuật và vai trò của người nghệ sĩ. Cốt truyện: Để kiếm tiền trang trải cho gia đình mà Hộ phải viết nhanh viết vội ra những tác phẩm đáng xấu hổ. Đọc lại những tác phẩm ấy, Hộ đỏ mặt, tự trách bản thân mình. Nhân vật chính là nhà văn Hộ, một văn sĩ có hoài bão lớn và rất cẩn trọng, chỉn chu trong nghề nhưng bị gánh nặng cơm áo gạo tiền đè nặng mà trở nên cẩu thả, bất lương khi cầm bút.Cũng như tác phẩm trên, “Đời thừa” có vị trí quan trọng trong đời sống văn học.

*Giữa hai tác phẩm có nét tương đồng thú vị. V*ề nội dung: Đều viết về đề tài người trí thức trước cách mạng tháng Tám. Đều cho thấy những khó khăn trong việc thực hiện lí tưởng văn chương của họ. Đặc biệt cùng xoáy sâu vào bi kịch tinh thần của họ khi ước mơ cao, khát vọng sâu nhưng thực tế lại thất bại nặng nề. Để rồi họ rơi vào sự thất vọng, đau đớn, tự dày vò bản thân. Từ đó các tác phẩm lột tả được hiện thực về cuộc sống của người trí thức trước Cách mạng tháng tám. Đồng thời ta thấy được tinh thần nhân đạo sâu sắc cùng những quan niệm nghệ thuật đúng đắn của các nhà văn***. V***ề nghệ thuật: đều dùng thể loại truyện ngắn, ***đ***ều chọn ngôi kể thứ ba của người kể chuyện toàn tri, khiến cho câu chuyện trở nên khách quan.Điểm nhìn chủ yếu là nhân vật chính. Với điểm nhìn từ bên trong, cả hai tác giả rất thành công với nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật. Chẳng hạn, từ điểm nhìn của Thành mà ta thấy được nỗi thất vọng Thành *để nó tràn lên cả tâm hồn, không chống cự. Chàng có cái cảm giác bị hụt chân chết ngập trong mối buồn và thấy một nỗi thương thấm thía vô hạn cho chính mình.* Còn Hộ thì cảm thấy mình *khốn nạn, bất lương;* có khi hắn tự nhủ *phải biết ác, biết tàn nhẫn để sống cho mạnh mẽ,* nhưng rồi lại tự kiểm điểm mình *hèn biết bao là một thằng con trai không nuôi nổi vợ, con thì còn mong làm nên trò gì nữa…****Có thể nói n***guyên nhân dẫn đến sự tương đồng: do Thạch Lam và Nam Cao đều là những nhà văn chân chính, có sự thấu cảm sâu sắc với giới trí thức đương thời. Thế mạnh của cả ngòi bút đều là biệt tài khai thác tâm lí con người

 Tuy nhiên, giữa hai tác phẩm cũng có nét khác biệt. V**ề nội dung:**Truyện “ Cuốn sách bị bỏ quên” của Thạch Lam khai thác người trí thức ở góc độ nghề nghiệp. Thành tâm huyết với tác phẩm nhưng bị nhà xuất bản từ chối nên sinh ra đau khổ. Từ đó nhà vă muốn phát biểu hiện thực cuộc sống vốn không màu hồng như khi ta mơ ước. Nhà văn phải biết đối diện với thực tế nhưng vẫn không được từ bỏ đi những ước mơ tốt đẹp. **Còn t**ruyện “ Đời thừa”của Thạch Lam khai thác phạm vi rộng hơn về nguyên nhân bi kịch của người trí thức. Lí tưởng văn chương bị bóp chết là bởi sự trì níu của gánh nặng cơm áo gạo tiền. Trong bi kịch văn chương của Hộ có cả sự cộng hưởng của bị kịch về lẽ sống tình thương. Qua sự giằng xé gay gắt trong nội tâm của Hộ, Nam Cao gián tiếp phát biểu quan niệm về văn chương chân chính và trách nhiệm của nhà văn. Nhà văn phải có lương tâm nghề nghiệp trong đó đề cao sự sáng tạo và phải lấy lẽ sống tình thương làm đầu. **Về nghệ thuật,** “Cuốn sách bị bỏ quên” của Thạch Lam có giọng điệu nhẹ nhàng khi miêu tả sự thất vọng của Thành, trong khi Nam Cao lại sử dụng một giọng văn sắc lạnh như cưa, như chém tự trong lương tâm nhà văn Hộ . Lời kể chuyện của Thạch Lam phân biệt rõ ràng giữa lời người kể và lời nhân vật. Còn trong “ Đời thừa”, lời người kể và lời nhân vật có khi giao hòa, khó phân định rạch ròi. Ví dụ: *Khốn nạn! Khốn nạn! Khốn nạn thay cho hắn! Bởi vì chính hắn là một thằng khốn nạn!* Chính đặc điểm này của ngôn ngữ tạo nên tính đa thanh cho tác phẩm.Nguyên nhân của sự khác biệt: do mỗi nhà văn có một phong cách nghệ thuật khác nhau.

 **Có thể nói, đ**ó là những sự tương đồng và khác biệt thú vị giữa hai tác phẩm. Cùng trên một đề tài nhưng hiện thực cuộc sống, thông điệp, quan điểm và phong cách nhà văn lại mỗi người một vẻ.Đặt 2 tp trong tương quan so sánh giúp chúng ta nhìn nhận sâu hơn giá trị của từng tác phẩm, để từ đó ta thấy được sự phong phú của đề tài người trí thức trong VHVN trước năm 1945, giúp c ta thấy rõ hơn tài năng riêng của từng tác giả.

**ĐỀ 11**

Đọc hai văn bản sau:

**Văn bản 1 (Trích *Hạnh phúc của một tang gia,* trích *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng)**

*(Tóm tắt: Cụ cố Hồng đã ngoài tám mươi tuổi mà cứ “sống mãi”. Đám con cháu hám danh hám lợi trong nhà chỉ mong cho ông lão này sớm chết. Ước mong này thành hiện thực khi Xuân Tóc Đỏ - trong một lần “nổi giận” vì tự ái đã om sòm “tố cáo” trước mặt mọi người rằng ông Phán – cháu rể của cụ tổ (chồng cô Hoàng Hôn) là “một người chồng mọc sừng”. Việc tố cáo đó thực ra do ông Phán thuê Xuân làm với giá mười đồng để trực tiếp gây ra cái “chết thật” của cụ cố tổ.)*

Ba hôm sau, ông cụ già chết thật.

[…]

Cái chết kia đã làm cho nhiều người sung sướng lắm. Ông Phán mọc sừng đã được cụ Hồng nói nhỏ và tai rằng sẽ chia cho con gái và rể thêm một số tiền là vài nghìn đồng. Chính ông ta cũng không ngờ rằng giá trị đôi sừng hươu vô tình trên đầu ông ta mà lại to đến như thế. Ông cho rằng Xuân có tài quảng cáo lắm, nói một lời là có vài nghìn bạc, nên sau khi được lời hứa quý hoá của ông bố vợ, ông trù tính ngay với Xuân một công cuộc doanh thương... “Thưa ngài, ngài là một người chồng mọc sừng!” Ông Xuân chỉ nói có thế mà làm cho ông thêm được vài ba nghìn bạc thì khi ông Xuân nói đại khái: “Thưa ngài, thứ hàng này tốt nhất, buôn ở Tây phương” chắc phải có giá trị hơn nữa. Ông muốn gặp ngay Xuân để trả nốt năm đồng, trước khi buôn bán cũng phải giữ chữ tín làm đầu.

Cụ cố Hồng đã nhắm nghiền mắt lại để mơ màng đến cái lúc cụ mặc đồ xô gai, lụ khụ chống gậy, vừa ho khạc vừa khóc mấu, để cho thiên hạ phải chỉ trỏ:

- Úi kìa, con giai nhớn đã già đến thế kia kìa!” Cụ chắc cả mười rằng ai cũng phải ngợi khen một cái đám ma như thế, một cái gậy như thế...

Ðiều băn khoăn của con cụ, ông Văn Minh, chỉ là mời luật sư đến chứng kiến cái chết của ông nội mà thôi. Thế là từ nay mà đi cái chúc thư kia sẽ vào thời kỳ thực hành chứ không còn là lý thuyết viển vông nữa. Ông chỉ phiền một nỗi không biết xử trí với Xuân Tóc Ðỏ ra sao cho phải... Xuân tuy phạm tội quyến rũ một em gái ông, tố cái cái tội trạng hoạn dâm của một em gái khác nữa của ông, nhưng tình cờ đã gây ra cái chết của ông cụ già đang chết. Hai cái tội nhỏ, một cái ơn to... Làm thế nào? Ông phân vân, vò đầu rứt tóc, lúc nào cũng đăm đăm chiêu chiêu, thành thử lại thành ra hợp thời trang, vì mặt ông thật đúng cái mặt một người lúc gia đình đương là tang gia bối rối.

(…)

Xuân Tóc Ðỏ cắt đặt đâu vào đấy rồi mới xuống chỗ những người đi đưa. Tuyết đã liếc mắt đưa tình cho nó để tỏ ý cám ơn. Mọi người đã ngợi khen nó hoặc ghen ghét nó...

Ðám ma đưa đến đâu làm huyên náo đến đấy. Cả một thành phố đã nhốn nháo lên khen đám ma to, đúng với ý muốn của cụ cố Hồng. Thiên hạ chú ý đặc biệt vào những kiểu quần áo tang của tiệm may Âu Hoá như ý ông Typn và bà Văn Minh. Cụ bà sung sướng vì ông đốc Xuân đã không giận mà lại giúp đáp, phúng viếng đến thế và đám ma như kể đã là danh giá nhất tất cả.

Ðám cứ đi...

Kèn Ta, kèn Tây, kèn Tàu, lần lượt thay nhau mà rộn lên. Ai cũng làm ra bộ mặt nghiêm chỉnh, song le sự thật thì vẫn thì thầm với nhau chuyện về vợ con, về nhà cửa, về một cái tủ mới sắm, một cái áo mới may. Trong mấy trăm người đi đưa thì một nửa là phụ nữ, phần nhiều tân thời, bạn của cô Tuyết, bà Văn Minh, cô Hoàng Hôn, bà Phó Ðoan, vân vân... Thật là đủ giai thanh gái lịch, nên họ chim nhau, cười tình với nhau, bình phẩm nhau, chê bai nhau, ghen tuông nhau, hẹn hò nhau, bằng những vẻ mặt buồn rầu của những người đi đưa ma.

**Văn bản 2: trích *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp**

Tôi ba mươi bảy tuổi, là kỹ sư, làm việc ở Viện Vật lý. Thủy, vợ tôi, là bác sĩ, làm việc ở bệnh viện sản. Chúng tôi có hai con gái, đứa mười bốn, đứa mười hai. Mẹ tôi lẫn lộn, suốt ngày chỉ ngồi một chỗ.

Ngoài những người trên, gia đình tôi còn có ông Cơ và cô con gái gàn dở của ông. Ông Cơ sáu mươi tuổi, quê Thanh Hóa. Vợ tôi gặp cha con ông khi nhà của họ bị cháy, cơ nghiệp mất sạch. Thấy cha con ông tốt bụng, đáng thương, vợ tôi sắp xếp cho họ ở với chúng tôi. Cha con ông ở dưới nhà ngang, sinh hoạt riêng rẽ nhưng mọi chế độ thì do vợ tôi chu cấp. Không có hộ khẩu, họ không có những tiêu chuẩn lương thực, thực phẩm như những người dân khác trong thành phố. Ông Cơ hiền lành, chịu khó. Thường ông đảm nhiệm việc chăm vườn tược, lợn gà và đàn chó giống. Nhà tôi nuôi chó béc-giê. Tôi cũng không ngờ việc kinh doanh chó lại thu lợi lớn. Khoản thu này trội nhất trong nhà. Cô Lài mặc dầu gàn dở nhưng lại xốc vác và nội trợ giỏi. Vợ tôi dạy cô cách thức nấu bóng, nấu nấm, nấu gà hầm. Cô bảo: “Cháu chẳng ăn thế bao giờ”. Cô không ăn thật. Cả hai vợ chồng và hai con tôi không phải lo toan công việc gia đình. Từ ăn uống, giặt giũ, tất cả giao cho hai người giúp việc. Vợ tôi cầm trịch các khoản chi tiêu. Tôi bận nhiều việc, hiện đang vùi đầu vào công trình ứng dụng điện phân. Cũng cần nói thêm: quan hệ tình cảm của vợ chồng tôi êm thấm. Thủy có học thức, sống theo lối mới. Chúng tôi suy nghĩ độc lập, nhìn nhận vấn đề xã hội tương đối giản dị. Thủy am tường các việc lo liệu kinh tế cũng như dạy dỗ con cái. Còn tôi, hình như tôi khá cổ hủ, đầy bất trắc và thô vụng.

(….)

Cha tôi về đến nhà thì sáu tiếng sau mẹ tôi mất. Ông Cơ và cô Lài nói: “Tại chúng cháu. Chúng cháu ở nhà thì bà không mất”. Vợ tôi bảo: “Nói nhảm”. Cô Lài khóc: “Bà ơi, bà đánh lừa con bà đi! Sao bà không cho con đi hầu bà?”. Ông Bổng cười: “Mày muốn đi hầu bà thì đi, tao cho đóng ván”. Khi liệm mẹ tôi, cha tôi khóc. Ông hỏi ông Bổng: “Sao người bà ấy rút nhanh thế? Người già ai cũng chết khổ như thế này à?”, ông Bổng bảo: “Anh lẩm cẩm. Hôm nào nước mình cũng có hàng nghìn người chết khổ nhục vật vã đau đớn. Mỗi lính tráng các anh, “đòm” phát là sướng”.

Tôi cho bắc rạp, bảo thợ mộc đóng quan tài. Ông Cơ cứ loay hoay bên đống ván vợ tôi cho xẻ hôm trước. Ông thợ mộc quát: “Sợ chúng ông ăn cắp gỗ à?”, ông Bổng hỏi: “Ván mấy phân?” Tôi bảo: “Bốn phân”. Ông Bổng bảo: “Mất mẹ bộ xa lông Ai lại đi đóng quan tài bằng gỗ dổi bao giờ? Bao giờ bốc mộ, cho chú bộ ván”. Cha tôi ngồi âm thầm, trông rất đau đớn. Ông Bổng bảo: “Chị Thủy luộc cho tôi con gà, nấu hộ nồi xôi”. Vợ tôi hỏi: “Mấy cân gạo hả chú?”. Ông Bổng bảo: “Mẹ mày, sao hôm nay cứ ngọt xớt thế? Ba cân”! Vợ tôi bảo tôi: “Họ hàng nhà anh kinh bỏ mẹ”.

Ông Bổng hỏi tôi: “Nhà này ai chủ trì kinh tế?”. Tôi bảo: “Vợ cháu”. Ông Bổng bảo: “Đấy là ngày thường. Tao hỏi đám ma này thì ai chủ trì kinh tế”. Tôi bảo: “Vợ cháu”. Ông Bổng bảo: “Không được con ơi, khác máu tanh lòng. Tao bảo bố mày nhé”. Tôi bảo: “Ông để con”. Ông Bổng bảo: “Đưa tao bốn nghìn, mày định làm bao nhiêu mâm?”. Tôi bảo: “Mười mâm”. Ông Bổng bảo: “Không đủ cho đô tùy rửa ruột. Mày bàn với vợ mày đi. Bốn mươi mâm”. Tôi đưa cho ông bốn nghìn rồi vào nhà. Vợ tôi bảo: “Em nghe hết rồi, em tính ba chục mâm, tám trăm đồng một mâm, ba tám hai tư. Hai tư nghìn, phụ phí sáu nghìn. Việc mua bán em lo. Cỗ giao cho cô Lài. Đừng nghe ông Bổng, lão ấy đểu lắm”. Tôi bảo: “Ông Bổng cầm bốn nghìn rồi”. Vợ tôi bảo: “Buồn anh lắm”. Tôi bảo: “Anh đòi lại nhé”. Vợ tôi bảo: “Thôi, coi như trả công. Lão ấy tốt nhưng nghèo”.

Đêm ấy, tôi thức canh quan tài mẹ tôi, ngẫm nghĩ lan man đủ điều. Cái chết sẽ đến với mỗi chúng ta, chẳng trừ ai cả. Ngoài sân, ông Bổng với mấy bác đô tùy ngồi đánh tam cúc ăn tiền. Khi nào kết tốt đen, ông Bổng lại chạy vào vái quan tài mẹ tôi: “Lạy chị, chị phù hộ cho em để em vét thật nhẵn túi chúng nó”. Cái Mi, cái Vi cũng thức với tôi. Cái Mi hỏi: “Sao chết đi qua đò cũng phải trả tiền? Sao lại cho tiền vào miệng bà?”. Cái Vi bảo: “Đấy có phải ngậm miệng ăn tiền không bố”. Tôi khóc: “Các con không hiểu đâu. Bố cũng không hiểu, đấy là mê tín”. Cái Vi bảo: “Con hiểu đấy. Đời người cần không biết bao nhiêu là tiền. Chết cũng cần”. Tôi thấy cô đơn quá. Các con tôi cũng cô đơn. Cả đám đánh bạc, cả cha tôi nữa.

\* Chú thích:

1. Vũ Trọng Phụng (1912 - 1939) sinh tại Hà Nội, trong một gia đình nghèo ở tỉnh Hưng Yên.

- Sau khi tốt nghiệp tiểu học, Vũ Trọng Phụng đi làm kiếm sống nhưng chẳng được bao lâu thì mất việc. Từ đó, ông sống chật vật bằng nghề viết báo, viết văn chuyên nghiệp.

- Khoảng từ 1937 - 1938, ông mặc bệnh lao nhưng lại không có điều kiện để chữa chạy.

- Đến năm 1939, Vũ Trọng Phụng mất tại Hà Nội.

- Ông được mệnh danh là “ông vua phóng sự đất Bắc.

- *Hạnh phúc của một tang gia* thuộc chương XV của tiểu thuyết Số đỏ. Tiểu thuyết “Số đỏ” được đăng ở “Hà Nội báo” từ số 40 ngày 7 tháng 10 năm 1969 và in thành sách lần đầu năm 1938.

2. Nguyễn Huy Thiêp (1950 – 2021), là nhà văn  đương đại [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) trong địa hạt [kịch](https://vi.wikipedia.org/wiki/K%E1%BB%8Bch), [truyện ngắn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Truy%E1%BB%87n_ng%E1%BA%AFn) và [tiểu thuyết](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%83u_thuy%E1%BA%BFt) với những góc nhìn mới, táo bạo. Ông xuất hiện khá muộn trên văn đàn (1986) nhưng được coi là người đạt đỉnh cao nghệ thuật của truyện ngắn.

 **Truyện ngắn**Tướng về hưu**lần đầu được in trên Báo Văn Nghệ của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1987 là một trong những tác phẩm tiêu biểu khẳng định nghệ thuật đỉnh cao về truyện ngắn của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp và cũng đã được chuyển thể kịch bản dựng thành phim**

**Anh/ chị hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) so sánh hai văn bản trên để làm nổi bật về cách nhìn hiện thực và con người của nhà văn Vũ Trọng Phụng và Nguyễn Huy Thiệp.**

**\* Mở bài**: Giới thiệu hai tác giả, hai tác phẩm, hai đoạn trích

- Giới thiệu về điểm gặp gỡ và khác nhau trong cách tiếp cận hiện thực và xây dựng nhân vật qua hai đoạn trích của hai tác phẩm *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng và *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp

**\* Thân bài**

**- Luận điểm 1: Cảm nhận, phân tích hai đoạn trích**

**a. Đoạn trích *Hạnh phúc của một tang gia***

- Nghệ thuật trào phúng thể hiện ngay trong nhan đề:

+ “Tang gia”: nhà có đám, đáng ra với hoàn cảnh đó, không khí phải tràn ngập nhiều buồn tiếc

+ “Hạnh phúc”: Cảm xúc khi gặp chuyện nhiều niềm vui, đây là cảm xúc đối lập hẳn với hoàn cảnh “tang gia”

=> nhan đề chứa đựng mâu thuẫn trào phúng hàm chứa tiếng cười chua chát, kích thích trí tò mò của người đọc.

- Thể hiện trong niềm vui của những người trong gia đình và ngoài gia đình:

+ Nhà chuyện buồn nhưng mỗi nhân vật trong gia đình đều không giấu nổi niềm vui bởi mình sẽ đạt được mục đích khác nhau

+ Những người ngoài gia đình: Mừng vui vì được khoe mẽ, chim chuột, được xem đám ma to…

- Mâu thuẫn trào phúng xuyên suốt cảnh đám ma: một đám ma rất to, rất đông, được tiến hành rất trọng thể, đúng là một đám ma gương mẫu. Nhưng kỳ thực lại giống một đám hội, đám rước.

- Nhân vật trào phúng

+ Cố Hồng: vui vì được diễn trò già yếu trước mọi người, mơ màng nghĩ mình được mặc áo xô gai, lụ khụ ho khạc mếu máo =>con người háo danh bề ngoài, không hề tiếc thương gì trước cái chết của chính người sinh ra mình

+ Ông Văn Minh: thích thú vì cái chúc thư kia đã đi vào thời kì thực hành chứ không còn trên lý thuyết viễn vông nữa.

+Bà Văn Minh: mừng rỡ vì được lăng xê những mốt y phục táo tạo nhất.

+ Cô Tuyết: Được dịp mặc y phục “ngây thơ” để chứng tỏ mình hãy còn trinh tiết, cô cũng buồn nhưng là “buồn lãng mạn” vì không thấy người tình của mình

+Cậu Tú Tân: sướng điên người lên vì được dịp sử dụng cái máy ảnh đã lâu không có dịp dùng đến

+ Ông Phán: Sung sướng vì không ngờ rằng cái sừng trên đầu mình lại có giá trị.

+ Xuân tóc đỏ: Hạnh phúc đặc biệt vì nhờ hắn mà cụ Tổ chết, danh giá uy tín lại càng to hơn

- Hàng phố: đám ma đi đến đâu huyên náo đến đấy, cả phố nhốn nháo khoe đám ma to, thiên hạ chỉ chu ý vào những kiểu quần áo tang...

=> Bức tranh trào phúng chân thực mang đậm tính hài hước, nhân vật trào phúng thể hiện rõ nét, ai cũng tìm thấy niềm vui trong đám tang đáng lẽ ra nên buồn thương

- Cảnh tượng trào phúng

- Cảnh đưa đám:

+ Chậm chạp và nhốn nháo

+ Các loại kèn ta, Tây , Tàu lố lăng

+ Người đi đám nói chuyện bàn tán

+ Điệp khúc “Đám cứ đi”

- Cảnh hạ huyệt:

+ Cậu Tú bắt mọi người tạo dáng chụp ảnh

+ Cụ cố Hồng: tỏ ra chí hiếu nhưng lại lộ sự giả dối

+ Phán mọc sừng khóc oặt người đi nhưng lại giúi vào tay Xuân tờ 5 đồng rồi lại khóc oặt người đi

=> Càng thể hiện rõ sự “trào phúng” của đoạn trích

=> Đám ma hoành tráng của đại gia đình đại tư sản nhưng lại phô bày được bản chất đại bất hiếu của những con người tự xưng trí thức.

**b. Đoạn trích *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp**

- Phần đông thế giới nhân vật trong Tướng về hưu đều là những con người cô đơn. Mặc dù họ sống trong ngôi biệt thự khá sang trọng với “tam đại đồng đường”, đầy đủ về đời sống vật chất nhưng mỗi con người là một thế giới riêng, không hòa nhập được vào cuộc sống chung của đại gia đình.

- Tướng Thuấn là không mang biểu tượng của một thời oanh liệt, của những năm tháng lặn lội ở chiến trường. Nguyễn Huy Thiệp không miêu tả ông trở về với những huân huy chương, ông trở về có phần xa lạ đối với mọi người trong nhà.  Chỉ trong ba tháng từ ngày về hưu, trở nên lặng thinh, lạc lõng, có điều gì đó nghẹn khuất trong lòng tướng Thuấn và trở thành nỗi nhớ, rồi sau đó là nỗi nhục. Sự cô đơn của tướng Thuấn chưa hẳn là nỗi buồn nhớ một cái gì đã thuộc về quá khứ, ông trở thành cô đơn trong chính ngôi nhà mình.

- Thế giới con người trong bi kịch của Nguyễn Huy Thiệp còn là những toan tính nhỏ nhen ích kỷ của nếp sống thực dụng. Một lối sống phi đạo đức, thiếu nhân tính đã len vào tâm hồn của một bộ phận người mang danh của trí thức, của thời đại mới. Điều này thể hiện chân thực qua cách cắt đặt mọi thứ trong đám tang mẹ chồng của Thủy.

**Luận điểm 2: So sánh**

**- Giống**: Cả hai đoạn trích đều viết về đề tài về sự tha hóa, biến chất của tầng lớp trí thức trong bối cảnh xã hội bon chen, xô bồ trong guồng quay của đồng tiền và danh lợi, địa vị, tình cảnh bê bối, trắng trợn, giả tạo của xã hội, nơi đạo đức con người chạm đến đáy sâu của sự đê tiện và ô uế, nơi giá trị nhân phẩm con người bị chà đạp, bị đồng tiền và những giá trị hào nhoáng vô bổ *“đè đầu cưỡi cổ”*

- **Khác:**

**+** Qua đôi mắt của Vũ Trọng Phụng, con người mang danh *“thượng lưu”*, *“văn minh”* trông thật ô uế, thối tha từ tận sâu trong thâm tâm, trong bản chất, hoàn toàn đánh mất danh dự và nhân phẩm con người, đua chen nhau trên con đường trở thành kẻ dát vàng hào nhoáng của thời đại mới, Âu hóa, hiện đại hóa.

+ Con người của *“Tướng về hưu”* lại *“chết”* trong cái bể ngập ngụa đen tối của tiền tài. Sự thay đổi quá nhanh của hình thái xã hội - từ cơ chế tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường khiến con người cũng điên cuồng lao vào vòng xoáy *“giết người”* của đồng tiền.

**Luận điểm 3: Lí giải sự giống và khác nhau**

**-** Bối cảnh xã hội mà tác phẩm ra đời, *“Số đỏ”* được thai nghén trong thời gian xã hội Việt Nam đang du nhập văn hoá từ phương Tây, trong thời kỳ Pháp thuộc, tầng lớp trí thức thời bấy giờ bon chen chạy theo phong trào tân thời, *“văn minh”*, *“Âu hóa”*. Còn *“Tướng về hưu”* được Nguyễn Huy Thiệp cho ra đời trong bối cảnh chiến tranh đã lùi về quá khứ, xã hội Việt Nam đang thay đổi cơ chế từ tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường, con người trong một xã hội bất ổn như thế cũng trở nên bất an, bất an về tinh thần, phẩm giá, văn hoá và tư tưởng.

- Phong cách cá nhân và đặc trưng thi pháp của từng thời đại văn học cũng quy định nét riêng của tác phẩm.

\* **Kết bài**

+ Khái quát lại vấn đề

+ Nêu lên suy nghĩ của bản thân về vấn đề

**Bài văn mẫu:**

Ví văn chương chân chính như một vò Mao Đài thượng hạng khiến người ta nguyện làm kẻ lãng du say sưa cả đời không nỡ tỉnh. Nếu rượu làm ta quyến luyến bởi hương vị cay nồng khó quên thì văn chương đi vào lòng người bởi những tinh túy chắt lọc mà nhà văn gửi gắm trong tác phẩm. Tùy vào từng thời điểm, từng bối cảnh xã hội và thẩm mỹ cá nhân của từng nghệ sĩ mà nội dung của các tác phẩm sẽ có những gặp gỡ tương đồng và những khác biệt mang dấu ấn riêng, làm nên sức hút bất diệt của văn chương ở mọi thời đại. Ta sẽ tìm thấy điểm sáng của điều này một cách xác đáng thông qua các thiên truyện ngắn, ở đây ta sẽ luận bàn cụ thể đến *“Số đỏ”* - Vũ Trọng Phụng và *“Tướng về hưu”* - Nguyễn Huy Thiệp.

*“Số đỏ”* là tác phẩm sáng giá nhất trong đời văn của *“ông vua phóng sự đất Bắc”* Vũ Trọng Phụng, đăng ở Hà Nội báo từ số 40 ngày 7 tháng 10 năm 1936 và được in thành sách lần đầu vào năm 1938. *“Số đỏ”* thông qua lăng kính góc nhìn từ những nhân vật thuộc tầng lớp trí thức, giàu có và quyền lực đã dè bỉu, nhạo báng một bối cảnh xã hội hỗn loạn, đê tiện đến tột cùng trong giai đoạn những kẻ đội lốt *“thượng lưu”* đua nhau chạy theo trào lưu *“văn minh hóa”*, *“Âu hóa”* xã hội một cách lố lăng, sáo rỗng, hào nhoáng bên ngoài nhưng bên trong thối nát đến tận xương tủy. Nghệ thuật trào phúng của Vũ Trọng Phụng đã chạm đến đỉnh cao khi viết *“Số đỏ”*, đặc biệt là trong trích đoạn *“Hạnh phúc của một tang gia”*. Ở đây, ta bắt gặp sức phê phán mãnh liệt của ngòi bút Vũ Trọng Phụng thông qua cái chết, đám tang của cụ cố tổ. Nhà văn đã dựng lên một màn hài kịch đặc biệt, khắc họa sâu sắc những chân dung biếm họa đem đến cho người đọc những chuỗi cười khinh bỉ trước xã hội nhố nhăng, kệch cỡm đương thời.

Nghệ thuật trào phúng được thể hiện ngay từ cách đặt nhan đề. Tên đầy đủ của đoạn trích *“Hạnh phúc của một tang gia, văn minh nữa cũng nói vào một đám ma gương mẫu”*. Nhan đề giật gân có tính hài hước rõ rệt bởi ngay trong nhan đề đã có những mâu thuẫn. Sự việc được đưa ra là sự việc buồn, đau đớn nhưng nó lại được coi là hạnh phúc, nghĩa là vui và sung sướng. Ngôn từ của nhan đề cũng hết sức hỗn độn, Hán, Nôm pha trộn tùy tiện. Chuyện đưa ra là chuyện hệ trọng mà được coi như là chuyện đùa, chuyện vui. Có thể nói ngay từ nhan đề nhà văn đã gợi cho người đọc nhiều suy ngẫm chính là sự hài hước châm biếm trong nghệ thuật trào phúng của nhà văn.

Vũ Trọng Phụng đã miêu tả đám tang ồn ào, tất bật nhưng không giống với một đám tang thông thường. Không khí không phải đau thương tang tóc như những đám ma bình thường khác mà là không khí hạnh phúc đầy ắp tràn ra không nén nổi bởi cái chết ấy là niềm mong ngóng chờ đợi bao lâu rồi của cả gia đình người chết. Niềm hạnh phúc hiển hiện trong từng hành động lộ ra trên từng khuôn mặt khiến ta phải thốt lên rằng: *“Cái chết kia làm cho người sung sướng lắm! Bọn con cháu vô tâm sung sướng thỏa thích”.* Tác giả còn khái quát *“Tang gia ai cũng vui vẻ cả? Tất cả tưng bừng như ngày hội.”*, *“Người ta tưng bừng đi đưa giấy cáo phó, gọi phường kèn, tất cả sôi nổi khẩn trương chuẩn bị cho đám tang”*... Bao nhiêu sự chuẩn bị và cuối cùng đám tang cũng được tiến hành. Nó diễn ra với đủ các kiểu cách đủ các nghi lễ, hàng trăm người đi đưa, hàng trăm người chụp ảnh lia lịa như ở hội chợ. Có thể nói đây là đám ma tổ chức rất linh đình, rất to, rất trọng thể, *“một đám ma gương mẫu”* khiến cho thành phố nhốn nháo. Âm thanh cũng đủ loại trộn với nhau: kèn ta, kèn Tây, kèn Tàu…. Lẫn với nó là tiếng mỉa mai, bình phẩm của người đưa đám: khen cô này đẹp, than cảnh *“Vợ béo thế, chồng gầy thế thì mọc sừng mất”*. Còn tang phục thì là những bộ mốt nhất, đẹp nhất của hiệu may Âu hóa được lăng xê kịp thời nhờ cái chết của cụ cố tổ, là bộ *“Ngây thơ”* giúp cô Tuyết khẳng định với người đời rằng mình không hư hỏng, thậm chí là *“chưa đánh mất cả chữ trinh”*.

Quả là một đám ma danh giá, sang trọng, một đám ma gương mẫu, một sân khấu hài. Ở đó ta thấy một cảnh bát nháo hỗn độn, pha tạp từ âm thanh đến màu sắc. Tiếng khóc là âm thanh đặc trưng của đám tang nhưng nó cũng hết sức pha tạp và hỗn độn. Có tiếng khóc *“hứt hứt”* của Ông phán mọc sừng, có tiếng *“sụt sịt”* giả vờ của cụ cố Hồng, có tiếng khóc của cụ cố bà…. Cảnh đám tang là cảnh vĩnh biệt một con người nhưng nó lại là chuyện đùa của một gia đình, và đây là mâu thuẫn xuyên suốt toàn bộ đoạn trích.

Vũ Trọng Phụng cũng hết sức thành công trong nghệ thuật dùng từ, tác giả không nói đám tang mà lại nói *“đám cứ đi”*. Cụm từ đó cũng được lặp lại nhiều lần, tính hài hước được ngầm ẩn trong chính ngay ba cái từ cộc lốc đó. Ba từ đó gợi nhiều liên tưởng, suy ngẫm đoán định, nhà văn như giúp người đọc đặt ra một câu hỏi vậy đó là đám gì đây? Lời văn thản nhiên hóm hỉnh chua cay, những lời nhận xét bình luận của tác giả thì vô cùng chua chát. Chuyện sinh ly tử biệt trang trọng lại được diễn tả bằng những từ ngữ đầy vui đùa, nôm na, vui đùa cả lũ người sống và kẻ đã chết. Với khả năng lựa chọn và dùng từ đặc sắc, tác giả đặc biệt thành công trong việc vẽ ra bức tranh đám tang cho người đọc cùng dự.

Nghệ thuật trào phúng của Vũ Trọng Phụng còn thành công trong việc xây dựng những bức chân dung biếm họa. Những người trong gia đình cụ cố Hồng đều vui mừng phấn khởi trong những niềm vui có những lý do và sắc thái khác nhau, vô cùng phong phú và đa dạng. Trong khi con cháu đang nôn nao, sôi sục về tang gia thì cụ cố Hồng nằm trên gác hút thuốc phiện mơ màng hình dung đến lúc được mặc đồ xô gai lụ khụ chống gậy nghe người ta trầm trồ *“Con trai nhớn đã già đến thế kia à”*. Văn Minh chồng thì vui mừng nghĩ tới lúc hưởng gia tài thành hiện thực. Văn Minh vợ - cô Tuyết thì đang hồi hộp để được lăng xê những bộ trang phục mới. Khi đám tang diễn ra cô Tuyết mặc bộ cánh *“Ngây thơ”* lượn lờ mời trầu, mời thuốc với vẻ mặt mơ màng, lãng mạn để *“ban cho những ai có tang được hưởng một chút ít hạnh phúc ở đời”*. Tú Tân sung sướng đến điên người vì được dùng đến những cái máy ảnh mà lâu chưa có dịp được dùng đến. Phán mọc sừng là người sung sướng nhất, ông không ngờ cái sừng từng là nỗi đau, nỗi nhục của mình mà lại đáng giá vài ngàn đồng.

Như vậy từ cụ bà đến con gái, con trai, cháu nội cháu ngoại… không một ai thương tiếc, không một ai nghĩ suy cho người vừa nằm xuống, vừa rời xa gia đình mãi mãi. Tất cả đều vui vẻ, hả hê, sung sướng, họ tổ chức đám ma vì tiền tài danh vọng, vì những mục đích xấu xa, những mối tình vụng trộm, lén lút… một sự giả dối đáng sợ.

Không chỉ những người trong gia đình cụ cố mà cái chết của cụ cũng đem đến hạnh phúc cho bao nhiêu người khác nữa từ Min Đơ, Min Toa, đến bạn bè thân hữu… Họ được dịp để khoe những chiến công lớn lao: trên ngực treo đầy huân chương, huy chương, khoe các kiểu râu ria trên mép,... Đây chính là sự ganh đua nhau theo lối Tây học tráo trở của những lũ trưởng giả. Họ đến đây là để *“chim nhau”*, cười tình với nhau, bình phẩm nhau, hẹn hò nhau. Có thể nói hình ảnh của họ chính là hình ảnh của một xã hội giả dối, lừa lọc đến tột cùng.

Nghệ thuật trào phúng của Vũ Trọng Phụng đạt tới bậc thầy và vô cùng điêu luyện. Tác giả không chỉ tả bề ngoài mà còn làm bản chất của con người trong xã hội hiện lên rõ mồn một. Đám tang cụ cố tổ là một tấn bi kịch, mỗi nhân vật được xem như là một vai hề vừa lố lăng vừa tàn nhẫn. Tất cả tạo nên tiếng cười phê phán mạnh mẽ với xã hội đương thời. Qua đoạn trích tác giả còn muốn gửi tới người đọc một thông điệp: *“Phải loại bỏ tình trạng này, loại bỏ những xã hội giả dối, luân lý đạo đức con người xuống cấp”*.

Cùng viết về tình cảnh bê bối, trắng trợn, giả tạo của xã hội, nơi đạo đức con người chạm đến đáy sâu của sự đê tiện và ô uế, nơi giá trị nhân phẩm con người bị chà đạp, bị đồng tiền và những giá trị hào nhoáng vô bổ *“đè đầu cưỡi cổ”*. Nguyễn Huy Thiệp - nhà văn trưởng thành trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ và đổi mới đất nước, đổi mới đời sống văn học - ngoài việc nhìn thấy những kệch cỡm lố lăng của xã hội, còn tìm thấy những điểm sáng mà Vũ Trọng Phụng cách đó 50 năm chưa tìm thấy được. *“Tướng về hưu”* lần đầu được in trên tuần báo Văn Nghệ số 20/6/1987 của Hội Nhà văn Việt Nam. Nó lập tức trở thành một hiện tượng văn học và được nhà xuất bản Trẻ tuyển chọn in trong tập truyện ngắn với tựa đề *“Tướng về hưu”*. Nhà xuất bản Văn hoá, năm 1989 cũng cho ra một tập gồm 11 truyện lấy tên là *“Những ngọn gió Hua Tát”*... Tuy mới xuất hiện nhưng *“Tướng về hưu”* được xem như một truyện ngắn đỉnh cao trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp.

Vương Trí Nhàn có nhận xét về *“Tướng về hưu”*: *“Nhắc tới anh, người ta nhớ Tướng về hưu gây xôn xao một dạo, bởi cách viết rạch ròi, trần trụi... Bằng một lối kể thâm trầm của một kẻ vừa trải đời, vừa chán đời và không còn những hy vọng dễ dãi vào đời, trong Tướng về hưu, tác giả vẽ ra một khung cảnh ở đó, nếp sống thực dụng lan tràn, trở thành một thói quen; con người lì lợm lâu ngày đến mức mất hết cảm giác về sự lì lợm của chính mình; cái tốt bé nhỏ như một cái gì trớ trêu rơi rớt lại không được việc gì; lương tri vẫn còn trong mỗi người nhưng nó chỉ đủ sức làm cho người ta nghẹn ngào khi phải đối mặt với những cảnh tha hóa, bần cùng...”*. Bi kịch cá nhân con người bắt đầu khi thiếu tướng Nguyễn Thuấn bình lặng trở lại cuộc sống đời thường ở cái tuổi *“cổ lai hy”* khi *“việc lớn trong đời đã làm xong rồi”*. Nhưng tướng Thuấn không được *“thảnh thơi thơ túi rượu bầu”* của Nguyễn Công Trứ mà lại nặng trĩu mối u hoài khi cảm thấy mình như lạc loài trong ngôi nhà của mình. Ông không mang về ánh hào quang của người lính suốt cả đời chinh chiến, không dằn vặt, hoài niệm về chiến tranh như Kiên trong *“Nỗi buồn chiến tranh”* - Bảo Ninh hay nỗi đau dằn xé của Lực trong *“Cỏ Lau”* của Nguyễn Minh Châu khi ngày trở về thì người vợ thân yêu đã có chồng khác. Ông trở về sống bên người những người thân của mình. Thế nhưng tại trong ngôi nhà của mình, ông cảm thấy lạc loài, không hòa nhập được.

 Phần đông thế giới nhân vật trong Tướng về hưu đều là những con người cô đơn. Mặc dù họ sống trong ngôi biệt thự khá sang trọng với *“tam đại đồng đường”*, đầy đủ về đời sống vật chất nhưng mỗi con người là một thế giới riêng, không hòa nhập được vào cuộc sống chung của đại gia đình. Một bà vợ hơn ông sáu tuổi đã bị lú lẫn, một anh con trai là kỹ sư nhưng nhu nhược, cô con dâu bác sĩ phụ sản – con người của chủ nghĩa thực dụng, cùng hai đứa cháu nội lúc nào cũng bận bịu với học ngoại ngữ, học thanh nhạc. Bi kịch cá nhân con người trong *“Tướng về hưu”* – Nguyễn Huy Thiệp chủ yếu là bi kịch con người lý tưởng bình đẳng và sự tha hóa trong nếp sống thực dụng của nền kinh tế thị trường.

Tướng Thuấn là không mang biểu tượng của một thời oanh liệt, của những năm tháng lặn lội ở chiến trường. Nguyễn Huy Thiệp không miêu tả ông trở về với những huân huy chương, ông trở về có phần xa lạ đối với mọi người trong nhà. Sự trở về của ông có phần làm xáo trộn nếp sống của gia đình mà cô con dâu ông điều hành và quản lý. Cái nề nếp vốn đã ổn định, trật tự từ lâu theo lối sống thực dụng bỗng bị khuấy đảo. Trước tiên là khách khứa đến thăm nhiều. Nhưng đối với cô con dâu thì điều đó là *“Không thể thế được”* - lời chào đón của người con dâu khi bố chồng trở về trên chính ngôi nhà của ông. Và cũng chính cô đã nhận ra ngay mặt trái của sự thăm viếng là nhờ vả, là lợi dụng vào thanh danh của viên tướng: *“Đừng mừng... họ chỉ nhờ vả. Cha ạ, cha đừng làm gì quá sức”*. Một cái nhìn tinh tế của đôi mắt thục dụng trong hiện thực cuộc sống mà người tướng già không kịp nhận ra. Có thể ở nơi chiến trường ông đã đi qua những cuộc chiến tranh, con người và con người gắn kết nhau trong tình đồng đội, ít có vụ lợi cá nhân. Nhưng khổ nỗi nơi chiến địa, người ta hy sinh, san sẻ cho nhau từ vật chất lẫn tinh thần, còn cuộc sống xã hội thì khác hẳn. Chén cơm manh áo đời thường, sự ti tiện ích kỷ cá nhân, con người giành giật nhau trong đời sống kinh tế. Ông trở về trong ngỡ ngàng của đứa con trai (dù rằng đã biết trước), trong sự xa lạ của cô con dâu trí thức, nhưng rất thực dụng và cả hai đứa cháu nội gái. Về hưu không theo kịp với nhịp sống hiện đại, ông bị lạc lõng trước cuộc sống bộn bề, phức tạp, nhố nhăng trong một xã hội đang chuyển mình từ cơ chế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường. Câu nói *“Sao tôi cứ như lạc loài”* dường như chứng minh cho nhận định trên. Ánh hào quang duy nhất theo ông là *“Cả ở trong họ, trong làng, tên tuổi của cha tôi cũng được mọi người ngưỡng vọng”*, hay *“Cha là tướng. Về hưu cha vẫn là tướng. Cha chỉ huy. Cha mà làm lính thì sẽ loạn cờ”*. Thế nhưng chính ông cũng thốt lên khi trả lời với ông Cơ (người giúp việc nhà): *“Tôi có tiếng gì mà mang?”* Ông trả lời trong tiếng thở dài nghe có phần ngao ngán. Danh tiếng của một con người, danh tiếng của viên tư lệnh, cả quá khứ vàng son ấy, và ngay cả địa vị người bố trong gia đình vốn có truyền thống Nho học cũng nhạt nhòa trong quyền năng của đồng tiền mà cô con dâu thao túng.

 Một điều đau buồn của con người trong chiến tranh, tướng Thuấn sinh ra trong một gia đình Nho giáo, nhưng bất hạnh thay, khi ông chào đời được ít ngày thì mẹ ông mất. Sống với bà mẹ kế khắc nghiệt với nhiều cay đắng. Năm mười hai tuổi, ông trốn nhà ra đi rồi vào bộ đội, ít khi về nhà. Ngay cả khi lấy vợ trong cuộc hôn nhân không do tình yêu nhưng vẫn đầy trách nhiệm, rồi sinh con, rồi tiếp tục biền biệt trong súng đạn chiến tranh. Hạnh phúc riêng tư nhỏ bé trong những lần thỉnh thoảng ghé về nhà, hay những lá thư đều rất ngắn ngủi, nhưng dưới dòng chữ ấy *“ẩn chứa nhiều tình thương cùng âu lo”*. Việc lớn đã xong trở về vun quén hạnh phúc gia đình trong những ngày còn lại bên cạnh những người thân yêu. Song chính ngay tại ngôi nhà của ông đã xây dựng tám năm trước khi về hưu, ông đăm chiêu khi muốn ở một phòng dưới nhà ngang như người vợ lú lẫn của ông nhưng không được. Ông cũng đã bứt rứt khi cô con dâu sắp xếp cho người mẹ chồng ăn riêng, ở riêng *“tại mẹ lẫn”*. Người phụ nữ mà có lẽ suốt cả đời tần tảo lầm lũi chăm lo gia đình mà suốt đời chỉ là cái bóng nhạt nhẽo. Là vị tướng đầy quyền lực, chỉ huy ngoài mặt trận cả hàng ngàn, vạn người, nhưng chỉ trong gia đình bé nhỏ ấy với mấy người thì ông lại trở nên thụ động, lệ thuộc.

 Chỉ trong ba tháng từ ngày về hưu, trở nên lặng thinh, lạc lõng, có điều gì đó nghẹn khuất trong lòng tướng Thuấn và trở thành nỗi nhớ, rồi sau đó là nỗi nhục. Sự cô đơn của tướng Thuấn chưa hẳn là nỗi buồn nhớ một cái gì đã thuộc về quá khứ, ông trở thành cô đơn trong chính ngôi nhà mình. Viên tướng từng hỏi con trai khi mới về hưu: *“Nghỉ rồi, cha làm gì?”*. Thuần khuyên bố viết hồi ký nhưng ông từ chối, còn Thuỷ gợi ý: *“Cha nuôi vẹt xem”* thì bị ông phản ứng ngay: *“Kiếm tiền à?”*. Hình như đồng tiền không nằm trong suy nghĩ của ông. Nhưng oái oăm thay, đồng tiền đã là lẽ sống của xã hội. Chính vì thế ông không thể chấp nhận việc cô con dâu, một bác sĩ sản khoa hàng ngày đem các nhau thai nhi bỏ đi, cho vào phích đá đem về nấu lên cho chó, cho lợn ăn chóng lớn để bán lấy tiền. Ông đã nhìn thấy những mẫu thai nhi bé xíu, có cả những ngón tay nhỏ hồng hồng trong nồi cám. Đau đớn quá, ông đã bật khóc. Nước mắt của vị tướng về hưu, người đã từng chôn cất ba nghìn người lại bật khóc vì những sinh linh, những hình hài chưa kịp hoàn chỉnh của con người đã trở thành thực phẩm cho loài chó, lợn, và chính loài chó lợn ấy lại nuôi sống con người mang danh phận trí thức. Đúng là bi kịch. Ông đã thốt lên: *“Khốn nạn! Tao không cần sự giàu có này”*. Sự lạnh lùng của nền kinh tế thị trường với thế lực đồng tiền thành tiêu chí đã tạo cho Thủy lạnh lùng đến kinh tởm. Cô bảo ông Cơ: *“Sao không cho vào máy xát?”*. Nguyễn Huy Thiệp đã sử dụng ngôn ngữ đặc quánh để diễn tả thái độ, hành động, suy nghĩ của con người, của sự đen tối, của giá trị đồng tiền. Chả trách khi người vợ ông chết, ông Bổng cạy miệng bà vợ ông cho vào chín đồng tiền chinh Khải Định *“để đi đò”* làm đứa cháu gái mười hai tuổi ngây ngô nói lên những lời đầy triết lý đau xót: *“Đấy có phải ngậm miệng ăn tiền không bố?… Con hiểu đấy. Đời người cần không biết bao nhiêu là tiền. Chết cũng cần”*.

 Thế giới con người trong bi kịch của Nguyễn Huy Thiệp còn là những toan tính nhỏ nhen ích kỷ của nếp sống thực dụng. Một lối sống phi đạo đức, thiếu nhân tính đã len vào tâm hồn của một bộ phận người mang danh của trí thức, của thời đại mới. Ngay cả vấn đề tình yêu, hôn nhân. tướng Thuần đã hụt hẫng biết bao trong ngày cưới của Kim Chi với đứa cháu lưu manh của ông. Cái diễn văn chuẩn bị công phu trong ngày lễ trọng đại của đời người hóa nên thừa thãi, lạc lõng giữa cái bát nháo, ô hợp rất thản nhiên, rất đời của bọn du thủ du thực. Những bài hát Tây - ta lộn xộn như một mớ hổ lốn. Cô cháu dâu là một cô giáo mầm non, con gái ông vụ phó lại sinh sau đám cưới mười ngày. Cô con dâu là bác sĩ sản khoa đã nhận định *“Chuyện ấy là chuyện thường. Bây giờ làm gì còn có trinh nữ. Con làm ở bệnh viện sản con biết”*. *“Chữ trinh đáng giá nghìn vàng”* của cụ Tố Như xem ra không có giá trị với thì hiện tại. Con người sống bằng bản năng, bằng sự thỏa mãn dục vọng, xem thường giá trị đạo lý.

Thiên tiểu thuyết đã cho ta thấy được khoảng cách giữa đời sống hòa bình hậu chiến và sự văn minh, phát triển thực sự của một quốc gia. Bi kịch lạc loài của vị tướng Thuấn cùng niềm cô đơn của nhân vật Thuần trong một xã hội chạy theo lối sống vật chất, thực dụng mà bấy giờ người người cho là tiến bộ đã khiến ta nhận ra một sự thật. Thành quả của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mấy chục năm qua chỉ mới là tiền đề cho sự phát triển chứ không phải là điều kiện chín muồi để cải tạo xã hội cũ và xây dựng cuộc sống mới. Để hoàn thành được mộng lớn của dân tộc, ta còn phải bắt tay vào giải quyết những vấn đề khó khăn và phức tạp hơn rất nhiều, từ việc vứt bỏ cái lạc hậu trong quá khứ, loại trừ mầm mống của sự tha hóa mới nảy sinh đến đưa ra những giải pháp thiết thực để đảm bảo an sinh xã hội và giúp đất nước đi lên một cách bền vững. Đó là một hành trình rất dài và sẽ luôn tiếp diễn, nó đòi hỏi sự chung tay góp sức không những của những thế hệ cha ông xưa mà còn là của lớp người trẻ ngày nay và mãi sau này nữa.

Cùng chọn đề tài về sự tha hóa, biến chất của tầng lớp trí thức trong bối cảnh xã hội bon chen, xô bồ trong guồng quay của đồng tiền và danh lợi, địa vị, ta có thể nhận thấy những gặp gỡ và khác biệt trong cả nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật. Qua đôi mắt của Vũ Trọng Phụng, con người mang danh *“thượng lưu”*, *“văn minh”* trông thật ô uế, thối tha từ tận sâu trong thâm tâm, trong bản chất, hoàn toàn đánh mất danh dự và nhân phẩm con người, đua chen nhau trên con đường trở thành kẻ dát vàng hào nhoáng của thời đại mới, Âu hóa, hiện đại hóa. Sự biến tướng của phong trào văn minh khiến loài người dường như *“tiến hóa ngược”*, quay về với phần *“con”,* phần *“loài”* mà đánh mất phần *“người”* đã gây dựng hàng ngàn năm, trở về với những đam mê thể xác, thỏa mãn tinh thần bằng những trò đê hèn ti tiện, bỏ quên đạo đức và phẩm giá thanh cao lẽ ra nên có ở một lớp người giàu có, bề thế. Trong khi đó, con người của *“Tướng về hưu”* lại *“chết”* trong cái bể ngập ngụa đen tối của tiền tài. Sự thay đổi quá nhanh của hình thái xã hội - từ cơ chế tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường khiến con người cũng điên cuồng lao vào vòng xoáy *“giết người”* của đồng tiền. Con người sẵn sàng làm cả những điều ghê tởm nhất, bất nhân nhất như nấu xác thai nhi bị bỏ rơi để cho chó, cho lợn ăn. Con người ở *“Tướng về hưu”* đem xác thịt của đồng loại để nuôi sống loài súc sinh để rồi lại lấy xác thịt của loài súc sinh ấy để nuôi sống con người. Phẩm giá con người lúc này đặt vào một vòng tròn ngang hàng với loài chó lợn, thật đê hèn xiết bao! Chưa dừng lại ở đó, sự khác biệt còn thể hiện rõ rệt ở phương diện nghệ thuật. Về giọng văn, Vũ Trọng Phụng ở *“Số đỏ”*  vẫn giữ giọng điệu mỉa mai lạnh lùng thường thấy. Dường như đây đã trở thành một nét phong cách mang đậm dấu ấn cá nhân của *“ông vua phóng sự đất Bắc”*, với một chất giọng trào phúng vô cùng nhạo báng, cợt nhả. Mảnh hiện thực đi qua lăng kính và nghệ thuật sử dụng ngôn từ của Vũ Trọng Phụng đã trở nên trần trụi, lố lăng và kệch cỡm đến tột cùng. Trong khi đó, ở Nguyễn Huy Thiệp, ta thấy được một giọng văn nhẹ nhàng, sâu cay hơn, dường như chất chứa trong câu chuyện đó là một bề sâu trải nghiệm, một thái độ suy tư, chiêm nghiệm.

Để hình thành được sự khác biệt đó, cần hội tụ những yếu tố thuộc về các phương diện khác nhau. Đầu tiên là bối cảnh xã hội mà tác phẩm ra đời, *“Số đỏ”* được thai nghén trong thời gian xã hội Việt Nam đang du nhập văn hoá từ phương Tây, trong thời kỳ Pháp thuộc, tầng lớp trí thức thời bấy giờ bon chen chạy theo phong trào tân thời, *“văn minh”*, *“Âu hóa”*. Còn *“Tướng về hưu”* được Nguyễn Huy Thiệp cho ra đời trong bối cảnh chiến tranh đã lùi về quá khứ, xã hội Việt Nam đang thay đổi cơ chế từ tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường, con người trong một xã hội bất ổn như thế cũng trở nên bất an, bất an về tinh thần, phẩm giá, văn hoá và tư tưởng. Phong cách cá nhân và đặc trưng thi pháp của từng thời đại văn học cũng quy định nét riêng của tác phẩm.

Để làm được điều này, nhà văn phải chuẩn bị cho mình một tấm lòng quảng đại, bề dày trải nghiệm, bút pháp mạnh mẽ để lột tả được hiện thực cuộc đời sâu sắc, tròn vẹn. Trong khi đó, bạn đọc cũng cần chuẩn bị một tầm đón đợi đủ chiều sâu để sẵn sàng tiếp nhận, tri âm và đồng sáng tạo với tác giả. Để từ đó nhận diện được dấu ấn cá nhân và những suy tư mà tác giả gửi gắm.

Nếu đã là một vò Mao Đài thì phải mang hương vị nồng đượm đắm say, quyến luyến lòng người, đã là một tác phẩm văn chương chân chính phải có cho mình nét riêng, độc đáo, thẩm thấu được trái tim người đọc, khẳng định sức sống mạnh mẽ dẫu qua bao nhiêu năm tháng băng hoại của thời gian.

**ĐỀ 12**

**Tình mẹ-** Vũ Thị Thu

*Cậu bé nhỏ mời mẹ tham dự buổi họp phụ huynh đầu tiên ở trường tiểu học.*

*Điều cậu sợ đã thành sự thật, mẹ cậu nhận lời. Đây là lần đầu tiên giáo viên chủ nhiệm và bạn bè gặp mẹ cậu nhưng cậu lại rất xấu hổ vì ngoại hình của mẹ mình. Mặc dù bà cũng là một người phụ nữ đẹp nhưng lại có một vết sẹo lớn che gần toàn bộ mặt bên phải. Và cậu bé cũng chưa bao giờ hỏi mẹ tại sao có vết sẹo lớn đến vậy.*

*Vào buổi họp mặt, tất cả mọi người đều ấn tượng bởi sự dịu dàng và vẻ đẹp tự nhiên của người mẹ mặc cho vết sẹo dài, thế nhưng cậu bé vẫn xấu hổ và thu mình vào một góc tránh ánh mắt mọi người*

*Ở đó, cậu bé nghe được mẹ nói chuyện với cô giáo. Cô giáo của cậu hỏi: "Làm sao chị bị vết sẹo lớn như vậy trên mặt?". Người mẹ từ tốn trả lời: "Khi con tôi còn bé, nó đang ở trong phòng thì lửa bốc lên. Mọi người đều sợ không dám vào vì ngọn lửa quá to, và thế là tôi chạy vào. Khi tôi chạy đến chỗ nó, tôi thấy một xà nhà đang rơi xuống, tôi đã vội vàng lấy thân mình che cho cháu. Và rồi tôi ngất xỉu, nhưng thật may đã có một anh lính cứu hỏa vào và cứu cả hai mẹ con tôi."*

*Người mẹ chạm vào vết sẹo nhăn nhúm trên mặt, mỉm cười nói: "Vết sẹo này không chữa được nữa, nhưng cho đến giờ, tôi chưa hề hối tiếc về việc mình đã làm." Nghe đến đây, cậu bé chạy ra khỏi chỗ nấp của mình, nước mắt lưng tròng và ôm chầm lấy mẹ. Cậu bé cảm nhận được tình yêu, sự hy sinh của mẹ dành cho mình, cậu nắm chặt tay mẹ suốt cả ngày hôm đó như không buông.*

**Người mẹ điên-** Vương Hằng Tích

(Hai mươi ba năm trước, cha tôi vì gia cảnh khó khăn đã phải lấy một người đàn bà điên để mong có con nối dõi. Vì quá nghèo khó, sau khi sinh tôi, bà phải đuổi mẹ đi. 5 năm sau, mẹ quay trở về, bà thương hại cho ở lại. Thấy mẹ rách nát, ngu ngơ, tôi bực bội, bởi mẹ đã làm tôi mất thể diện. Tôi chưa bao giờ chủ động nói với mẹ, càng không bao giờ gọi "Mẹ.)

*Tôi vào lớp một, cha được một hộ chuyên nuôi cá làng bên mời đi canh hồ cá, mỗi tháng lương 50 tệ… Nhớ một ngày mùa đông đói rét năm tôi học lớp ba, trời đột ngột đổ mưa, bà nội sai mẹ mang ô cho tôi. Có lẽ trên đường đến trường tôi mẹ đã ngã ì oạch mấy lần, toàn thân trông như con khỉ lấm bùn, mẹ đứng ở ngoài cửa sổ lớp học nhìn tôi cười ngớ ngẩn, miệng còn gọi tôi: "Thụ... ô...".*

*Có mấy đứa bạn tôi cười khúc khích, tôi như ngồi trên bàn chông, oán hận mẹ khủng khiếp, hận mẹ không biết điều, hận mẹ làm tôi xấu hổ, càng hận thằng Hỷ cầm đầu trêu chọc.*

*Trong lúc nó còn đang khoa trương bắt chước mẹ, tôi chộp cái hộp bút trước mặt, đập thật mạnh cho nó một phát, nhưng bị thằng Hỷ tránh được. Nó xông tới bóp cổ tôi, chúng tôi giằng co đánh nhau. Tôi nhỏ con, vốn không phải là đối thủ của nó, bị nó dễ dàng đè xuống đất. Lúc này, chỉ nghe một tiếng "vút" kéo dài từ bên ngoài lớp học, mẹ giống như một đại hiệp "bay" ào vào, một tay tóm cổ thằng Hỷ, đẩy ra tận ngoài cửa lớp. Ai cũng bảo người điên rất khỏe, thật sự đúng là như vậy. Mẹ dùng hai tay nhấc bổng thằng bắt nạt tôi lên trên không trung, nó kinh sợ kêu khóc gọi bố mẹ, một chân béo ị khua khoắng đạp loạn xạ trên không trung. Mẹ không thèm để ý, vứt nó vào ao nước cạnh cổng trường, rồi mặt thản nhiên, mẹ đi ra.*

*Mẹ vì tôi gây ra đại họa, mẹ lại làm như không có việc gì xảy ra. Trước mặt tôi, mẹ lại có vẻ khiếp nhược, nhìn tôi vẻ muốn lấy lòng. Tôi hiểu ra đây là tình yêu của mẹ, dù đầu óc mẹ không tỉnh táo, thì tình yêu của mẹ vẫn tỉnh táo, vì con trai của mẹ bị người ta bắt nạt.*

*Lúc đó tôi không kìm được kêu lên: "Mẹ!" đây là tiếng gọi đầu tiên kể từ khi tôi biết nói. Mẹ sững sờ cả người, nhìn tôi rất lâu, rồi y hệt như một đứa trẻ con, mặt mẹ đỏ hồng lên, cười ngớ ngẩn…*

**Chú thích:**

\*Vũ Thị Thu (sinh năm 1976) là một giáo viên mầm non, tác giả viết truyện mạng người Việt Nam. ***Tình mẹ*** được đăng tải trên các trang mạng như Sống đẹp…

\*Tác giả Vương Hằng Tích sinh ngày 28 tháng 8 năm 1969 trong một gia đình nghèo ở nông thôn tỉnh Hồ Bắc Trung Quốc, nay là Chủ nhiệm Văn phòng Tạp chí “Tình yêu, hôn nhân và gia đình”. Cuối năm 2004, tác giả Vương Hằng Tích cho ra đời truyện ngắn ***Người mẹ điên.*** Tác phẩm đã xuất sắc đoạt giải nhất về “Văn học kính lão” toàn quốc và gây chấn động làng văn học Trung Quốc. Trích đoạn trên chỉ là một phần trong truyện ngắn “Người mẹ điên”

**1. Mở bài:**

+ Giới thiệu hai tác phẩm truyện được xác định là đối tượng của sự so sánh, đánh giá:

Bernard Shaw đã từng nói :“Vũ Trụ có rất nhiều kì quan nhưng kì quan vĩ đại nhất là trái tim người mẹ”, quả đúng là như vậy, một trong những thứ tình cảm thiêng liêng và cao quý nhất trên đời này đó chính là tình mẫu tử. Đó cũng là mạch nguồn cảm hứng không bao giờ vơi cạn của văn chương, nghệ thuật. Trong đó, gây ấn tượng sâu sắc cho người đọc là hai tác phẩm: “Tình mẹ” (Vũ Thị Thu) và “Người mẹ điên” (Vương Hằng Tích)

+ Nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá này: Cùng viết về một chủ đề, song với phong cách nghệ thuật khác nhau, các tác giả đã đem đến cách thể hiện khác nhau với những rung cảm thẩm mĩ riêng cho người đọc.

**2. Thân bài:**

**2.1. Khái quát về nét chung của hai tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học…)**

- Thông tin khái quát VB1:

+ Vũ Thị Thu (sinh năm 1976) là một giáo viên mầm non, tác giả viết truyện mạng người Việt Nam. ***Tình mẹ*** được đăng tải trên các trang mạng như Sống đẹp, Phụ nữ…

+ Truyện có cốt truyện đơn giản, ít nhân vật, dựa trên một tình huống đời thường: đứa con mặc cảm vì người mẹ mang vết sẹo trên mặt, không muốn mẹ đi họp phụ huynh, nhưng rồi lại vỡ lẽ ra lí do của vết sẹo ấy chính là vì cứu sống mình.

- Thông tin khái quát VB2

+Tác giả Vương Hằng Tích sinh ngày 28 tháng 8 năm 1969 trong một gia đình nghèo ở nông thôn tỉnh Hồ Bắc Trung Quốc, nay là Chủ nhiệm Văn phòng Tạp chí “Tình yêu, hôn nhân và gia đình”. Cuối năm 2004, tác giả Vương Hằng Tích cho ra đời truyện ngắn ***Người mẹ điên.*** Tác phẩm đã xuất sắc đoạt giải nhất về “Văn học kính lão” toàn quốc và gây chấn động làng văn học Trung Quốc.

+”Người mẹ điên” kể về cuộc đời cậu bé Thụ từ khi chưa sinh ra cho đến khi trưởng thành, đỗ đại học. Xuyên suốt hành trình ấy là hình bóng của người mẹ điên. Văn bản trên chỉ là một lát cắt nhỏ, nhưng là lát cắt quan trọng nhất, đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời của nhân vật.

+Trích đoạn kể về một tình huống bất ngờ: người mẹ điên đến trường đón con khi trời mưa, chứng kiến con bà bị đánh, bà đã xông vào đánh cho kẻ kia một bài học, bảo vệ người con.

**2.2. Những điểm tương đồng giữa hai tác phẩm truyện và nguyên nhân dẫn đến sự tương đồng ấy**

**\* Về chủ đề:** Cả hai tác phẩm đều viết về tình mẫu tử bao la, sâu sắc cảm động, có thể cảm hóa lòng người, giúp con người vượt lên trên nghịch cảnh éo le, bi thương.

- Cả hai đều xây dựng hình tượng người mẹ có những khiếm khuyết về thể xác hoặc tinh thần, nhưng lại mang tình yêu thương con vô bờ bến, luôn che chở, bảo vệ cho con:

+Trong “Tình mẹ”:

Người mẹ vang vết sẹo trên mặt – xấu xí về ngoại hình, là nỗi hổ thẹn cho đứa con. Nhưng vết sẹo ấy dữ dằn ấy lại là dấu ấn của hành động hi sinh cao đẹp: mẹ đã dùng thân hình che chở cho con trong đám cháy, để giữ cho con được bình an.

Vết sẹo ấy không bao giờ là nỗi đau của mẹ, vì bà không bao giờ hối tiếc. Bà không che đậy nó, và nói về nó một cách bình thản, pha lẫn tự hào: “*"Vết sẹo này không chữa được nữa, nhưng cho đến giờ, tôi chưa hề hối tiếc về việc mình đã làm”* Còn gì đẹp hơn vẻ đẹp của lòng nhân hậu, sự bao dung và đức hi sinh.

+Trong “ Người mẹ điên”

Người mẹ khiếm khuyết về tinh thần: bà bị điên. Một con người mất năng lực nhận thức và làm chủ hành vi. Hình ảnh của bà đi đón con thảm hại biết bao: *Có lẽ trên đường đến trường tôi mẹ đã ngã ì oạch mấy lần, toàn thân trông như con khỉ lấm bùn, mẹ đứng ở ngoài cửa sổ lớp học nhìn tôi cười ngớ ngẩn, miệng còn gọi tôi: "Thụ... ô...".*

Nhưng cũng chính người mẹ ấy, khi thấy con bị đánh, đã xông lên ngay lập tức, không một phút do dự, nhanh và khỏe hết sức để bảo vệ con mình: *Lúc này, chỉ nghe một tiếng "vút" kéo dài từ bên ngoài lớp học, mẹ giống như một đại hiệp "bay" ào vào, một tay tóm cổ thằng Hỷ, đẩy ra tận ngoài cửa lớp. Ai cũng bảo người điên rất khỏe, thật sự đúng là như vậy. Mẹ dùng hai tay nhấc bổng thằng bắt nạt tôi lên trên không trung, nó kinh sợ kêu khóc gọi bố mẹ, một chân béo ị khua khoắng đạp loạn xạ trên không trung. Mẹ không thèm để ý, vứt nó vào ao nước cạnh cổng trường, rồi mặt thản nhiên, mẹ đi ra.*-> một loạt động tác, mạnh mẽ, quyết liệt, nhưng không hề điên, mà xuất phát từ một trái tim hoàn toàn tỉnh táo, từ bản năng yêu thương và bảo vệ của người mẹ.

Người mẹ ấy sau khi xong việc, đối diện với đứa con, lại dịu dàng nhất mực: *Trước mặt tôi, mẹ lại có vẻ khiếp nhược, nhìn tôi vẻ muốn lấy lòng.*Và khi cậu bé Thụ cất tiếng gọi mẹ,  *Mẹ sững sờ cả người, nhìn tôi rất lâu, rồi y hệt như một đứa trẻ con, mặt mẹ đỏ hồng lên, cười ngớ ngẩn.* -> Đoạn văn vô cùng xúc động, cho thấy niềm khát khao cháy bỏng về tình yêu của đứa con ở người mẹ. Giây phút này, bà vỡ òa trong hạnh phúc. NHưng bà vẫn điên “cười ngớ ngẩn”, nhưng đó lại là nụ cười làm rung động lòng người.

-Hai tác phẩm đều cho thấy sức mạnh cảm hóa kì diệu của tình mẫu tử thiêng liêng:

+ Ở Tình mẹ: Đứa trẻ từ chỗ: “*cậu bé vẫn xấu hổ và thu mình vào một góc tránh ánh mắt mọi người”* vì mặc cảm trước gương mặt có vết sẹo xấu xí của mẹ, cuối cùng khi đã hiểu ra nguyên nhân của vết sẹo ấy, cậu đã: *cậu bé chạy ra khỏi chỗ nấp của mình, nước mắt lưng tròng và ôm chầm lấy mẹ. Cậu bé cảm nhận được tình yêu, sự hy sinh của mẹ dành cho mình, cậu nắm chặt tay mẹ suốt cả ngày hôm đó như không buông.*

+ Ở Người mẹ điên: Cậu bé Thụ từ chỗ cảm thấy mất thể diện, không bao giờ gọi mẹ, tức giận, xấu hổ khi bị người khác trêu chọc, thậm chí hận bà: *tôi như ngồi trên bàn chông, oán hận mẹ khủng khiếp, hận mẹ không biết điều, hận mẹ làm tôi xấu hổ* đã lặng đi vì xúc động: *Tôi hiểu ra đây là tình yêu của mẹ, dù đầu óc mẹ không tỉnh táo, thì tình yêu của mẹ vẫn tỉnh táo, vì con trai của mẹ bị người ta bắt nạt. Lúc đó tôi không kìm được kêu lên: "Mẹ!" đây là tiếng gọi đầu tiên kể từ khi tôi biết nói.”* -> Tiếng gọi thiêng liêng, xúc động đã xóa bỏ khoảng cách, để trái tim hai mẹ con xích lại gần nhau.

=>Cả hai cậu bé đều nhờ tình yêu của mẹ để trưởng thành, trở nên nhân ái, bao dung và tình nghĩa hơn. Đó là giây phút hạnh phúc lớn lao, là bước ngoặt của đời người. Nhờ tưới tắm bởi tình mẹ, họ đều trở thành những đứa con, những CON NGƯỜI đúng nghĩa.

**\* Về nghệ thuật:**

-Cả hai tác phẩm đều xây dựng được những tình huống nghịch lí, éo le, bất ngờ và xúc động.

- Ngôn ngữ giản dị, tràn đầy cảm xúc, giọng văn xót xa, trìu mến.

-Ngòi bút miêu tả tâm lí chân thực, tinh tế.

\*Lí giải:

- Sở dĩ có điểm tương đồng như vậy là vì:

+ Cả hai đều viết về cùng một đề tài: tình mẫu tử. Viết về mẹ, luôn xúc động và chan chứa cảm xúc.

*2.3.* **Những điểm khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy.**

\***Về nội dung:** Mỗi tác phẩm đều cho thấy một phương diện riêng của tình mẫu tử:

-“Tình mẹ”: làm nổi bật đức hi sinh, coi hi sinh là thiên chức, là bản năng cảu người mẹ. Nhan sắc đối với người phụ nữ quan trọng nhường nào, nhưng bà vẫn chưa một lần ân hận, cũng không hề xấu hổ. Bởi che chở được con là niềm hạnh phúc viên mãn nhất của mẹ. Bà xấu xí về gương mặt nhưng đẹp đẽ, cao cả về tâm hồn.

-“Người mẹ điên”: lại nhấn mạnh bản năng yêu thương của người mẹ. Cho dù mẹ có điên, có ngớ ngẩn, thì tình yêu vẫn luôn ngự trị trong tâm hồn mẹ, tình yêu của mẹ luôn tỉnh táo. Đó là sự ngời sáng của nhân tính. Đẹp đẽ và xiết bao cảm động.

\***Về nghệ thuật:**

-Tình mẹ: Sử dụng ngôi kể thứ ba, kết hợp linh hoạt điểm nhìn người kể chuyện và điểm nhìn nhân vật; bên trong và bên ngoài. ->Câu chuyện vừa khách quan, diễn tả được tâm lí nhân vật.

-Người mẹ điên: Ngôi kể thứ nhất, chủ yếu điểm nhìn bên trong nhân vật, truyện thấm đẫm chất trữ tình.

**\*Lí giải**: Sự khác biệt ấy chủ yếu là do cái nhìn, vốn sống và phong cách nghệ thuật riêng của từng tác giả.

**2.4.Đánh giá chung về sự tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm**

-Sự tương đồng của hai tác phẩm cho thấy sự gặp gỡ trong suy tư và cảm xúc của con người ở bất kì nơi đâu về tình mẹ: đó luôn là tình cảm xúc động và thiêng liêng nhất. Điều đó, khiến cho độc giả thổn thức và càng thêm trân trọng tình mẫu tử.

-Sự khác biệt cho thấy sự độc đáo riêng của các tác giả khi xử lí cùng một đề tài. Mỗi người bằng kinh nghiệm, vốn sống, điệu tâm hồn riêng đã thể hiện một khám phá riêng, làm giàu hơn, phong phú hơn dòng văn học viết về tình mẫu tử.

**3. Kết bài:**

- **Nêu ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm truyện khi đặt chúng trong tương quan so sánh.**

**- Hoặc: Kết luận chung về giá trị của tác phẩm và gợi mở cách nhìn nhận phù hợp về văn học của một giai đoạn đã qua**

“Tình mẹ” và “Người mẹ điên” thực sự là những tác phẩm thấm đẫm giá trị nhân văn khơi gợi được những xúc cảm thẩm mĩ đáng quý cho người đọc. Điều đó cho thấy được khả năng kì diệu của văn học trong việc đánh thức và lưu giữ, tôn vinh những phần nhân tính đẹp đẽ nhất trong con người như giáo sư Huỳnh Như Phương đã từng viết: “*Từ thực tại đầy rẫy mâu thuẫn, đầy rẫy bất công, đầy rẫy phẫn nộ, rớm máu và quằn quại, văn học dựng xây những bầu trời để nhân tính rợp bay, khai mở những con đường để độc giả đặt bước chân tưởng tượng của mình lên đó và ngoảnh lại mỉm cười bao dung với đời sống bụi bặm*”

**Bài viết tham khảo**

Bernard Shaw đã từng nói :“*Vũ Trụ có rất nhiều kì quan nhưng kì quan vĩ đại nhất là trái tim người mẹ”, quả đúng là như vậy, một trong những thứ tình cảm thiêng liêng và cao quý nhất trên đời này đó chính là tình mẫu tử*.” Đó cũng là mạch nguồn cảm hứng không bao giờ vơi cạn của văn chương, nghệ thuật. Trong đó, gây ấn tượng sâu sắc cho người đọc là hai tác phẩm: “Tình mẹ” (Vũ Thị Thu) và “Người mẹ điên” (Vương Hằng Tích) Cùng viết về một chủ đề, song với phong cách nghệ thuật khác nhau, các tác giả đã đem đến cách thể hiện khác nhau với những rung cảm thẩm mĩ riêng cho người đọc.

Vũ Thị Thu (sinh năm 1976) là một giáo viên mầm non, tác giả viết truyện mạng người Việt Nam. ***Tình mẹ*** được đăng tải trên các trang mạng như Sống đẹp, Phụ nữ…Truyện có cốt truyện đơn giản, ít nhân vật, dựa trên một tình huống đời thường: đứa con mặc cảm vì người mẹ mang vết sẹo trên mặt, không muốn mẹ đi họp phụ huynh, nhưng rồi lại vỡ lẽ ra lí do của vết sẹo ấy chính là vì cứu sống mình. Tác giả Vương Hằng Tích sinh ngày 28 tháng 8 năm 1969 trong một gia đình nghèo ở nông thôn tỉnh Hồ Bắc Trung Quốc, nay là Chủ nhiệm Văn phòng Tạp chí “Tình yêu, hôn nhân và gia đình”. Cuối năm 2004, tác giả Vương Hằng Tích cho ra đời truyện ngắn ***Người mẹ điên.*** Tác phẩm đã xuất sắc đoạt giải nhất về “Văn học kính lão” toàn quốc và gây chấn động làng văn học Trung Quốc. “Người mẹ điên” kể về cuộc đời cậu bé Thụ từ khi chưa sinh ra cho đến khi trưởng thành, đỗ đại học. Xuyên suốt hành trình ấy là hình bóng của người mẹ điên. Văn bản trên chỉ là một lát cắt nhỏ, nhưng là lát cắt quan trọng nhất, đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời của nhân vật. Trích đoạn kể về một tình huống bất ngờ: người mẹ điên đến trường đón con khi trời mưa, chứng kiến con bà bị đánh, bà đã xông vào đánh cho kẻ kia một bài học, bảo vệ người con.

**Về chủ đề, c**ả hai tác phẩm đều viết về tình mẫu tử bao la, sâu sắc cảm động, có thể cảm hóa lòng người, giúp con người vượt lên trên nghịch cảnh éo le, bi thương.

 Cả hai đều xây dựng hình tượng người mẹ có những khiếm khuyết về thể xác hoặc tinh thần, nhưng lại mang tình yêu thương con vô bờ bến, luôn che chở, bảo vệ cho con. “Chi tiết là hạt bụi vàng của tác phẩm”, chi tiết vết sẹo trong “Tình mẹ” là một chi tiết như vậy. Người mẹ vang vết sẹo trên mặt – xấu xí về ngoại hình, là nỗi hổ thẹn cho đứa con. Nhưng vết sẹo ấy dữ dằn ấy lại là dấu ấn của hành động hi sinh cao đẹp: mẹ đã dùng thân hình che chở cho con trong đám cháy, để giữ cho con được bình an. Vết sẹo ấy không bao giờ là nỗi đau của mẹ, vì bà không bao giờ hối tiếc. Bà không che đậy nó, và nói về nó một cách bình thản, pha lẫn tự hào: “*"Vết sẹo này không chữa được nữa, nhưng cho đến giờ, tôi chưa hề hối tiếc về việc mình đã làm”* Còn gì đẹp hơn vẻ đẹp của lòng nhân hậu, sự bao dung và đức hi sinh. Trong “ Người mẹ điên”, tác giả lại thành công xây dựng được một tình huống độc đáo, đắt giá, giống như một thứ nước rửa ảnh làm lộ ra hình sắc sự vật. Đó là tình huống người mẹ “nổi điên” khi con bị xâm phạm. Điên mà tỉnh, tỉnh mà vẫn điên. Văn học đôi khi đi giữa những ranh giới đó để làm hiển lộ những vẻ đẹp chói ngời của nhân tính. Người mẹ khiếm khuyết về tinh thần: bà bị điên. Một con người mất năng lực nhận thức và làm chủ hành vi. Hình ảnh của bà đi đón con thảm hại biết bao: *Có lẽ trên đường đến trường tôi mẹ đã ngã ì oạch mấy lần, toàn thân trông như con khỉ lấm bùn, mẹ đứng ở ngoài cửa sổ lớp học nhìn tôi cười ngớ ngẩn, miệng còn gọi tôi: "Thụ... ô...".*Nhưng cũng chính người mẹ ấy, khi thấy con bị đánh, đã xông lên ngay lập tức, không một phút do dự, nhanh và khỏe hết sức để bảo vệ con mình: *Lúc này, chỉ nghe một tiếng "vút" kéo dài từ bên ngoài lớp học, mẹ giống như một đại hiệp "bay" ào vào, một tay tóm cổ thằng Hỷ, đẩy ra tận ngoài cửa lớp… dùng hai tay nhấc bổng … vứt nó vào ao nước cạnh cổng trường, rồi mặt thản nhiên, mẹ đi ra.*-một loạt động tác, mạnh mẽ, quyết liệt, nhưng không hề điên, mà xuất phát từ một trái tim hoàn toàn tỉnh táo, từ bản năng yêu thương và bảo vệ của người mẹ. Người mẹ ấy sau khi xong việc, đối diện với đứa con, lại dịu dàng nhất mực: *Trước mặt tôi, mẹ lại có vẻ khiếp nhược, nhìn tôi vẻ muốn lấy lòng.*Và khi cậu bé Thụ cất tiếng gọi mẹ,  *Mẹ sững sờ cả người, nhìn tôi rất lâu, rồi y hệt như một đứa trẻ con, mặt mẹ đỏ hồng lên, cười ngớ ngẩn.* Đoạn văn vô cùng xúc động, cho thấy niềm khát khao cháy bỏng về tình yêu của đứa con ở người mẹ. Giây phút này, bà vỡ òa trong hạnh phúc. NHưng bà vẫn điên “cười ngớ ngẩn”, nhưng đó lại là nụ cười làm rung động lòng người.

Hai tác phẩm đều cho thấy sức mạnh cảm hóa kì diệu của tình mẫu tử thiêng liêng. Ở Tình mẹ: Đứa trẻ từ chỗ: “*cậu bé vẫn xấu hổ và thu mình vào một góc tránh ánh mắt mọi người”* vì mặc cảm trước gương mặt có vết sẹo xấu xí của mẹ, cuối cùng khi đã hiểu ra nguyên nhân của vết sẹo ấy, cậu đã: *cậu bé chạy ra khỏi chỗ nấp của mình, nước mắt lưng tròng và ôm chầm lấy mẹ. Cậu bé cảm nhận được tình yêu, sự hy sinh của mẹ dành cho mình, cậu nắm chặt tay mẹ suốt cả ngày hôm đó như không buông.* Ở Người mẹ điên: Cậu bé Thụ từ chỗ cảm thấy mất thể diện, không bao giờ gọi mẹ, tức giận, xấu hổ khi bị người khác trêu chọc, thậm chí hận bà: *tôi như ngồi trên bàn chông, oán hận mẹ khủng khiếp, hận mẹ không biết điều, hận mẹ làm tôi xấu hổ* đã lặng đi vì xúc động: *Tôi hiểu ra đây là tình yêu của mẹ, dù đầu óc mẹ không tỉnh táo, thì tình yêu của mẹ vẫn tỉnh táo, vì con trai của mẹ bị người ta bắt nạt. Lúc đó tôi không kìm được kêu lên: "Mẹ!" đây là tiếng gọi đầu tiên kể từ khi tôi biết nói.”* Tiếng gọi thiêng liêng, xúc động đã xóa bỏ khoảng cách, để trái tim hai mẹ con xích lại gần nhau. Cả hai cậu bé đều nhờ tình yêu của mẹ để trưởng thành, trở nên nhân ái, bao dung và tình nghĩa hơn. Đó là giây phút hạnh phúc lớn lao, là bước ngoặt của đời người. Nhờ tưới tắm bởi tình mẹ, họ đều trở thành những đứa con, những CON NGƯỜI đúng nghĩa.

**Về nghệ thuật, c**ả hai tác phẩm đều xây dựng được những tình huống nghịch lí, éo le, bất ngờ và xúc động. Ngôn ngữ giản dị, tràn đầy cảm xúc, giọng văn xót xa, trìu mến. Ngòi bút miêu tả tâm lí chân thực, tinh tế. Sở dĩ có điểm tương đồng như vậy là vì: Cả hai đều viết về cùng một đề tài: tình mẫu tử. Viết về mẹ, luôn xúc động và chan chứa cảm xúc.

Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo: “*“Nếu tác giả không có lối đi riêng thì người đó không bao giờ là nhà văn cả…Nếu anh không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ”* (Sê khốp). Mỗi tác phẩm trên cũng vậy, đều cho thấy một phương diện riêng của tình mẫu tử. Ở “Tình mẹ”: làm nổi bật đức hi sinh, coi hi sinh là thiên chức, là bản năng cảu người mẹ. Nhan sắc đối với người phụ nữ quan trọng nhường nào, nhưng bà vẫn chưa một lần ân hận, cũng không hề xấu hổ. Bởi che chở được con là niềm hạnh phúc viên mãn nhất của mẹ. Bà xấu xí về gương mặt nhưng đẹp đẽ, cao cả về tâm hồn. **Ở** “Người mẹ điên” lại nhấn mạnh bản năng yêu thương của người mẹ. Cho dù mẹ có điên, có ngớ ngẩn, thì tình yêu vẫn luôn ngự trị trong tâm hồn mẹ, tình yêu của mẹ luôn tỉnh táo. Đó là sự ngời sáng của nhân tính. Đẹp đẽ và xiết bao cảm động. **Về nghệ thuật,** *Tình mẹ* **s**ử dụng ngôi kể thứ ba, kết hợp linh hoạt điểm nhìn người kể chuyện và điểm nhìn nhân vật; bên trong và bên ngoài. ->Câu chuyện vừa khách quan, diễn tả được tâm lí nhân vật. *Người mẹ điên* lại được kể từ ngôi kể thứ nhất, chủ yếu điểm nhìn bên trong nhân vật, truyện thấm đẫm chất trữ tình. Sự khác biệt ấy chủ yếu là do cái nhìn, vốn sống và phong cách nghệ thuật riêng của từng tác giả.

Sự tương đồng của hai tác phẩm cho thấy sự gặp gỡ trong suy tư và cảm xúc của con người ở bất kì nơi đâu về tình mẹ: đó luôn là tình cảm xúc động và thiêng liêng nhất. Điều đó, khiến cho độc giả thổn thức và càng thêm trân trọng tình mẫu tử. Sự khác biệt cho thấy sự độc đáo riêng của các tác giả khi xử lí cùng một đề tài. Mỗi người bằng kinh nghiệm, vốn sống, điệu tâm hồn riêng đã thể hiện một khám phá riêng, làm giàu hơn, phong phú hơn dòng văn học viết về tình mẫu tử.

“Tình mẹ” và “Người mẹ điên” thực sự là những tác phẩm thấm đẫm giá trị nhân văn khơi gợi được những xúc cảm thẩm mĩ đáng quý cho người đọc. Điều đó cho thấy được khả năng kì diệu của văn học trong việc đánh thức và lưu giữ, tôn vinh những phần nhân tính đẹp đẽ nhất trong con người như giáo sư Huỳnh Như Phương đã từng viết: “*Từ thực tại đầy rẫy mâu thuẫn, đầy rẫy bất công, đầy rẫy phẫn nộ, rớm máu và quằn quại, văn học dựng xây những bầu trời để nhân tính rợp bay, khai mở những con đường để độc giả đặt bước chân tưởng tượng của mình lên đó và ngoảnh lại mỉm cười bao dung với đời sống bụi bặm*”

1. *Ngan ngát:* (mùi thơm) lan tỏa và bay xa. [↑](#footnote-ref-1)